

BÊN ĐỜI

NHIỀU TÁC GIẢ

tập truyện ngắn



SỞ HỮU BẢN
QUYỀN **vh**

Mục lục

[Xanh Xanh Miền Nhớ - Võ Thu Hương](#)
[Ông Ba Rạch Đùng - Dương Đức Khánh](#)
[Thần Mặt Trời Của Rừng - Chu Việt Nga](#)
[Chuyện Nhỏ Trong Chiến Tranh - Trần Thanh Hà](#)
[Mùa Cá - Trần Thanh Hà](#)
[Người Đàn Ông Của Tôi - Lê Thị Bích Hồng](#)
[Những Buổi Chiều Tháng Bảy - Vũ Minh Nguyệt](#)
[Mảnh Vườn Xưa Yêu Dấu - Vũ Minh Nguyệt](#)
[Thuyền Nan - Trầm Hương](#)
[Hoa Mít Vườn Xưa - Trầm Hương](#)
[Người Ở Mom Sông - Trầm Hương](#)
[Tháng Ba Hoa Xoan Nở - Châu La Việt](#)
[Bên Dòng Sông Hiếu - Đặng Nguyên Sơn](#)
[Mẹ Chồng Tôi - Đặng Nguyên Sơn](#)
[Nhà Phải Có Đàn Ông - Lê Ngọc Minh](#)
[Mùa Mắc Mật - Bùi Thị Như Lan](#)
[Dòng Sông Tuổi Thơ - Trần Đức Tĩnh](#)
[Điểm Tựa Đau Thương - Bảo Thương](#)
[Hương Ổi - Trần Thanh Cảnh](#)

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Xanh Xanh Miền Nhớ - Võ Thu Hương

Lại một mùa mưa.

Bốn bề ướt sũng, trái cây rụng bồm bộp trên mái nhà và tiếng côn trùng i uôm bài ca tẻ ngắt khàn đặc của ca sĩ cuối mùa. Chị tần ngần nhìn ngọn lửa vừa nhóm lên, nhớ những ngày còn thơ bé. Lúc là ngồi đợi củ khoai nướng thơm phức, khúc mía lùì ngọt lịm mẹ cho. Lúc mê mẩn nghe bà kể chuyện cổ tích và tưởng tượng có một kinh thành lung linh bên ngọn lửa. Chị tưởng như vị ấm áp của những tháng năm đã xa lan tỏa trong không gian. Tiếng gà trưa nháy ồ đột ngột làm chị giật mình. Ngoài sân, mưa bong bóng vỡ. Mịt mù những bong bóng mây sầm sì từng vệt dày đặc trên trời, mưa chắc sẽ còn lâu lắm.

Chị lại lenlén cười khi nghĩ lại lúc tình cờ gặp anh lúc chuẩn bị dọn hàng lên xe ra chợ. Đang gom số trái cây còn sót lại thì anh ghé. Không ra dáng người mua hàng, anh hỏi thăm đường về cù lao Ngọt. Chị tần ngần. Nhìn anh mang dáng vẻ mệt mỏi của những ngày đi từ xa đến. Giọng miền Trung nghe nặng nặng thương thương mà có phần rần rỏi. Chị dè dặt mời anh lên đi chung chuyến xe thổ mộ, dù gì cũng về chung đường. Nét mặt anh thoáng giãn ra, rồi trở lại trầm ngâm. Ở anh có một cái gì đó rất khó nắm bắt, không hiểu sao chị thấy gần gũi và tin tưởng ngay từ những ánh nhìn đầu tiên.

Anh hỏi thăm về một người tên Tính. Phải khựng ra một lúc, chị nhớ ra không phải ai xa lạ mà chính là bác Bảy. Nhà bác có vườn trái cây to nhất vùng, nổi tiếng ở cù lao, đã dăm bảy lần chị ghé vô mua hàng. Xe dừng, chị nhiệt tình dẫn đường anh vào rồi hối hả đi. Như sự nhớ ra điều

gì, chị ngoái lại. Nhìn từ sau, chị ngờ ngợ một nét gì đó như thể rất quen từ anh. Bất chợt anh quay lại, chị nhìn lảng đi nơi khác. Trước giờ chị chưa nhìn lâu người con trai nào, như thế sợ bị nghĩ là dạn quá. Anh gọi với theo:

- Cô ơi, tôi muốn hỏi... Ông ấy có vợ con chứ?

- Ờ, ba đứa con. Bác Bảy gái là giáo viên trường làng này. Con cái đi học hết trên huyện.

- Phiền cô... chỉ giúp tôi chỗ nào có thể nghỉ lại một hôm, được không? Nhà trọ hay nhà khách gì cũng được.

Khẽ nhú mày, chị bối rối. Khái niệm ấy còn xa lạ với vùng quê này. Chợt lúng túng, anh thanh minh:

- Tôi nghĩ là đã nhầm nhà. Sáng mai, tôi sẽ về, trời bây giờ lại sắp mưa.

Mưa dần nặng hạt. Chị bần khoản một lát, rồi dè dặt:

- Hay là... anh về nhà tui!

- Tôi có làm chị ngại không?

Chị lặng im rồi khẽ lắc đầu thật vội.

Khuya. Càng khuya bỗng dưng càng lo ngại. Từ khi ba má chị lên phố, nhà vắng hơi người quá thế, quần quanh bóng chị vào ra với mình. Vì một vẻ ấm áp yêu thương, một niềm tin trong đôi mắt ấy mà chị không nỡ từ chối. Để khi đối diện với bóng đêm, chị lại bần khoản. Dẫn một người đàn ông về nhà, liệu anh có coi thường chị? Bên ngoài, tiếng trở mình thật khẽ rồi tiếng thở dài giấu mãi bỗng vụt ra. Đêm đặc quá nên những âm

thanh nào nề kia kéo chùng cả không gian. Chị nén tiếng thở dài, rồi bất chợt cũng đánh rơi ra khỏi lồng ngực. Giọng anh trầm ấm:

- Chị không ngủ được hả?

Lặng một lúc lâu. Anh khẽ: “xin lỗi”. Chị vội vã: “Không”. Rồi trở mình, giọng chị chợt nhỏ đi:

- Lâu lắm rồi nhà không có ai ghé! Sao anh không ghé vào nhà bác Bảy, tôi biết, anh không nhầm nhà.

Đáp lại câu hỏi chị là khoảng không yên lặng. Tiếng côn trùng thi thoảng rúc lên từ đất thẳm. Rồi lộp bộp mưa, gió đập những cành dừa lên mái nhà, dào dạt gió. Một lúc, anh đánh trống lảng: “Nhà dột rồi, để mai tôi sửa lại”. Chị tự trách mình nhiều chuyện rồi khe khẽ à ời câu vọng cổ dụ mình vào giấc ngủ. Từ khi chỉ một mình, chị có thói quen tự ru như vậy trong những đêm khó ngủ, để bớt thấy đơn côi. Nhưng suốt đêm ấy, chị không chợp mắt lấy được một chút, chị nằm như đếm tiếng thở dài và trở mình của anh lọt qua vách.

Buổi sáng, trời ngớt mưa, hừng nắng. Mưa ngớt đôi chút, anh leo lên gốc mận bên hông nhà, sửa lại mái. Nhà chỉ một người con gái nên đến cái thang cũng không có. Chị cời than, ủ nồi cơm cho chín nóng rồi ra cửa đứng nhìn. Trời nhợt nhạt một màu mây xám, báo hiệu những cơn mưa nối tiếp cơn mưa. Mảnh sân đầy hoa dừa, trái mận non rụng một màu trắng dịu trên nền đất nhờ nhờ những vũng nước đọng. Chị lắc đầu, xoa mái tóc dài đen mượt. Đan tay vào mái tóc, thấy bàn tay mình chợt trống trải khi chưa từng có bàn tay ai đan vào. Cái cảm giác ấy, ô hay! đã bao giờ có ở chị đâu. Chị cảm giác lạnh lẽo, thấy bếp lửa ấm nồng hơn, chị quay vào. Phải chăng vì lâu quá rồi mới đỏ bếp nấu một bữa cơm cho hai người.

Chị không biết anh vào từ lúc nào, vẫn ánh mắt ấm nồng, anh chọch chị:

- Nhìn từ trên mái xuống có thể nhìn thấy hết căn nhà, cô không sợ trộm rình mò sao, cô ở đây một mình à?

Chị gật đầu xác nhận:

- Chỉ khi nội tôi mất đi, ba má và hai đứa em ra phố, thỉnh thoảng ghé lại. Dạo này họ chuyển hẳn lên phố, cũng ít khi về được. Một mình cũng phải quen, đã ở từ lúc sinh ra, tôi không thể xa nơi này.

Chị bật cười, nhớ lại cái lần chị dọn đồ lên phố khi hết tang nội. Mùi chần nệm và những bông hồng kiêu sa cắm trong phòng kín không át được vị trống trải. Chị nhớ mùi thoang thoang hương dứa, hương cau, mùi ngọt nồng của gốc hoàng lan phía đầu ngõ; và cả mùi nồng hăng của đất bùn từ khúc sông đầy ăm ắp phù sa phía sau nhà. Không đầy ba ngày, chị nhớ khúc sông ấy, mảnh sân nhà và những gốc cây quen thuộc đến phát cuồng. Chị vội vã rời phố.

Từ xa, cây bò cạp vàng cổ thụ với cái dáng nghiêng nghiêng tần tảo tỏa rợp hoa vàng cả bến sông. Chỉ nhìn thấy dáng cây ấy, chị như thấy dáng nội lam lũ, dáng những người thôn quê tần tảo ruộng vườn. Chị bật khóc và hiểu sẽ không thể rời xa nơi này. Như duyên nợ tiền kiếp, chốn ấy đã in vào lòng chị.

Những cơn mưa nín chân anh ở lại. Không hiểu sao tận trong lòng, chị không muốn anh ra đi. Chỉ một thời gian ngắn, chị thấy anh như người trong nhà vậy. Anh kể cho chị nghe về miền Trung, nơi chưa bao giờ chị đến. Là dòng sông Lam xanh vắng vẻ, núi Hồng chín mươi chín ngọn và huyền thoại đôi trai gái yêu nhau bị cấm đoán vì lời nguyên rạch giới hai vùng. Họ nguyện thề và mong thoát sang kiếp khác để bên nhau mãi mãi. Bao năm rồi, dòng sông như áng tóc mượt dài, xanh dịu vợi ôm vòng quanh ngực núi, căng phồng sức trẻ. Câu chuyện muôn đời ở đâu trên mặt đất này đều có thể thân quen như thế mà sao nghe nhói một niềm riêng.

Những lúc rảnh, anh tước lá dừa bên thềm nhà, tết tặng chị những con thú dễ thương, con châu chấu đuôi dài, chú dế ngóc cao cái đầu tròn như vênh vang ra mặt, những cánh hạc bay mềm... Cả cái xe đạp, giỏ mây... vật nào cũng rất khéo, trông xinh và sinh động hẳn căn nhà.

Trời đã ngớt mưa từ ban trưa. Không ai muốn nhắc nhau rằng mưa đã ngớt. Những tia nắng hừng lên, len vào cửa sổ như trêu người. Chiều xuống, phía khúc sông sau nhà, chị bật khóc. Lần đầu, chị biết đến nỗi cô đơn khi bên cạnh một người. Những đám lục bình hợp rồi tan. Cớ chi phải hợp để thấy nỗi chia xa?

Bàn tay khẽ đặt lên và nắm chặt bờ vai chị. Chị không quay lại. Chị nước nở.

- Đừng khóc... Anh sẽ trở lại thăm em.

Anh đặt lên chị một nụ hôn. Nụ hôn đầu tiên trong cuộc đời chị. Chị dựa vào vai anh tin tưởng. Anh nhẹ đan tay vào tóc. Lần đầu, mái tóc chị biết đến bàn tay đàn ông. Để rồi ngày mai, còn trống trải hơn cả khi chưa từng biết.

*

* *

- Rồi hai người không gặp lại nhau hả bà?

Đứa cháu gái sau khi nghe kể câu chuyện dài về kỷ niệm nụ hôn đầu của bà nội, bỗng thắc thỏm hỏi. Tay cô bé nâng niu những con thú xác xơ và nâu khảm với một vẻ yêu thương. Nó chăm chú nhìn ngón tay bà gân guốc với mảnh lá dừa kết hình con hạc.

- Một lần, khi ông Bảy ốm nặng... Con người ta, ruột rà máu mủ bao giờ cũng có linh tính. Lần đó, bà mới biết ông ấy là con ông Bảy. Ông Bảy

không biết mình có một đứa con trong lần tập kết ra Bắc. Cha con nhận mặt nhau không đầy một tháng, chỉ suốt ngày kề cận chăm nom bên giường bệnh.

... Rồi ông Bảy mất, đất vườn này không níu nổi chân người ấy. Dù mùa mưa, sông vẫn đỏ nặng lòng phù sa. Suốt ngày, anh chỉ ngồi trầm ngâm, lặng im đốt thuốc. Chỉ nhìn bộ dạng anh, chị đoán chắc anh suy nghĩ hung lắm mà không dám hỏi. Con người ấy, kể cũng lạ, lúc không muốn nói thì chẳng cách nào có thể đoán biết chút nỗi niềm gì... Anh lại đi với lời hẹn: "Anh sẽ quay lại". Cô gái biết, chẳng thể níu kéo, biết trước mắt lại là những ngày chờ đợi, nhớ nhung và hy vọng anh trở lại... Trước ngày anh ra đi, cô đã trở thành đàn bà. Hôm ấy trời trong, trăng sáng lắm. Ánh trăng tinh nghịch tràn qua ô cửa sổ nhỏ xiu, ngọt dịu. Nhiều đêm trăng sáng nhiều năm sau đó, đối diện ánh trăng, chị lại xốn xang, gầy hao, mất ngủ, nhớ mùi mồ hôi nồng nồng, mùi khói thuốc hăng hăng tràn trong đêm trăng.

Chị lành như cục đất quê, mỏng mảnh như lá dừa non mới nhú. Có lẽ vì thế mà sau chín tháng mười ngày và bao nhiêu năm nuôi con một mình mà không ai nói gì. Con của chị lớn lên như con chung của cả xóm. Đã có vài cơ hội đi bước nữa, nhưng chị lần lữa né tránh, bởi vẫn mong đợi một ngày anh về. Chị vẫn tin chắc một ngày anh về. Nhiều năm chờ đợi, những hôm gió chướng, ủa về dào dạt vườn dừa, chị lại thắc thỏm dắt con ra ngóng, lại quay vào nhà khi chắc mẫm chỉ là tiếng lá trêu đùa vô ý.

Đứa cháu gái búi ngùi năm bờ vai gầy xương của bà. Nó xót ruột khi hình dung, tình yêu duy nhất trong đời của bà gần gũi đến vậy. Bà lão thở dài: "Âu cũng là số trời".

Khúc sông sau nhà thao thiết chảy. Hương phù sa hoang hoải buồn. Nó bồn thần trước những bọc lá dừa kết đủ hình, đủ con hong nơi góc bếp, chỉ còn những hình thù cong queo, co nhúm, màu nâu nhợt nhạt. Bà nó đã từng xếp thật nhiều, đã cất giữ bấy nhiêu lâu mà người cũng không trở lại.

Nó bất chợt nhớ câu chuyện về nghìn con hạc mà người con gái xếp để đạt ước nguyện trong câu chuyện cổ tích. Có ước nguyện nào không trong đời thực, khi ngày đã qua, tháng đã qua, năm đã qua... xa lắm. Hay là nỗi nhớ chắt chiu trong những cánh chuồn, cánh hạc để đến một lúc nào đó bỗng hoá quen thân như một phần trong cuộc sống vậy.

Chập chờn giấc ngủ của nó hôm đó, bóng cây bò cạp vàng đổ dài trên bến sông, nghiêng nghiêng dáng bà nội tần tảo đứng chờ sau mỗi buổi tan chợ. Rồi ngày kia, bóng cây đơn côi, bến sông trưa không ai đứng ngóng.

Một lần, người đàn ông năm xưa trở lại, dáng khổ hạnh và răn rỏi sau những ngày lam lũ mưu sinh. Nhưng anh chỉ có thể tần ngần đứng trước ngõ, khi lối vào nhà dường như đã khác, lại nghe tiếng ru con dịu dàng của người mình yêu: “Àu ơ... ví dầu...”. Anh đành quay đi, lòng quẫn quẫn, cũng chẳng thể trách ai ngoài tự trách mình mê mãi quá. Thấm thoát ba năm bay vèo như chiếc lá, chắc là người con gái không thể chờ nữa. Anh không biết, đêm đêm, bóng đổ dài trên vách, cô tỉ mỉ kết lá dừa với những nỗi niềm riêng.

Nó nhờ bà kết những hình thú đưa về phố. Trong căn phòng đầy sắc màu, màu xanh sẫm của lá dừa tươi như những nốt trầm yêu thương trong bản nhạc tình yêu. Cánh hạc mềm, chú dế với cái đầu tròn hãnh diện như muốn ca khúc hát muôn thuở của mình... Những con thú lá dừa lung linh... Khúc sông đầy phù sa và bóng bò cạp vàng che rợp màu xanh mát long lanh...

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Ông Ba Rạch Đùng - Dương Đức Khánh

Lão Ba lúc sinh thời thường hay kể, thuở ông già tía với ông nội lão tới khai khẩn đất đầu tiên ở cái xứ khi ho này lão còn ở trường tổng ngồng. Tròng cái áo bằng bao bố tời lút đầu gối, ngồi bó rọ trên chiếc ghe tam bản dòm đĩa lội lền như bánh canh dưới con rạch đục ngầu. Đêm ngủ trên chòi còn nghe sấu nổi lên quấy ùng ùng... Rồi sau này thành xóm thành làng có cái tên Rạch Đùng. Rồi không biết từ hồi nào, ai đó cắc có gắn vô cái tách khí ùng ùng như lửa của lão, thành tên gọi tới giờ.

Lão qua đời nay, đã hơn chục năm. Hồi giờ, bàn thờ lão chỉ thấy gọn hơ cái bát nhang với tấm bài vị thầy cúng viết bằng mực tàu. Dân ruộng rẫy quê mùa lớp lão hồi đó cả đời mới có dịp chụp hình (có người còn kêu “chớp bóng”) được một vài lần, đó là lúc đi mần thẻ căn cước. Cho nên, cái “thẻ bọc nhựa” của ai rủi ro hư hỏng thất lạc thì tới lúc mần phần nhắm mắt, cháu chắt đời sau chẳng biết chi mặt mũi ông bà.

Vậy mà mới hôm rày, con cháu lão được dịp mừng húm như cha ông mình tự dựng đội mả sống lại!

Số là bữa đó, có mấy ông cán bộ xã đi bằng tắc ráng vỏ lãi vô ấp lặn lội hỏi tìm nhà ông Ba Rạch Đùng. Ngôi nhà vách ván tênh toàng ọp ẹp dựng trên nền cũ bằng gạch tàu, còn những tán đá vuông lõm tròn kê chân cột của loại nhà xưa. Bên chái đầu trên thấy còn đồng ngói vụn lẫn trong đất và cỏ. Hiện anh Hai Lúng, con trai một của ông Ba đang ở thờ phượng cha mình. Đoàn dẫn theo một ông người Mỹ biết nói tiếng Việt lơ lớ, xưng tên là Rai Xơn. Theo ông Tám xã đội giới thiệu, hồi chiến tranh ông Mỹ đây đã từng đóng quân dài ngày ở Rạch Đùng này. Mấy chục năm nay giờ

trở lại thăm. Và đặc biệt là còn lưu giữ một bức ảnh về ông già Ba gần bốn chục năm về trước, nay muốn gửi tặng lại gia đình. Ông Mỹ mở cái va li sam-sô-nai lấy ra một khung hình trang trọng đưa ra trước mọi người: Hình ông Ba đúng y chang không xê một nét! Nó không phải là thứ hình từ trong căn cước. Cũng không phải như hình chụp ở tiệm thường có thợ ngắm nghía, sửa sang, mà là một gương mặt ông già đang cau có, giận dữ chuyện chi đó. Nền bức ảnh mờ mờ như có nhiều người phía sau. (Lúc này ngoài ủy ban, ông Mỹ đã đưa ra, nói tấm ảnh này mấy chục năm trước đã từng “lên báo” bên Mỹ!). Đúng là gương mặt hay quạu quọ, nhăn nhó như gáo đòn của ông Ba hồi còn sống mỗi lần gặp chuyện rắc rối, bực tức... Anh Hai Lúng run run ôm tấm hình úp vô ngực kêu tí ời, rồi rưng rưng đặt lên bàn thờ. Vợ anh ra bẻ mấy trái vú sữa bên chái nhà đặt lên, thắp hương. Mọi người, kể cả ông Mỹ đều lặng lẽ chấp tay xá xá.

Với cuộc thăm viếng chốc lát, với vốn liếng tiếng Việt kiểu “i tờ rít” - Ông Mỹ Rai Xơn dù muốn cũng không thể giải thích đầu đuôi sự tình đã xảy ra cách nay ba mấy bốn chục năm rồi...

Nghe nói lúc trở ra ủy ban xã, ông Mỹ còn ngỏ ý định lần này quay về nước sẽ vận động với hội đoàn chi chi đó. Lần sau trở lại sẽ xin phép cất lại ngôi nhà thờ hết kiểu nhà lão Ba hồi xưa nữa...

*

* *

Sinh thời, lão Ba là người thiệt như cục đất. Vợ lão mất sớm. Có được thằng con trai là Hai Lúng bây giờ lúc đó cũng bị bắt quân dịch đưa tuốt ngoài Trung, nghe đâu Quảng Trị, Đông Hà chi đó, biệt tăm biệt tích. Lão sống một mình thui thủi. Cả đời lão chỉ quanh quẩn với mấy đám ruộng, quen tạt la hét dậy đồng mỗi lần quất roi cày vô mông trâu, nên cái tánh nóng nảy như Trương Phi của lão làng trên xóm dưới ai cũng biết.

Có lần ngoài đồng về, lão ực cặn gạo dĩa nước mưa rồi hể hả ngồi bệt xuống thềm quần điều thuốc rê bằng ngón cẳng cái. Đang tới cỡ ghiền, cái máy lửa của lão tự nhiên trở chứng không chịu cháy (mấy người già lớp lão hay gọi cái bật lửa nhôm là cái máy lửa). Lão mở nắp kiểm tra xăng, đá lửa cũng còn đầy đủ. Cạy cục, thổi phù phù một hơi, quẹt tiếp xành xạch mười mấy cái nữa, rồi gí bánh xe xuống nền nhà đẩy lửa văng xẹt xẹt, cũng trở trơ: “Mẹ cha nó”! Lão nổi khùng, đứng dậy quăng cái vèo tuốt bụi bông búp ngoài ngõ rồi dùng dùng xuống bếp bươi than đốt thuốc. Bập gần nửa điều thuốc, nghe cái cục tức cũng cứ còn nằm ngang cần cổ. Lão bước đụi đụi vô nhà sau rút cái búa, phăm phăm ra hàng bông búp kiểm lại bằng được cái đồ “mắc ôn mắc dịch”! Lão hăm hè đặt nó lên cục đá kê thêm, nghiến răng nện ba bốn búa tóe lửa! Cái máy lửa bẹp dúm, lão mới chịu quăng một lần nữa xuống ao luôn cái tùm! “Hừ!”.

Trong những vật dụng thường ngày của lão chỉ có cái máy lửa là có phần “máy móc” một chút nên nó mới trục trặc. Còn mấy thứ do chính tay lão làm ra từ cái chạc trâu, tới cái cán cuốc cán cày... thì kể như xài đời đời. Cái gỏi kê đầu lão đeo bằng gỗ mít, xài lâu năm màu gỗ lên nước vàng rộm, láng boong! (Mỗi lần làng cúng đình, có dịp giết trâu bò, mấy chú mấy bác cứ hay giỡn: “Không có búa tạ thì chạy vô mượn cái gỏi của ông Ba mà đập, bảo đảm trâu bò nào cũng chết tuốt!”). Còn cái gậy của lão, có lần lão hì hà hì hục cả buổi ngồi cưa cái cát-tút đạn đại liên tra vô đầu mũi, như người ta đóng móng ngựa.

Lão chống thử cọc cọc, cười khà khà “ba đời cũng chưa mòn!”.

Và, cũng cây gậy này - nó gắn liền với câu chuyện cười ra nước mắt mà người làng Rạch Đùng nhớ đời mỗi lần nhắc chuyện hồi giặc giã chiến tranh.

Chuyện là hồi lính Mỹ kéo vô làng đợt thứ hai. Dọc bìa làng lúc ấy là dây hàng rào ập chiến lược ngăn cách xóm làng với đồng ruộng. Ai ra đồng phải qua mấy cái cống có lính gác, phải trình giấy tờ.

Sớm ấy lão chống gậy tính ra thăm lúa. Tới cổng rào không thấy thằng lính nào mà là... một thằng Mỹ mặt mũi non choẹt, đứng ngơ ngơ ngáo ngáo. Hắn chìa súng chặn lại, lên giọng bằng tiếng Việt, bập bẹ:

- Kan-quooc... Ong co kan-quooc khong...

- Tui ra thăm lúa, không đem cuốc... - Lão chỉ tay ra ruộng, trả lời liền.

- No, no... kan-quoc, kan... quooc! - Hắn gằn mạnh từng tiếng, đưa ngón tay lên không khí vẽ hình chữ nhật nhỏ xíu rồi cứ “kan quooc, kan quooc”!

- Tui-đi-thăm-lúa, không-vác-cuốc! Mần chi có cán cuốc! - Lão bắt đầu nổi cáu... Bỗng lão giơ cây gậy lên trước mặt hắn:

- Không có cán cuốc... cán gậy này được không!

- ...

Liền lúc đó có mấy người cả đàn ông đàn bà từ đằng xa vác cày vác cuốc đi tới, lão ngoắc lia ngoắc lia:

- Mau mau, đem cuốc tới đây! Thằng Mỹ đòi cái cán cuốc! Không biết mần cái chi!

Tới nơi ai nấy cười òa:

- Oì dà, thằng Xơ... Hắn hỏi cái thẻ căn-cước! Cái “thẻ bọc nhựa” của bác đó...

Như chực nhớ ra chuyện cũ, mặt lão bỗng tím lại, mắt trợn lên đỏ vằn, miệng giựt giựt rung cả chòm râu. Giọng lão đứt nghẹn:

- Căn... với cước... Vườn tao lãnh đủ... hai quả ca-nông tàu... Nhà thờ nhà tự, gia phả mấy đời dòng họ tao cũng cháy thiêu cháy rụi! Đừng nói chi

căn

với cước...

Lão vừa gào vừa chỉ vô thằng Mỹ đang nghếch mặt há hốc, chớ biết mô tê là chi cả! Lão còn giơ đầu gậy lên, chỉ cái cát-tút: “Nè, đạn tụi bay bắn ràng ràng nè! Chối không!”. Làm ai nấy cười lộn ruột!

Bà con xúm lại khuyên lơn:

- Chuyện bom đạn giặc già mà hơi sức đâu bác Ba ơi! Tụi hăn chắc cũng bị bắt “quân dịch quân gà” như con cháu mình đây cả! Nóng giận chi cho mệt!

Thằng Xơn (bà con quen kêu theo cái chữ gì Xon trên túi áo hăn) thì cả làng ai lạ gì! “Cái thằng nhìn cái mặt ngơ ngơ như “đi ỉa không biết đường dzô!”. Chắc đang đi học rồi bị bắt lính qua đây. Súng nổ cắc cụp tối ngày, vậy mà chẳng thấy hăn biết sợ sệt chi cả! Từ hồi về đóng quân, lúc nào cũng thấy mang máy chụp hình, máy thu băng, gặp cái giống gì cũng chụp, cũng thu. Hôm hăn chụp với thu được mấy cô đi cấy dưới ruộng đang hò. Vậy là cứ đứng mở lui mở tới, coi bộ khoái chí lắm! Rồi gặp chỗ nào có mấy ông uống rượu, đờn ca lóc cóc là nhào dzô bấm máy thu liền. Nhứt là mấy hôm có gánh hát cải lương về hát trong sân đình làng. Đêm nào cũng thấy một mình hăn lê khêu đi với đám lính địa phương trong xã. Tụi lính ý quyền súng ống, cứ xông vô “coi cộp”. Mình hăn đứng lại móc tiền ra mua vé đàng hoàng. Rồi ban ngày, có khi hăn vừa đi vừa mở băng ca cải lương từng từng từng dậy làng...

Mấy tháng sau.

Lão đang lui cui buộc giàn bầu trước sân bỗng nghe tiếng loa tay rao vang đầu xóm. Lão chống gậy ra ngõ thấy thằng Tư “a-lô” cũng vừa đi tới. (Cả làng ai cũng kêu bằng thằng Tư nhưng thực sự Tư “a-lô” nay cũng ngót nghét năm mươi rồi. Anh ta mần chức mỗ của làng Rạch Đùng này đầu hồi

mười mấy tuổi, ai nấy kêu thẳng riết quen). Tư mình lúc nào cũng tà lỏn đi chân đất cho tiện lợi “công tác liên lạc”! Không biết đi xe đạp nên anh ta đi bộ kiểu rồng rắn, cứ hết cuối xóm này lại lội tắt đường ruộng dzọt qua xóm khác. Nên mỗi cái tin anh ta rao khắp làng maucấp kỳ!

Lão tăng hăng:

- Rao cái chi đó mậy...

- Sáng ngày mai, đúng bảy giờ, ra đình làng nhận bồi thường! Chánh phủ bồi thường thiệt hại trận ca-nông hồi năm ngoái! Ông Ba nhớ đem theo “tờ khai gia đình” nghe ông Ba!

- Mẹ... nó! Cũng giấy với tờ! Mà có chắc không mậy...

Giọng Tư tăng từng:

- O, tui “a-lô” mấy chục năm nay mà nói dóc cho “chánh phủ” bỏ tù rục xương à! - Rồi anh ta bắc tay lên miệng: A lô!! A lô... Kính mời toàn thể đồng bào!.. Đúng bảy giờ ngày mai... tập trung tại đình làng... A lô! A lô!

Lão vừa trở vô vừa lầm bầm:

- Bồi với thường!... Chắc cũng giống cái đận cứu trợ hôm hôm chớ gì... Bà mẹ cha nó...

Nhớ tới lần đó, trong bụng lão còn cục tức anh ách. Nghe tin xóm giềng ới nhau đi nhận “cứu trợ”, kêu bằng “Chương trình cứu trợ nạn nhân chiến tranh”, cũng từ cái loa của thẳng Tư, lão cũng lật đật chống gậy đi. Đang lúc ngay giữa mùa nước lớn, ruộng đồng ngập lênh ngập láng. Đúng là “họa vô đơn chí”, mới bị trận ca-nông tanh bành làng xóm nhà cửa, lúa thóc trong bồ cũng cháy rụi. Nay nhồi thêm trận lũ lớn, hột lúa ngoài đồng sắp sửa cắt cũng chìm ráo trọi. Đói cả làng là cái chắc! Theo thông báo của

xã ấp, bà con phải tập trung ra gò đất nổi giữa đồng, rồi có phái đoàn tới phát quà cứu trợ. Từ sáng sớm, lớp xuống lớp ghe lũ khù chống chèo như đi nhóm chợ giữa ruộng. Ngồi chờ mãi cổ tới chín mười giờ trưa, cũng chưa thấy bóng con ma nào tới cứu trợ cái giống chó chi cả! Già trẻ lớn bé đang ngồi sắp lớp giữa gò bỗng trời chuyển đen kịt, mưa ập xuống, không một tán cây cối gì che. Cả làng ướt nhem như bầy chuột lột! Bà con bắt đầu la ó. Nhứt là lão Ba, sáng giờ lão như khùng như điên, chực muốn phang gậy vô đầu mấy thằng cha xã ấp cho bõ tức... Lúc sáng lão quá giang xuống hàng xóm, giờ như bị giam tù lỏng giữa đảo như dzây! Giờ tính bơi không nổi lội không xong. Chớ phải chi chỗ khác đường sá khô ráo là lão chống gậy bỏ về mất đất tám chục kiếp rồi! Thèm đánh vô! “Bà mẹ cha nó!”...

Cha Bảy Trưởng ấp sáng giờ cũng biết khôn, cứ ngồi trên ghe tam bản gấn máy ko-le, cầm cái loa tay chạy pin giọng ra rả: “A lô, a lô! Bà con yên tâm, bà con cố gắng chờ đợi một lát nữa thôi... Đoàn cứu trợ đang trên đường tới bằng... ca-nô... Bà con cứ bình tĩnh, yên chí... Ca-nô đang chở thực phẩm, áo quần, thuốc men... tới tận đây cứu trợ bà con mình...”.

Cho tới tận giữa trưa, trời lại nắng lên chang chang, cả làng lại phơi nắng chịu trận. Ngóng mút mắt chẳng thấy bóng ca nô ca niếc nào chạy tới. Tới xế chiều, kẻ than người thở, kẻ nằm người ngồi la liệt. Đang kêu trời kêu đất bỗng từ trên trời lù lù xuất hiện hai chiếc trực thăng đâm thẳng tới. “Chết mẹ! Máy bay tới bắn bà con ơi!.. Chết cha rồi! Chạy đường trời!..”. Nó hạ thấp xuống nghiêng mình liệng mấy vòng phần phật trên đầu. Quá hoảng, mạnh ai nấy phóng ùng ùng xuống nước! Tội nghiệp mấy ông bà già cả, mấy người bông con đại cũng ôm con phóng ào ào. Một cảnh tượng hỗn loạn giữa đồng nước mình mông, như bầy le le gặp điều hâu, nhìn thê thảm hết biết!

Bỗng từ trên máy bay có tiếng loa rền trời vang xuống: “Đồng bào chú ý! Đồng bào bình tĩnh... Đây là đoàn cứu trợ của Hội Hồng thập tự quốc gia... Đồng bào hãy ổn định trật tự để chuẩn bị nhận quà!”. Từng loạt túi

quà từ máy bay ào ào trút xuống. Tiếng loa trường ập lại vang lên: “Bà con trật tự, ổn định... Mỗi người được nhận một phần, do các cán bộ ập kiểm tra, phân phát... Ai nhận xong xuống ghe xuống xuống. Giải tán...”.

Chèo chống vô tới xóm tới nhà, bà con ai nấy vừa đói vừa mệt đứt hơi. Nhưng cũng an ủi, khắp khởi với bịch quà nhận được. Chẳng biết là cái thứ gì trông?! Thiệt tình, thứ bà con cần lúc này cũng chỉ đơn giản chừng năm mười kí gạo, ít mắm muối tương chao gì đó sống qua ngày đoạn tháng. Nhưng cái bịch to tướng mà nhẹ hều, chắc hoàn toàn không phải mấy thứ đó.

Lão Ba cũng muốn lết mới về tới nhà, cũng đói muốn rã ruột! Lão mở bọc quà lôi ra mấy thứ: Một hộp giấy cứng vuông vuông, lắc nghe òng ọc, chắc là sữa bò pha lỏng; một ổ bánh mì niêm trong bịch ni-lông. Một miếng gì xeo xéo tam giác, như cục mỡ đông, chắc bơ béo chi đây! Toàn thứ từ nhỏ tới giờ lão chưa hề nếm tới. Săn bụng đang đói, thôi cũng “mần tây” một bữa thử cái coi! Lão xé khúc bánh mì, xoi lũng hộp sữa. Lão cắn miếng bánh mì rồi hớp ngậm sữa, vừa tới miệng lão ọe ra liền. Đúng là cái mùi lờm lợm không chịu nổi... Cơn ói ụa kéo dài một hồi. Lão đứng dậy quăng hộp sữa cái oạch tuốt ngoài sân, chửi lầm bầm. Rồi lão kêu con Mực, quăng cho nó cái bánh mì với miếng bơ. Nó cắn bánh mì, còn miếng kia nó ngửi ngửi, bỏ đi. Đó, rõ ràng tới chổ còn chê chớ đâu mình lão! Nhớ sức lúc sáng trước khi đi, lão có bắc nồi khoai lang lên bếp. Vậy là vô nồi bốc mấy củ khoai mần no bụng. Ra ngoài lu mần gáo dừa nước mưa. “Ao ta ta tắm”. Xong! Lão quần điều thuốc rê phì phà bập bập rồi lầm bầm tự chửi mình “già cái đầu còn đại”!

Chưa hết, lão lại xam xoi cái gói áo quần. Thôi thì cái ăn không ra gì, vứt đi cũng còn cái mặc. Mùa gió bắc cũng gần tới, có thêm cái áo cái quần cũng đỡ khổ. Lão lôi ra cái thứ nhứt: Cái quần - một cái quần giữ bò cũ mềm, bự tổ chẳng. Lão đứng dậy đo thử bề dài, đúng tới lỗ mũi. Còn bề ngang cỡ hai người như lão chui vô cũng lọt tốt! “Mẹ cha nó! Cứu với

trợ!”. Thứ hai: Cái áo - một cái áo thun vàng rực, bụi cỡ ba người như lão trông vô tuốt luốt, có in hình hèo gì tùm lum. Lão trải ra coi thử, trước ngực là hình một thằng cao bồi râu quai nón cưỡi ngựa đeo súng lục, phía sau lưng hình một cái đầu lâu hai xương chéo, ớn lạnh! Lão đứng dậy ướm thử, gần tới mắt cá, chắc khỏi mặc quần! Chà, lão mà mặc cái áo này vô chắc thiên hạ bật ngựa, chạy la làng hết... Cái thứ ba, lão xoắn ra: Hô hô... Một cái xịn đầm bụi chẳng, bông hoa đỏ choét!! Tới nước này thì lão hết đồ quạu, hết chửi rửa chi nữa rồi, mà cứ ngồi cười khùng khục...

Nhìn tới nhìn lui mấy cái áo quần khổng lồ, lão bỗng nảy ra cái ý tưởng ngồ ngộ, hay đáo để. Lão gục gật một mình: “Cũng được việc đây, cứ để đó!”.

Mấy sào ruộng của lão thuộc đùng đất gò giáp bìa làng, không bị nước chụp. Mùa này lão đang trồng hai sào nếp. Mới trổ đồng đồng nhưng hôm rày thấy lũ chim chóc đã lượn lờ rập rình. Hôm sau lão lui cui cả ngày, chặt tre làm sườn, quần rơm thành hai thân hình bù nhìn to đùng đùng. Lão cho mặc quần áo khổng lồ vô, thành một thằng cao bồi với một con đầm áo bông đỏ rực! Lão kiếm đầu được cái mũ lưỡi trai cũ với cái nón đệm, đội lên. “Bù nhìn ngoại quốc! Hà hà! Ghê chưa!”. Lão đắc ý lại cười khùng khục một mình rồi vác cả hai ra ruộng, hì hục cắm hai đứa cao lớn nghêu nghêu đứng trấn hai đầu bờ.

Cái tin nóng hổi “Tây Mỹ ra đứng đuổi chim ngoài ruộng ông Ba Rạch Đùng - một thằng một con!”. Lập tức được đồn rùm khắp làng chiều hôm đó. Già trẻ trai gái chạy ra rần rần như đi coi hát, ai nấy đứng cười muốn lộn ruột. “Cha cha, cái màu đỏ màu vàng này là chim nó sợ vãi cứt luôn nghe!”... “Oa, có thằng cao bồi cỡi ngựa mang súng nữa các cha ơi!”... “Ô, Sợ người! Xương... Ha, cú này tới đại bàng điều hâu cũng chạy cong đuôi, nói chi mấy con bồ chao se sẻ nhóc nhen... Đúng là Ba Rạch Đùng thiệt!”.

*

* *

Sáng ấy tại sân đình làng, băng rôn cờ xí treo đỏ rực - Rai Xơn cũng có mặt, mang máy ảnh lằng xằng cùng với tốp lính tóc vàng, mắt xanh làm nhiệm vụ hỗ trợ chính quyền địa phương lo công việc bồi thường thiệt hại cho bà con.

Từ mờ sáng, dân làng đã đứng ngồi lổ nhố trước cổng đình. Lần lượt mỗi “nóc gia” được bồi thường hai trăm bạc với hai chục tấm tôn lợp nhà. Ai nhận xong buộc tròn lại, xỏ cây tre, hai người gánh.

Rai Xơn đang nhướn chân lên hốc cây si bên góc sân đình, giơ máy nhắm toàn cảnh. Và, bỗng giật mình hạ máy xuống để nhìn cho rõ. Đứng là lão già nóng nảy hôm nọ - lão Ba Rạch Đùng! Lão chống gậy sai sải như người đang chống xuống, cái đầu gậy có tra cái cát-tút đạn đại liên kêu ràn rạt. Một tay lão vạch đám đông xấn thẳng vô. Điều thuốc rê to tướng ngậm trễ bên mép, phà khói xanh um, đặc quánh. Xơn bấm máy “krách, krách!” lia lia. Lão liệng tàn thuốc cái bịch xuống đất, bước tới trước mặt mấy tay cán bộ xã, ấp mặt hầm hầm.

Biết rành tính khí lão, cha Bảy trưởng ấp ve vuốt xuề xòa:

- A hà, bác Ba mới tới! Đếm tôn lợp cho bác tụi bây! Có cháu chặt gì theo gánh cho bác không?! Hay là để tụi tui cho lính của ấp gánh tới nhà cho bác luôn nhe! Bác qua bàn bên kia, lăn tay điểm chỉ rồi lãnh tiền trước đi bác Ba...

Vẫn bản mặt chầu quạu, lão lườm xoi xói một lượt từng cặp mắt xanh lè mà lão cho là “thủ phạm giới ca-nông” vô làng Rạch Đùng này hồi năm ngoái!

Tự nhiên, Xơn giựt mình kéo sụp mũ xuống nửa mặt và ôm máy đứng né lui sau vai một thằng kia “krách, krách!”.

Lão rê gậy bước qua bàn lãnh tiền, tròn trợn, lắc lắc đầu. Bước tới đồng tôn đứng tăng hăng, nhịp nhịp đầu gậy kêu kinh kinh. Giọng lão gầm gừ chi đó như bữa củi một hồi, rồi hăm hăm vạch đám đông bước ra ngoài.

Ngồi bệt xuống vạt cỏ trước cổng đình một mình, lão lui hui quần điều thuốc rê “kèn tây” ngồi phà khói cuồn cuộn như đám cháy.

Lúc ấy thấy Rai Xơn cứ loay hoay với máy ảnh máy thấu, gương mặt răng vâu ngổ ngáo cười, lộ vẻ vui mừng như vừa vớ được của! Xơn bật lại máy thấu bằng, tiếng lão ồm ồm phát ra trong máy:

- Không! Không phải cái thứ này... Nhà tao ngồi âm dương mà... Cột săng kiềng kiềng! Mần tới ba đời chưa xong lận... Đâu phải cái đồ này...

Cả tốp mắt xanh tóc vàng đứng đực mặt, chẳng hiểu mô tê trời đất chi! Nhưng bà con cả làng ai nấy đều nghe, cười ra nước mắt!

Ngoài cổng đình lúc ấy thấy lão đứng lên phúi đít, dùng dùng khua gậy bỏ về một mạch. Bóng lão như trôi với làn khói thuốc rê xanh um cả khúc đường làng...

Về tới nhà ruộng mình xuống cái vồng gai giăng trước hàng ba, thọc gậy vô gốc cột tràm đưa cột kẹt, lão nghĩ ngợi lung tung. Chuyện giặc giã súng đạn, còn cái mạng sống là hú ba hồn bảy vía. “Người sống hơn đồng vàng!”. Hôm đó cũng may lão đang bữa ngoài ruộng, chớ ở trong nhà thì cũng banh xác, “đi bán muối” tám kiếp rồi!

Đành rằng “của đi thay người”, cả làng cả nước chớ riêng chi mình lão. Nhưng mỗi khi nhớ tới ông già tía với ông nội lão, lão đau lòng không chịu nổi! Cả đời “trần ai khoai củ”, chẳng một nhin đói nhin khát, ông nội lão chỉ ước ao cất được ngôi nhà giống hết ngôi nhà nơi chôn nhau cắt rốn ngoài xứ Quảng gốc gác, tuốt tận ngoài Trung!

Hồi còn nhỏ lão nhớ, qua mỗi mùa lúa trúng là tía lão trông bộ bà ba đen đi chân đất, xách giỏ đem đựng cả cục tiền đón dò dọc lên bến Cần Thơ. Ăn chục năm chờ có khi cả tháng trời, đón ghe bầu chở cây gỗ ngoài Trung vô. Mỗi mùa mua được một mớ cột kèo... Tới ngày sắp kê được thợ về đục đẽo thì ông nội lão ngã bệnh liệt giường. Trước khi nhắm mắt ông trần trối quả quyết chỉ bó chiếu với bảy nẹp tre, khỏi hòm rương chi cả... Để dành dựng cái nhà cho tử tế mà thờ tự!

Tới đời ông già tía lão nằm xuống cũng chỉ cái hòm ván gòn nhẹ bằng! Vậy mà cho tới ngày lão cưới vợ mới mần nổi bộ cửa, mới kín được cái nơi thờ phượng hương khói...

*

* *

Hơn tháng sau.

Anh Hai Lúng đang ngồi ở trần ôm cây đòn vọng cổ tịch tình tang trước hiên thì bất ngờ từ ngoài ngõ, ông Mỹ Rai Xơn lưng lửng xuất hiện. Cánh tay đầy lông giò lên với miệng đầy râu đang cười chữ ô. Quay lại lần này chỉ có ông ta với một anh thanh niên khá bảnh trai, giới thiệu là người phiên dịch của công ty du lịch chi đó.

Ông Xơn bước vô chấp tay cúi đầu trước bàn thờ ông Ba, nhìn rất lâu lên tấm ảnh. Cái “tác phẩm” ông nâng niu gìn giữ từ thời trẻ trai tới giờ sắp thành một ông già bằng tuổi ông Ba hồi đó. Và cứ mỗi lần nhìn vào, ông lại trông chờ người trong ảnh một ánh nhìn tha thứ! Còn với ông, từ hồi là chàng trai mặt búng ra sữa, bị đẩy qua cái xứ sở lạ lùng này; bị sự “la mắng” của một ông già nóng nảy thẳng thắn - Ông còn nhớ rất rõ, từ cái lần đầu ở cổng hàng rào ấp chiến lược tới lần ở sân đình làng, ông đều cúi đầu như một đứa con lầm lỗi...

Qua giây phút xúc động, ông quay ra vịn vai anh Hai Lúng, một tay gầy gầy vô dây đàn. Ý muốn tiếp tục nghe lại tiếng đàn vọng cổ ông ta từng mê mẩn năm xưa...

Vừa dứt bản đàn, ông loay hoay lôi trong cặp ra - lần này cũng một xấp hình màu cỡ lớn... Vừa bập bẹ tiếng Việt ý được ý mất cùng với lời phụ họa của anh chàng phiên dịch, ông trình bày ý định của mình với anh Hai Lúng. Hóa ra cả tháng nay, ông ta mang máy ảnh lặn lội khắp nơi, không phải gặp thứ gì cũng chụp như ngày trước mà chủ yếu là... những ngôi nhà gỗ xưa ở các miền quê... Đặc biệt là những ngôi nhà có ý định muốn bán.

Bày ra hết các tấm ảnh trước mặt anh Hai Lúng, ý muốn anh Hai chọn ra ngôi nhà nào giống nhà mình ngày trước nhất... Còn lại là việc thực hiện của ông Rai Xơn trong nay mai...

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Thần Mặt Trời Của Rừng - Chu Việt Nga

Từng mảng mây trắng đục ùn ùn kéo tới. Mây vần vũ. Bầu trời mịt mù lam thẫm. Đàn chim nháo nhác đập cánh, kêu dáo dác tìm nơi trú ẩn. Những ngọn tre oằn oại thân mình chống đỡ từng đợt gió bủa vây tới tấp. Gió gào rít trên mái ngói cổ âm dương. Cánh cửa gỗ đã mục đập ra đập vào, kêu lộc xộc. Bé Mai chơi ngoài hiên nhà, vội chạy vào nép mình bên mẹ. Hoa đang mài khâu áo cho chồng, liền bỏ xuống, ôm bé Mai vào lòng, vuốt làn tóc đen huyền của con bé, vỗ về: “Đừng sợ, út ngoan, mẹ ở đây mà, thầy con và chị Xoan cũng sắp về rồi!”. Bé Mai bám riết tay mẹ, líu ríu: “Mẹ ơi... Mẹ kể chuyện cho con nghe đi... Con... con... sợ ông trời lắm...”.

- Ông trời mịt ướt giống y bé Mai nhà mình nhỉ. - Hoa âu yếm, trêu đùa con.

Con bé rơm rớm nước mắt. Hoa chậm rãi kể chuyện cổ tích cho con nghe, những câu chuyện mà Hoa dạy các con cách làm người. “Ngày xưa ngày xưa, ở một làng nọ...”.

Cơn mưa rào vừa đổ thì chồng Hoa và cô con gái lớn đi làm đồng về. Dạo này, mình mấy đau nhức, lại bị chứng mất ngủ kinh niên hành hạ nên Hoa ở nhà lo cơm nước. Việc đồng áng để hai bố con nó lo. Chồng Hoa sớm nhận ra những mảng lở loét nâu đỏ xuất hiện loang lổ trên người vợ, khuyên Hoa cứ ở nhà nghỉ ngơi. Sau bữa cơm tối, Hoa lên giường nằm nghỉ sớm, Linh đến bên thủ thủ bảo vợ:

- Mình à, mình cứ đến bệnh viện khám xem tình hình sao, quan trọng là sức khỏe mình à!

- Tốn kém lắm mình... Nhà mình còn nhiều khoản cần lo lắm...

Nói rồi, Hoa trở mình quay mặt vào trong tường. Hoa nhắm mắt mà chẳng thể nào ngủ được, lòng đau đáu khôn nguôi. Hoa giấu giếm chồng việc mình đến trạm y tế xã, bác sĩ nói Hoa có những triệu chứng của căn bệnh phong. Bác sĩ dặn dò: “Bệnh này phải nằm viện theo dõi thường xuyên và uống thuốc. Tôi nghĩ chị nên nhập viện sớm”. Hoa thở dài sườn sượt, người Hoa rụng rời. Thế là hết, cuộc đời Hoa sẽ rơi vào bế tắc ư? Tại sao Hoa lại bị mắc căn bệnh này? Nhà có ít tiền Hoa tích góp được, Hoa luôn muốn để dành cho cái Xoan, đứa con gái lớn đi học trên thành phố. Hoa không muốn dùng số tiền ấy cho việc chữa trị của mình. Hoa vẫn còn nhớ ở cái làng Vạn này mười năm về trước, có một gia đình nọ người chồng mắc bệnh phong. Khuôn mặt anh ta gớm ghiếc, sần sùi từng cục nhỏ. Anh ta cứ cụt tay dần theo năm tháng, tay không còn thấy bàn, thấy ngón nhưng vẫn cố dùng dây vải buộc cán cuốc vào phần thịt còn lại để làm đồng. Bàn chân anh ta thủng loét. Dân làng cho rằng anh bị bệnh dễ lây nhiễm nên kỳ thị, đuổi vào rừng. Người vợ của anh dắt theo đứa con nhỏ dại vào rừng sinh sống cùng chồng. Lâu dần, người ta chỉ nhìn thấy hai người đó như hai bóng ma thoắt ẩn, thoắt hiện, vang vọng những tiếng kêu ú ớ như tiếng xương người rên rỉ. Một hôm có nhóm người làng Vạn đi tắt đường rừng, họ nhìn thấy ánh lửa lập lòe, chứng kiến khi, sóc, rắn chết hàng loạt, những bộ xương của chúng rải rác ở hốc cây, khô khốc. Họ quả quyết rằng người vợ đã lây nhiễm bệnh phong của chồng, cả hai hóa điên dại, biến thành con ma cà rồng chuyên đi hút máu người và ăn thịt động vật tươi sống. Tin đồn lan truyền, kể từ đó chẳng còn ai dám vào rừng nữa. Thời gian đã qua lâu, nhưng nỗi ám ảnh về hai vợ chồng bệnh phong khiến Hoa vẫn còn sợ sệt, Hoa sợ ngay cả chính bản thân mình. Hoa ôm mặt, tự xót thương mình, nước mắt cứ thế chảy ướt đầm gối. Hoa cố tình lảng tránh sự gần gũi của chồng. Lĩnh nghĩ Hoa ốm nên không bao giờ cố nài ép vợ.

Đêm nay, tiếng đàn bầu của Lĩnh thánh thót từng nhịp, biết bao tâm tình muốn giải bày trong từng nốt nhạc trầm tư đó. Tiếng mưa rả rích, âm vang tiếng đàn ngân ngơ rơi tôm vào không trung. Khuyên vợ mà vợ cứ chần chừ không chịu đến viện khám, lại nhận ra những cử chỉ khác lạ của vợ, Lĩnh đâm chiêu suy nghĩ suốt cả đêm dài. Khi tiếng gà gáy văng vẳng giữa xóm trong buổi sớm mai, Lĩnh đã ra khỏi nhà tìm đến thầy thuốc làng bên. Ông có tiếng trong việc chữa những bệnh ngoài da và mất ngủ bằng lá thuốc. Ông lang già bảo Lĩnh vào rừng kiếm thêm rễ cây na rừng làm thuốc, ông sẽ sắc vài thang cho vợ Lĩnh uống, vị thuốc ông kê có vị thanh mát chữa mất ngủ hiệu quả.

Người lính từng vào sinh ra tử, lăn lộn ngoài chiến trường như Lĩnh chẳng e sợ điều gì, năm xưa cái chết còn có thể ập đến bất cứ lúc nào. Càng đi sâu, rừng càng âm u, Lĩnh càng nung nấu nấu kiếm lá thuốc cho vợ bằng được. Người làng Vạn đặt tên cho cánh rừng là rừng Ma. Trên những thân cây, Lĩnh thấy những lá bùa yểm với dòng chữ đỏ thắm, bay phấp phới trong gió. Những lá bùa tránh cho người dân không bị lạc hồn khi đi qua rừng. Những cây cổ thụ cao lớn, vươn mình thẳng tắp lên trời xanh để đón ánh nắng mặt trời. Thân cây xù xì nổi những cục u lồi lõm. Giữa hai bên tán rừng cổ thụ là con suối mềm mại uốn lượn dưới chân những rặng núi sừng sững. Làn sương mỏng giăng mắc những sợi nắng, lơ lửng trên mặt nước. Bên bờ suối, trầm tích của vụn sỏi, cuội thô nằm lẫn lộn. Lĩnh lội chân trần xuống dòng nước, những viên đá cuội tròn nhẵn lạo xạo dưới chân anh. Men theo con suối, Lĩnh thấy hang đá dần lộ ra. Cửa hang như một con quái vật khổng lồ há miệng đen ngòm, lởm chởm các khối đá ngổn ngang. Bóng kí ức chập chờn, huyền ảo, mắt anh nhòe đi. Anh đang đứng giữa một toà thiên nhiên bí ẩn, bao quanh là vẻ đẹp của những khối thạch nhũ ngàn năm. Từng nhịp rơi tí tách của nước từ nhũ đá trên trần rơi xuống. Lĩnh lặng người. Chỗ này là nơi cơm được bắc trên mấy hòn đá chông chênh, chỗ kia là con cá khô bắt ở suối, nướng giòn trong ánh lửa bập bùng, những nụ cười của đồng đội Lĩnh. Những tháng ngày chiến đấu năm xưa làm sao Lĩnh có thể quên. Hang đá này là nơi Lĩnh cùng đồng đội đã ẩn

náu. Hai mươi năm về trước, tiểu đội Lĩnh đã dùng hỏa lực súng cối ngắm, dùng cảm đồng loạt đánh giáp lá cà với quân Pháp, lưỡi lê, lựu đạn cứ thế xông lên đánh địch. Xác địch chết như ngã rạ dưới mũi lê của tiểu đội Lĩnh. Chúng đành rút quân, sử dụng máy bay ném bom. Tiểu đội của Lĩnh bị trúng bom nên số người chết, người bị thương khá nặng, cả đội rút quân, chui sâu vào hang đá. Lĩnh bị thương nhưng anh cố dìu người bạn của mình, máu của đồng đội chảy ấm nóng trên tay Lĩnh. Hòa bình, chính Lĩnh và người bạn đồng đội đó lại may mắn sống sót trở về, thi thoảng Lĩnh vẫn hay nằm mơ thấy những người đồng đội cũ đã hy sinh. Hang đá vẫn nằm đó, im lìm với vẻ đẹp mê hoặc như say giấc ngủ nghìn năm, chôn đi bao kí ức. Những bức rèm đá buông rủ thướt tha như dáng của một người thiếu nữ. Ký ức đau thương vẫn hằn lên con tim Lĩnh, cho dù không còn chiến trường, không còn tiếng súng, tiếng bom, không còn hận thù giữa những con người nữa. Lĩnh theo ánh sáng le lói mà tìm lối ra. Ra khỏi cửa hang, Lĩnh nghe thấy những tiếng líu ríu của muôn loài chim như bản hoà âm giữa rừng. Chợt Lĩnh thấy cây na rừng, dây leo to có nhánh mọc trườn, mảnh ở đằng xa. Đồng đội đã đưa đường chỉ lối cho Lĩnh ư? Lĩnh chạy tới, mãi miết đào rễ cây, một thoáng Lĩnh nghe những tiếng động lạ. Lĩnh chú tâm nghe ngóng xung quanh, nhận ra đó là tiếng cửa máy rít lên cả một góc trời. Bầy khỉ kêu nháo nhác.

Bụp... bụp... Huych... Lĩnh bỗng khuyu ngã, một cú đánh như trời giáng bất ngờ từ đằng sau. Đất trời tối sầm, quay cuồng trước mặt Lĩnh.

*

* *

Đã hai ngày nay không thấy Lĩnh về. Lòng Hoa bồn chồn không yên. Hoa bảo cô con gái lớn hỏi thăm hàng xóm láng giềng, những nơi Lĩnh hay đến. Xoan đi khắp ngõ hẻm tin tức của cha cô. Có người nhìn thấy cha Xoan đi vào rừng. Cô hối hả đi, vừa đi vừa gọi cha mình khản đặc cổ. Xoan nhớ hồi nhỏ, thi thoảng cùng chúng bạn vào rừng hái quả ăn, người lớn vào

rừng kiếm củi đem bán. Rừng phủ tấm áo choàng xanh bạt ngàn chở che cho núi. Mây ôm ấp núi, núi lại e thẹn lấp ló trong làn sương, sáng sớm núi trùng điệp mờ ảo xanh lam, trưa đất vàng lấp lánh như hổ phách, chiều lại khoác trên mình bộ cánh tím pha rắng đỏ của ánh hoàng hôn. Gió thổi khe khẽ, mặt nước bỗng lao xao, bóng núi lung linh, chập chờn theo làn sóng. Kể từ khi có tin đồn về cánh rừng, mẹ Xoan cấm các con bén mảng vào rừng. Giọng kể chuyện ầm ập của mẹ văng vẳng thân quen bên tai Xoan: “Ngày xưa ngày xưa, ở một làng nọ, con người đã phá rừng để dựng nhà cửa. Một ngày, có hai anh em nhà kia được Thần Linh báo mộng về cơn Đại Hồng Thủy sắp ập đến, giúp họ tránh kiếp nạn. Tỉnh dậy, hai anh em kể lại câu chuyện cho dân làng, nhưng không một ai tin họ cả. Họ đành đi vào rừng, ăn ngủ tại hang đá, ngày đêm miệt mài tạo nên chiếc trống đồng to vừa đủ cho hai anh em có thể chui vào. Ngày đại họa cũng đến, nước mênh mông trắng xóa, ngập cả ngôi làng, hai anh em sống sót nhờ chui vào chiếc trống đồng. Dân làng bị cơn lũ cuốn trôi đi hết”. Tiếng vỗ cánh gấp gáp trên không trung của bầy hạc trắng khiến Xoan trở về thực tại, chúng chao nghiêng mình tìm bóng trên mặt nước mênh mông. Một bóng hình chậm chậm bước nhè sau cô.

Im lặng! Không may chết với tao...

Tiếng quát lớn vọng lên, rồi gương mặt hung tợn bước ra. Hần hần học, lăm bằm: “Con nhóc này ở đâu ra không biết, lại thêm đứa phá đám”. Hần trói tay Xoan và bắt đi theo. Hần dẫn Xoan đi vào một hang đá. Những cây hoa rừng nhỏ xịu, bé li ti mọc trên lối vào hang. Cô siết môi thật chặt, hít một hơi dài để lấn át nỗi sợ trong lòng. Đi sâu vào trong hang, bóng tối bao trùm, một khoảng ánh sáng nhỏ chiếu qua. Xoan nhận ra bóng quen thuộc của cha mình, ông đang bị trói bên cột đá. Ông bất tỉnh, gương mặt hốc hác. Xoan bàng hoàng, khóc òa lên: “Thầy ơi, thầy có sao không?”. Đàn dơi vỗ cánh ràn rạt, bay tứ tung. Lĩnh choàng tỉnh, thấy con gái, cố gắng dùng hết sức lực còn lại của mình, bật ra thành tiếng: “Đừng làm gì con tao, tao xin chúng mày...”.

Lão già có im đi không. Ai bảo lão xông vào đất của bọn tao. Nói rồi hẳn quay ra Xoan trùng trùng đôi mắt ti hí:

- Nín ngay con kia! Chúng mày cản trở hết kế hoạch của tao.

Có tiếng lạo xạo bước chân, hai gã đàn ông to lớn vào hang. Một thằng thừa:

- Đại ca, đã xử lý gọn hai thân gỗ sưa. Đợi lệnh của đại ca.

- Tốt lắm, tí nữa cả đội chuồn lẹ.

Lĩnh nhận ra gương mặt thân quen của gã mới đi vào, Lĩnh ú ớ:

- Là thằng Dũng, thằng Dũng con nhà bác Nhân phải không?

Hắn lúc này mới quay lại, im lặng vài giây rồi nói:

- Ông cũng nhận ra tôi sao? Chính là tôi, thằng Dũng còi nhà Nhân hủi, cha mẹ tôi chính là người bị cái làng ngu xuẩn này đuổi vào rừng, đau khổ mà chết mòn, sống trong bất hạnh.

- Thật vậy sao? Ta không hề hay biết thầy u cháu mất. Tại sao... tại sao lại cấu kết với bọn lâm tặc phá... phá... rừng - Lĩnh nói trong tiếng thở đầy khó nhọc.

- Làng này đã đối xử với cha mẹ tôi như nào thì sẽ phải trả giá như vậy. Ha ha... - Nụ cười chua chát và cái nhếch mép của Dũng đầy căm hờn.

Những giọt nước mắt lã chã rơi. Phải, phải rồi, bố mẹ thằng Dũng chịu nhiều điều tiếng, bị dân làng coi như nạn dịch. Nhân chính là người bạn thân, người đồng đội sống sót cùng Lĩnh. Năm xưa Lĩnh đã hèn nhát không dám phản đối lệ làng chỉ vì muốn yên ấm cho gia đình mình, để gia đình Dũng phải trốn chui chồn lủi trong rừng. Lĩnh hối hận vô cùng.

- Sao tính xử lý con đàn bà này thế nào anh? - Một tên cất tiếng:

- Nhìn nó ngon đấy, xơi thôi chúng mày. Bao lâu ở trong rừng tao thiếu thốn, thèm hơi đàn bà.

Một thằng lập tức xông vào xé nát áo Xoan, đè cô xuống, cô hét lên. Bầy dơi bay đến rào rào như một trận bão cát tới tấp vào mặt. “Không, không, tôi xin các người... Cứu...” Âm thanh vô vọng tàn lụi. Trong mắt Xoan nhập nhòa hình ảnh trống đồng ngàn năm trong câu chuyện của mẹ, lấp lánh hình ảnh ngôi sao trên mặt trống đồng như vị thần mặt trời tỏa sáng. Cô nhìn trân trân vào người đàn ông đang đứng đằng xa mà trào nước mắt. Con tim cô đã rỉ máu.

Không, không, đừng làm vậy, tôi van các ông. - Lĩnh kêu thảm thiết, bất lực nhìn con gái.

- Bọn mày, có biến rồi, bọn biên phòng ập đến, chuyển gỗ lẹ đi... Mặc xác chúng. - Tên Dũng chột hét lên, thông báo cho đồng bọn.

Bọn chúng rút đi nhanh chóng. Xoan vẫn còn hoảng loạn, nhắm nghiền mắt. Nỗi buồn len lỏi trong tim cô đau buốt, mọi thứ đổ nát, tàn xiêu trong bóng chiều. Trong một buổi chiều hiu hắt hai năm về trước, Xoan đi hái măng ven rừng, gùi nặng, đường trơn, chẳng may cô bị trượt chân, đầu gối vấp vào đá. Lúc đó Xoan gặp được một chàng trai giúp đỡ cô. Người con trai đáng vẻ hiền lành, chạy đến bên bảo: “Anh đang đi săn thì nghe thấy tiếng kêu cứu của em”. Anh ta chạy đi hái lá thuốc đắp vào chỗ chân Xoan sưng tấy, rồi cõng cô về tận nhà. Từ hôm đó, thi thoảng Xoan và người con trai lại gặp nhau, lúc thì anh mang chút mật ong rừng, khi thì chút thịt rừng sang làm quà cho Xoan. Tình cảm của hai người như bông hoa rừng ngày ngày uống khí trời tinh khiết, nở rộ rực rỡ dưới nắng. Rồi anh cũng nói cho Xoan biết, bố mẹ anh chính là những người hủi bị dân làng ghét bỏ, xa lánh năm xưa. Cha mẹ anh mất cách đây vài năm vì sự cô độc nhiều hơn là sự hành hạ của bệnh tật. Xoan nghe vậy càng yêu thương anh

hơn, cô muốn bù đắp sự thiếu thốn tình cảm cho anh. Xoan yêu anh nhưng cô sợ khi nói với bố mẹ, họ sẽ phản đối. Nhờ những câu chuyện thêu dệt của làng mà cô và anh có thể hẹn hò nhau trong rừng mà không ai biết. Họ đã yêu nhau bí mật trong suốt hai năm trời. Xoan thương nhớ những mùa trăng xa thấp thoáng, vai cô run rẩy hạnh phúc trong nỗi niềm gió núi mỗi khi bên anh, vẫn vương trên thảm cỏ ướt hai đứa nằm bên nhau, bờ môi anh ngọt lịm, hơi thở ấm nóng, bàn tay anh đượm cả hương thơm dịu của mùi bồ kết trên sợi tóc Xoan. Đôi mắt nhắm, mà hồn say mê quẩn quýt, sương đêm ướt lạnh mà tim hai đứa vẫn sôi hồi. Có lần cả hai chui sâu vào hang đá chơi, nhìn thấy một cột đá tựa như hình đôi trai gái dựa đầu vào nhau. Trần hang cao có in hình các vết lõm nhỏ, mịn màng như xộp. Anh thầm thì với cô rằng: “Chúng mình thề nguyện mãi bên nhau dưới sự chứng giám của đôi tình nhân đá này nhé em”. Cô khẽ gật đầu, say đắm, nhìn mắt anh rạng ngời. Lời hứa ấy vang bên tai Xoan. Ấy vậy mà cô không hề hay biết rằng anh đi theo bọn lâm tặc, anh đã theo bọn phá rừng phá núi. Dũng chính là người cô yêu thương, anh đã che giấu cô lúc nào cô không hay. Tại sao anh phải làm vậy? Xoan ngỡ ngàng, càng không thể tin được điều mà giờ đây cô tận mắt chứng kiến.

Hai cha con Xoan đi nhau về. Bỏ lại đằng sau lớp lóa màu xanh của cánh rừng ngút ngàn, màu đỏ của ánh hoàng hôn chiều. Xa xa, những ánh đèn từ làng Vạn thấp lên như những đốm sáng nhỏ lạc lõng giữa rừng. Triết lý ngàn đời nay của dân tộc ta là giữ rừng, giữ nước. Trống đồng chính là biểu tượng văn hóa của dân tộc Việt Nam, là vật tượng trưng cho tinh hoa văn hoá cũng như ý chí quật cường của dân tộc ta con ạ! Đó là những lời nói thấm thía, xương máu mà mẹ Xoan vẫn dạy cho cô sau mỗi câu chuyện mẹ kể, Xoan còn nhớ như in từng lời nói ấy. Nếu như không có rừng có núi, sườn đồi sẽ loang lổ như manh áo vá. Mỗi mùa bão lũ, những dòng suối, sông đỏ ngầu phù sa từ các sườn núi, sườn đồi tuột trôi theo dòng nước xiết. Liệu câu chuyện mẹ cô có thành sự thật trong tương lai hay không, chẳng ai dám chắc được. Chỉ biết rằng, Xoan yêu rừng, Xoan căm ghét bọn lâm tặc. Trên trời, vì sao lẻ loi nhấp nháy...

*

* *

Rừng cây đã bao mùa thay lá, theo nhịp quay tháng ngày của trời đất.

Hai năm sau, Dũng trở về, gầy và đen sạm. Đi cùng anh là một chiến sĩ bộ đội biên phòng. Mọi người đi từ bất ngờ này sang bất ngờ khác khi anh bộ đội biên phòng kể chuyện cho bà con nghe. Chính vì bọn lâm tặc càng ngày càng thông minh, chúng đã nghĩ ra cách róc thịt từng hộp gỗ trên những thân cây mà cây không hề ngã, những cây trầm hương, bồ đề, gỗ quý trong rừng cứ lần lượt ra đi. Bộ đội biên phòng đề cao cảnh giác nhưng không tài nào bắt được bọn lâm tặc vì chúng hành động nhanh gọn và chuyên nghiệp. Với những mảng gỗ vuông vức được xẻ ra, chúng gửi, di chuyển bằng xe máy một cách dễ dàng. Những cánh rừng mới ngày nào còn huyền bí thâm nghiêm, giờ bị xói cày lở lói. Tầm giáp xanh rách toang toác từng mảng. Dũng sống trong rừng từ bé, khi nhìn thấy từng vết thương hoang hoác trên cơ thể rừng, Dũng quyết tâm phải gia nhập vào bọn lâm tặc để triệt phá đường dây của chúng, để chúng tin tưởng và giao nhiệm vụ cho anh. Do tính chất bí mật của công việc mà Dũng đành im lặng, không nói với Xoan, để cô phải hiểu lầm anh. Nhờ có sự trợ giúp từ nguồn thông tin mật của Dũng mà bộ đội biên phòng có thể phá đường dây lớn của bọn lâm tặc. Kế hoạch kết thúc, bộ đội biên phòng và Dũng trở về làng Vạn để làm cuộc tuyên truyền vận động cho mọi người từ trẻ nhỏ đến các cụ già, để mọi người dân xóa mọi định kiến và tin đồn về rừng Ma của làng Vạn, để cùng canh gác bảo vệ tài nguyên rừng này. Dũng cũng được tuyên dương là người anh hùng giữ rừng xanh đại ngàn, anh được trao sổ tiền thưởng từ ban lãnh đạo với những gì anh đã đóng góp và bảo vệ rừng. Dũng biết mẹ Xoan bệnh, anh có ước nguyện gửi sổ tiền thưởng đó đến mẹ Xoan. Gia đình Xoan ghen ngào không nói nên lời trước tấm lòng của Dũng, càng hiểu hơn tấm chân tình của Dũng với Xoan.

Ở góc vườn sau nhà, Xoan khóc nức nở trong vòng tay Dũng. Hương hoa buổi cử thể hòa với mùi gió, mùi đất, mùi của lá, mùi ngai ngái của Dũng ôm trọn hương của núi rừng, mùi hương chờn vờn trong những giấc mơ của Xoan về anh. Những sợi nắng nhảy nhót, vương trên mái tóc Xoan. Lũy tre cong vút nghiêng mái tóc của mình trong làn gió chiều mơn man. Lá và gió hòa quyện thành những bản nhạc vui tươi. Vài chiếc lá bay chạm đất trở về với nguồn cội, những âm thanh khẽ nghiêng rơi của những muôn phần, vỡ òa trong hạnh phúc, chiếc lá rơi chao nghiêng cả ký ức. Ngôi sao trên mặt trống lại lấp lóa, tỏa sáng trong ánh mắt Xoan. Đó phải chăng là niềm tin của dân tộc Việt Nam trong tín ngưỡng thờ thần mặt trời, như niềm tin của Xoan đặt vào Dũng trong suốt hai năm mòn mỏi chờ đợi ngóng trông tin anh. Với Xoan, thần mặt trời của riêng cô chính là Dũng, anh cũng chính là thần mặt trời của cánh rừng làng Vạn. Dáng núi, dáng rừng đã in sâu vào lòng mỗi người con sinh ra và lớn lên ở làng Vạn, hay trong câu chuyện cổ tích của mẹ Xoan. Trên mái nhà, những hàng gạch ngói âm dương đỏ rực như nét mặt rạng rỡ của đôi nam nữ đang kề sát nhau với nụ hôn và cái ôm siết chặt...

2.6.2016

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Chuyện Nhỏ Trong Chiến Tranh - Trần Thanh Hà

Nói là chuyện gì ghê gớm thì quả không phải. Chuyện một người, hai người, chuyện vài người... trong mịt mù bom đạn thuở đó, rồi cũng nhỏ cả.

*

* *

Khi đó Thịnh đang dạy học dưới Phú Vang, vùng chợ Nọ. Khi đó Nguyên không còn ở Huế nữa. Nguyên về Nong, dạy lớp một ở cái làng tí tắp ngoài gần phá Cầu Hai. Biết vậy chứ Thịnh chưa lần nào tới, chưa biết thực ra Nguyên sinh sống thế nào.

Trước, Thịnh đi xe đạp gần chục cây số từ Phú Cam về chợ Nọ, trưa đi chiều tối về. Sau gom được ít tiền Thịnh mua chiếc xe tám bảy, chạy hai chục phút hết quãng đường từng đi xe đạp hết cả giờ đồng hồ. Chiếc xe máy cũ, máy nổ bành bạch, qua đoạn đường mùa mưa nhiều ở nước, lúc nào cũng bám bùn đất trông rất bẩn. Kệ, Thịnh đi cả tháng, cả năm, chỉ bằng lòng bởi tầm năm, sáu giờ ngược lên thành phố, Thịnh thêm thời gian la cà trong quán cà phê Hạ Trắng.

Quán nằm góc đường Điện Biên, hơi sâu, trồng nhiều chanh và sapuchê, lúc nào cũng âm thầm tối lẩn lộn nhiều thứ mùi, mùi những chồi lá lên mốc, mùi quả sapuchê, mùi lá chanh, mùi cà phê thuốc lá, thoang thoảng mùi rác bốc dưới sông Bến Ngự lên nữa. Thịnh chỉ tới đó vào mùa mưa, ngày mưa lớn, lụt, đường qua Đập Đá ngập, quán nghỉ, Thịnh cũng ra ngồi cả ngày. Chiều lòng khách quen, ông chủ quán đặt đĩa nhạc, thường là Trịnh Công Sơn với giọng Khánh Ly nào nuốt. Không có chỗ nào trong

thành phố khiến Thịnh nghĩ và nhớ Nguyên nhiều như chỗ đó. Thịnh ngồi trong chòi lá cuối vườn, trên một con ghế, kéo thêm một con ghế để kể nhìn mưa nhỏ từ mấy giọt lá tranh lúc to lúc nhỏ, nghĩ ngày nào Nguyên ngồi đây, vai hai đứa chạm nhau, đôi khi muốn quàng tay ôm Nguyên thấy Nguyên im lặng lại thôi. Thịnh không quen bày tỏ tình cảm, Nguyên cũng vậy, ngồi với nhau im lặng nhiều hơn nói, từ hồi nào cả hai học chung đến mấy năm ra đi dạy, đều thế. Ngồi vậy mà nghe trong lòng dễ chịu, bữa nào lạnh Thịnh đưa tay cầm tay Nguyên thấy tay Nguyên ấm dần lên... Khi Nguyên bỏ chuyến bay đi California trốn tàu hoả về đây, Nguyên hẹn Thịnh tới, Thịnh tới ngồi cầm tay Nguyên hỏi buồn không, Nguyên nói buồn chi, ở lại với anh, chi buồn. Thịnh thấy Nguyên tội muốn có một cử chỉ tỏ ý biết ơn Nguyên nhưng rồi cũng chỉ ngồi cầm tay thế yên lặng. Nguyên bỏ gia đình vì Thịnh, nhưng lại bỏ Thịnh, bỏ luôn Huế vì lẽ khác...

Những ngày mưa ở Huế rất dài, sáng mở mắt ra đã thấy mờ mịt bên ngoài. Đi ra khỏi nhà, trưa về ngủ vùi một giấc tỉnh dậy, chiều đi ra, tối đi ra, lúc nào cũng thấy mờ mịt như thế. Mưa giăng giăng mịt mù suốt từ tháng bảy qua tháng hai năm sau, mưa lụt rồi mưa phùn, mưa sập trời đất, nước kéo qua các phố, ẩm ướt, sục sùi. Mưa như Khánh Ly hát làm người ta tuyệt vọng, chỉ muốn từ nay gục xuống. Thịnh ngồi nhìn mưa, thỉnh thoảng bỏ xe đi bộ ra quãng đường Lê Lợi ngược lên phía ga. Quãng đường đó nhiều cây me trồng hai bên. Ngày mưa phùn, trong tầng mưa lá me rụng là đà xiên lẩn như sợi nước, ẩm ướt, nhẹ tênh dính đầy trên tóc vai khách qua. Thịnh đi vì cái xúc cảm của Nguyên nhiều năm trước, Nguyên rùng mình khi qua cổng nhà số 5, chỗ đó Nguyên nói, ông nội Nguyên đã chết. Thịnh hình dung người đàn ông mặt gầy mang kính trắng ngồi sau cái bàn trong văn phòng thủ hiến, như thường ra mở cửa tiếp khách, vừa đưa tay bắt thì bị bắn vô ngực. Thịnh hình dung thế, Thịnh thấy ông ngã xuống ghế, chết ngồi, máu sùng vạt áo, kính trễ xuống mũi nhưng không rớt. Thịnh nói quên chuyện đó đi, chuyện từ thời nào mờ ma người khác, bây giờ hết chiến tranh, chúng ta đã ở vào thời đại khác, chuyện đó đến ba Nguyên cũng không chứng kiến hưởng chi Nguyên. Nguyên gạt mấy lá me, ừ, đầu

có nghĩ, nhưng có cái gì vô lý thỉnh thoảng làm mình nhớ tới hình ảnh thực ra mình không biết. Nhiều năm sau, đi một mình qua quãng đó, Thịnh không cưỡng được ham muốn bước vào ngôi nhà kia, tìm đến căn phòng có cửa sổ trông ra sân, ngồi vào cái ghế ông nội Nguyên đã ngồi, thử bước ra mở cửa, thử cảm giác viên đạn phóng tới ngực... Thịnh chỉ ham muốn nhưng không lần nào lọt được vào cổng số 5, đó đã thành một nhà bảo tàng nhưng mấy năm liền người ta chẳng bật sửa chữa, không đón khách. Rồi Thịnh cứ đi qua đi qua, không gì hơn ngoài thả một tiếng thở dài.

Thịnh nhớ người đàn ông gầy ốm buồn rầu trong khung kính nhà Nguyên. Ông là nhân viên văn phòng. Nhân viên văn phòng thì có giữ bí mật gì ghê gớm không, có nợ máu không,... Thịnh không biết, song cái chết của ông để lại mối hận thù nơi người con trai, tức ba Nguyên, thì Thịnh biết. Nhiều năm trước, giỗ nào của ông nội Nguyên cũng gọi Thịnh sang. Lần đó Thịnh sang, gặp lúc ba Nguyên từ trại cải tạo về tới, lồm lổ, mắt ngun ngút một nỗi tàn khốc. Ông làm hồ sơ đi H.O. đợt đầu tiên. Ngày sắp đi, ông gặp Thịnh bảo, anh tha con bé đi, về gia cảnh, không hợp, anh không lo nổi cho nó miếng ăn, vậy đừng nghĩ tới nó. Thịnh đạp xe về Phú Cam năm, nghĩ mình cũng hận thù người đàn ông đó đi, nhưng không được, Thịnh chỉ thấy lòng trống rỗng. Sự giàu sang quý tộc của nhà Nguyên ngày nào Thịnh chưa từng thấy, những đồ gia bảo đã lần lượt ra đi, khi quen nhau Thịnh đã chứng kiến việc mạ Nguyên ngồi chợ Đông Ba, Nguyên đi bỏ mối thuốc lá. Tấm áo dài cũng nhịn không dám may. Vài lần lui tới, Thịnh thành người đàn ông duy nhất trong ngôi nhà toàn đàn bà con gái, tự nhiên xắn áo bỏ cúc, xách nước hay dội lại mái nhà dột. Khi ấy, ông trung tá không lực ở đâu...

Thịnh không thôi Nguyên như cách ông trung tá muốn, nhưng cuối cùng Thịnh cũng không có được Nguyên.

*

* *

Một bữa cuối năm, trời rất lạnh, gió bắc hun hút qua mặt sông Hương thổi vào thành phố, Thịnh chạy xe dưới chợ Nọ lên, mặt tê tái vì gió, vì một nỗi buồn bã như mắc nghiện đã ôm trùm lấy Thịnh những buổi chiều ngưng giảng nhìn đám học trò riu rít túa ra đường. Dù cô em ban trưa dặn hôm nay về sớm nhà có giỗ thì quen lối Thịnh vẫn rẽ vào Hạ Trắng. Buổi nhập nhòa quán có mình Thịnh, nhà quán nhẵn mặt không còn để ý, quen tay ấn một đĩa Khánh Ly rồi chững nào Thịnh ngồi hay đi ra không cần. Nhưng bữa nay ngoài Thịnh thêm một người nữa, một người Tây lạ lẫm, đã phong sương hay đau đớn vì những sâu muợn đọng trên nét mặt. Người Tây ngồi y Thịnh, một mình ngổn ngang ghế, tách cà phê nguội ngắt, mẩu thuốc tàn và mắt nhìn mung lung ngoài kia. Thịnh bỗng chạnh lòng, bắt chuyện không tiện, Thịnh bèn ngồi, coi cái sự ngồi của mình như một sẻ chia. Thịnh sắp đứng lên thì chính người kia bỏ chòi sang chỗ Thịnh.

Thịnh không ngờ gặp thêm một nhân chứng của nhà số 5, có điều chuyện của người này lùi cách hai chục năm so với cái chết của ông nội Nguyên.

- Tôi là William Dubin, người Mỹ. Tôi đến Việt Nam lần này có ý tìm một người quen.

Ông ta giới thiệu, tự nhiên như đã quen thân lâu lắm, làm cử chỉ tỏ ý xin điều thuốc từ gói của Thịnh, rồi nói bằng một thứ tiếng Anh chuẩn xác, thỉnh thoảng xen đôi câu tiếng Việt.

- Năm 1967, tôi ba mươi tuổi, lần đầu tiên đến Việt Nam trong một nhóm nghiên cứu về môi trường. Gọi là nghiên cứu môi trường, song thực chất tôi là người của Bộ Quốc phòng Mỹ, vì kết quả nghiên cứu của chúng tôi sẽ làm ra những cơn mưa nhân tạo trút xuống những miền rừng Việt Nam nhằm ngăn chặn bước tiến của quân Cộng sản. Từ Sài Gòn tôi bay ra Huế chơi. Ở Morin tôi kết thân với vài người bạn. Chúng tôi la cà ở các bar rượu, đánh bạc và cặp với rất nhiều vũ nữ. Một trong các vũ nữ ấy là cô Bé. Tôi thích cô, vì cô giữ cái tên quê mùa trong khi những người khác mang

những cái tên rất mỹ miều. Nhưng cũng là thích như một đồ chơi. Nhiều đêm khuya, khi đã uống rất say, chúng tôi thường bắt cô nhảy và hát, hát cho thật vui và nhảy sao để chúng tôi phải cười lên được. Tôi không biết bản chất mình có độc ác hay không, nhưng bấy giờ đang giữa thời binh lửa, tôi có thể an toàn hơn vì thời gian của tôi chủ yếu ở các văn phòng, giảng đường và phòng thí nghiệm, còn những gã bạn khác, một vài ngày tới chúng sẽ phải rời thành phố và số phận chúng ra sao có trời mà biết được...

Tôi không biết tại sao tôi lại không rời Huế như dự định, nghĩa là trước dịp Tết Mậu Thân. Thành ra tôi đã chứng kiến toàn bộ sự biến thảm khốc của thành phố hồi mùa xuân đó... - William nói. Và Thịnh, bỗng dưng thấy hiện lên trong tâm dấu ấn của cái thời khắc anh trải qua hồi thơ ấu.

Súng nổ vào đêm mùng một Tết, lúc trời sắp trở sáng. Cả thành phố im lìm trong cơn thiếp ngủ choàng thức bởi ba bề súng, súng rền phía Mang Cá. Phú Bài, trên cầu mới, ở mọi điểm trong phố phường. Mạ dựng Thịnh dậy, mặc cho cậu con giã đạp, mạ xù lên như một con mèo cái tha hai đứa con chạy vào nhà thờ Phú Cam, rồi ngay ngày hôm sau tiếp tục tha con chạy khỏi Phú Cam, nhào về Vỹ Dạ, từ đó qua Phú Vang, vòng sang Tây Linh, hơn tháng sau trở lại ngôi nhà cũ trong nỗi sợ hãi. Bằng cách đó mạ Thịnh đã cứu được hai đứa con nhỏ, nhưng người cha và người anh lớn thì bà không cứu được.

- Vậy ông thoát khỏi thành phố này bằng cách nào? - Thịnh hỏi.

- Tôi đâu có thoát. Tôi bị vây trong Morin cùng với Bé. Bé là người Việt, còn tôi là người Mỹ. “Anh tìm cách chạy trốn đi, nếu không anh sẽ bị họ bắn chết, hoặc là bị bắt. Còn tôi, tôi đi đây. Bây giờ thì tôi đổi đời rồi, nếu anh không bắn tôi ngay thì lập tức tôi sẽ dẫn họ đến bắt anh. Tôi căm thù anh. Tôi khinh bỉ anh”. Cô ta nói, bằng một giọng hả hê, đôi mắt nhìn cũng hả hê như thế, rồi bỏ đi.

Tôi cũng đã gắng ra khỏi khách sạn, tìm một sự chi viện nào đó, nhưng gần như lập tức tôi bị bắt. Khi đó trời đã sáng rõ và những cuộc đổ súng có vẻ ngày càng căng thẳng hơn. Quân giải phóng đã chiếm một số cứ điểm dọc theo đường Tulle Perry, như tòa đại biểu Trung phần, trường Quốc học, dinh Tỉnh trưởng... từ đó họ tiến đánh ga Huế và nhà lao Thừa Phủ. Trong đêm sau, họ giải phóng được Thừa Phủ, song ga tàu hỏa vẫn thuộc về quân Cộng hòa cho đến ngày quân Mỹ từ Đà Nẵng và Quảng Trị chi viện lấy lại Huế.

Tôi bị giam ở Quốc học, sau đó bị giải đến nhà số 5 Julle Perry, trụ sở đại biểu Trung phần. Có hai ông cố đạo người Pháp ở Dòng Cứu Thế cũng bị giam chung với tôi, nhưng họ được thả sau vài ngày. Còn lại mình tôi trong căn phòng nhỏ ở sâu trong tòa nhà, căn phòng rất trống, không bàn ghế, chăn nệm. Hằng đêm, tôi nằm còng queo trên sàn nhà, đắp một mảnh vải bạt mỏng. Trong các cuộc thăm vấn tôi khai tôi là nhà khoa học, rằng ngoài vấn đề môi trường tôi không biết gì khác. Không tin tôi, nhưng những người chỉ huy không thèm hỏi tôi nữa, họ mặc kệ tôi. Thế là tôi cứ còng queo ở đó, ngày nhận hai bữa ăn, khi bánh chưng, lương khô hay cơm nắm, ngẫm nghĩ về quá khứ, về cô Bé cùng nỗi hờ hững trước khi bỏ đi, nghe súng đi đùng và đàn ghita mặc cho số phận. Nhưng cũng có những ngày đêm thành phố thật yên tĩnh, giống như hòa bình đã đến ở ngoài kia thật rồi, như cơn ác mộng cho xứ sở này đã chấm dứt. Chỉ có tôi, không biết kết cục với mình sẽ là thế nào đây...

Thời gian chậm chạp trôi đi. Hai mươi một ngày kể từ khi tôi bị bắt. Sáng nọ, đích thân người chỉ huy mở cửa cho tôi. Ông ta, một con người tầm thước chừng ngoài bốn mươi, nói giọng Huế chuẩn, chất giọng chậm rãi và hơi chút gì muộn phiến... “Từ giờ phút này anh được tự do - Ông ta nói - Anh cứ ra khỏi cổng rồi đi đâu tùy ý, miễn rằng - ông nhắc thêm - đừng làm gì chống lại chúng tôi, vì dầu có chống lại thì chúng tôi cũng thắng”. “Nhưng tôi không muốn đi” - tôi nói. Tôi đã không chờ tự do theo kiểu này. Nghe tiếng súng, tôi biết ngoài phố lại đang chiến sự và có lẽ

người Mỹ đã bắt đầu muốn chiếm lại Huế. “Đi đi, ngài cố vấn - người chỉ huy nhìn tôi - chúng tôi đã không bắn ông thì bây giờ cũng không bắn. Chiến hữu của ông ở ga tàu đang kiểm soát đoạn đường phía trước chắc là không nhằm vào ông rồi. Ông cầm lấy cái này mà liên lạc với họ”. Ông ta đưa tôi một cái khăn tay. Thì vậy, tôi đành ra đi, tôi được tự do từ giờ phút này, thì tôi cần phải đi chứ. Tôi vẫy chiếc khăn trắng cao trên đầu, từ từ bước khỏi tòa nhà, tiến ra phía cổng. Tôi là người Mỹ, Chúa ạ, những người lính đang ẩn nấp đâu đó phía ga tàu hẳn nhận ra tôi. Đây bước đi, một, hai, ba... Nhưng mọi sự đều nằm ngoài ý niệm của tôi, khi tôi lơ lửng ngoài đường, thì trong yên ắng của buổi mai, một phát súng duy nhất, một phát súng gọn ghẽ đã vang lên. Tôi không nghe thấy, nhưng tôi biết mình đang ngã xuống...

Ngã xuống ư, một ngôn từ hợp lý để diễn tả những cảnh nằm xuống trong chiến tranh, nằm xuống trên mặt đường, dưới bầu trời mưa rộng rãi, từng hạt li ti dịu ngọt nhưng sẽ thật buồn. Người ta thế nào lúc đó? Hẳn rằng người ta cô đơn, vì dẫu cho có nằm xuống một mình thì vẫn cô đơn xiết bao. Thịnh mơ hồ theo đuổi những ý nghĩ, đầu óc anh trôi dạt về ngày mưa phùn năm 1968 đó. Anh nhớ anh chạy đi dưới nách mạ, không sợ chết, thấy mệt quá chùng đi. Đây mạ ơi, cho con nằm một chút, rồi con sẽ tỉnh dậy, rồi mạ bảo đi đâu con cũng đi, Thịnh rên rỉ. Mạ không nói không rằng, cứ xốc Thịnh lên, không cho dừng lại hưởng chi còn nằm xuống. Về sau khi ba mạ con trở lại xóm đạo sau lưng Phú Cam, nghe nói người cha và anh cả trốn vào nhà thờ, ở lại trong đó với nhiều người khác. Thịnh hình dung họ xếp hàng nằm trên sàn phòng nguyện, thứ tự lần lượt người này đến người nọ, mắt nhắm cho thật chặt, dù bên ngoài súng nổ thì bên trong thành quách chuông vẫn rền vang. Họ nằm đó và không về nữa. Mạ Thịnh sắp xuống nền đất ẩm ướt của khu vườn chôn nhau cắt rốn, gào lên, như dồn tỏa đau thương muôn ngàn kiếp đầu thai lại trong bà. Nguyên, nhiều năm sau lên chơi gặp bữa mạ Thịnh lên cơn, cứ quỳ xuống mà khóc, cháu có tội, cháu phải làm gì, làm gì... Nguyên không nói gia đình Nguyên đã ở đâu hồi Tết đó, nhưng Thịnh biết ba Nguyên, sĩ quan không lực, đã bay

giội napan xuống những cánh rừng miền Tây để trả thù cho thành phố bị tấn công hồi Tết.

Cảnh tàn sát những cánh rừng miền Tây bằng B52, napan và chất diệt cỏ, Thịnh nghe từ chính chị Duyên. Vào hồi Thịnh là bé con, chị Duyên đã lớn, kiêu diễm lộng lẫy như một nhan sắc lạc lõng nơi xóm đạo đàn bà con gái đời này qua đời khác không biết gì ngoài chăm nón, những lưng còng mặt cúi như định mệnh. Sau dịp Tết Mậu Thân, chị bỏ thành phố lên rừng theo quân Giải phóng. Nhưng đời sống chùng nào cũng phi lý, chị nói, chị muốn trở về thành phố với một tư thế khác, cần ngẩng đầu lên, nào hay những cuộc chạy, chạy bom đạn, chạy biệt kích ở trong rừng đã làm chị không đủ sức để chịu đựng. Lần này bỏ rừng chị không bao giờ còn dám nghĩ tới đổi thay nữa. Quên đi nhan sắc, quên đi giấc mơ kiêu hãnh, chị ngồi xuống bên cái khung nón, ngày qua ngày đâm kim kéo chỉ lên nổi lòng, để lòng càng lúc càng câm nín đi...

Nhưng người con gái đó, chị Bé nào đó đã đi đâu về đâu trong tháng ngày kia. Thịnh bắt chợt rừng mình.

- Tôi có nghĩ về cô ta, nhưng không nhiều lắm nếu tôi không gặp lại cô ta. Một tình huống oái oăm. - William kể tiếp. - Vào khi tôi đã nằm trên mặt đường, tôi nghĩ tôi sẽ chết, mọi sự sẽ kết thúc tại đây, không vinh quang song cũng chẳng bi đát cho lắm. Nhưng bỗng dưng tôi thấy có bóng người lọt khỏi cánh cổng tôi vừa đi ra ban nãy, chạy về phía tôi. Tôi cảm thấy cả những luồng đạn lúu rú bay từ đâu đó nữa. Một người thật, một người con gái quý bên cạnh tôi, bàn tay mềm giống không phải sự thật, vuốt lên gương mặt tôi, này William, anh nhận ra tôi không, tôi là Bé, cô Bé cave, cô ta nói, tôi đến để băng vết thương cho anh đây... Trong cơn mơ màng của cái chết đang đến gần, tôi thấy gương mặt dịu dàng của cô ở trong vành mũ, đôi mắt rộng lớn có những tia sáng ấm áp. Trong bầu trời mưa còn bay và những chấm lá nhỏ theo mưa rơi xuống trên mặt tôi. Ngần

ấy thời gian của cuộc đời, tôi chưa từng có buổi sáng nào tuyệt đẹp như thế...

- Sau đó thì sao? - Thịnh hỏi.

- Sau đó ra sao tôi không biết. Tôi tỉnh dậy ở trong bệnh viện. Người ta nói quân Giải phóng đã rút sạch rồi. Mổ vết thương xong, còn nằm nguyên trên băng ca, tôi bay về Mỹ...

*

* *

Mất khá nhiều thời gian Thịnh mới tìm được người chỉ huy cánh quân giải phóng ở bờ Nam sông Hương hồi mùa xuân 1968. Bấy giờ ông đã lên cấp tướng và đã về hưu. Cũng mất nhiều thời gian nữa Thịnh mới gọi ông nhớ lại hình ảnh ngôi nhà Đại biểu Trung Phần số 5 đường Julle Ferry.

- Chúng tôi là những người cuối cùng rút khỏi thành phố, - ông ta nói, - song chúng tôi đã bị thiệt hại rất nhiều.

Thịnh hỏi ông ta về người con gái tên Bé, một trong số bao nhiêu người Huế đã theo quân Giải phóng năm đó. Ông trầm ngâm, rồi cũng nhớ được. Quả cũng có một nữ cứu thương mang cái tên như thế. “Nhưng cô ta chết rồi, chết vào buổi cuối cùng trước khi rời bỏ thành phố. Cô ta muốn cứu một thằng Mỹ. Tôi bảo, mặc kệ hă đi, chúng ta đâu có bắ hă, chiến hũ của hă bắ hă đấy chứ, nhưng cô ta cứ đi. Và bọn lính ở ga tàu hỏa đã không bỏ lỡ cơ hội...”. Giọng ông ta đều đặn, chậm rãi, thứ giọng William nói, hơi có chút gì muộn phiền. Mà muộn phiền thật không, những câu chuyện, những phận người đã như lá bay qua, ở xứ sở lịch sử có quá nhiều đau thương này...

Rời nhà ông già, Thịnh đi bộ qua thành phố, về ngang Hạ Trắng. Dầu khuya muộn quán vẫn chưa đóng cửa, trong im lìm, trong bao nhiêu mùi

ngai ngái quen thuộc, trong một trạng thái ơ hờ không vô vập mà chẳng bỏ lơ, Khánh Ly vẫn hát như nhiều năm về trước, như năm nào Nguyên còn ngồi đây vai khẽ chạm vào Thịnh, im lặng thôi nhưng sao dịu dàng thế, Người đã đến và người sẽ về bên kia núi, từng câu nói và từng tiếng cười... Thịnh lặng đi, ồ người này, sao cứ ca hát không mỏi mệt về phận người. Còn lại gì, còn như lá kia bay đi... Thì sao Thịnh không thể coi chuyện đó như không, để gọi Nguyên về, giữa Huế, giữa những ngày không vui sướng gì mà thương xót bao nhiêu.

Thôi, sớm mai Thịnh sẽ về Nong, về gặp Nguyên và nói rằng, thôi Nguyên, vậy, đời chúng mình cũng đã buồn lắm rồi.

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Mùa Cá - Trần Thanh Hà

Năm ấy, đến độ tế thần Đầm trời vẫn còn rét đậm. Theo trí nhớ của Đăm, thì chưa năm nào đến giữa tháng ba mà còn giá thể. Sáng ra nhìn bên ngoài hơi giá bốc từ mặt đầm lên mù mịt, không thấy mặt trời, chừng trưa hơi hửng nắng, mới cảm thấy ấm đã sập lại, đêm càng rét dữ. Vạn chài đã kéo về nấp ven chân núi, người ta chỉ đi loanh quanh bờ kiếm chút cá tôm, không ra chài cả vạn nữa từ lâu. Nhưng đến lễ tế thần Đầm, thì lại kéo nhau ra ngoài vùng tế lễ. Mỗi khẩu mấy nghìn bạc, ngày thường đỡ nhau, nhưng lễ tế ai cũng muốn đóng góp công bằng, không xin không nợ ai. Nhà Đăm có Đăm và mẹ già, mẹ ốm đã ba năm, Đăm có bao nhiêu thuốc thang hết cho mẹ bấy nhiêu, kiệt lực phải vay trùm vạn một suất. Mẹ Đăm giữa chừng cơn ho gượng dậy được, hỏi Đăm có dành đủ tiền lễ xong lên bờ bắt vợ không. Mẹ Đăm biết gần đất xa trời, chỉ muốn Đăm mau lấy được vợ. Trai như Đăm, ngót hai lăm, ở vạn này có một. Chăm chỉ, nhưng mà thật thà quá, con gái vạn hiếm hoi chẳng nhìn đến, lễ thường đã phải lên bờ tìm vợ từ lâu, nhưng ngặt nỗi mẹ ốm Đăm lần khân mãi. Gái vạn chài đã không, lên những vùng ven đầm, rập rình vài phiên chợ, có con gái nhà nào nghèo quá, hay sơ sĩnh không cha không mẹ, may người ta thuận lòng về theo cùng. Đăm nói còn tiền, tế xong theo anh em trai vạn lên chợ phiên. Đăm nói thế, nhưng mà biết năm nay mình cũng không thể nào theo được anh em, rồi sang năm, sang năm nữa, không biết đến bao giờ... Đăm sinh ra đã lênh đênh mặt nước, theo cha mẹ sống bám lấy nước, rong ruổi qua nhiều miền sông nước, đến lúc nhập được vào các vạn chài vùng phá Tam Giang này thì cha chết. Đăm chín tuổi, lui cui thuyền nóp, đã biết chèo mùng câu cá tôm, lớn mười hai mười ba biết cùng trai tráng quăng chài, xuân hạ thu đông, chỉ biết có mặt đầm mà không mấy khi đặt chân lên đất.

Ai còn có tuổi nào vui chơi, Đăm thì không, nhỏ lớn đều làm lụng đơn độc, không biết tình yêu, chưa chạm tay một cô gái, nhưng biết mong mỗi đời sống chồng vợ, chồng đầu tắt mặt tối, rời tấm lưới cung câu ngóng lên thuyền thấy vợ thổi nấu đầu mui, đàn con lít nhít sàn thuyền. Nhưng chưa biết chừng mẹ chết, Đăm rời ra cô độc suốt đời.

Đăm không quen nghỉ, mẹ giục chuyện nhay cảm buồn mất một lúc rồi kệ, không buồn nữa. Lễ tế, khi vạn chài đốt vàng hương rắc lễ cho thần Đăm, Đăm hò reo dữ nhất. Giá lạnh mà chàng ta chỉ quần khố, phơi tấm thân trụi trũi đen bóng, hết lễ cúng lao đầu xuống nước mong được ăn lộc thần theo như giai thoại truyền nhau qua bao thế hệ dân chài. Trẻ tráng thấy Đăm nhộn, cười, đám ông bà già, đám con gái cười, nhìn Đăm như con nít ăn chưa no lo chưa tới. Đăm lội quẫy một lúc, đến vãn hết thuyền mới ngoi lên, thay cái khố, tự cời bếp than, tự nướng vỉ cá, sắc cho mẹ ấm thuốc, chưa ngủ đầy giấc đã bừng mắt nghe sấm chớp rồi mưa nặng hạt như đã giữa vụ hè. Vạn chài từng bừng, trời có sự lạ, thế nào cũng báo được mùa cá tới. Đàn bà mang lu chậu hứng nước, đám đàn ông tụ quanh mấy thuyền, rủ nhau uống rượu, uống xong say khật khưỡng hò mấy câu giọng lú lú cả lại. Đăm cũng vãn hai cái lu hứng ít nước ngọt, ngồi nhìn những giọt mưa nhỏ từ mái nóp, rồi bươn bả lấy thúng đi. “Không ngủ còn đi con?” - người mẹ đau ốm cố hỏi thì thào. “Đi bữa nay, may ra được con cá lớn.” - Đăm nói. Nhiều năm rồi đêm nào sau lễ tế Đăm, Đăm cũng đi. Giấc mơ được con cá chủ đầm biết phù hộ cho kẻ nào diện kiến nó ăn vào trí chàng trai quá lứa vạn chài. Người mẹ không dám nói, đó chỉ là câu chuyện bà thêu dệt kể cho con trai nghe như một nỗi hy vọng mơ hồ trong cuộc sống lênh đênh cơ cực. Tiếng thở dài của bà nghẹn trong cơn hen đã dâng tận cổ, nước mắt đầm gò má hôm đưa con không thấy. Tiếng dầm của Đăm đã khua ngoài xa. Lẫn trong tiếng giọt mưa có tiếng ai đó hò náo nức, một cái đầu ló ra khỏi một mui thuyền, hỏi trong màn mưa mù mịt: “Ai?” - “Tui Đăm.” - “Lại đi kiếm con cá chủ à Đăm?” - “Đi chứ, năm này tui không gặp nó thì không năm nào tui được gặp nó.” Đăm nói câu đó, như dăm năm trước

Đằm đã nói, không phải ở vạn Thọ Xuân mà ở vạn trên, khi hai mẹ con còn ở trên đó.

*

* *

Chuyện Đằm đi tìm con cá chủ đêm lễ tế không nói ai cũng biết. Chuyện Đằm về sớm hôm sau không phải với con cá mà với một xác người bã bươi còn loang nhanh hơn. Tin chiếc tàu lạ tránh vùng biển xoáy vào ven đầm bị chìm đã có người đưa trước khi Đằm về, cả đêm vạn chài nín thở cầu khẩn thần Phật. Vừa cúng thần Đằm ban trưa, đêm đã có vật sống dâng thần, chuyện xưa nay hiếm, dù là chuyện may mắn nhưng cả vạn thấp thỏm. Ấu lễ trời định thế, vạn chỉ cố chờ cho cuộc tế mạng được đủ đầy. Thế mà sớm nay Đằm về với một cái xác, xác con gái, dù xống áo rách nát cũng biết rõ người thành phố, mà nhất định người từ cái tàu trang trí diêm dúa bị đắm hồi đêm. “Bỏ xuống đi Đằm. Mạ lạy con! Con sống trên đầm đã biết tục vạn chài. Người có mỗi miếng ăn con không được tranh mất miếng của Người!”. Mạ Đằm ráo hoảnh, quên cơn đau đốn sợ hãi nhìn con trai. Vạn chài nổi giận, tiếng thanh la inh ỏi, dăm đàn ông bắt thịt cuộn cuộn đã rút chuôi dao đặng đặng sát khí. Cả vạn vây lấy con thuyền nhỏ của Đằm. Người đàn bà còn nằm vắt ngang, tóc xõa ra, vừa được Đằm trùm cho chiếc chăn dạ rách. Không phải người sống, cô ta chỉ là cái xác chết.

Mày tính sao Đằm? Đằm ngửa mặt ngơ ngác. Tế nó luôn! Vài cánh tay đã vung dao sáng loáng. Tế nó! Những tiếng hưởng ứng trầm trầm. Người mẹ Đằm như con ve khô, hết gập về phía Đằm lại gập lạy đám trai vạn chài đang phẫn nộ. Người ta đang sắp sửa nhảy sang thuyền Đằm. Con thuyền nhỏ chòng chành hoảng lên giữa hàng chục ánh mắt hằn thù. Tính sao bác trùm? Ai đó hỏi trùm vạn. Im lặng. Tính sao bác trùm? Giọng hỏi đã mất kiên nhẫn. Ông Vĩnh, trùm vạn Thọ Xuân đứng đầu con thuyền lớn nhất, áo the đã buông xuống tự bao giờ, tiếng vỗ ra: “Anh em! Chúng ta tứ xứ vì thương yêu nhau mà kết thành vạn, không ai quê hương bản quán ở

đây. Nhưng đầm cho chúng ta cái ăn cái mặc, đầm nuôi sống chúng ta, nên đầm phá là cha là mẹ là quê hương của ta. Năm nào ta cũng tế lễ thần Đầm, năm đói lễ nhỏ năm no lễ to, mỗi ngày ăn ngủ ta đều cầu khẩn thần. Thần không thể không thấu lòng thành của anh em ta. Lệ vạ chài ta, cái gì trời cho thần cái đó thuộc về thần, không ai được tranh cướp. Ta không tranh cướp cái gì của thần. Kẻ nào làm việc đó tự nó sẽ chịu phạt. Ta không nên gây thêm thù oán. Đầm này rộng lớn, ở vụng này không xong ta tìm vụng khác. Thần Đầm chở che anh em, không có gì phải sợ...”. Trùm Vĩnh chưa nói xong, đã vang tiếng rút neo loạt soạt. Rồi đồng loạt thuyền trước thuyền sau, không ai tiếc thương, trong chưa đầy mấy mươi phút, cả vạ chài đầm ấm quây quần không còn dấu vết, chỉ còn trơ lại thuyền nhà Đầm với trời nước.

Đầm cứu được cô gái nhưng không giữ được người mẹ. Mấy hôm sau người mẹ lên cơn hen, lịm dần rồi không tỉnh lại nữa. Đầm mặc cho mẹ bộ quần áo lành duy nhất còn lại trong thuyền, công xác mẹ lên bờ, suốt một đêm rét buốt loay hoay mới đắp được năm mộ, trông hòn đá làm dấu, không cả hương để đốt, quỳ vái mẹ ba vái, rồi xuống thuyền. Đầm cũng nhổ neo đi, từ đó không nhập vạ chài nào nữa, lênh đênh trên mặt đầm phá một mình, khi đi về tây khi dạt sang đông, đêm hay sáng cũng lênh đênh như thế, chỉ lên bờ đổi lương thực, quần áo và nước ngọt. Cũng từ đó, không còn tìm đâu thấy chàng Đầm vui cười, chỉ còn gã trai lầm lì mắt tối sầm nổi buồn lúi húi chài lưới, buồn quá cất dăm câu hò ngớ ngẩn không ra đầu không ra cuối.

Người con gái Đầm cứu từ chiếc thuyền đắm tên Vân. Những năm giữa thế kỷ trước Vân nổi tiếng hoa khôi ở Đồng Khánh, cũng nổi tiếng bởi mối tình với chàng công tử con một nhà quan ở Huế. Người con gái thanh xuân vừa mơ giấc mơ hạnh phúc, không ngờ bị tình phụ. Để tránh tai tiếng cho con gái, gia đình tìm cách gả cô cho một nhà giàu đứng tuổi mãi tận xứ Tư Hiền. Chiếu hoa trái đỏ rực từ thềm xuống bến, thuyền hoa dập dềnh hai ngày hai đêm suốt mạn sông Hương, đàn sáo inh ỏi, mà mặt cô dâu buồn

như đưa đám. Mỗi tình đầu chưa dứt cho đến ngày cô lấy chồng, cái mầm sống bé xíu đang từng giờ đòi lớn ở trong cô. Nhà giàu còn muốn loanh quanh trăng mật trên đầm nước, bất kể gương mặt buồn cô dâu, bất kể trời trở sục sùi, chỉ không lường cái tai nạn bất đồ đúng vào đêm dân các vạ chài Tam Giang tế thần Đầm của họ.

“Cô về đâu tôi đưa cô về?”. Đăm mở miệng hỏi khi cô gái đã khỏe lại. Lắc đầu. Đăm lại nhổ neo đi. Không chỗ nào thuyền dừng đủ ba ngày. Sau một tháng đã xa vùng cửa Tư Hiền không biết bao nhiêu mà kể. Sau ba tháng, bụng cô gái đã nhô lên khỏi lần áo. Năm tháng đi đứng đã khó khăn. Tháng thứ tám chỉ còn nằm một chỗ. Một mình Đăm kiếm cá đổi gạo, một mình Đăm nấu nướng giặt giũ. Mà tên cô Đăm cũng không hỏi. Những ngày cuối khi biết cô gái sắp sinh đẻ, Đăm lân la một vạ chài nhỏ, đem những thứ đổi được trên bờ biếu cho bà mẹ. “Vợ tui - Đăm nói - nó sắp đẻ. Trăm sự nhờ mẹ.” “Từ lúc nó chớm đau đến lúc đẻ, mất hàng buổi, cứ làm lụng đi, lúc nào nó đau dữ tới gọi”. Bà mẹ dặn. Nhưng lúc cô đau, bà mẹ đi mất lên chợ chưa về, thế là người trai chưa một lần gần gũi đàn bà là Đăm đành làm thay phần việc của bà mẹ.

Đêm hôm trước ngày tháng bé chẵn tháng, Đăm nói với mẹ nó: “Ngày mai tôi tế nó”. Đăm không hiểu cái từ tế Đăm nói gây nên một nỗi kinh hoàng trong lòng người mẹ. Ngày chẵn tháng tháng bé, Đăm đồ một liên xôi, sắm ít vàng hương, anh lập một ban thờ ngay đầu mũi thuyền sắp lễ cúng. Thắp hương khấn vái xong, anh bế thằng bé đưa ra mạn thuyền, chưa kịp một tiếng kêu, chỉ nghe bồm, thằng bé đã như hòn sỏi chìm ngấm dưới nước. Người mẹ trẻ hét một tiếng lớn, ngất lịm.

Đứa bé không chết, người mẹ không chết. Người vớt họ lên khỏi đầm nước lại chính là Đăm. Nhưng vài hôm sau, giữa một đêm Đăm ngủ thì người mẹ bỏ con vào chiếc mùng nhỏ chèo đi.

*

* *

Thầy giáo Nghĩa, người đã nhiều năm lặn lội dạy chữ cho trẻ em các vịnh chài trên phá Tam Giang rủ tôi ra đầm câu cá vào một đêm tối trời. Tôi làm báo, theo nhóm của Mặt trận Tổ quốc huyện đi vận động định cư trong khối vịnh chài, tình cờ gặp Nghĩa khi anh đang dạy một lớp học ở vịnh Thọ Xuân mấy năm trước. Bây giờ dân vịnh Thọ Xuân đã lên bờ lập xóm, người vịnh chài đã có nhà cửa, biết sống vệ sinh, con cái đến trường học. Dân chài bỏ cuộc sống lênh đênh được hướng dẫn cách nuôi trồng thủy sản, đã đổi được đời, chưa giàu nhưng có của ăn của để. Nhưng trên phá Tam Giang còn nhiều vịnh chưa làm được như Thọ Xuân. Nên Nghĩa còn lặn lội. Khi bên này lúc bên kia phá, Nghĩa không ngừng những lớp học di động, chừng nào vịnh chài chưa hết người thất học. Trong khi ngồi chờ cá, nhìn ra xa phía cửa Tư Hiền thấy những đốm sáng của thuyền chài ngoài cửa biển, trên mặt đầm lâu lâu lóe lên ánh lửa của nấp canh tôm, Nghĩa kể tôi nghe chuyện này. Anh nói: "Đêm đó, mẹ tôi chèo mùng đi cả đêm, đến sớm hôm sau nhìn lại con thuyền cũ đã mất hút. Mẹ nhịn hai ngày mới gặp được người cho ăn. Rồi cứ đoán định phương hướng mà đi. Mẹ muốn đưa tôi trở lại thành phố. Trên đường mẹ tình cờ thấy người ta làm lễ chẵn tháng cho một đứa bé trai, cũng cái lễ như cha tôi đã làm với tôi. Đứa trẻ trai đầy tháng sinh ra trên đầm phải là con cái của đầm, nó cần có một cuộc tiếp xúc với đầm nước vào cái ngày đủ tuần trăng. Tục lệ muôn đời trên đầm phá này là thế. Cha tôi muốn tôi là con của Người, nên đã hành lễ cho tôi theo tục của dân vịnh chài. Nhưng mẹ tôi lại hiểu lầm.

Hôm sau, trông dáng núi mẹ tìm về hướng neo thuyền bữa trước, nhưng đi loanh quanh một tháng trong vùng đầm, người trai tên Đăm vẫn bật vô âm tín. Mẹ tôi mang tôi lên bờ, tá túc một gia đình ở ven đầm, cũng cố đến mấy năm tìm kiếm mà không thấy tăm tích người cũ, mẹ mới mang tôi trở lên Huế. Năm tôi tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, mẹ mới cho tôi biết gốc gác của mình. Theo nguyện vọng của mẹ, tôi trở lại vùng đầm. Tôi chọn công việc dạy học cho các vịnh chài còn có mục đích là tìm lại cha tôi.

Tôi làm công việc này từ hồi còn chiến tranh. Nhưng ngày đó không ai chịu học. Bây giờ thì trẻ con người lớn đều muốn học. Nhưng để thay đổi cuộc sống của người vạ chài thì không phải ngày một ngày hai mà được. Nhưng bây giờ chính quyền, mặt trận... đã vào cuộc. Tôi tin chả mấy chốc nữa, các vạ chài đều có cuộc sống tốt như vạ Thọ Xuân". - Nghĩa nói. Nhưng tôi quan tâm đến câu chuyện đời của anh. Tôi hỏi: "Anh có tìm được ông Đăm không?" Nghĩa trầm ngâm, một lúc mới nói: "Có, tôi tìm được cha tôi. Nhưng tôi chậm chân. Năm 1968, cha tôi giấu một người trong thuyền. Bị lính cộng hòa lục soát. Cha tôi cứu được người kia, nhưng ông thì bị lính bắn chết". Rồi anh cười: "Đó, cái ông chủ tịch mặt trận dặt anh đi viết bài đó, là cái người cha tôi đã cứu. Sau giải phóng, chuyện tôi tìm cha đã loang khắp vùng đầm, đám trẻ tôi dạy học đem câu chuyện của tôi kể cho khắp lượt, rồi chúng thay tôi dò hỏi tin tức cha tôi. Ban đầu có người cũ ở vạ Thọ Xuân tìm tôi, họ cho tôi biết phần đầu của câu chuyện, rồi thì chính ông chủ tịch mặt trận đi tìm tôi, và tôi biết đoạn kết".

Tôi ngồi bật dậy: "Trời ạ, quanh cái vùng đầm này, thêm từng ngày tôi biết về nó là từng ngày tôi nghe thêm một câu chuyện y như cổ tích. Những chuyện Nghĩa kể, nó đã thuộc về quá khứ, nhưng chuyện anh đang làm đây, là cổ tích của thời hiện tại, nó đẹp và đáng trọng biết bao. Tôi sẽ viết về anh". - Tôi nói.

Nghĩa thấy tôi sừng sốt, anh còn cười. Anh bảo: "Thôi, mai tôi đưa anh về nhà gặp mẹ tôi. Bà mới là nhân vật sống của những câu chuyện cổ tích. Mọi chuyện tôi làm đây đều là do ý bà. Vạ Thọ Xuân lên bờ được hết cũng nhờ bà vận động. Anh về tháng ba, sẽ thấy những lễ cúng đầm bây giờ không phải do trùm vạ đứng ra tế nữa, người tế là bà mẹ tôi đấy... Bây giờ no đủ quanh năm, không phải chờ mỗi năm một mùa cá như trước đây nữa... Anh nhìn xem, lúc này cũng đang mùa cá đấy!".

Tôi chui ra khỏi nóp. Ở bên ngoài đã hứng ánh sáng của một ngày mới. Phía xa cửa Tư Hiền, thuyền đang về bến. Trong một vụng đầm,

người chủ chài tung mẻ lưới cuối cùng của đêm, mắt lưới bắt ánh sáng buổi sớm tạo nên những đốm sáng lóng lánh. Nghĩa đứng đầu mũi thuyền mỉm cười. Trên gương mặt anh một niềm hạnh phúc đang bùng thức.

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Người Đàn Ông Của Tôi - Lê Thị Bích Hồng

1. Anh là người đàn ông tôi gặp và yêu sau một thời gian trái tim ngủ yên trong mùa đông băng giá. Mỗi tình đầu chỉ còn là kỷ niệm xa xăm. Tôi những tưởng không còn biết yêu, biết rung động trước một người đàn ông nào khác. Định mệnh hay duyên trời đã khép cuộc đời chúng tôi vào một chiều thu se lạnh tại vùng Đông Bắc trập trùng đồi núi quanh co. Anh không như những giọt gió tình ào ạt, sự ân cần, từ tốn và tấm lòng độ lượng ấy đã chinh phục trái tim khép kín nơi tôi. Cuộc gặp gỡ định mệnh với người chiến sĩ công an nhân dân đã tạo bước ngoặt đời tôi. Tôi thực sự hạnh phúc từ khi có anh...

Sau khi tốt nghiệp khoa ngữ văn trường Đại học Sư phạm Hà Nội, theo điều động của tổ chức, tôi về nhận công tác ở một huyện biên giới của tỉnh Quảng Ninh. Thăng, bạn trai tôi, người phố cổ Hà Nội, đang công tác tại ngành ngoại giao phản đối kịch liệt quyết định đó. Anh cho là tôi bướng bỉnh, đại khờ và quá lãng mạn khi không tuân thủ sự sắp đặt khôn ngoan của anh. Anh nói như quát:

- Em định chết già ở vùng núi rừng heo hút đó à? Em để mẹ lụi hụi một thân một mình sao? Sống không biết đường sống, lại lao đầu vào chỗ khổ. Rồi xem em bướng bỉnh đến bao giờ. Yêu em nhưng không bao giờ anh lại rời đại theo em dẫn thân ở nơi xa xôi hẻo lánh: điện không có, văn hoá nghèo nàn, dân thì thất học... Có nhất thiết cứ phải chôn vùi tuổi xuân ở đó? Gia đình xin cưới vào cuối năm nay. Có hộ khẩu Hà Nội chẳng dễ đâu. Buồn, muốn đi làm, anh chạy cho chân coi giữ thư viện, hoặc mở cửa hàng, bán gì cái nghề bán cháo phở, đồng lương còm cõi không đủ hút thuốc vật...

Chúng tôi chia đôi ngã rẽ. Con đường tôi đi không có Thăng. Anh nói yêu tôi, nhưng vô tình gạt bỏ những nghĩ suy, mối mong, niềm đam mê tôi đã từng ấp ủ. Anh muốn biến tôi thành “búp bê dễ thương”, chỉ bày tử kính, cách ly khỏi thế giới bên ngoài. Anh thường xuyên vắng nhà với những chuyến công tác nước ngoài dày đặc. Bạn bè và ngay anh luôn cố suýt cho một thời thượng kiếm vợ giáo viên, nghề sạch sẽ, cao quý, có thời gian chăm sóc gia đình, lại hiền thực, chung thủy... Sự đảm bảo bằng vàng cho một cuộc sống nhung lụa là mơ ước của nhiều cô gái, thế mà tôi dám từ chối. Kẻ ác miệng gán cho tôi nào là ầm đầu, nào là lẳng mạn, thiếu thực tế... Anh lấy Tần - cô bạn cùng lớp tôi - ra so sánh: “Con bé ấy mới thức thời. Nó dám chống lệnh, dám tuyên bố sẽ chỉ nhận công tác với bán kính không quá năm kilômet (lấy Hồ Gươm làm tâm). Còn em thì...”. Anh dám đem tôi ra đo với cái người sinh ra ở nông thôn mà lại chối bỏ bùn đất lấm láp. Nó chê cái tên Tần nghe có vẻ quê kệch tự đổi là Lan Tâm. Mấy lần có khách hỏi cái tên mới, lớp chúng tôi đều ngơ ngác và nói phòng không có tên này. Một hôm, cả phòng ngạc nhiên thấy nó chạy ra ôm chầm một ông dáng như đại gia, đầu cạo trọc, nhẫn thín, đeo đầy vòng, đầy lắc khoe với phòng: “Đây là ba tớ, công tác ở Bộ...”. Sự việc vỡ lở khi mẹ Tần lặn lội từ quê ra thăm con. Bà lễ mễ tay mang nải chuối, tay xách bao khoai lang, móng chân nhấp nhới nhuộm bùn nâu đứng trước cửa phòng:

- Các con cho u hỏi đây có phải là cái lớp 3 “bi” có cái Tần nhà bác không?

- Vâng, lớp chúng con là 3B, có bạn Tần u ạ.

- Thế mà con Tần nó bảo phải gọi là 3 bi theo tiếng Anh, tiếng Pháp gì đấy. Thầy nó đi làm đồng năng bị cảm nặng. Đánh mấy cái điện mà không thấy nó về. Hôm nay u lên tận nơi gọi. Chả nhớ ông ấy...

Tần trốn biệt không gặp mẹ. Đã thế, nó còn nhờ tôi nói dối là đi kiến tập. Cả phòng chúng tôi thương mẹ mà phải vờ theo nó. Bà ngủ một đêm tại phòng rồi hôm sau anh Ba (lớp trưởng) chở mẹ Tần ra bến ô tô...

Tôi lặng lẽ ra ga. Thẳng “cắm vận” mọi mối quan hệ. Anh nghĩ “liều yếu đào tơ” như tôi làm sao có thể trụ được ở cái xứ sở anh cho là khi ho cò gáy. Lấp chỗ trống vắng và cố tình trêu tức tôi, anh ta kêu ngay cô bạn “thức thời” ấy...

Không biết bao đêm tôi đã khóc. Nỗi nhớ mẹ già vò. Nhưng khủng khiếp hơn là hẫng hụt và thất vọng với người mình trót trao gửi niềm tin. Sự đổ vỡ ấy thật đáng sợ: “Mất tiền là chưa mất gì, mất tình yêu là mất một nửa, mất niềm tin nghĩa là mất hết” như ai đó đã nói. Tình yêu, niềm tin, mong ước cứ dần dần tuột khỏi. Tôi chơi với...

Xuống ga Hải Phòng, ngồi vật bên một đồng hành lý linh kinh, định đứng lên gọi xích lô ra tàu thủy sang Hòn Gai cho kịp giờ... thì phụt... chiếc túi khoác bị giật mạnh khỏi vai... tôi đổ vập xuống chiếc hòm sắt... Cựa mình, toàn thân đau nhức, đầu óc ngất ngư, ong ong, váng vất như đang trên tàu... Nhìn quanh, mọi thứ đều xa lạ. Mình đang ở đâu thế này, hành lý, chết rồi, mình bị cướp chiếc túi - toàn bộ cơ nghiệp, giấy tờ nhận công tác? Tôi hoảng hốt vọt dậy, ngơ ngác... Trước mặt tôi, một người phụ nữ nhỏ bé đứng tuổi cầm trên tay cốc nước. Hoảng hốt, tôi lúi sâu vào góc giường, thoáng tưởng tượng những điều khủng khiếp... Nhưng nỗi lo mất giấy tờ choán hết tâm trí, tôi đứng lên, đầu choáng váng, mắt hoa, mồ hôi tháo ra như tắm... lại đổ phịch xuống. Bác ấy đỡ tôi dậy:

- Cháu tỉnh là tốt rồi... Cứ nghỉ đi. Tội nghiệp. Cháu uống nước đã... - Tôi cầm cốc nước. Bác lấy khăn chấm mồ hôi, lau nhẹ trên mặt tôi, chắc là lem luốc lắm... Bác nói: - Vừa nãy chồng cháu công cháu vào đây gửi bác...

- Chồng cháu. - Tôi giật nảy người, đánh rơi cốc nước...

Bác giật mình trước sự thảng thốt ấy, vọt đứng lên:

- Cháu bị cướp đồ và ngất trước nhà bác. Chú ấy chỉ kịp đưa cháu vào đây, dặn bác sơ cứu, rồi chạy ngay. Có lẽ chú ấy đi đuổi cướp... Tệ lắm, ở

ga có một nhóm chuyên giật đồ khi khách xuống tàu sơ ý... Không biết có lấy được không? Phải báo công an, chứ một mình đuổi là nguy hiểm lắm...

Bác lăm băm một mình. Chợt nhớ là lỡ miệng, bác quay sang động viên:

- Chú ấy không đi một mình. Nếu báo công an là tìm được. Các chú công an ở đây có kinh nghiệm bắt cướp... À, chồng cháu về rồi... Chú có...

Người đàn ông cao lớn, quần áo xạc rách, mặt mày bê bết bùn đất, mảnh vai trần lộ vết rách máu chảy, đứng trước cửa, tay cầm túi. Tôi thờ phào, chỉ kịp lao tới giật mạnh chiếc túi trên tay... Anh không để ý thái độ của tôi, vội vàng cảm ơn bác, chào tôi bằng một nụ cười hiền hậu, rồi tất tả chạy đi ngay... Bác ngạc nhiên nhìn tôi:

- Thế không phải là... Người đâu mà tốt thế không biết. Tội nghiệp, quần áo rách bươm thế...

Sau khi anh ấy lao ra khỏi cửa, tôi ân hận vì đã quên cảm ơn...

Sau gần tuần làm thủ tục ở sở giáo dục, tôi được tổ chức điều động về trường cấp ba huyện biên giới. Quen sống ở đồng bằng, bây giờ tôi mới thấm thía con đường vùng cao, cảm giác được chao liệng theo những khúc cua tay áo, đường đèo quanh co, đồi thông vi vu, con suối róc rách, thang mây uốn lượn, thung lũng, khe sâu... Anh lái xe vui tính, nói chuyện với hành khách suốt dọc đường. Nghe nói, anh là tay lái lùa của Trường Sơn. Cả xe râm ran. Còn tôi, chẳng khác nào tàu lá héo, “sản phẩm” vất tôi cùng kiệt đến “mật xanh, mật vàng”... Thỉnh thoảng anh dừng xe, mang nước, bóc cam và bấm huyết tay giúp tôi đỡ say:

- Cô giáo cứ yên tâm. Chỉ còn qua con dốc kia là đường đỡ xóc...

Phía trước, một đoàn học sinh chạy tràn ra đường, mặc còi xe inh ỏi. Bỗng rầm rầm... xe nghiêng ập vào vách ta luy...

Tôi tỉnh lại. Đầu óc vẫn mơ mơ... Sao lại ở trong bệnh viện? Xe, anh lái xe, hành khách... ? Trước mặt tôi... gương mặt này quen quen... là cái anh đuổi cướp giúp tôi ở ga Hải Phòng...

- Hình như tôi gặp... - Tôi dò hỏi:

Anh không nói gì, vẫn nụ cười hiền dịu ấy, anh bước đến gần hơn và đưa cốc nước cam:

- Chị uống đi cho đỡ mệt. Tôi pha từ nãy chờ chị tỉnh. Xe chị đi bị lật ở dốc cua vì tránh đoàn học sinh. May mà anh lái xe có kinh nghiệm, không thì vừa nguy hiểm cho người trên xe và cả các cháu học sinh. Đơn vị tôi được lệnh hỗ trợ. Số người bị thương nặng đã tỉnh lại. Chị là người bị mất máu nhiều...

Uống xong cốc nước, người dịu lại, tỉnh táo dần. Tôi đưa trả anh chiếc cốc:

- Cảm ơn anh. Phiền anh cất đi giùm tôi!

Thở phào. Nhận công tác mà thử thách đã đón mình ngay trên chuyến xe bão táp. Ngẫu nhiên, hay sự sắp đặt đây. Đúng là người ấy rồi. Cũng thật lạ. Hôm đó, mình đã rất tệ. Không một lời cảm ơn. Thôi, còn cơ hội chuộc lỗi...

Tôi đôn đáo nhìn xung quanh. Nghe tiếng còi xe phía ngoài, anh quay quảy dọn dẹp đồ đạc, nói với tôi:

- Mời chị ra xe về cơ quan. Đơn vị đã bố trí xe đưa chị tới trường.

Theo anh, tôi bước vào trụ sở Công an huyện và vào phòng nhỏ. Căn phòng ngăn nắp, gọn ghẽ. Tủ sách đặt trên chiếc bàn nhỏ. Những cuốn sách văn học sờn gáy, xỉn màu hẳn đã có "thâm niên". Anh khệ nệ bê đồng đồ đạc ra xe, rồi trở vào. Tôi dò hỏi:

- Đây là...

- Nhà của đơn vị bố trí cho chiến sĩ. Tuềnh toàng lắm. Toàn đàn ông mà. Sau khi miền Nam giải phóng, tôi được trở về trường học tập. Tôi theo ngành công an và rất mê văn chương. Bố tôi là thầy giáo dạy chữ Nho ở làng Diêm - làng quan họ ấy, chị biết không? Chết, đồng hương, mà đồng hương đến tận cấp huyện

Quay sang, thấy tôi chăm chăm nhìn vào giá sách, anh bối rối lật giở vài trang, rồi lại đặt lên giá:

- Cụ rất ham đọc sách và làm thơ... Tôi không có khiếu làm thơ, nhưng thích viết văn. Chiến tranh, mọi kế hoạch đều phải gác lại... Và đến giờ, công việc của những chiến sĩ cảnh sát chúng tôi vốn đã quá bận rộn, lại ở vùng biên giới này độ phức tạp lớn, nên thời gian căng lắm. Mọi dự định vẫn đang ở trong đầu... Tôi luôn có cảm giác mắc nợ mảnh đất miền Trung đã che chở những người lính chúng tôi trong những tháng năm trận mạc... Chị mang nhiều đồ đạc thế mà đi có một mình...

Vừa nói, anh đi lại bàn sách sắp xếp xếp lại vài thứ giấy tờ. Bỗng anh loạng choạng, ngã dúi xuống nền nhà. Tôi hốt hoảng đỡ anh lên ghế. Anh khoát tay:

- Không sao! Đêm qua tôi thức khuya thôi...

Một chiến sĩ công an hơi hốt chạy vào:

- Đồng chí Tâm! Có điện khẩn từ cửa khẩu...

Anh lại bắt tay tôi, dẫn dò cậu lái xe còn khá trẻ, rồi chạy ra khỏi phòng...

... Tôi được công an huyện bố trí xe đưa đến trường. Đồng chí lái xe đường như rất quen với con đường nhiều khúc cua tay áo. Có đoạn uốn

lượn như trên thang mây. Trên đường, cậu ấy kể chuyện như chú chim sáo cho tôi quên việc say xe. Thì ra, máu chảy trong tôi có dòng máu của anh. Thảo nào anh ấy ngã...

Tôi vững vàng, lấy lại được niềm tin nhờ anh. Anh chờ đợi trái tim tôi hâm nóng lại khát vọng yêu. Sau khi miền Nam giải phóng, anh được lệnh trở về trường tiếp tục học tập. Tốt nghiệp thủ khoa, anh trong danh sách đầu tiên được giữ lại trường. Lẽ ra vậy. Nhưng một hôm tổ chức gọi anh lên huấn thị:

- Anh đủ tiêu chuẩn giữ lại trường, chuẩn bị đào tạo tiếp, nhưng chỉ có một suất, là đảng viên, là quân nhân chuyển ngành, anh phải gương mẫu...

Cũng như tôi, anh nghiêm túc nhận lệnh tổ chức. Còn chỗ lẽ ra của anh, chỉ sau khi anh nhận quyết định ít hôm đã có con vị cán bộ cao cấp thế chỗ. Nghe nói anh ta học rất xoàng...

Quyết định neo đậu trong cuộc đời anh, tôi không ân hận về lựa chọn. Chúng tôi đã có nhau, bên nhau những năm tháng xiết bao hạnh phúc. Cuộc sống luôn mỉm cười từ khi có anh. Anh vẫn bảo tôi ở đâu có tình yêu thì nơi ấy đạt được sự phi thường. Những bài giảng của tôi thấm đẫm tình yêu của anh. Tác phẩm anh viết ra, tôi là người đầu tiên đánh máy, đọc bản thảo. Tôi mãi nguyện trước hạnh phúc và yên ổn bên anh... nếu như, nếu như không có chuyện bất ngờ ấy...

2. Tôi tranh thủ xem lại giáo án trong giờ trống. Cô văn thư đưa tôi lá thư. Giật mình. Tai nóng ran. Linh tính mách bảo có gì đó không ổn. Lâu nay, tôi không có thói quen viết thư. Gia đình ở gần, bạn bè đã có điện thoại. Lướt qua phong bì, chợt nghĩ bưu điện chuyển nhầm. Trường hợp trùng tên có gì lạ. Người nhận đúng tên tôi, chính xác đến tổ bộ môn, nhưng chỉ thiếu họ. Khó khăn lắm tôi mới lôi được bức thư dính chặt vào phong bì. Một bức ảnh rơi ra. Cầm lên, tôi giật mình. Một cậu bé chạc mười bảy tuổi khôi ngô, nét mặt thanh tú, có đôi mi mắt dài, cong giống

con gái tôi. Lướt qua vài dòng, đầu óc tôi lú loá. Cổ trấn tĩnh, đọc đi đọc lại, lờ mờ bán tín, bán nghi. Tôi không dám tin, không thể có sự thật phũ phàng: Chồng tôi có con riêng...

Cả Hội đồng giáo dục nắc nỏm khen tôi có số sướng. Thầy Sô gật gù tán thưởng: "Kiểu người mỏng mày hay hạt, nét mặt ngời sáng, có dáng đi quý phái, chậm rãi; răng trắng muốt đều tăm tắp kèm thêm chiếc “mầm giềng” khiến cho miệng cười tươi như hoa thường là dáng của các quý phu nhân tôn quý". Châu, cùng tổ chuyên môn, ngấm miết bàn tay của tôi phán như một ông thầy xem tướng số: “Bàn tay tiết lộ số phận. Cuộc đời cậu hiện hết ra bàn tay rồi”. Thanh đang chấm bài cũng góp thêm chuyện: “Thôi đi, các cậu chỉ khéo tán dóc”. Tôi quay quắt đứng dậy, thế mà Châu vẫn chưa chịu buông tha: “Mình biết cậu không chịu cho bàn tay yên, nào là đan lát, thêu thùa, may vá, trồng rau, nuôi lợn. Thế mà bàn tay hay lắm hay làm ấy cứ mát rười rười, mềm như bún, từng ngón thon dài...”.

Ngượng quá, không biết giấu bàn tay đi đâu. Lần đầu, Đức Tâm ngấm miết, nâng niu đôi bàn tay tôi, ắp vào ngực hồi lâu. Tôi yên ổn và hạnh phúc bên chồng - một sĩ quan cảnh sát và hai cô con gái xinh xắn, học giỏi, ngoan ngoãn. Anh luôn tôn trọng việc làm và những suy nghĩ của tôi. Gần mười lăm năm chung sống, tôi ấm áp khi có anh. Vắng anh chỉ ít ngày tôi đã có cảm giác chống chĩnh, hẫng hụt. Bận bè ngạc nhiên đến mức khó tưởng tượng sau bấy nhiêu năm gần nhau mà vẫn giữ được tâm thế như thời mới yêu - cái thời “đau răng trong trái tim”. Anh chưa bao giờ làm tôi buồn. Chỉ có điều tôi hay phải lo khi anh tham gia phá chuyên án lớn. Minh Hằng - cô bạn thời sinh viên bỏ nghề dạy theo nghề báo - tuyên ngôn xanh rờn: “Hạnh phúc của đàn bà chúng ta là có ông chồng tuyệt vời. Anh ấy là quý nhân của cậu”. Duyên trời khéo sắp đặt, mang anh tới và ban tặng hai thiên thần đáng yêu.

... Chỉ trước đó ít phút, tôi nhận được bao lời tán dương: số sướng, quý nhân phù trợ... Thế mà... Mắt hoa đi, đầu óc quay cuồng, chân tay run rẩy,

trước mắt tôi như có đám mây đen vây bọc. Tôi ngã gục xuống bàn nước nở (đã lâu lắm rồi tôi mới khóc), nước mắt đầm nhòa dòng chữ nguệch ngoạc của người phụ nữ chưa biết mặt, nhưng duyên kiếp trời định đã ngầm gài số phận chúng tôi. Chối với, uất hận, đau xót với cảm giác của người bị lừa. Căm thù người đàn bà kia. Giận người chồng bội phản, lọc lừa. Chưa bao giờ tôi có cảm giác giận đến vậy. Vò nát bức thư trong tay, ném tọt vào sọt rác như muốn bóp vụn, quăng quả người đàn bà xa lạ kia cho hả. Đi ra, đi vào, quay phải, quay trái, tiến trước, lùi sau. Nhặt lại cục giấy bị vò, vuốt lại. Tôi đưa ra những khả năng khác để biện minh cho anh, gỡ rối cho tôi: “Không thể thế được. Ai đó nhầm chẳng. Chồng tôi là một người đàn ông tuyệt vời nhất mà cuộc đời ban tặng. Không có chuyện đó. Anh yêu vợ con nhất. Tôi rất hiểu anh...”. Tiếng trống trường khiến tôi giật mình. Thót tim. Trái tim rỉ máu như có ai bóp nghẹt. Thần thờ như kẻ mộng du, tôi đổ vật xuống. Mọi người xúm lại lo lắng. Tôi cố giấu. Ra nhà xe, chân run run ngã khuỵu. Chénh choáng. Đau tức đến nghẹt thở. Bước chân vô định. Loanh quanh vài dãy phố mà không biết đường về nhà... Bác hàng xóm mang cốc nước chanh sang, tôi mới hay mình ngã, may ô tô tránh kịp, chỉ xây xước nhẹ. Các con chưa về, anh đang đi phá chuyên án rất phức tạp, tội phạm xuyên quốc gia. Căn phòng bỗng rộng ra. Tôi rơi vào cảm giác cô đơn, hẫng hụt như người vừa bị lừa đánh cắp thứ quý giá nhất. Uống xong cốc nước, tôi cố trấn tĩnh đọc tiếp: “Tôi có lỗi khi lá thư này đến chị. Lẽ ra tôi không nên cho chị biết tin này. Tôi hiểu trái tim đàn bà. Chị muốn trừng phạt thế nào cũng được, nhưng chị ơi! Bệnh tật đã không cho tôi được sống. Như thế là tôi đã bị trừng phạt rồi. Quả thật, tôi vẫn định lặng lẽ, ở vậy nuôi con mà không bao giờ cho ai biết về điều bí mật cất giữ gần hai mươi năm. Chị hãy tin, con chim sắp chết cất tiếng kêu thương, con người sắp chết thường nói lời phải. Tôi không muốn làm xáo trộn sự yên ổn, hạnh phúc của anh chị nếu như... nếu như trời thương tình cho được sống, cho con tôi không thêm một lần mồ côi. Mặc phải căn bệnh hiểm nghèo, sự sống với tôi chỉ còn tính được bằng tháng, bằng ngày. Điều đáng sợ không phải là chết. Ai trong đời cũng phải chết. Nhưng cái chết làm tôi sợ, bởi con tôi không còn nơi bầu vú, nương tựa. Cháu đã sang tuổi mười tám, chỉ

còn mấy tháng nữa tốt nghiệp phổ thông, thi đại học. Chị ơi! Tôi là đứa trẻ mồ côi duy nhất sống sót trong một trận càn. Hôm đó, tôi nhận nhiệm vụ đưa cán bộ về cứ. Trở về, mọi cái đã hoang tàn. Tôi không còn thiết sống. Chính lúc đó tôi đã gặp anh. Biết hoàn cảnh của tôi, anh động viên rất nhiều. Anh hay kể về vùng đất Kinh Bắc và hát nhiều bài quan họ... Chị đừng trách anh mà tội nghiệp, anh hồng có lỗi chi. Lỗi là ở tôi. Cuộc chiến tranh tàn khốc. Sự sống cái chết chỉ trong gang tấc. Anh bị thương. Bọn giặc quây dữ, suốt mấy tháng ròng nằm hầm bí mật. Cơn sốt hành hạ. Người xanh rớt, tóc trút từng mảng, chân đi xiêu vẹo, duy có đôi mắt với cặp mi cong vút luôn cười. Tôi có hạnh phúc được chăm sóc, được gần gũi và chẳng biết tự khi nào trái tim đã thổn thức vì thương. Tôi tình nguyện dâng hiến đời con gái mà không dám mong anh đoái thương... Một lần trong đời thoả mãn cơn khát của đàn bà tích lại nguồn năng lượng đủ nuôi sống một đời. Tôi thầm ước sau chiến tranh được gặp anh. Đơn vị anh nhận lệnh vào tuyến trong. Anh đi gấp, tôi không về kịp. Anh đi rồi, tôi mới cảm nhận được trái tim đàn bà đã trợn vện trao gửi. Lặng thầm giấu một cái tên, một tấm hình để làm kho báu tình yêu. Đã bao ngày ròng tôi khóc vì nhớ thương. Nặng lòng yêu, nặng lòng nhớ - một mối tình đơn phương. Cuộc đời không cho người tôi hằng yêu quý, nhưng lại cho tôi giọt máu hồng sinh nở mà tôi đã chủ động đánh cắp, bất chấp tất cả: đạn bom, sống chết, kỳ thị, đàm tiếu, tiết trinh đàn bà... Chị đừng cho tôi là người đàn bà trắc nết. Dâng hiến tiết trinh là tôi đã chấp nhận sự phỉ báng của người đời. Tôi mang giọt máu của anh vào rừng mai danh ẩn tích... Trở dạ sinh con khi chưa kịp lết đến buôn người Thượng. Hai mẹ con loay hoay, gằng gượng, kiệt sức trước lưỡi hái tử thần. Giữa lúc ấy, mẹ con tôi gặp đơn vị bộ đội. Cháu sinh vào đúng ngày 30-4-1975... Nhờ đơn vị hỏi tin tức, tôi hay tin anh hy sinh trước cửa ngõ Sài Gòn trước giờ chiến thắng. Tôi như hoá đá. Ở vậy, lặng lẽ nuôi con. Truyền thần lại tấm hình, đặt lên bàn thờ, lấy tên anh đặt cho con và mang họ mẹ. Hai mẹ con sống cực lắm chị ơi. Bằng cấp chẳng có, lại khoác một lý lịch lem luốc trong sự đàm tiếu của người đời: đảo ngũ, chữa hoang. Có người ác miệng đồn Đức Tâm là con lai (con có dáng người cao lớn, cặp mi cong, da trắng). Chẳng xin được việc, đành làm

thuê, làm mướn qua ngày. Con là tất cả cuộc đời còn đoái thương, chiếu cố đến tôi. Tôi ru con bằng những bài dân ca quan họ anh đã hát. Đức Tâm sống trong âm hưởng dân ca ngọt ngào, trong niềm tin và hy vọng ấy. Con rất tự hào về cha. Con khoẻ mạnh lớn lên như củ khoai củ sắn, ngoan ngoãn, thương mẹ. Con ao ước được ra Bắc thăm nội, đi tìm mộ ba. Thương con, tôi liền hứa: Chừng nào con thi đỗ, má sẽ kiếm tiền tàu đưa con ra Bắc. Con thích nghe giọng Bắc, tập nói giọng Bắc. Thấy ai giọng Bắc con lân la làm quen và dò tin ba Tâm. Con khát khao có cha, có bà con nội tộc.

Chị em mình là đàn bà, có những nỗi sướng khổ, sức chịu đựng giống nhau. Tôi rất hiểu khi chị nghe điều bí mật này. Tin chị, tôi gửi thư này mong chị nhận trước và hiểu cho tôi. Thời gian không còn nhiều. Quyết định là ở chị. Chị nhận tin này từ anh, khó hơn từ tôi. Tôi không muốn mang khó cho ai, nhưng lại đặt chị vào hoàn cảnh không dễ dàng. Có thể chị nghĩ ảnh giấu chị liên lạc với mẹ con tôi. Không có. Thật là trời thương. Con nhận phần thưởng học sinh giỏi, trong đó có cuốn tiểu thuyết ảnh viết về quê tôi. Những chi tiết trong truyện là điều bí mật chỉ có chúng tôi biết. Con thắc mắc sao ông nhà văn ni lại giống ba, tên hệt ba. Tôi choáng váng khi nhận ra anh qua tấm hình và lời giới thiệu. Tôi nhờ người ở Hội Văn nghệ tỉnh tìm thông tin về nhà văn, xác nhận lại sự thực. Chị có biết cảm giác của tôi lúc đó: lẫn lộn buồn vui, tự hào, nuối tiếc, yêu thương, mong nhớ... Nhưng tôi tự dẫn lòng, không được làm khó nếu như anh đang yên ổn, hạnh phúc. Giấu một tin vui rất lớn với con, tôi thấy mình có tội. Đức Tâm sẽ vô cùng sung sướng biết bao khi biết ba còn sống, đang trở thành người nổi tiếng. Nếu như không có căn bệnh hiểm nghèo này thì suốt đời tôi biết vậy, dõi theo anh, một mình nuôi con và dạy con sống thật tốt. Tôi đã oà khóc khi biết trước khi ra Bắc học, anh đã về quê tôi. Nhiều tháng ngày dò la, nhưng không ai biết tôi nơi mô tìm. Thế mà, tôi cứ ngỡ anh quên. Những kỷ niệm khiến ảnh nặng lòng, đắp nghĩa mảnh đất đã đùm bọc, che chở mình bằng cuốn tiểu thuyết đậm ân tình. Một lần, do không kìm chế được, tôi đã liều điện ra ngoài ấy. Gặp anh, giọng tôi lạc đi, dù đã

cổ trần trần. Giả là bạn chị, tôi đã hỏi thăm và biết nơi chị làm việc. Tôi đã tin và quyết định nói rõ sự thật với chị. Bởi chị sẽ không nỡ vô tình với một người đàn bà đang kêu cứu. Chị ơi! Em gửi con lại cho chị, gửi lại núm ruột của anh, gửi niềm tin của chính cuộc đời mình (chị đột nhiên xưng em với tôi). Cháu mất mẹ, nhưng còn cha mẹ ngoài đó. Con là con của chị. Chị thương hãy nhận con giùm em. Như thế... là em... mãi nguyện rồi...”.

Tôi không khóc nổi. Có khối chì đông cứng chẹn ngang họng. Nước mắt lặn vào tim. Đau. Đau quá. Đau kinh khủng. Đau nghẹt thở. Tôi đâm vào ngực thùm thụp. Càng đau hơn. Nấc khan. Nuốt không được. Không ai xoa dịu được cơn đau. Trái tim loạn nhịp, rỉ máu. Xót như muối. Lặng đi một hồi, những ý nghĩ vẫn vơ. Tôi biết anh khát khao có thằng con trai. Anh là con một. Dòng họ của anh ba đời nay độc đinh. Bố mẹ anh mong có thằng cháu đích tôn. Một vài lần mẹ anh mát mẻ xa xôi rằng nhà ít phúc, nên dòng tộc bị đứt, không có người nối dõi tông đường. Tôi có lỗi sao khi không sinh cho anh, dòng họ đưa con trai? Thương tôi, anh cố gắng bình thường hóa: “Em cứ nghĩ vớ vẩn. Trai mà chị, gái mà chị. Sống sao có nghĩa, có nghì thì nên”. Trời đã không cho tôi cái mà người đàn bà kia vội vàng đánh cắp được. Số sướng, quý nhân phù trợ ư? Có phải đây là sự sắp đặt nghiệt ngã. Ông trời vốn rất công bằng. Một “hạt mầm” đã không “nảy” trong tôi. Tôi thầm ghen với người đàn bà kia. Con gái tôi sẽ lấy chồng, chúng sẽ thế nào? Mẹ nó bảo gửi núm ruột cho quê hương, dòng họ, còn con tôi thì sao? Nó là cái rơm, cái rác chắc? Thằng bé kia ở đâu ở đâu lại về nhà tôi ư? Mọi người sẽ nghĩ gì, lại bao lời đàm tiếu, đồn thổi... Tôi lại ngã khụy xuống. Người tôi nóng ran, lúc nóng toát, khi lạnh bao nhiêu chăn đắp không đủ, lúc như điện giật, khi như kim đâm. Các con hốt hải diu tôi, đưa lấy nước, lấy khăn, gọi bác sĩ. Hơn một tháng, tôi vẫn như người mất hồn, lặng lẽ giấu điều bí mật, thấm thía nỗi đau của người đàn bà có cảm giác bị phụ bạc, bị đánh cắp đến trắng tay. Anh về, nghe tôi ốm đã lao ngay đến giường. Nhìn đôi mắt vô hồn, thần thờ, hoảng loạn, anh tưởng tôi mắc bệnh thần kinh. Quyết định giữ chặt điều bí mật, dù trước đó tôi định nói ra cho bồ tức, những ẩn ức, sẽ gầm gào lên, đập phá, bóp vụn cho hả giận...

Nhưng khi anh ở bên, tôi không nổi, không đủ can đảm... Công việc của anh luôn phải đối mặt với tội phạm nguy hiểm. Ai có chồng là cảnh sát hình sự mới cảm nhận được hạnh phúc lớn lao khi chồng lành lặn trở về sau khi phá chuyên án. Sự đấu trí với tội phạm... chỉ một phút lơ là, phân tâm... là phải đối bằng cả tính mạng. Tôi đã sống trong nỗi lo ấy triền miên. Không, không để anh phải bận tâm, tôi sẽ có cách... Tĩnh tâm lại, cố gắng lắm tôi mới nghĩ khác để biện minh cho anh. Anh có lỗi gì? Chiến tranh, chiến tranh, mọi cái đều có thể...

Bên tôi, anh tận tâm, ngơ ngác đến tội nghiệp. Xưa nay, chúng tôi ít có gì giấu nhau. Chị nói đúng. Tôi không thể không ghen. Tôi là đàn bà. Đàn bà có những nỗi niềm, chịu đựng, hy sinh chẳng giống nhau. Đàn bà muốn độc quyền trọn vẹn người đàn ông của mình. Đã bao đêm tôi thức dậy ngấm anh trong giấc ngủ để rồi lại vật vờ, đau đớn. Nỗi đau vò xé, khắc khoải không yên. Dạo mới yêu nhau, anh có kể tôi nghe về cô du kích nuôi anh trong hầm bí mật. Nếu anh tìm được cô ấy... Tôi không cho anh nói tiếp. Quá khứ cần được gác lại... Anh nghỉ phép ở nhà chăm sóc tôi mà không hết lo lắng. Anh đưa bác sĩ đến thăm bệnh. Tâm bệnh - Anh bản khoản trước chẩn đoán của bác sĩ. Giá nói ra được cho lòng mình nhẹ nhõm hơn...

Mấy tháng nay tôi vẫn luôn sống trong cảm giác giằng xé. Không ai biết chuyện này. Điều bí mật tôi vẫn giữ cùng người đàn bà kia. Tôi có thể im lặng. Bức thư kia chỉ là sự vu khống, bịa đặt. Tôi khước từ lời cầu cứu. Sẽ chẳng có chuyện gì xảy đến. Anh mãi mãi yên ổn bên tôi. Không ai cướp được Tâm của tôi... Có thể đó là sự thật. Một phút mềm lòng, giây phút bản năng giữa sự sống, cái chết kề cận. Người phụ nữ ấy khao khát được yêu. Chiến tranh liên miên chưa biết ngày kết thúc. Sống. Chết. Ranh giới quá mỏng manh. Chị ấy triền miên trong cô đơn. Ao ước trong đời có một lần, dù chỉ một lần được bàn tay người đàn ông xoa dịu nỗi thèm khát. Được trở thành đàn bà đích thực... Chị ấy chủ động. Sự chủ động và quyến rũ của đàn bà... khó mà từ chối. Đàn ông chứ đâu phải gỗ đá. Tuổi trẻ, đam

mê hừng hực, cháy bỏng... Sẽ không lạ điều ấy xảy ra. Cố gắng vượt khỏi mình, mới nghĩ thoáng được vậy. Thế mà đâu có thanh thản. Cả anh và người đàn bà kia có lỗi gì? Chiến tranh. Cứ đổ lỗi cho nó đi, sẽ thấy lòng bớt trĩu nặng...

Tôi chờ đợi thư chị. Một tháng, hai tháng, ba tháng... Có thể tự trọng, chị ấy không dám đề nghị khi chưa thấy phản hồi từ tôi. Chị ấy, con trai chị, con của chồng tôi, anh của hai con gái tôi, đang cầu cứu, trông chờ vào sự độ lượng của tôi. Có hèn nhát không khi tôi vẫn im lặng, vô tình trước lời khẩn cầu của một người đàn bà mà sự sống đang đếm từng ngày, đau đớn phải xa con khi nó không còn nơi bầu vú, nương tựa? Tôi thực sự sốt ruột. Đức Tâm sắp thi tốt nghiệp.

Mọi dự định tôi không cho anh biết.

Trước khi đi công tác, anh mang cốc nước cam vào phòng cho tôi:

- Em uống đi. Cam Vinh, cậu chiến sĩ cùng phòng vừa trả phép biểu. Anh pha nguyên chất đấy.

- Anh cứ để đấy. Em không khát.

Anh nhìn trân trân, rồi ngồi xuống bên tôi. Có cái gì đó rất khó mở lời. Tôi chưa từng thấy sự lạ lùng ấy của anh bao giờ. Tôi không còn tâm trí đâu đoán

định thái độ của anh. Tất cả, tôi đang dự định cho chuyển đi.

- Chuyển công tác này có lẽ anh sẽ đi hơi lâu. Em và các con lại vất vả. Anh đón bà ngoại xuống nhé.

Tôi không nói gì...

Nhân anh đi công tác, tôi xin nghỉ coi thi, nói dối đi giám sát thi miền Trung. Chuyển tàu gặp bão. Bão đến sớm. Miền Trung oằn mình trong bão. Đất đá sạt lở. Chuyển tàu trễ vì nhiều đoạn sự cố, khắc phục chưa kịp. Ruột gan như lửa đốt. Tôi vẫn mắc kẹt giữa đường. Ngày mai là ngày thi đầu tiên. Tôi bỏ tàu, tăng bo từng chuyến... và kịp đến vào đúng trống lệnh thi môn văn. Tôi chạy như bay vào căn nhà tuềnh toàng của hai mẹ con nằm nép mình dưới rừng phi lao. Dấu tích một trận bão còn in hình trong căn lều ọp ẹp. Thằng bé từ ngoài cổng ập vào. Tôi nhận ra nó. Tâm là bản sao của anh tôi gặp hơn mười lăm năm trước. Nó lén nhìn tôi ngơ ngác. Nghe giọng Bắc, nó sung sướng ôm chặt tôi, nước mắt đầm ướt vạt áo: “O ời! Sao bây giờ o mới tới? Má không qua nổi o ời”. Ôm giọt máu của anh vào lòng, cảm giác thật lạ, vừa xa xôi, bí ẩn... vừa... có chút gần gũi. Nhìn thằng bé mếu máo, tôi không kìm nổi cũng tức tưởi. Mình mắc tội với mẹ con chị. Lẽ ra, tôi phải quyết định sớm hơn. Lau nước mắt cho Đức Tâm: “Con ời! O vào lo thu xếp đón hai má con ra thăm nội. Nhưng đến giờ thi rồi, con chào má rồi o đưa con đến trường ngay”. Thằng bé nắc lên: “Không kịp rồi o ời. Má đang đau... Má không nói được...”.

Tôi theo thằng bé vào nhà. Người đàn bà khốn khổ đang hấp hối. Chị linh cảm người đến là tôi - rúm ró, run lên bần bật, đau đớn, tràn trề nước mắt. Tôi trở thành vị cứu tinh. Thằng bé lén nhìn tôi bằng đôi mắt đỏ hoe. Tôi kéo thằng bé lại phía mình. Đã quá giờ thi, nó cứ quanh quất bên mẹ. Chị nắc lên từng hồi, ú ớ chỉ đồng hồ rồi nhìn Đức Tâm. Tôi hiểu ngôn ngữ từ đôi mắt chờ đợi của chị, vội đỡ con dậy khuyên nhủ: “Quá giờ thi rồi con ời! Nghe cô đi con. Nếu con không thi má không vui đâu”. Đôi mắt chị rực sáng chừng như tôi đã dò đúng kên. Nó chạy lại áp má vào ngực mẹ: “Tâm nghe o, nghe má đi thi. Má ráng chờ Tâm đi thi về nghe má. Chờ Tâm thi vào Đại học Công an của ba. Tâm sẽ học tiếp phần của ba phải bỏ dở theo lệnh Tổng động viên. Tâm sẽ thi tốt má ời”. Đôi môi chị khẽ mấp máy, giọt nước mắt lăn nhanh.

Mãi miết đưa Đức Tâm đến trường, tôi vừa thở vừa dặn dò con kinh nghiệm bước vào kỳ thi. Khó khăn lắm khi nghe trình bày và lời cầu xin trong nước mắt của tôi, Hội đồng thi đặc cách cho cháu vào phòng thi riêng sau khi đề thi đã bóc. Tôi đôn đáo trở về bên chị. Chị run rẩy ra hiệu cho tôi lấy từ dưới gối một bọc nhỏ. Chị gửi lại cho tôi như một niềm tin cứu cánh. Tôi mở ra. Trong đó có một ít tiền, một chiếc ảnh khi anh nhập ngũ, một số giấy tờ quan trọng. Chị vật vã, đau đớn như đang đấu tranh quyết liệt trước lưỡi hái tử thần. Bà chị họ kéo tôi ra ngoài: “Chị ấy không chờ được con về mô. Khó qua nổi. Nhưng hình như còn điều gì đó thì phải”. Trở vào, chị nhìn tôi trân trân, như muốn nói điều hệ trọng. Tôi hiểu day dứt trong chị, cầm bàn tay dãn đeo chỉ còn da bọc xương của chị hồi lâu, tôi thì thầm: “Đức Tâm ngoan, con sẽ thi tốt, chị cố chờ con thi xong... Em hứa với chị...”. Không đợi tôi nói hết câu, chị nấc lên, đôi bàn tay yếu ớt chơi vơi với chút sinh lực cuối cùng, dướn cong lên, đổ phịch, buông thõng. Đôi mắt không chịu khép, lăn chậm chậm giọt nước, chảy nhòa. Trên khuôn mặt khắc khổ sáng lên tia nắng rớt lại trong ráng chiều, nét thanh thản, mãn nguyện. Tôi đặt cánh tay lên giường và vuốt mắt cho chị...

Trở lại trường đón con. Còn hai phút nữa mới kết thúc môn thi. Con có dự cảm điều gì không? Hình ảnh vật vã cuối cùng của chị ám ảnh không yên. Em không phải người đàn bà cao thượng như chị đã nghĩ, nhưng em sẽ thay chị chăm sóc con, chăm sóc con của chúng ta... Nước mắt giàn giụa. Tôi khóc đang khóc cho ai: cho chị, cho anh hay cho mình? Đức Tâm ra sớm, nét mặt buồn rầu. Nó đứng lặng một hồi như trời trồng. Không biết phải mở lời thế nào với con. Phút im lặng đến sợ. Tôi chạy lại ôm con: “Con làm bài thế nào? Đề thi không khó chứ?”. Nó không trả lời, nhìn rất nhanh vào mắt tôi, rồi bứt khỏi, vụt chạy như bay. Tôi chạy theo đến nghẹt thở, đôi chân lú lú, khựng lại. Phũ phịch bên thi hài mẹ, thằng bé khóc tức tưởi: “Má hẹn chờ Tâm về, chờ Tâm thi đại học nữa mà... Má không thương Tâm rồi... Má ơi...”. Con cứ khóc đi. Nước mắt sẽ xoa dịu nỗi đau của con người và tôn lên yêu thương. Ôm con vào lòng. Hai thực thể xa lạ... ngập ngừng... yêu thương... gắn kết. Nhìn chị lúc đó, trên môi còn

vương lại nụ cười - nụ cười của người mẹ mãi nguyên ra đi, nhưng nơi khoé mắt vẫn còn đọng lại giọt nước mắt như giọt nhựa dù lìa khỏi thân cây, vẫn cố bám đậu. Chỉ có tôi mới hiểu lòng người mẹ trong nét rặng ngời đó. Trước vong linh chị, tôi phải cố dìu con và thằng bé mười tám tuổi đã phải cố vượt lên để thi tiếp trong hoàn cảnh trở trêu

như vậy...

3. Sáng sớm, Đức Tâm dẫn tôi ra bưu điện gọi điện đến cơ quan, nhờ cơ quan báo tin cho anh. Hai o con tôi đến sớm, cô điện thoại viên chưa đến. Tôi thần thờ đưa Tâm ghé vào quán nước. Một cụ già đang mở chiếc tivi neptuyn đen trắng. Tiếng tivi cụ già mở to khiến tôi dán mắt vào màn hình: “Vào hồi 4 giờ 15 phút công an tỉnh đã phối hợp với các lực lượng chức năng phá chuyên án ma túy, bắt gọn 5 đối tượng, thu giữ 108 bánh heroin, nhiều súng, đạn các loại. Trong cuộc chiến đấu với nhóm đối tượng trên, Đại úy Mẫn Đức Tâm, cán bộ Phòng Cảnh sát bảo vệ và cơ động Công an tỉnh... đã anh dũng hy sinh. Hiện, Công an tỉnh đang hoàn tất các thủ tục để làm lễ an táng cho Đại úy Mẫn Đức Tâm theo quy định của lực lượng công an nhân dân...”.

Tôi ngã khụy xuống. Đức Tâm ôm choàng tôi lay lay nước mắt: “O mở mắt ra đi. O đừng làm con sợ. O hứa đưa con ra quê nội. O làm sao ai đưa con ra Bắc...”. Tôi chơi vơi, mất trọng lượng. Tôi không thấy gì ngoài giấc mơ đêm qua. Anh đã kịp đến nghĩa trang vào giờ phút cuối của người đàn bà xấu số, mà dấu ấn của một thời tuổi trẻ, chiến tranh, bom đạn, sống chết... có thể đã ẩn sâu trong tiềm thức xa xăm. Miền ký ức trở lại. Cái thời hai mươi nông nổi, dại khờ, đam mê, thăng hoa của những người lính tài hoa ra trận... Anh ngạc nhiên, sững sốt, run rẩy... Ôm chặt tôi và thằng bé vào lòng, anh tràn trào nước mắt. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy anh khóc.

Tôi giật mình choàng dậy. Nước mắt Đức Tâm thấm ướt tôi...

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Những Buổi Chiều Tháng Bảy - Vũ Minh Nguyệt

Những buổi chiều nóng nhất mùa hạ.

Hầm hập, mặt đất bỏng rát, bầu trời cao, và nắng chói chang. Oi bức từ sáng sớm đến tối mịt. Chẳng có lấy một gợn gió nhỏ, hay một đám mây lạc loài nào. Suốt cả tháng liền cỏ cây héo quắt, đến cả những viên sỏi và cát dưới chân cũng bị nung lên. Con người, con vật đều khô nỏ cả ra. Bệnh viện lại mất điện vì quá tải. Tất cả quạt hơi, quạt gió, tủ lạnh, tủ đá đều chạy hết công suất. Mất điện là y rằng mất nước. Người ta dành nước dự trữ để nấu nướng. Không còn nước đâu để tắm táp, hạ bớt nhiệt cho bệnh nhân.

Chiều nào, mấy ông già thương binh cũng kéo nhau ra trước cửa khu căng tin của bệnh viện. Các ông không muốn uống nước, cũng chẳng muốn mua bán gì. Những khuôn mặt rúm ró, những đôi mắt đỏ ngầu nhìn ai cũng giống như muốn cà khịa. Mấy đứa trẻ mặc áo thanh niên tình nguyện mang những hộp cháo phát miễn phí cho bệnh nhân nghèo, cũng bị các ông già quát nữa chứ. Khổ thật! Các ông cho rằng, chúng nó làm thế là xúc phạm, làm thế là bêu xấu bệnh viện quân đội. Các ông già cứ tưởng bệnh viện quân đội chỉ để chăm sóc và điều trị cho những người có liên quan đến lính tráng, hay những người đi qua cuộc chiến như các ông, oai hùng, ngẩng cao đầu; chứ sao lại phải nhận những hộp cháo bố thí làm gì? Vậy là giận dữ, vậy là quát tháo, huyên náo cả một góc bệnh viện.

Chỉ có bác sĩ chuyên khoa thần kinh mới hiểu được tâm lý, bệnh tình những người thương binh này. Họ thường xuyên chống chọi với những cơn đau, trong lòng như lửa đốt, lại gặp thời tiết nóng hầm hập thế này nên tình

thần bị kích động... Năm sau, rồi năm sau nữa, cứ mỗi dịp 27 tháng 7 nắng nóng, lại thấy thừa dân, ít dần người quay trở lại bệnh viện điều trị. Ốm đau, bệnh tật đã đưa họ về dần với tổ tiên, với cát bụi. Chiến tranh đã lùi xa quá rồi, mà có vẻ như chẳng còn ai muốn nhắc đến hai từ chiến tranh nữa. Chiến tranh chắc cũng không khổ bằng thời tiết khắc nghiệt này. Chiến tranh cũng chả liên quan gì đến những ngày nắng nóng như thiêu đốt ở vùng ngoại ô thành phố này.

*

* *

Tôi là cô giáo dạy văn ở trường trung học. Lúc rảnh rỗi, tôi giúp mẹ chồng bán mấy thứ lặt vặt ở cổng quân y viện. Khách hàng đa phần là những bệnh nhân mua bán mấy thứ đồ nhỏ nhặt. Người cau có, kẻ cò kè, nhiều khi bực mình hết nổi, nhưng tôi đâu dám nặng nhẹ với ai như mấy ông già thương binh kia!

Tôi mang một túi cam đường, quả nào cũng căng mọng nước ra mời các ông ăn. Tôi đặt vào tay các ông những cái quạt giấy nhỏ. Một ông cao lòng không, cầm bên trái mất một góc, thành ra mặt mũi không còn bình thường nữa. Ông quay lại quắc mắt lên nhìn. Sợ quá, tôi nói thật rành rọt :

- Ngày trước bố cháu cũng là bộ đội.

Ông già cụt tay ngồi bên cạnh nói mát:

- Hừ... ừ! Bố chị cấp tướng, cấp tá nên chị mới ăn trắng mặc trơn thế này?

Tôi xót xa đến nghẹn lòng bởi cái sự giận hờn của người già bị thương tật:

- Bố cháu cũng chiến đấu ở chiến trường Quảng Trị mà.

Một ông cụt đến giữa đùì, cầm cái nạng gỗ, hỏi:

- Ôi giời! Có đau đớn như chúng tôi không?

Tôi gấp tờ báo cũ, quạt phe phẩy:

- Chắc bố cháu chẳng kịp đau đớn đâu ạ.

- Biết ngay mà, ông ấy chỉ ngó qua chiến trường. Sao mà nếm được mùi súng đạn?

- Bây giờ, bố cháu vẫn nằm dưới sông Thạch Hãn ấy...

Mấy ông già thương binh sưng sốt trố mắt nhìn tôi. Ông già mất một góc cằm trái lúc ấy mới cất giọng gió phào phào:

- Còn mẹ chị? Bây giờ mẹ của chị ở đâu?

Tôi chợt hiểu ra rằng, sự quan tâm đầu tiên của những người lính chiến dành cho nhau là... gia đình, vợ con. Bao đau thương mất mát và cả sự khó chịu trong nắng nóng hình như dội hẳn lại. Tôi ngồi ở giữa những đồng đội của cha mình, bỗng dưng cảm thấy gần gũi, thân mật quá, dù chỉ mấy phút trước, họ làm cho tôi sợ hãi và xa cách.

- Mẹ cháu vào trong ấy mấy hôm rồi, năm nào vào dịp 27 tháng 7, mẹ cháu cũng vào Quảng Trị. Cũng có năm cháu được mẹ cho theo, nhưng từ ngày cháu lấy chồng bận rộn nên năm thì đi được năm thì không.

- Khổ thân! Chị ấy còn vào làm gì nữa? - Một ông nói nho nhỏ.

- Chẳng ai ngăn được đâu. Mẹ cháu bảo nếu không vào, bố cháu sẽ mong lắm. - Tôi ngồi xích dần lại gần mấy ông già thương binh khó tính. - Các chú về phòng nghỉ đi. Trời mát rồi, mai các chú lại ra đây chơi với cháu nhé.

Các ông già lập cập đứng dậy, chậm rãi đi về phía trong khu điều trị. Lúc ấy, họ hiền lành như hạt lúa củ khoai. Tự nhiên, tôi thấy xót xa và thương họ vô cùng.

Tôi đã quen biết các ông già thương binh ấy như vậy.

*

* *

Ông già thương binh mất một góc hàm trái ngời nán lại. Ông nằm điều trị ở khoa ngoại, mặc quần áo bệnh nhân màu xanh da trời. Hai bên ống quần dài chùng xuống che kín cả bàn chân. Cái áo may ô màu trắng ngà không che được một bên lồng ngực bẹp dúm, nhưng ông già ý tứ vắt cái khăn mặt trên vai, giấu kín một bên xương đòn cong oằn ra phía trước. Mấy người lạ nhìn cái hàm trái bị mất một góc của ông như dòm ngó quái nhân dị tật. Mặc kệ ai quát tháo, hay xì xầm, ông già cứ ngồi im, đôi mắt lơ lơ nhìn tận đâu đâu. Ông cầm cái mảnh mo cau quạt phành phạch, ông chẳng nói chuyện với ai, chẳng hò hét, chửi bới ai, và ai hỏi cũng chẳng thèm trả lời.

Chỉ đến khi những ông bạn già về hết, nhà chờ thăm của bệnh viện lại tĩnh lặng, yên ắng, thì ông bắt đầu nói. Đầu tiên ông lẩm bẩm giọng phào phào một mình, rồi to dần, to dần. Mấy người nhà bệnh nhân thấy lạ lẫm lắng tai nghe, tôi cũng giống tai nghe và cảm thấy thân thiện. Ông già nói toàn những chuyện ngày xưa ngày xưa có vẻ chả liên quan đến bầu không khí đang nung nóng cỏ cây hoa trái ở đây.

Tôi đóng cửa, thu dọn hàng quán, ngồi bên cạnh ông. Có một sợi dây vô hình nào khiến tôi cảm thấy thật gần gũi với một ông già cô đơn tột nguyên, bị chứng trầm cảm, đang cố gồng người trở lại thời trai trẻ đã đi qua. Tôi gọi ông là chú, thân mật và gần gũi.

Sâm sâm tối. Những người nhà đi chăm người ốm tranh thủ kiếm chỗ rải cái chiếu trong nhà chờ thăm bệnh nhân, cũng chạnh chọe, tranh giành mấy phút rồi đâu lại vào đấy. Ai cũng có một chỗ đủ để mắc cái màn để ngủ vạ vật qua đêm. Họ để cái ba lô, cái túi xách sang một bên rồi quay ra góp chuyện với nhau. Ông già quay sang nói chuyện với tôi. Cái hàm dưới khuyết một góc bên trái mỗi khi há ra thì miệng lại hở sâu như cái hố tối om.

"Chị người thành phố chả biết được đâu? Muốn đến quê chú xa lắm, tít sau dãy núi kia kìa".

Ông già nói, rồi chỉ tay về hướng mặt trời đỏ ối như quả cầu lửa đang lặn, chìm dần sau dãy núi mờ mờ. Giọng nói của ông rặn rộ phào phào nặng trịch, ần ần mất dấu huyền.

"Quê tôi ở đấy, các ông bà thấy chưa? Phía dưới ấy là thung lũng, thỉnh thoảng vớ được vũng nước, cấy cây lúa là tốt bởi bởi, cá cua có mà vô khối, tuyền cá rô, cá diếc, chạy lên đồi rút năm lá chua me, rồi kho cháy, gớm giờ thì chả còn nữa..."

Tôi vẫn chăm chú nghe, chỉ sợ hỏi ngang sẽ cắt đứt luồng suy nghĩ của ông già. Tôi bắt gặp đôi mắt lơ đãng của ông nhìn về phía xa xa tiếc nuối một điều gì đó không cắt nghĩa nổi. Tôi chưa một lần được thưởng thức món cá diếc kho lá chua me, nhưng nghe ông già tả mà thấy thèm và cuốn hút quá.

"Ấy, cái giống cá chuối, cá sộp khôn đáo để, lặn xuống đám thung năn, thung lác sinh đẻ ở đấy, có con đẻ đến cả yến. Tết đến chả có tiền mua thịt nhưng cá thì đầy, nhà nào cũng kho, cũng luộc, đêm ba mươi, cả làng đốt rơm um cá, ăn hết Giêng cũng còn khối. Ngày trước chú đốt cả một quả đồi, tro than gì cũng mặc kệ, mưa xuân xuống, những lớp đất xộp lên, tôi bỏ ra. Chè tốt rậm kín cả vùng. Ngày chưa đi lính ấy à, chú hái được khối các loại hoa lá ở rừng, quấy cả gánh rau sắng về Hà Đông bán. Người kẻ chợ nấu với thịt nạc, ngọt lắm..."

Tôi nói chen vào và cốt để ông có thời gian ngừng lại, được nghỉ ngơi cho đỡ mệt:

“Chú làm cháu thèm quá. Bây giờ họ vẫn bán mà chú, nay mai khỏi bệnh, đến mùa rau sắng, chú mang ra, cháu bán giúp nhé”.

Ông già dường như không nghe tôi nói, giọng cứ đều đều phào phào, xa xăm:

“Mùa không có rau sắng thì gánh củi, cả chè xanh, cả lá thuốc bắc. Vậy mà bây giờ, đến cái lá cũng tiệt. Tài thật, chim muông thú dữ cũng biến sạch...”.

Ông già lại chỉ tay về cái nơi hoàng hôn đang sậm dần lại. Phía chân trời xa xa, những tia nắng cuối cùng cũng lặng lẽ lịm đi, rồi tắt hẳn.

Tôi có nghe mẹ kể những ngày chiến tranh và tôi cũng không lạ gì đất và người quê hương ông, một vùng bán sơn địa. Ở đây là có những khu đất cao vói lên, người ta chăn nuôi trâu bò nhiều vô kể. Lạ lùng, nếu trâu trắng ở quê ông là phổ biến thì ở vùng khác, trâu màu trắng là hiện tượng lạ, bò thì da đen như da trâu. Họ chăn thả từng đàn trên sườn đồi. Chỉ những chỗ trũng nhất mới trồng được lúa, nhưng vất vả lắm, cây lúa mới ra bông được, hình như nơi ấy hợp nhất với cây sắn, mà ăn sao được sắn quanh năm. Người dân trong vùng vẫn trồng rồi chở ra chợ đồng bằng bán làm của ăn chơi quà vật. Vất vả thiếu thốn chứ đâu được an nhiên, thơ thới như ông kể.

Ngồi nói lảm nhảm giọng gió phào phào kể lại chuyện quê hương từ cái thuở nào, thuở nào, mà ông già cứ say sưa như vừa xảy ra. Tôi hẹn với ông: “Tối rồi, chú về khoa nghỉ ngơi đi. Mai chú lại ra đây cho mát ạ”. Ông đứng dậy, chào tôi rồi cắp cái mo cau tập tễnh bước đi. Tôi biết dù không hẹn, ngày mai ông vẫn lại ra và lại bắt đầu câu chuyện làng quê trước sau, xa gần lộn xộn...

Bóng ông già nhập nhoạng dưới những cây xà cừ cổ thụ, khăn mặt màu cháo lòng vắt trên vai. Ông đi về khu điều trị thương binh khoa ngoại.

*

* *

Chiều tối hôm sau, ông già thương binh mất một góc hàm trái lại ra quán hàng của tôi. Ông không ngồi lẩm bẩm nói phào phào một mình nữa. Tôi xếp gọn gàng mấy thứ tạp hóa lật vặt lại. Thời tiết này, chỉ những thứ nước giải khát mát mẻ là đắt hàng, còn mấy thứ kim chỉ vá may, đồ chơi cho trẻ con hay những quyển sách bìa dày cộp thì ai mà thèm đụng đến thành ra hàng của tôi ế ẩm quá chừng. Có hôm tôi đóng quán, đi lang thang lòng vòng ở bệnh viện. Tôi thường bị ám ảnh bởi những chiếc nạng gỗ chống lộc cộc xuống con đường xi măng trơn trượt trong bệnh viện, hoặc là những ống tay áo vắt lủng lẳng sau vai của một người nào đó bởi một cánh tay đã gửi lại nơi chiến trường.

Tôi chỉ được biết mặt cha qua tấm hình đặt dưới cái bằng “Tổ quốc ghi công”. Bà nội tôi kể lại rằng: Một chiều cuối năm, cha tôi tạt qua nhà. Lúc ấy mẹ tôi đang tất bật gói bánh chưng ở cửa hàng thực phẩm, biết tin chồng về, mẹ tôi vội vàng để thịt mỡ, đậu xanh, lá dong, gạo nếp lại, cuống cuồng đạp xe về nhà...

Bà tôi khẽ khàng đóng cửa, và ngồi xây lưng lại như người gác ở bên ngoài. Ai hỏi mẹ tôi, bà cũng bảo chưa về nhà. Khi bóng tối sập xuống, tiếng còi tàu hú vang ngoài ga Hàng Cỏ, cha tôi khoác vội cái ba lô cậy cửa nhào ra ôm chặt lấy bà. Bà tôi ôm lấy con trai, nước mắt chảy dài. Mẹ lại cuống cuống chở cha tôi ra ga, sau lưng là bà tôi ngồi thụp xuống thềm âm thầm khóc. Chỉ đến khi con tàu lặn vào màn đêm, mẹ tôi mới lau nước mắt rồi vội quay lại cửa hàng. Đàn chuột cống đã nhanh chân xơi sạch cả mấy tô thịt gói bánh. Năm ấy, bánh chưng của cửa hàng không có nhân thịt lợn.

Tôi ra đời vào một chiều cuối thu nắng vàng rực rỡ. Cha tôi mãi mãi ở lại chiến trường, dù mẹ héo mòn chờ đợi cha tôi về, để khoe con gái...

Tôi kể tiếp với ông già mất một góc hàm trái về chuyện mẹ tôi, bao năm rồi, mẹ luôn sống bằng ký ức. Năm nào làm giỗ cha tôi xong, mẹ lại vào Quảng Trị. Lần nào mẹ cũng ôm một bó hoa hồng từ Hà Nội vào để thả xuống dòng sông, nơi cha tôi đã hy sinh. Mẹ ngồi hết chiều trên bờ sông Thạch Hãn, một mình lẩm rầm nói chuyện với người âm. Lần nào trước khi ra về mẹ cũng nói với cha: "Sang năm... cuối tháng bảy... em lại vào".

Nghe tôi kể, ông già thương binh thở dài đến nỗi ruột.

*

* *

Những ngày cuối tháng bảy năm nào quân y viện cũng đông đúc hơn thường lệ. Bệnh nhân là những người thương binh từ các trại điều dưỡng, từ các vùng quê lũ lượt về khám và điều trị. Cũng là một cơ hội gặp gỡ nhau, ôn lại những tháng ngày trận mạc. Năm điều trị cùng nhau nhiều lần, quen thân nhau đến nỗi thuộc lòng nhau quê quán và đơn vị thời chiến tranh, đánh ở chiến trường nào, thương tật ra sao. Tất nhiên, mỗi lần gặp lại, họ biết thêm về nhau nhiều điều mới mẻ trong cuộc sống đời thường: chuyện đứa cháu nội mới chào đời, con bò cái mất đẻ, bà vợ già hay đi hái nấm..., trên trời dưới biển đủ thứ chuyện.

Tháng bảy năm nay, tiết trời dịu hơn mọi năm trước, nhưng bệnh viện cũng vắng vẻ đi nhiều. Những người khó tính cứ ít dần đi, nhóm hút thuốc lòn của năm trước chỉ còn lại ba người. Cứ thấp thoáng xa gần từng khuôn mặt, từng giọng nói, từng vùng quê của họ... ám ảnh trong trí nhớ của tôi.

Ông già thương binh hàm trái mất một góc ấy lại về năm viện. Ông xách ra cho tôi cân bột sắn, một gói lá kim tiền thảo và chục trứng gà. Ông khoe: "Cái đèn pin chị cho, chú dùng vẫn tốt lắm". Ông bảo, chú không ốm

đau gì cả. Chú về bệnh viện để gặp gỡ anh em bạn bè thôi. Ngày trước, đơn vị chú cũng đánh Quảng Trị. Ác liệt lắm, mình còn lê được tấm thân về đây là lãi rồi, tốt phúc lắm rồi, đòi hỏi làm gì, âm ỉ mà làm gì.

Trước khi đổi quần áo bệnh nhân, ông già thương binh mặc quân phục thẳng ly, ngực đeo đầy huân huy chương. Lần đầu tiên tôi thấy ông vui vẻ, hoạt bát. Tôi lặng lẽ ngắm nhìn người lính già trang nghiêm trước mặt. Ở cửa phòng khám bệnh, ông nhanh nhẹn đi bắt tay từng người, kể cả quen hay không quen, có lẽ với ông, cứ vào đến bệnh viện quân đội đều là thân thiết, đều là đồng chí.

Tôi không nghĩ đây là lần cuối cùng ông già đến bệnh viện, bởi kết quả xét nghiệm rất bi quan, ông bị ung thư dạ dày đã di căn lên phổi. Tội nghiệp ông già, những cơn đau bụng âm ỉ xuất hiện từ sau Tết. Cơn đau thường lẫn lộn với cái nhức nhối của vết thương cũ, với ông thì đau gì cũng là trái gió trở trời nên nó hành hạ. Đau chán, nhức nhối vài ngày rồi cũng xong. Lạ kỳ! Ông cứ một mực nghĩ: Đến bệnh viện là chỉ để gặp gỡ đồng đội trong những ngày cuối tháng bảy chứ hoàn toàn không phải bệnh tật...

Con gái út của ông nói với tôi rằng, thôi thì để ông vui vẻ những ngày cuối cuộc đời. Chị đã nhờ người bác sĩ quân y làm giả cái giấy xét nghiệm ghi "viêm dạ dày mãn..." rồi đưa cho ông xem. Chị nói với cha rằng, chứng viêm dạ dày ai chả bị, bố cứ điều trị qua tháng bảy, nếu không khỏi thì về quê. Chúng con đưa bố đến gặp bà lang núi kiếm ít lá thuốc sắc đặc, uống là khỏi ngay. Ông nghe xong, cố mỉm cười.

Chiều bệnh viện oi nồng hơn nơi khác. Tôi vào thăm, ông đang truyền nước. Đôi mắt hấp háy, không mở to ra được, những ngón tay khẽ động đậy, muốn giơ ra cũng chẳng được nữa rồi. Tôi hỏi han ông vài ba câu cốt để khóa lấp nỗi lo âu:

“Ngày 27 tháng 7 năm nay, chú có lên nhận hoa bệnh viện tặng nữa không ạ?”.

Chẳng hiểu sao, ông lại lảng đi chuyện khác. Da mặt nhăn nheo, sạm lại, ông vẫn cố cười, bảo:

“Chú năm nay 73, sang năm 74 tuổi. Qua năm tuổi chú sẽ khỏi bệnh”.

“...”

Tôi lặng lẽ ngồi xuống bên cạnh ông, nắm lấy bàn tay khô khăng lạnh giá của ông, khẽ gọi: "Chú ơi! ". Miệng ông mấp máy, nhưng hơi thở của ông gấp gáp, rồi nghẹn lại. Tôi cúi xuống, giọng sẽ sàng lại nói với ông câu chuyện mà ông đã nghe nhiều lần: "... Mẹ cháu vào Quảng Trị mới về chú ạ..."

Tôi thấy ông khẽ gật đầu, lại mỉm cười.

Rồi nụ cười chợt tắt, nhưng gương mặt vẫn rạng rỡ. Có lẽ ông đang nghĩ đến đàn bò đen, lũ trâu trắng no tròn đứng đĩnh trên con đường cát, bụi mù của những buổi chiều mặt trời xuống núi.

4-2014

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Mảnh Vườn Xưa Yêu Dấu - Vũ Minh Nguyệt

Bà nội đón cháu gái ngay lối rẽ vào cổng phía sau nhà. “Cẩn thận cháu!”. Hai bà cháu đi như dìu nhau trong cái ngõ hẹp. Bà nội nhai trầu cười sóm sém, khuôn mặt già nua, nhăn nhúm tưởng như kẹp da, kéo ra được. Cháu gái nhìn ngửa mặt lên trời đầy sương muối, thấy mắt mình ướt nhoè nhoẹt. Bước chân cháu gái lâng lâng như muốn đổ ập vào lòng bà nội. Rõ xấu hổ, đứa cháu gái côi cút của bà có còn bé dại gì đâu? “Nhà ai to thế hả bà?”. “Trường mẫu giáo, nhà trẻ đấy, cháu chả chịu về, người ta xây lại rồi đẹp”. Chỗ ấy, trước kia là mảnh vườn trồng trọt, bên góc trái có cái rãnh nước, khoai ngứa tím mọc um tùm, thỉnh thoảng bà nội cắt những đợt non nấu mẻ, cháu gái ăn nhỏ nhẻ một thìa ngứa mọc cả họng. Bà nội khen ngon, bà bảo mát ruột, nhưng cháu gái tưởng tượng ra những con sâu khoai, to như ngón tay, có hai cái râu vểnh lên bò ngoe nguẩy, khủng khiếp. Giờ nghĩ lại cháu vẫn rùng mình. Toàn bộ khu đất còn lại chỉ có cỏ dại mọc lưa thưa. Lạ thế, miếng đất giữa làng thành ra hoang hoải. Vậy mà suốt thời thơ ấu, mảnh vườn ấy là thiên đường của cháu gái và lũ trẻ con lối xóm. Mảnh vườn huyền bí ngăn cách cánh đồng với ngôi nhà của hai bà cháu là một bụi dây leo rậm rịt lá cọc dậu, sẵn dây và cả bìm bìm làm thành một bức tường thành chắc chắn. Ấy vậy mà bọn trẻ trâu vẫn tìm ra dây sẵn, chúng dùng liềm cắt trộm để nhai. Một ngày sau những đám là úa vàng, héo quắt lại, bụi cây quang hẵn đi, đến lúc ấy bà mới biết và bà chửi. Bà nội chửi đến lúc mặt nhợt nhạt vì tiếc cái dây sẵn. Bác An thấy thế bảo: “Trẻ con nó nghịch dại, bà chấp làm gì, mấy ngày nữa lại đâm chồi ngay”. Rồi bác nói nhỏ như chỉ để mình nghe: “Củ giả ra gì đâu”.

Cái bụi dây leo chẳng chịt ấy nhiều khi tím ngấn ngắt, chẳng ai phân biệt được màu của loại nào. Cọc đậu xòe lá to, non mỡ màng, đậu ván cũng len lên đua ngọn, vươn dài bám vào dây sắn, rồi bìm bìm lá nhỏ li ti nhưng dày đặc là lá. Đám cọc đậu năm nào gần Tết bà cũng nhờ chú Lành đào củ, xong chú cắt miếng đầu già, đổ mùn rồi vùi xuống. Ra Giêng, mưa xuân ẩm ướt, mãi cây hái, rau mại, cái mâm cây bụi bám tím sẫm đã đâm nhòai lên khỏi ụ đất. Bà nội chỉ cần cầm cái que rào là mấy cái ngọn như có mắt, chúng bò lại và bắt ngay vào rồi mấy hôm sau đã thấy leo tít lên. Mùa hè đến, lá trum kín mít, lẫn lút cả cây găng già. Cháu gái và lũ bạn thích nhất mấy cái dái cọc đậu, không ra quả mà cũng chẳng là củ. Buổi chiều đi học về, đói bụng, cháu gái bứt mấy cái vùi vào tro bếp, chỉ một lúc là ăn được. Mấy cái dái (thôi cứ gọi là “quả” cho đỡ thô) bé như quả sung, sống sít, nhót lẻo nhèo, chát ồm, cắn dè đến giữa mới thấy hơi bơ bở... Vậy mà, hễ đứa nào ngó ngáp là bị bà mắng đấy. Ra là bà dành đập phần cho “cái Tý” của bà.

Hai bà cháu ngồi thụt xuống giường. “Lời đất ơi, bà cứ trông mày mãi. Một chuyến công tác, công teo nữa, lúc về có mà bà chết nghèo mất rồi con ạ. Bà không cho mày đi nữa đâu. Ở nhà, lấy chồng, bà bảo bác An xin việc dưới huyện cho. Lấy chồng, để cho bà mấy đứa chắt, bà bế ẵm. À mà bà có ổi tiền, tiền tuất liệt sĩ của bố mày, rồi tiền mày gửi về bà gửi vào tiết kiệm tất. Ở nhà bà cháu bên nhau, nhá. Nay bà biểu: Mày đi công tác xã hội, đổi tên đẹp là Lý, Loan, Linh hay là Hồng, Hạnh... thì kệ mày, bà cứ “cái Tý” bà gọi...”. Bà nội mừng quá, bà nói một thôi một hồi, rồi cứ lụi cụi, sờ sẫm, xuýt xoa khắp người đứa cháu gái. Chẳng biết nó có nghe thùng không mà bà còn nói nhiều nữa cơ. Cháu gái nghe câu được, câu mất, đầu óc ù ù, gian nhà bé nhỏ chìm vào sương mù. Hương vòng trên ban thờ tỏa khói vẫn vút. Gian nhà gạch xây lại trên nền đất cũ đã mấy năm, tường vôi ẩm mốc từng mảng, một mình bà không đủ hơi người cho gian nhà ấm áp. Cháu gái đã quên mùi nồng nồng từ ngày bước chân ra thành phố. Cháu gái thương bà, nếp nhà nhỏ này đã thắp lên ngọn đèn dầu nho nhỏ, tỏa ánh sáng vàng đục soi vào trang vở cho nó học bài, quen thân mùi trầm đậm vôi, cay cay mỗi

buổi tối. Ngày cháu gái xách tòng teng cái túi vải, bước chân qua bức tường dây leo chằng chịt, bà nội dùng dằng rồi quay đi chấm những giọt nước mắt đang tràn xuống má. Mấy năm đại học, cháu gái cứ ám ảnh những giọt nước mắt lăn dài của bà nội mãi.

Bà nội lục cùi dọn dẹp cái nọ, cái kia, cháu gái quẩn quanh bên bà như con mèo con, nhưng đầu óc nó đang mãi nghĩ đến ngày mai ba mươi, ngày kia mừng một Tết âm lịch rồi, lại là ngày làm việc của cơ quan. Ngày ấy xếp James Bond, Tổng giám đốc Tập đoàn khoáng sản, sẽ sang Việt Nam kiểm tra các công ty vệ tinh. Mọi giấy tờ sổ sách phải gọn trước mười sáu giờ ba mươi phút chiều ba mươi Tết.

Đang mãi nghĩ ngợi sẽ nói với bà thế nào thì chuông điện thoại di động réo rắt. Bản nhạc Happy new year rộn rã. Cháu gái lật đật lục tìm hết các túi mới móc được máy ra... Chuông vẫn đổ, màn hình hiện lên khuôn mặt nghiêm trang của người đàn ông mặc comle đen, thắt calavat xanh cổ vịt. Chắc có việc quan trọng lắm cuộc gọi mới kiên nhẫn đợi như vậy. Một phát hiện lý thú là ở đây đã phủ sóng điện thoại. Mấy năm trước, mỗi lần cháu gái về quê là chịu chết, lúc ra lại bao nhiêu ngờ vực: Cô đi đâu mà ngoài vùng phủ sóng? Tại sao cô lại đóng máy?... Bao nhiêu là phiền toái từ cái chuyện quê nhà không phủ sóng thuê bao. Bà nội nghe chuông điện thoại, bà cười nhăn nheo hai mắt mờ mờ máy máy. “Đài hờ con?”. Nhưng khi thấy cháu gái áp sát vào tai và okê... ôkê rồi rít, thì bà không cười nữa. Bà già ngơ ngác nhìn đứa cháu gái kê... kê đậu đậu với cái hộp bé tẹo tèo lấp lánh mạ vàng... Cháu gái quên mất nó đang bên bà nội, quên rồi những ngày lùn cùn theo bà nội từng bước chân trong nhà, ra khu vườn hoang cần lứa thừa cỏ. Không gian của cháu gái bây giờ là ồn ào tấp nập, là những sáng choang đèn màu và những bộ comle, váy áo thơm ngát... Quên rồi nên cháu gái nói thật to như thói quen mỗi khi xuống xưởng máy. “Sắp xong rồi sếp ạ, trưa mai, trưa mai khoảng 12 giờ em sẽ đi ô tô đến”... Bà nội ngơ ngác nhìn rồi lẩm bầm: Cái gì, nó vừa bảo cái gì? Đến đâu nhỉ? Hay là nó đi thăm bạn bè rồi lại về với bà... Bà lão lại

nghe đầu lắng nghe đứa cháu yêu quý nói một tràng gì đó, lại okê, okê ... Ngoài sân, mưa bụi lất rắt, những giọt nước óng ánh đọng trên đám cỏ gấu bên thềm, loài cỏ dại sống dai mà lan nhanh nhất trong vườn, một khóm chua me đất cạnh chum nước vừa khép lá, chùm hoa tím đậm tươi non bật lên. Mưa xuân sớm quá.

Cuối tháng Chạp năm ngoái bà nội dặn bác An gói những mười tấm bánh chưng, mua bốn con gà, giò nạc, giò mỡ, mỗi thứ một cái, vậy mà bà còn dặn bác An gái phiên chợ cuối năm nhớ mua cho bà một cân thịt bò, con bé thích ăn thịt bò lắm. Bà dự định trưa mừng hai Tết, bà cháu sẽ làm vài mâm mời họ hàng, và biết đâu bạn bè “cái Tý” kéo đến đông vui, cũng phải có cái gì cho chúng nó ăn uống với nhau, tốt duyên, tốt phận ra, con bé kiếm tấm chồng, có chặt cho bà bế. Tính toán cho một cái tết vui vầy của hai bà cháu, bà lão thấy khỏe hẳn ra. Vậy mà trưa hai tám cháu gái gửi qua thằng cu Ky về biểu bà một bọc quà Tết, mấy triệu đồng tiền mặt và một lá thư. Cháu gái nhắn phải đi công tác xa. Bà đem chia hết những thứ đã mua và quà bánh cho hàng xóm rồi khóc lụy cùi cả Tết. Bà giận quá. Giời cao đất dày ời! Biết thế, bà chỉ cho nó học biết chữ rồi gả chồng làng, bà cháu quần tùm lại đỡ khổ.

Cháu gái ra nước ngoài đúng một năm. Bà lão ở nhà chỉ lo chết không gặp cháu, vậy mà vừa nghe tin nó nhắn Tết sẽ về, bà đã lại tính toán gửi gắm mua sắm cái Tết tươi tắn hơn năm ngoái. Cháu gái bày lên bàn thờ bao nhiêu là thứ, gói kẹo xanh đỏ bọc giấy bạc óng ánh. Những hộp, những gói trong giấy trang kim vuông vắn, thơm nức nở. Rồi cháu gái lôi hết túi, hết những hộp ra cái phản bao nhiêu là quà, cả những gói gì như ngón tay bụ bẫm căng tròn, con bé gọi là xúc xích. Cả bánh mỳ vuông, bánh mỳ tròn vàng rộm. Ô hay con bé lắm cẩm, nó tưởng bà không có gạo ngon để thổi cơm hay sao mà lại mua bánh mỳ. Rồi những hộp, những gói, cái gì cũng loè loẹt, cũng đẹp mắt. Bà nội đứng đứng nhìn đống đồ vật, bà mãi ngẫm nhìn, xuýt xoa cháu gái. Cái áo dài sắp chấm gót, sao đi guốc cao vậy cháu? Vấp ngã què chân thì khổ, Tết nhất, rét mướt thế này, mà năm một

chỗ thì khô. Rồi bà ngھn cổ lên, như bị giạt thột, tóc, tóc con bé, mái tóc giống mẹ nó, đen mướt, dày cả năm đầu rồi? Mái tóc của nó mất rồi, ngắn ngủi, vàng như râu ngô thế kia. Ồi, khổ thân, hay là con bé bị ốm, tóc nó xấu quá, bà lão định đưa tay lên vuốt, nhưng lại thôi.

Bà nhăm tính, trưa mai cúng Tất niên xong bà sẽ đun một nồi nước lá mùi già, thật thơm tho cho cháu gái tắm gội. Đêm giao thừa, bà gọi thằng Liệu dẫn cháu gái đi chặt cành lộc. Hai đứa chúng nó ríu rít học cùng với nhau từ nhỏ, bố mẹ thằng Liệu trước đây cứ nhăm nhe mãi. Ngày hai đứa đang học đại học, mỗi lần được nghỉ lại cùng nhau đi về, bà mừng lắm. Gần gũi, thông tỏ nhau như trong một nhà. Vậy mà từ ngày hai đứa học xong chả thấy chúng nó hỏi đến nhau. Thằng Liệu công tác trên huyện, thỉnh thoảng về vẫn đồng quà, tấm bánh thăm bà, xem ý ra cháu gái chả mặn mà gì. Xếp, xếp, sắp đặt bao nhiêu thứ xong, cháu gái buông bà ra, sục vào bếp.

- Ồi, bà mua gì lắm thế này...

Suýt nữa, nó buột miệng nói là mai nó phải đi.

Gian bếp nhỏ, chật chội những đồ đạc, cái gì cũng dành cho Tết, cháu gái thần thờ nhớ lại những tháng năm của hai bà cháu, những cái Tết nghèo với vài ba thứ ưu tiên gia đình liệt sĩ, chiếc bánh khảo bọc giấy bóng đỏ, hộp mứt nho nhỏ mà bà để dành qua rằm, có năm bị mốc xanh, mốc đỏ không ăn được. Rồi lọ mớ lợn, bà để dành, bị chó nhà ai ăn vụng hết. Cả những củ su hào héo quắt lẩn lóc xó nhà và những đêm giao thừa pháo nổ, nó sợ hãi rúc vào nách bà nội như con mèo con...

Bà nội nuôi đứa cháu côی cút từ ngày nó bé tẹo teo. Báo tử cha hơn năm, mẹ nó đi lấy chồng tận trên vùng Nho Quan xa tít. Ngày còn bé, mỗi lần theo anh Đức con bác An đi chăn trâu, anh lại chỉ tay về phía dãy núi mờ mờ xa tít tấp bảo: “Mẹ mày ở đấy”. Sau này lớn lên nó mới biết, mẹ đẻ em bé, bị băng huyết chết. Bà nội vẫn thương mẹ nó lắm, bà hay chép

miệng bảo: “Khổ, con mẹ mày vẫn số...” Bao nhiêu sự yêu thương chiều chuộng bà dồn hết cho cháu gái. Vì vậy mà nó rất khổ tâm mỗi khi Giôn ngược đôi mắt đau đớn nhìn, rồi tha thiết hỏi: “Tại sao bà nội không ưng???”. "Em nói với bà nội là anh yêu em, anh yêu Việt Nam mà".

Năm nay cháu gái ba mươi tuổi. Bà chỉ muốn cháu học xong, về gần nhà làm cô giáo. Nhưng cháu học Maketinh, ra trường làm việc cho công ty liên doanh. Nghe thằng cu Ky kể: “Chỗ chị Lý làm việc toàn người nước ngoài, chỉ cần bấm số, cửa mở bước vào và đứng im một tí, nó đưa mình lên tận tầng mười, toà nhà ấy to bằng cả cánh đồng Diều Sa làng mình”. Bà nội nhớ cháu nhưng bà mừng lắm, bà thấy mãn nguyện vô cùng, cả làng An Hạ này, có ai được như cháu gái bà? Chúng bạn nó đang bì bõm ngoài đồng mạ, có đưa cổ vài ba buổi chợ mới có tiền mua cho con manh áo mới. Cháu gái bà, quần là áo lượt, thật bõ công bà vất vả, nuôi nấng chăm bẵm từ ngày nó bé thơ, giá nó lấy tấm chồng, có đưa chắt cho bà yên lòng nhắm mắt.

Lần trước, thằng cu Ky vui miệng đọc luôn tên công ty nơi con bé làm việc cho bà nghe. Bà choáng váng hỏi lại hai, ba lần: “Liên doanh Việt gì? Là liên doanh Việt Mỹ à ?” Thì ra, cháu gái bà làm việc cho thằng Mỹ? Bà khóc mấy ngày, bà thấy như mình đánh mất một cái gì quý giá nhất. Con cái nhà sao mà đại dột thế. Bọn Mỹ giết cha nó, để mẹ nó phải đi bước nữa như đò đắm giữa sông, con bé côی cút, thơ đại..., giờ lại đi làm cho Mỹ. Khóc cạn nước mắt, bà bắt bác An lên Hà Nội tìm gọi Lý về. Hai bác cháu giải thích mãi, bà vẫn không nghe, bà giận nó một, bà thấy đau mười. Mọi thứ nó đưa về, bà không thèm đụng đến. Năm trước lúc chào bà để sang Mỹ tìm hiếu thị trường, Lý phải nói dối bà là đi Liên Xô học thêm.

Càng thương cháu, bà càng trách mình. Có phải tại bà mà cháu gái giỏi giang xinh đẹp của bà đã ba mươi hai tuổi vẫn chưa có chồng? Ngày Lý còn nhỏ, học lớp hai, lớp ba gì đấy, một lần nó về nhà khóc, bắt vạ bà vì bài chính tả sai nhiều lỗi. Chỉ tại cái chữ "Mỹ", bà không cho nó viết hoa.

Cái đèn Hoa Kỳ anh Đức treo bà gọi là đèn Mỹ, bà gọi chệch đi là đèn dầu hỏa.

Chiều cuối năm xuống nhanh, Lý vòng tay qua tấm vai già nua, xương xẩu của bà siết nhẹ. Bà thấy tin cậy, yêu thương con bé tràn trề. Nước mắt không kiềm được ứa ra từ hai khoé nhãn nheo của bà, cháu gái buông vai bà, chui qua hàng rào ra vườn. Nó tần ngần đứng giữa khoảng đất cằn, lơ thơ mấy bụi cỏ, thiên đường bí ẩn của tuổi thơ đang cựa mình dưới chân nó. Lúc ấy, cháu gái chỉ muốn kêu lên: “Bà ơi, bà cho con đưa “anh ấy” về chào bà, bà ừ đi. Con yêu anh ấy. Con chỉ lấy anh ấy làm chồng thôi...”. Nhưng mãi mãi, Lý đã không nói được! “Anh ấy” của Lý là người Mỹ...

Cháu gái đi đến bên bờ dậu dây leo um tùm, sẵn dây, cọc dậu, dậu ván và bìm bìm vẫn quấn nhau chẳng chịt. Có tiếng rúc rích cười gần xa, đầu đó, mấy đứa con gái đang rửa lá dong dưới cầu ao. Mưa xuân buông nhẹ toả khắp đồng, làn hơi ẩm bay trùm lên khu vườn. Trong nhà, bà nội vẫn ngồi ngẩn ra. Bà đang gom nhặt mọi hình ảnh của Lý từ ngày nó còn bé lùn cùn theo bà ra đồng, xuống bếp, lên nhà như con chim chích choè. Giờ nó lớn quá rồi mà bà đã già sạm. Những đứa bằng tuổi nó đã con bế, con bông. Đứa nào cũng lôi thôi, lệch thẹo, bùi dúi, úi xùi. Cháu gái bà một bước đến được nơi sung sướng. Mong muốn cuối đời bà là nuôi cháu được vuông tròn. Vậy sao bà lại làm nó buồn?

Mảnh vườn đêm cuối năm chìm trong mưa bụi ẩm ướt. Lý cảm giác say ngất ngây mà không gọi thành tên được. Ôi mảnh vườn hoang hoải thời thơ ấu, mảnh vườn đã nhen lên bao ước mơ mát lành thời con gái. Hôm nay con trở về đây không có gì đền đáp ngoài nỗi lòng trĩu nặng. Hãy nói với bà đi, vườn ơi...

Mưa vẫn bay thấm mềm hai vai áo, Lý cứ tha thẩn ngoài vườn, bên bờ tường dây leo rậm rịt. Ở hay, có rất nhiều những củ cọc dậu non nhột nhèo và chát sít. Gốc cây cau buộc cái mo hứng nước mưa chảy vào chiếc chum sành mới được non nửa, ngày trước có con châu chàng xanh lấp ló hai mắt

to tròn, lồi ra, kêu chẳng chuộc. Luống mạ nhà ai mới gieo non xanh, đông đưa những giọt mưa như sương buổi sớm, cả bầu trời mù mịt khói mây. Cảm giác như cây lá cũng say nên mềm mại, uyển chuyển hẳn ra. Lý lắng nghe tiếng bụi mưa li ti, êm êm trên búp lá, có cả tiếng tí tách rất khẽ khàng đâu đó, gần xa... Vườn xuân ơi, cái gì cũng dịu dàng quá đỗi, cả hương bưởi, hương xoan cũng say nồng... đang đưa Lý trở lại mái nhà.

Bà đau nỗi đau của chiến tranh, nhưng chiến tranh đã qua lâu lắm rồi. Bà đau nỗi đau của bà. Cháu có niềm vui, con đường mới của cháu. Cháu không quên bà với cha mẹ, với cả mảnh vườn xuân ẩm ướt, ươm đầy ước mơ bé bỏng năm xưa đâu... Mãi nghĩ, Lý bần thần đứng trước bụi cọc dậu “quả” đung đeo tím sẫm. Trẻ con bây giờ không bắt trộm nữa. Chúng nó không ăn được như ngày xưa Lý vẫn ăn ngon lành. Tết năm nay, bà quên không nhờ chú Lanh dỡ củ, mà hình như mấy Tết rồi bụi dây rậm rịt này chẳng thay đổi, vẫn xưa cũ, chẳng chột, chi chít bám đeo.

Nhạc của máy di động lại reo, bản Happy new year rộn rã. Giôn yêu dấu. Em nói với bà đây. Mai anh về đón xuân với bà nhé. Cái Tết Việt Nam đầu tiên chúng mình ở bên nhau.

Những ngày cuối năm 2013.

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Thuyền Nan - Trầm Hương

Người đàn bà nhìn xuống ao sen... Hơn hai mươi năm rồi ư, đau xót và sợ hãi, chị nhắm mắt lại. Ngày ấy, chị đã đứng trên cầu gỗ này ngắm bóng mình dưới ao sen, chị đã mỉm cười tự tin vào lẽ phải và duyên sắc của mình. Cho đến giờ nước vẫn trong veo, những đóa sen vẫn đẹp trinh bạch như thuở nào nhưng người đàn bà năm xưa đã khác. Chị mở to con mắt còn lại nhìn chăm chăm vào đáy nước. Hình như ở tự cội âm, người đàn bà đầu bù tóc rối hiện lên, gương mặt sạm nắng, khắc đầy những nếp nhăn. Không còn đôi mắt to, ướt long lanh dưới hàng mày đậm, đôi mắt của dòng máu Việt lai Miên qua mấy đời đã trở nên thuần khiết, thoáng chút huyền bí, chân thành và nồng nhiệt. Đôi mắt của người đàn bà đẹp nhất đất Thành Châu đã từng làm mềm lòng bao trái tim sắt đá... Giờ chỉ còn lại con mắt trái với tia nhìn u buồn khó tả. Con mắt phải vĩnh viễn đóng kín như tấm màn bí mật của quá khứ. Bất giác, nước mắt trào ra, lăn dài trên má chị, rơi xuống ao sen. Mặt nước khẽ xao động, hình bóng chị nhòa đi. Cơn gió thổi đến làm xõ tung tóc chị, những cánh sen rơi lả tả trên mặt nước. Chị lau vội nước mắt, búi tóc lại rồi dẫn bước. Chị hiểu mình đến đây không phải làm cái công việc đa cảm, khóc lóc và tiếc nuối, mà phải dũng cảm vượt qua chiếc cầu gỗ. Tiếng chuông chùa đổ dồn vào khoảng không thình lảng khiến chân chị mềm nhũn, chị bám chặt vào thành cầu cho khỏi ngã. Đã bao lần chị đứng trên chiếc cầu gỗ bắc qua ao sen vào chùa Mai với nỗi lòng giằng xé, giữa gặp gỡ và trốn chạy, giữa khơi dậy và dập tắt, giữa nổi loạn và cam chịu, giữa căm uất và vị tha... để rồi không đủ can đảm, chị quay lưng chạy ào ào vào đêm tối của quá khứ. Chỉ cần bước qua chiếc cầu gỗ này thôi là nỗi oan khuất của chị suốt hai mươi năm có thể được giải tỏa. Thế mà việc đơn giản ấy mới khó khăn làm sao. Chiếc cầu như dài ra

vô tận và chị không thể nào bước sang bờ bên kia của sự tủi nhục. Nhưng lần này chị tự nhủ phải vượt qua ao sen, phải tìm gặp Lục Cha Cả, dù sự gặp gỡ này còn hơn một nhục hình đối với chị...

Thủy, đứa con gái duy nhất của chị đã lớn. Nó cần đến một lý lịch trong sạch và xứng đáng. Đêm qua, chị đã lặng đi khi Thủy quỳ dưới chân mẹ khóc tức tưởi:

- Mẹ nói đi, cha của con là ai, chiêu hồi hay liệt sĩ, sao con lắm cha thế!

- Sao mẹ không nói gì cả, trời ơi, phải chi mẹ đừng sinh ra con...

Tiếng khóc ấy cửa vào nỗi đau đã mừng mủ suốt hai mươi năm, chị ôm chặt vào lòng, mặc cho nước mắt tuôn rơi. Đột ngột, Thủy xô mẹ ra, hằn học:

- Không, tôi không cần nước mắt, tôi ghét sự cam lặng của bà!

Chị chơi vơi, Thủy đã bỏ chạy, chỉ còn dư âm tiếng khóc. Ôi, nỗi đau hai mươi năm... Chị ngửa mặt nhìn trời đêm lấp lăm: “Sự thật ư, sự thật là ta, là Tín, là Sang, là Lục Cha Cả... là không còn gì, chỉ có ta, ha, ha!”. Chị cười lên lạnh lạnh. Khi cơn điên dịu xuống, chị rơi vào vực thăm nỗi buồn. Chị không giận mà thương con, thương mình, thương cho những người đang nằm xuống... Phải, con chị cần biết sự thật, phải chiến thắng lòng tự ái để làm sáng tỏ câu chuyện năm xưa. Cuộc đời chị xem như đã bỏ đi nhưng Thủy còn cả tương lai phía trước. Thôi thì nhục nhã, cay đắng chị cam chịu một mình... Thu hết can đảm, chị quàng chiếc khăn san lên người, xăm xăm bước về phía chùa Mai...

Vượt qua được ao sen, mồ hôi chị vã ra như tắm. Tiếng chuông chùa đổ vào thính không lần nữa khiến chân chị run rẩy. Chùa Mai đây rồi, lối vào chùa đầy hoa thơm cỏ lạ nhưng sao mọi vật dường như nhuốm một vẻ buồn khó tả, tim chị thắt lại khi nhận ra những con rắn thần xưa kiêu hãnh

cùng trời xanh giờ gầy cỗi. Chỉ những tán sao cỗi thụ là vẫn tỏa bóng mát quanh chùa, vi vút bài ca muôn thuở. Chị giật mình nhận ra phía hậu liêu hôm nay rất nhộn nhịp, gương mặt mỗi người đều trở nên thâm trầm, trang nghiêm. Chị va phải người đàn bà gánh gồng từ nhà ngang của ngôi chùa bước ra cổng. Nhận ra Chung, chị đặt đôi quang gánh phịch xuống đất thở hổn hển:

- Ủa, cô Chung, đi đâu biệt tăm giờ mới gặp. Ai cho hay mà tới đúng lúc vậy?

- Chị nói sao, cái gì đúng lúc? - Một linh cảm thoáng qua. Chung hốt hoảng hỏi lại. Người đàn bà trở mặt:

- Cô chưa hay vì sao, Lục Cha Cả sắp... đi rồi. Tôi đang lo đồ hậu sự cho Lục đây!

Nói xong, chị ta quày quả bỏ đi. Chung đứng như chôn chân một chỗ, rụng rời. Thôi, thế là hết. Chị thấy mình thật cô đơn, lạc lõng giữa cõi đời này. Lần cuối cùng chị quyết định gặp Lục Cha Cả thì cũng là lúc con người ấy sắp vĩnh viễn ra đi, nỗi oan khuất của chị suốt hai mươi năm mãi mãi sẽ bị vùi lấp trong bóng tối. Thủy ơ, con có biết cho tình cảnh của mẹ! Chị hực lên một tiếng đau đớn rồi chạy ào ào vào trai phòng của Lục Cha Cả...

Trong bộ quần áo cà sa, người Lục khẳng khiu như một cành cây khô, gương mặt rúm ró vì đau đớn. Người đã tu gần hết một đời mà vẫn không tránh được quy luật khắc nghiệt của bệnh tử. Bất giác, chị ứa nước mắt... Trong giây phút thiêng liêng này, chị biết mình không thể làm điều gì khác hơn là cúi đầu im lặng. Không ai nỡ nhẫn tâm khuấy động một linh hồn sắp được siêu thoát, khi đã hơn một lần chị dám làm xáo trộn đời sống tu hành, yên tĩnh của ông. Hơn hai mươi năm trước, cũng trong trai phòng này, Lục Cha Cả đã lắng nghe những lời nói đầy nồng nhiệt của chị, khuôn mặt vuông vốn ít biểu cảm ra chiều đăm đăm, nghĩ ngợi. Đó là một trường hợp

hiếm hoi, bởi ông đã từng đuổi khéo bất cứ ai muốn lôi kéo chùa Mai vào cuộc chiến tranh. “Mô Phật, bần tăng là kẻ tu hành, không làm vậy được đâu!”. Thoạt đầu, Lục Cha Cả từ chối, gác bỏ ngoài tai mọi thế sự. Một khi Lục Cha Cả còn ở đất Thành Châu này, ông quyết giữ lấy sự trong sạch và vẻ đẹp của chùa Mai đến hơi thở cuối cùng. Thế mà sự xuất hiện của chị với chiếc áo dài màu thiên thanh và bó hoa sen trắng trên tay đã làm đảo lộn tất cả, suýt chút nữa, chùa Mai chỉ còn là một đồng gạch hoang sơ. Ngày ấy, Lục Cha Cả mới ngoài năm mươi, bộ quần áo thầy tu không giấu nổi một thân hình cân đối và khỏe mạnh. Con người ấy lại có một gương mặt phúc hậu, trầm tĩnh, với cái nhìn như thấu tâm can người đối diện. Cắm những đóa sen vào chiếc bình cổ đầy vết rạn, chị rút rề vén tà áo dài ngồi đối diện với Lục. Mắt của người đời và đạo gặp nhau... Chị nói với Lục tất cả những gì mà chị mong đợi, ấp ủ. Khi chị dứt lời, trai phòng rơi vào sự im lặng nặng nề. Cuối cùng, không đủ kiên nhẫn, chị phá tan sự im lặng ấy, thẳng thắn trình bày:

- Thừa Lục, con đến đây vì lẽ đó. Dân Thành Châu sẽ không quên ơn Lục...

Nụ cười buồn thoáng lướt qua gương mặt Lục Cha Cả!

- Ta tài hèn đức mỏng, làm sao cứu rồi được chúng sinh, con giao ta trọng trách quá lớn!

- Trong lúc này, chỉ có Lục mới làm được điều đó. Sự giúp đỡ của Lục góp phần làm giảm đi sự đổ máu không cần thiết, thúc đẩy mau đến ngày hòa bình. Hơn nữa, cách mạng là một vị Phật lớn, việc làm của thầy...

- Này con. - Lục Cha Cả giơ tay ngăn Chung lại. - Con biết là ta không muốn nhìn thấy cảnh máu nhuộm cửa thiền. Chùa Mai này đã bao đời trong sạch. Con hãy nhìn ra ngoài cửa sổ này là những bông hoa mai trắng, loài hoa tỏa hương nhưng chỉ hướng mặt vào đất, ta cũng vậy thôi. Những điều con nói với ta nghe chừng xa lạ quá!

- Nhưng máu chảy khắp đất nước này, lẽ nào Lục lại quay lưng với nỗi khổ lớn đó hay sao, dù có cầu siêu bao đêm đi chăng nữa cũng không bằng một việc thiện trước mắt. Thưa Lục, con không thể nào hiểu nổi...

Chung ghen ngào nói, chực đứng lên, gương mặt đầm đìa nước mắt vì tuyệt vọng.

- Khoan... - Lục Cha Cả khẽ lắc đầu. - Con quá nóng tính. - Trên môi ông thoáng qua nụ cười giễu cợt. - Làm công tác dân vận như con thật là dở. Nóng tính và quá thẳng thắn như cách của con không được đâu, hãy nhớ rằng dù sao con cũng là một người phụ nữ...

- Con xin lỗi. - Chị cúi đầu. - Chẳng qua con quá nóng lòng...

- Ta biết rồi. Vì lòng trong sáng và nồng nhiệt của con, vì ta muốn làm một vị Phật nhỏ trong một vị Phật lớn nên kể từ đây chùa Mai sẽ dự phần, ta hứa sẽ giúp đỡ con. Nam mô a di đà Phật!

Lục Cha Cả đọc một tràng kinh, Chung không biết ông muốn nói gì, chỉ biết đôi mắt ông chứa đầy nỗi buồn. Chị có cảm giác ông vừa đánh mất một điều gì đó thật quý giá nên cứ tiếc nuối, băng khuâng... Riêng phần Chung, bước ra khỏi cổng chùa chị thở phào nhẹ nhõm, đôi tà áo dài của chị bay phấp phật trong gió, chị có cảm giác mình đang bay. Thuyết phục được Lục Cha Cả cho giấu tài liệu và vũ khí trong chùa Mai quả là điều không dễ dàng đối với chị. Chị sung sướng, thoăn thoắt bước chân như bao lần được làm điều có ích. Bây giờ chỉ còn đến gặp Sang... Nghĩ đến Sang lòng chị nặng trĩu, những bước chân trở nên nặng nề, suy tư. Con người tốt như anh sao lại phản bội. Câu hỏi đó cứ day trở trong lòng chị. Thời cách mạng còn trong bóng tối, anh bám vào rừng dừa nước để dân tin rằng Đảng vẫn còn bên cạnh họ. Anh đã từng lấy thân mình che chở cho bạn trong giờ phút đối mặt với cái chết, con người luôn nhận phần khó về mình, không chút tính toán, riêng tư... Thế mà đột ngột anh bỏ đi, rồi chị nghe tin anh chiêu hồi. Sự vắng mặt của anh để lại trong lòng chị một khoảng trống

không gì lấp nổi. Vượt lên nổi mất mát đó là nỗi đau khổ âm thầm vò xé trái tim chị. Lúc ấy, Chung mới giật mình nhận ra từ bấy lâu nay chị gần gũi với anh biết bao. Đó không chỉ là sự gần gũi, cảm thông đơn thuần giữa những người cộng sự mà chính trong thế giới tâm linh của con người. Chị cảm nhận được trong anh những gì sâu kín nhất, nỗi buồn, sự cô đơn, hụt hẫng... một cái gì không gọi thành tên mà người ta cố giấu kín, dẹp bỏ. Cũng như anh hiểu được sự trống vắng của chị sau những công trạng và thành tích, những khát khao, nhớ thương. Vào một đêm trăng sáng như dát bạc xuống dòng sông, anh nhìn sâu vào mắt chị nói:

- Tôi biết Chung đang nghĩ gì, ngày hòa bình, vòng tay của chồng, nụ cười của đứa trẻ phải không. Tôi biết Chung vẫn thường tự hỏi bao giờ mới kết thúc chiến tranh, một năm, hai năm, có thể dài hơn nữa, sao mà dài quá!

Chỉ có anh mới dám nói với chị về những điều rất riêng tư, sâu kín và chân thành đến thế. Tiếng nói ấy vang ngân từ mỗi lồng ngực con người bất ngờ dội ngược lại mỗi trái tim. Chị siết chặt tay anh, nước mắt ứa ra, rơi xuống bàn tay anh nóng hổi. Khoảng mở cửa dòng sông phía trước mặt làm cho họ sợ hãi. Đôi lúc, chị tự hỏi không hiểu sao chị không yêu anh mà yêu Tín. Duyên số, chị nghĩ vậy. Và đêm nay, khi mỗi người trở về một góc riêng, chị biết là anh sẽ không ngủ. Họ hiểu nhau đến thế, vậy mà anh lại trở thành kẻ phản bội, chị không tin. Người ta đồn rằng anh rất giàu có, sắm nhà lầu, xe hơi ở quận, được kẻ thù trọng vọng, thăng tiến. Không dẫn được, chị nhất quyết tìm anh, dù điều đó rất nguy hiểm cho chị. Gặp anh, chị không tin ở mắt mình. Mới có mấy tháng mà anh già đi hàng chục tuổi, đôi mắt thâm quầng, da tái xanh, gương mặt nhàu nát đau khổ, mái tóc đen nhánh, trẻ trung hôm nào đã lốm đốm bạc. Họ nhìn nhau, câm lặng và đau đớn. Không đợi Sang nói lời nào, chị tấm tức khóc:

- Sao anh chiêu hồi?

Mặt Sang co rúm lại nhưng liền sau đó trên môi anh nở một nụ cười khinh bạc:

- Chung yên tâm, thằng chiêu hồi này không khai ai đâu mà sợ, dù nó có giá đấy. Nếu đúng như những lời đồn đại, thì giờ này không ít người ngồi yên và tôi không đến khổ sở như vậy.

Xưa nay, Sang không có giọng lưỡi cay độc. Sự thay đổi của anh làm chị buồn hơn là giận. Chỉ ít lâu không gặp, anh đã trở thành một con người khác. Chung tròn mắt nhìn Sang, toan tìm một câu gì đó thật thích đáng để đốp lại anh. Đột ngột, hai cánh tay Sang như gọng kềm siết chặt bờ vai Chung, anh gào lên:

- Chung mà cũng không hiểu được tôi ư? Đói khát, tù đầy, gian khổ tôi chịu được. Trường hợp tôi không giải thích. Tôi tìm lối thoát nhưng không có đường về. Thôi, Chung đừng bao giờ gặp lại tôi nữa!

Đôi mắt anh nhìn Chung u buồn, khác lạ, mặt anh méo xệch vì đau khổ. Sang xô chị ra. Chung lao đảo suýt té quỵ xuống sàn nhà...

- Anh nói gì vậy! - Chung kinh hãi kêu lên. - Anh điên rồi, em không hiểu gì cả. Chung lao đến, gục đầu vào ngực anh. - Em không hiểu được những lời anh nói. Em không muốn mất anh, dân Thành Châu này cũng không muốn mất anh. Về đi anh...

Họ đứng như thế với niềm thốn thức dâng tràn trong lồng ngực. Trước mặt Chung là mớ rối rắm mà chị không dám dấn sâu vào nữa. Chị chỉ biết là không thể để mặc Sang, trong những giây phút chông chênh này. Sang đẩy nhẹ chị ra, ôm đầu đau khổ:

- Đã lỡ rồi, Chung ơi. Anh không còn con đường nào khác...

- Không, tổ chức sẽ bao dung, chúng ta sẽ làm lại...

- Chung tốt bụng và ngây thơ quá! - Sang cười khẩy. - Những thằng sọc như tôi đời còn ra cái chó gì. Chung về đi, kéo bị liên lụy.

- Không. Em sẽ không về. Nếu như anh không hứa với em một điều.

- Hứa gì?

- Bao giờ anh vẫn là đứa con của Thành Châu!

Bằng mọi cách, Chung đưa Sang trở về với cách mạng, cho dù đó là sự trở về khiên cưỡng. Nhờ có Sang, chị giấu được nhiều vũ khí vào chùa Mai rồi nhân những ngày lễ chùa rộn rịp, tài liệu và vũ khí được những cô gái xinh tươi đưa về nội thành. Không ai nghĩ những tà áo rực rỡ màu sắc với những sọt hoa quả làm ấm áp quang cảnh chùa lại ẩn giấu đầy nguy hiểm. Khoảng thời gian bận rộn nhưng đáng sống nhất đời chị. Vào một đêm mưa gió, Tín đột ngột trở về, người anh ướt đẫm. Chị ôm chầm lấy anh, đón nhận những cái hôn tới tấp. Chị như cánh đồng khô hạn uống những giọt mưa đầu mùa. Chưa bao giờ họ sống trọn vẹn bên nhau như thế, thời gian dành cho đôi vợ chồng trẻ quá ngắn ngủi. Trời chưa sáng anh đã phải đuổi theo đơn vị về chiến trường miền Đông... Chị cũng quần vội mái tóc sau những phút giây buông thả, bàng hoàng. Sáng nay Chung đã hẹn gặp Lục Cha Cả và Tư Sang ở chùa Mai. Bí thư huyện ủy đã triển khai cho chị kế hoạch đánh vào Cầu Lầu - đồn giặc án ngữ phía Thành Châu được giải phóng. Lục Cha Cả nghĩ ngay đến Sang. Anh có thể giúp cách mạng lấy được Cầu Lầu mà không phải đổ nhiều máu. Chị bày tỏ ý nghĩ này với Tám Thư. Sau phút im lặng nặng nề ông rít giọng:

- Thăng phản bội này là con dao hai lưỡi, cháu nên làm thế nào mà không phải bị đứt tay. Trong tình cảnh này cũng nên tranh thủ nó, miễn sao có lợi cho ta.

Lời của Tám Thư gieo vào lòng Chung một nỗi buồn, hoang mang khó tả. Tám Thư xưa nay là con người chị kính nể đến mù quáng. Chị nghĩ con người vào sanh ra tử, được thử thách ấy cái gì cũng hoàn hảo. Hắn ông biết trong kỳ công chuyển tài liệu và vũ khí đến vùng giải phóng có sự đóng góp quan trọng của Tư Sang. Sao mọi người cứ mãi quay lưng lại với Sang,

dù anh có cố gắng hết sức. Đôi lúc chị hoảng sợ tự hỏi: “Một mình ta tin Sang có đủ không?”. Với Sang chị duy nhất có một niềm tin, đó là niềm tin vào con người. Đã bao lần chị tìm cách hỏi cặn kẽ việc anh rời bỏ hàng ngũ nhưng Sang một mực từ chối. Anh mở mọi cánh cửa tâm hồn ra với chị, chỉ riêng uẩn khúc này là đóng lại. Lần cuối cùng Sang van vãn:

- Chung xem, tôi có rời bỏ hàng ngũ của mình đâu, ít ra là trong ý nghĩ. Tôi có thể vì Chung làm tất cả những gì tôi có thể làm được nhưng đừng bao giờ hỏi tôi chuyện đó nữa. Một mình Chung hiểu tôi cũng đủ.

Kể từ đó chị không dám hỏi thêm anh nữa, nhưng nỗi day dứt cứ giày vò lòng chị... “Thôi, không nghĩ lan man nữa, hãy tập trung vào trận đánh Cầu Lầu”. Chị tự nhủ rồi thoản thoắt bước đi...

Thành Châu bắt đầu xăm xì về sự thay đổi của Chung. Mỗi ngày, dáng đi của chị không còn gọn gàng, khỏe khoắn như trước nữa. Gương mặt chị ngồi lên vẻ thỏa mãn pha chút mệt mỏi. Đến khi chị khoác lên người chiếc áo bầu xinh xắn thì dư luận Thành Châu bùng lên những lời lẽ cay nghiệt: “Con Chung là nhân tình của Tư Sang, chắc mềm rồi. Nó có chữa với thằng chiêu hồi ấy chứ ai”. “Bậy nào, chồng cố đi bộ đội chủ lực miền Đông, có lần ảnh tạt về nhà chứ bộ”. “Chắc gì nó hổng ăn vụng với Tư Sang, tui biết rõ mà”. “Nhà nó chứa cán bộ hà rầm, biết đâu...”. Chị thản nhiên bước qua những lời ấy như kẻ mộng du bước qua hầm chông tua tủa cung tên giáo mác tẩm đầy thuốc độc. Ủ, thế mà lại hay, phải là nhân tình của Tư Sang mới làm được những điều phi thường. Nếu đúng theo kế hoạch đã định, trận đánh này không tổn xương máu, thậm chí một viên đạn. Niềm hạnh phúc đến với chị quá lớn, chị sợ nhìn thấy cảnh máu chảy, chia ly và tan vỡ... Chị mong gặp lại chồng biết bao, để nói cho anh biết rằng sau cái đêm nồng nàn năm trước, hình ảnh anh được tái tạo trong chị. Đêm đêm, chị thắp lên ngọn lửa nhỏ ngồi may tã lót cho con. Lúc ấy, những giọt nước mắt cay đắng, tủi nhục vỡ òa ra, chị mới biết mình đã chịu đựng quá sức. Chị lau nước mắt, nguyện giữ gìn ngọn lửa riêng của chị, thứ ánh sáng ấm

áp, lan tỏa soi đường cho người mẹ đi rất bản năng mà không chệch hướng bao giờ... “Hồi anh em binh sĩ, quân giải phóng đã làm chủ Cầu Lầu. Anh em binh sĩ mau nộp súng ra hàng...”. Giọng người du kích vang lên lồng lộng giữa đêm khuya thanh vắng. Phía Cầu Lầu đèn sáng rực, tiếng la ó, ồn ào nổi lên nhưng tuyệt không tiếng súng. “Thắng rồi!”. Chị sung sướng reo lên. Ánh đèn phía trước chợt nhòe đi...

Sau trận đánh Cầu Lầu chị gặp lại Tám Thư. Chị chờ đợi ở ông lời khen ngợi và chia sẻ niềm vui thắng lợi. Trái với ý nghĩ của chị, người chỉ huy bước vào nhà với gương mặt lạnh lẽo. Ông trầm giọng:

- Cháu cắt đứt quan hệ với Tư Sang ngay. Thắng sọc dưa này ta rồi sẽ khử nó. Chú rất thương cháu nên mới nói chí tình. Mọi quan hệ giữa cháu và Tư Sang đến sâu quá dẫn tới dư luận xấu, chú không bảo vệ được cho cháu. Thậm chí, có nguồn tin cho rằng... cháu đang có những dấu hiệu phản bội. Cái thai này cháu nên...

Chung há hốc mồm nhìn Tám Thư. Chị không còn đủ kiên nhẫn nữa, nổi uất giận tràn lên cơ hồ làm lồng ngực chị nổ tung, chị nghẹn ngào lắp bắp không thốt nên lời. Chợt chị vùng chạy ra khỏi nhà, gào lên, giọng khản đặc:

- Phản bội, ha ha ha, con Chung này mà phản bội, tôi mà phản bội, trời ơi!

Tám Thư đến bên chị, xoa dịu:

- Ấy là chú muốn bảo vệ thanh danh cho cháu, chứ làm sao chú không hiểu được tấm lòng của cháu. Chú chỉ sợ...

Bỗng chảy về ký ức chị dòng sông của quá khứ. Chị đã suýt chết đuối trên dòng sông ấy vẫn cố giữ mo côm nuôi giấu cán bộ ở Rừng Dơi. Mẹ chị quyết bám ngôi nhà tranh giữa đồng dầu bao lần bị địch o ép vào áp chiến lược, đôi chân của người đàn bà suốt đời dầm trong bùn lầy nước đọng

sưng vù lên vẫn cố lăm chằm bước đi tìm cái ăn, cái mặc cho những con người đang được mẹ nuôi giấu dưới hầm bí mật. Những đắng cay, tủi nhục trên bước đường công tác chỉ mình chị hiểu, mình chị biết... Chung chợt nghe buồn tủi lạ thường. Quyết liệt và căm phẫn, chị xô Tám Thư ra:

- Các người đi đi, đừng bám ở đây nữa. Phản bội, trời ơi, tôi mà phản bội! Nhà tôi không chứa các người nữa, đừng có bám vào con phản bội này, ha, ha!

... Người đàn bà trên chiếc thuyền bé nhỏ trôi theo dòng sông nước đỏ ngầu như máu. Xuyên qua những dòng kênh, len qua những cánh đồng, xóm làng, rừng cây... Những ngọn rau muống xanh như ngọc hai bên bờ vươn người ra đón chị. Mùi hoa tràm thơm dịu hòa với hương đất, cỏ cây, hoa dại thơm ngọt đến nao lòng. Nước từ cánh rừng tràm đổ ra dòng kênh mang theo những xác hoa nhỏ li ti, chiếc thuyền bé tẹo của chị dềnh lên. Khát. Chị vốc một ngụm nước ngọt trong hai lòng bàn tay, con mắt còn lại ngó đắm đắm vào màu nước. Máu, ôi nước sao mà đỏ như máu! Chị úp khuôn mặt già nua, cắn cỏi vào vốc máu...

Mùa khô ấy, chị sinh bé Thủy vừa được hai tháng. Đang ngồi cho con bú, chợt Chung nghe tiếng giày đinh nện xuống mặt đường, tiếng la ó, súng ống va nhau lách cách. Nhìn qua song cửa, Chung hoảng hốt nhận ra lối nhỏ sắc áo lính. Làm sao bây giờ, chi bộ đang họp ở sau nhà, dù đạo này chị đã tuyên bố với xóm làng ly khai cách mạng, đuổi tất cả đang ẩn náu trong ngôi nhà chị bằng giọng cay đắng, giận dữ nhưng họ hiểu, chẳng qua chị giận mà nói thế thôi, tấm lòng chị vẫn trong sáng như vàng trắng rằm giữa Thành Châu. Hơn nữa, chi bộ còn biết phải đi đâu giữa vùng da beo ác liệt này. Dù lòng chị có bị tổn thương và nguội lạnh sau trận đánh Cầu Lầu nhưng lẽ nào giờ đây chị đành nhắm mắt, quay lưng trước sinh mạng bao người. Tiếng giày đinh càng rõ dần... Làm sao bây giờ! Trong khoảnh khắc đó, chị không đủ thời gian để chọn lựa giữa sự bình yên của mình và người khác. Đặt con xuống võng, chị chạy ra ngoài sân tay giơ cao chiếc nón báo

động: “Lính, lính càn, bà con ơi!”. Có tiếng súng nổ ngoài hàng dừa nước phía sau nhà. Chị thở phào nhẹ nhõm khi biết mọi người đã thoát khỏi vòng nguy hiểm. Tiểu đội lính Bảo an xông về phía chị. Tên đi đầu giăng hai cánh tay Chung ra phía sau, thẳng cánh tát vào má chị:

- Đồ chó đẻ, mày báo động cho bọn Việt cộng chạy đi đâu? Tao lột da mày!

Khóe miệng chị rỉ máu. Nuốt trở lại chất nồng nồng tanh tanh trong cổ họng, chị ném trả vào mặt hăn đôi mắt lấp lánh lửa. Tốp lính lung sục phía sau nhà mãi không tìm được gì quay lại báo với hăn:

- Thừa trung úy, chúng rút hết rồi ạ.

- Con nhỏ Việt cộng này đáng chết.

Hăn nghiêng răng, rút báng súng đập vào mặt chị:

- Ối, máu!

Máu loang ra, ướt đầm đôi bàn tay của chị, nhuộm đỏ ngực áo, chảy ròng ròng xuống chân chị... Đó cũng là lần đầu tiên bàn tay chị nhuộm máu - máu của chính mình. Từ đám đông rần rí ấy, có một người tách ra. Anh ta chỉ về phía chiếc võng nơi bé Thủy đang gào khóc, cất giọng lơ lơ của người Miên lai Việt:

- Dớ, tha cho nó đi, đàn bà con nhỏ, chúng mày ạ.

Ánh mặt trời lấp loáng trên mái tóc dài xoã tung của người mẹ. Chị rướn cao người nhìn về phía chiếc võng, lòng đau đớn như xát muối. Một bên mặt chị bị đập nát, con mắt lộ tròng ra thật dễ sợ. Người lính Miên lai Việt móc bịch thuốc rê lấy một cục lớn tướng đập vào mắt chị cho cầm máu... Sau khi vợ vết sạch căn nhà chúng rút đi. Một tay ấn chặt cục thuốc

rê vào vết thương, chị chạy ào đến bên con, lão đảo, đất trời xoay tròn, tối sầm lên chị...

Một con mắt chị không còn. Nỗi đau căm lạng và u uẩn dồn vào con mắt còn lại. Ánh mắt ấy sáng quắc làm nhức nhối người đối diện, như một câu hỏi xoáy sâu vào lòng người. Vết thương chưa kịp lành, một tháng sau chị nhận được tin chồng hy sinh ở chiến trường miền Đông. Bé Thủy thế là không biết mặt cha. Tín không trở về, để lại đất Thành Châu này một nỗi ngờ: “Bé Thủy là con gã chiêu hồi hay liệt sĩ?”. Không ai dám chạm đến nỗi đau đó của chị, chỉ trừ khi chị bộ họp muốn làm sáng tỏ câu chuyện cũ. Chị không hé môi nửa lời. Người đàn bà tràn trề sinh lực xưa kia giờ trở nên chai lì, héo hắt vì đau khổ. Chị lặng lẽ như một chiếc bóng. Ít lâu sau, bên nội của bé Thủy đón cháu về nuôi. Kể từ đó, chị như kẻ mất hồn, thờ thẩn. Ngày giải phóng, niềm vui trộn lẫn nước mắt, chị bùi ngùi nghĩ đến chồng. Giữa lúc bao gia đình sống trọn niềm vui đoàn tụ, chị trở nên rất cô đơn. Không đợi đến sự khoan hồng của tổ chức, Sang thắt cổ tự tử trong một khu vườn đầy dơi. Chị đã quỳ bên nấm mộ anh, òa khóc nức nở. Chị thương mình, thương cho anh đến xót xa, bởi người chết không có khả năng tự bảo vệ cho mình. Và Chung đã làm đúng như niềm mong đợi của Sang, chỉ mình chị hiểu anh là đủ. Khi anh nằm xuống, có lẽ cũng mình chị khóc thương anh. Những giọt nước mắt chị lăn trên má rồi rơi xuống cát. Cát bỏng mùa khô uống cạn những giọt nước mắt của người đàn bà đau khổ. Cái chết của anh đã khép lại mãi câu chuyện chiêu hồi cùng bao lời phán xử, nghi vấn. Chỉ có chị là còn sống để gánh chịu phần đời phía sau của những người nằm xuống. Giữa lúc người nối nhau kể về những công trạng, thành tích, mất mát, hy sinh... Chung lặng lẽ ra đi trên một chiếc thuyền mong manh, bé nhỏ.

... Từ đất Thành Châu, chị xuôi thuyền đến sông Ngã Bảy, Ngã Năm, vượt qua sông Trời Sanh đến ngã ba sông Lớn rồi thả thuyền dọc theo dòng Cái Bè, Cái Lớn... lại xuyên qua những dòng sông Trời Sanh, qua sông Trẹn đến xứ sở của những cánh rừng tràm. Những dòng sông và cánh rừng

nuôi sống chị. Tiếng gọi của đứa con vang lên từ một vùng sâu thẳm khiến chị bơi ngược dòng sông trở lại đất Thành Châu. Đó cũng là lần đầu tiên và cuối cùng chị đến gặp Lục Cha Cả, để nhờ Lục xác nhận lòng trong sạch của mình. Chỉ có con người đó ở Thành Châu là hiểu chị nhưng từ lâu, chị không mặt mũi nào trở lại chùa Mai... Sau ngày Lục Cha Cả viên tịch, dân Thành Châu không thấy chị trở về nữa. Hận hữu có người hiểu được uẩn khúc của chị nhưng không dám dừng cảm khơi lại đồng tro tàn năm cũ. Nhưng nơi miền cuối đất, trên dòng sông nước đỏ ngầu như máu, người ta vẫn còn bắt gặp những số phận nổi lên đênh trên những chiếc thuyền bé tẹo.

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Hoa Mít Vườn Xưa - Trầm Hương

1. Chị xòe bàn tay khô xác, gầy guộc nhắm tính: “Cây mít này đã ba mươi tuổi. Vậy là ông ấy bỏ đi cũng đã ba mươi năm...”. Lúc ấy, chị không chạy theo, không níu kéo, không một lời chì chiết, nguyên rủa. Từ mặt đất ẩm ướt, nỗi đau ngấm vào đôi chân trần, lan đến từng khe hở của lục phủ ngũ tạng... Khi nỗi đau lan đến đỉnh đầu, nó chạy ngược trở về tim. Chị muốn bật khóc, muốn hét lên, muốn cào cào cả ông trời vì nỗi bất hạnh thâm lặng mà chị phải chịu đựng. Nhưng chị không làm được cái điều thường tình mà những người đàn bà vẫn làm khi bị chồng bạc đãi, phản bội. Cổ chị nghẹn đắng. Chị khụy xuống, ngồi bệch trên nền đất ẩm. Rồi chị gượng đứng lên, lặng lẽ đi tìm cái cuốc, hì hục đào xới. Chị trồng cây mít trên khoảng sân ngay sát cổng nhà, đúng nơi dấu giày của ông còn hằn vết. Chị chôn xuống đất một lời thề. Hãy quên ông ta đi, hãy nén chặt nỗi đau vào lòng. Ông ta không xứng đáng...

2. Chị chôn xuống đất nỗi đau. Đất lại ra quả ngọt. Mấy đứa cháu ở Sài Gòn ngày nghỉ về thăm má Ba, được nếm mùi mít chín, riết đậm ghiền. Ngắm nhìn cây mít lúc liu trái mà lòng chị buồn rười rượi. Người già ngày càng cằn cỗi, lùn đi. Nhưng cây vẫn trẻ, tước vẫn vươn cao, tơ nồn. Đất đẻ thêm nhiều thứ. Và thêm những đứa trẻ được sinh ra. Chị triu mến đưa mắt nhìn qua nhà Mẫn. Cu Cồ, con trai Mẫn, đang say sưa bú mẹ. Vòm ngực cô cháu dâu trắng phau, căng tròn. Nỗi tủi thân trào lên, mắt chị dấp dính nước. Nỗi đau chị đã chôn xuống đất, đã lấy cuốc lèn chặt, mà sao nó vẫn không tan, vẫn âm thầm mọc rễ trong lòng chị...

3. Nếu còn sống, con chị đã bằng tuổi cây mít này. Chị đã từng trải qua niềm hạnh phúc khôn tả, khi giữa trưa nắng chang chang, ông ấy đập

xe cộc cạch, vượt mấy cây số đường cát bùn ra chợ làng, mua cóc ổi cho vợ. Ông lục đục vào bếp, đâm muối ớt cho chị chấm cóc chua. Để muối thơm ngon, ông nướng chén muối ớt trên bếp lửa than hồng. Đó là một thứ muối ớt nồng đượm, ngon kỳ lạ mà chị được nếm. Nhưng những ngày hạnh phúc nhanh chóng qua đi. Khi bác sĩ cho biết chị không còn khả năng làm mẹ, mặt ông tối sầm. Kể từ đó, ông không thèm nướng chén muối ớt trên bếp lửa. Chị vẫn yêu chồng tha thiết. Cứ đến ngày nghỉ, chị quét dọn phòng ngủ sạch sẽ, chuẩn bị nhiều món ngon đón ông từ thành phố về. Rồi ông bỏ đi, sau khi nói ra những lời dứt tình độc địa...

4. Ngôi nhà ngói âm dương ở quê giờ trở nên quá rộng rãi với chị. Mỗi ngày, chị giúp Mẫn coi sóc trang trại bò sữa. Mẫn bỏ học vào những năm chồng cô em gái út, vốn là một vị tướng lừng danh, đi làm nhiệm vụ quốc tế ở chiến trường K. Sau cậu đi bộ đội, làm lái xe, lấy vợ. Vợ chồng cậu cơm không lành canh không ngọt, đưa nhau ra tòa. Dì út bắt đứa cháu nội về nuôi, tạo điều kiện cho con trai làm lại cuộc đời. Nhưng Mẫn thất chí, sa vào rượu chè, nghiện ngập. Mẫn bán đứt chiếc Toyota - phần vốn cuối cùng cha mẹ cho ra riêng. Hôm đó, từ quê lên thành phố thăm em, chứng kiến cảnh cháu mình say khướt, bị em gái chì chiết, chị lặng lẽ nấu cháo đậu xanh giã rượu cho Mẫn. Rồi chị thủ thỉ nói: “Con về quê sống với má Ba nhen!”. Mẫn mở to mắt nhìn chị: “Về dưới buồn chết”. “Buồn nhưng không chết. Má Ba đã sống mấy mươi năm...”. Ngập ngừng một lúc, chị nói: “Quê mình bây giờ khác xưa lắm. Trai gái đua nhau làm ăn, học tập, quán xá dập dìu. Khu đất nhà mình có con đường tráng nhựa vừa mới phóng qua, tốt lắm. Bây giờ dưới ấy đang có phong trào nuôi bò sữa, cháu thử coi...”. Thực ra, đó là kế hoạch làm ăn chị đã nung nấu rất nhiều ngày nhưng không đủ sức. Giờ thấy Mẫn bị thất nghiệp, thất chí, chị muốn cháu làm lại cuộc đời. Nhìn những ngôi nhà san sát, người đông như kiến cỏ, chật như nêm trên đường mỗi khi bị kẹt xe, chị tự hỏi sao người ta chen chúc nhau trong nội thành làm gì. Cả ông ấy cũng gò mình trong những căn nhà như cái hộp quẹt bé xíu kia, cả dì Năm, dì út... Hòa bình, không một ai trong gia đình trở về quê. Hoàn cảnh ấy, chị buộc phải trở về, đối mặt với

đồ vỡ. Tuổi tác khiến chị thấy mình quá sức chịu đựng khi ngày đêm thui thủi một mình trong ngôi nhà ngói âm dương, giữa cánh đồng mênh mông gió lộng. Chị thầm nghĩ nếu Mẫn chịu về quê nuôi bò sữa, chị sẽ thuê người trông cỏ trên cánh đồng. Trang trại bò sữa của chị sẽ rất thuận lợi nhờ có sẵn nguồn cỏ cho bò. Nếu Mẫn chịu cực, chị sẽ mở luôn trạm thu mua bò sữa. Chị nhẩm tính, mỗi ngày mua được một tấn sữa, mỗi lít được hoa hồng 500 đồng, thằng Mẫn sẽ thu được... Chà, một số tiền không nhỏ. Lòng chị tràn lên niềm vui, phấn kích bàn kế hoạch làm ăn. Thằng Mẫn lúc đầu thờ ơ, rồi dần dần bị cuốn hút bởi những lời chị nói. Cậu tưởng tượng ra một trang trại bò sữa hàng trăm con, cánh đồng cỏ mênh mông, những công nhân vắt sữa, trạm mua bò sữa tấp nập người ra vào... Cậu làm nhanh trong đầu một phép tính cộng, nhân rồi lũy thừa. Theo kế hoạch ấy, chỉ vài năm, cậu đã trở thành tỷ phú. Cậu sẽ nở mày nở mặt với cha mẹ, với cô vợ đã từng ly dị, rẻ rúng cậu. Mắt cậu rực sáng trước một viễn cảnh huy hoàng xán lạn. Nhưng rồi cậu buông mình trên ghế sofa, thở dài chán nản: “Má Ba nói thì nghe hay thiệt nhưng phải có vốn. Con chẳng có đồng xu nào”. Chị gợi ý: “Con hỏi xin má thử coi...”. Mẫn trề môi: “Trong mắt ba má, con là đứa phá gia chi tử, chẳng làm nên cơm cháo gì. Má Ba đừng xúi dại, thà chết còn hơn...”. Chị ngồi lặng, thấy thương Mẫn vô kể. Chị thầm nghĩ, đứa con càng không thành đạt, không may mắn thì càng phải thương nó hơn. Nỗi tủi thân chợt dâng lên cổ họng, lên mắt chị. “Ừ, thì trong gia đình, mình chịu phần lép cho sự thành đạt của em út. Mình với thằng Mẫn vậy mà cùng cảnh ngộ, không suôn sẻ, may mắn. Không, phải làm gì để cứu lấy đời nó...”. Chợt chị ngồi thẳng dậy, nắm lấy tay Mẫn, phấn khích: “Má Ba sẽ giúp con. Miễn là...”

5. Kể từ hôm đó, Mẫn theo “má Ba” về quê...

Chị dốc toàn bộ tiền cả đời chắt mót, giúp Mẫn mua bốn con bò sữa. Mẫn mặc độc cái quần cụt, cùng bà con ở Củ Chi hì hục dựng lên cái chuồng bò. Đó là những ngày vô cùng bận rộn, pha lẫn hồi hộp. Hai dì cháu vừa nuôi bốn con bò sữa tiên phong, vừa quần quật cất trạm thu mua sữa,

vừa lao ra đồng cắt cỏ. Giờ lấy sữa, Mẫn mở nhạc cổ điển cho bò nghe. Chị vô cùng kinh ngạc trước những thứ nhiệm màu cháu mình đã học được. Lúc đó, chị mới vỡ lẽ, hóa ra đầu óc Mẫn không điếc đặc như em gái mình từng phàn nàn, chẳng qua nó chỉ nhét được những gì nó thích. Chuyện nuôi bò sữa thằng Mẫn lại rất mê. Nó học ở tất cả mọi nơi, thậm chí chuyện “rửa đực” cho mấy con bò cái nó cũng tính toán chi ly ngày giờ. Nó quyết tâm bắt bốn con bò sữa tiên phong phải đẻ ra bốn con bò cái tốt giống. Có cái đầu biết tính toán của Mẫn, chị có công chăm sóc, chỉ mấy tháng sau, trại bò của chị hân hoan đón chào bốn tiểu thư bò ghé bụ bẫm. Nhìn bầu vú tròn căng của mấy con bò mẹ, chị không khỏi chạnh lòng. Bất cứ thứ gì trong nhà này, từ bầy heo nái, đàn gà, bầy bò, cây trái... được bàn tay chị chạm đến đều sinh sôi nảy nở, chỉ chủ nhân của nó là không đẻ được.

Kể từ ngày ông ấy bỏ đi, chị tự nhủ hãy quên ông ta, cái con người tệ bạc. Chị tự an ủi, tuy mình không sinh được con nhưng đã có một đàn cháu. Trong đáy lòng, chị xem con dì Năm, dì út hơn cả máu mủ. Ngày ấy, nghe tin em gái mình công tác ở rừng miền Đông, đã lập gia đình với một sĩ quan chủ lực miền, chị lặn lội tìm đường thăm em. Vượt qua lộ trình nguy hiểm, sống chết kề bên, chị tìm gặp em ở một trạm hậu cần quân giải phóng. Thấy đứa cháu trai lớn hai tuổi, đứa cháu nhỏ mới sáu tháng ẻo uột, xanh rớt vì khí rừng ẩm thấp, vì thiếu sữa, chị quyết định bồng cháu về nuôi. Bọn lính ở các trạm gác biết tông chị mang con “Việt cộng” mà chẳng làm gì được, bởi lời giải thích rất nổi niềm của chị. Anh em Mẫn lớn lên trong sự chăm sóc, cưu mang của “má Ba”. Cho đến ngày hòa bình, vợ chồng cô em gái từ rừng về phố. Chị trao hai đứa nhỏ bụ bẫm lại cho em. Thằng anh sau này thành đạt, vợ con đề huề, chỉ có Mẫn là lặn lội. Vì vậy mà chị muốn dành tình thương rửa mây rửa mặt cho Mẫn. Về quê mở trang trại, Mẫn lấy được cô giáo dạy mẫu giáo, đẹp người đẹp nết. Chị rất vui vì trang trại bò sữa ngày càng sinh sôi nảy nở. Từ 4 con bò sữa tiên phong, nay Mẫn đã có đàn bò hàng trăm con. Chị ngày đêm tối mịt giúp Mẫn kêu thợ cắt cỏ, quản lý trang trại. Còn gì vui hơn khi ngày Tết, những đứa cháu từ Sài Gòn về ngôi nhà lớn ở quê cúng ông bà, tíu tít bên “má Ba”. Chị hào

phóng lì xì cho đàn cháu. Nhưng khi chúng chất lên xe, không quên mang theo mấy trái mít ứt về Sài Gòn, chị lại rơi vào nỗi cô đơn, trống trải lạ thường. Trong ngôi nhà ngói thân thang, chị lại thui thui một mình bên bàn thờ tổ tiên. Xe của các cháu đi khuất rồi, đâu có ai quay lại để nhìn thấy gương mặt đầm nước mắt của chị...

6. “Ví dầu tình bận muốn thôi. Bận gieo tiếng dữ cho rồi bận ra”. Quá nửa đời người, chị không lạ gì chuyện “tình bận muốn thôi”. Nhưng khi chính mình phải chịu cảnh ấy, chị mới thấy thấm thía nỗi chát đắng của tình đời đen bạc. Cho đến giờ, chị vẫn còn ngỡ ngàng vì người ấy đã thay đổi quá nhanh. Hồi các em chị ở bộ đội miền, chị tìm cách lên thăm, mang theo hàng tiếp tế, nào tôm khô, cá sặc rằn, radio, cả máy ảnh... Vẻ đẹp mặn mòi, chất phác của cô gái Củ Chi là sự ngưỡng mộ, khao khát của ông. Ông ngỏ lời yêu chị, lúng túng bày tỏ cả lòng biết ơn đối với chị. Mỗi tình của họ được các em tác thành, vun vén. Hồi ở rừng, cứ vài tháng, ông thấp thỏm, ngóng đợi chị vô thăm. Sự xuất hiện của người phụ nữ quá tuổi xuân thì ấy đã mang lại cho đơn vị hơi thở, bóng dáng của cuộc sống đồng bằng sung túc. Chị khệ nệ mang cả mùa xuân ở đồng bằng lên rừng. Khi tất cả anh em thoát ly vào vùng giải phóng, chị ở lại quê nhà cày cấy, phụng dưỡng cha mẹ. Nhiều chàng trai ở quê đã ao ước cưới được cô gái xinh đẹp, đảm đang ấy làm vợ. Vậy mà ngày đó, trái tim chị chỉ hướng vô rừng, cùng với người ấy. Khi được mọi người vun vào, chị bày tỏ nỗi lo: “Mấy em bay nhảy, chỉ còn chị lo cho cha mẹ. Lấy chồng rồi, cha mẹ ở với ai?”. Lúc đó, mọi người cười ha hả vì nỗi lo không đâu của chị. Anh trai người ấy trấn an: “Chuyện đó thiệt nhỏ, miễn là em chịu lấy nó. Hòa bình, về ở đâu mà chẳng được...”.

Rồi hòa bình. Những người ở rừng năm xưa được trở về thành phố. Họ bận rộn với vai trò mới, chỗ đứng mới. Ở nhà chồng, lòng chị không yên mỗi khi nhớ đến hình ảnh cô đơn, thui thui của cha trong ngôi nhà ngói âm dương. Chị chợt nhớ đến cái siêu thuốc mốc meo, bởi từ ngày chị đi, không ai sắc cho cha uống... Nhân ngày Chúa Nhật người ấy về thăm nhà, chị thỏ thẻ: “Anh à, ở đây đã có các cô lo chu đáo chuyện nhà, hay là mình về quê

em sống với cha...”. Người ấy trợn tròn mắt: “Cô nói vậy mà nghe được, đàn bà lấy chồng phải về quê chồng”. Chị run run giọng nói: “Em biết. Nhưng mà anh đi biên biệt. Hay là anh cho em về trong nội thành lo cho anh”. Người ấy chột đùng đùng nổi giận: “Cái gì? Cô về ở với tôi cho người ta gièm pha tôi có một con vợ nhà quê, vừa già vừa xấu, vừa không biết đẻ con hả?!”.

Chị cố nuốt lại cục buồn tủi: “Em biết nỗi khổ tâm của anh. Em cũng rất muốn nhưng bởi...”. Lời phân trần tiếp theo của chị chìm trong nước mắt. Người ấy dấm dăng. Chị lại năn nỉ. Người ấy lạnh tanh: “Tui nói như đinh đóng cột, xuất giá tòng phu, nghe rõ chưa!”. Chị nghèn nghẹn: “Hồi ở trong rừng, anh Hai nói tui mình lấy nhau, ở đâu cũng được mà. Sao bây giờ...”. Người ấy cười khẩy: “Đừng lấy người chết ra dọa tôi. Anh Hai hứa chớ tôi đâu có hứa. Tui là chồng của cô hay anh Hai, hả?!”.

Chị trân trời mở to mắt nhìn người ấy, thầm nghĩ: “Anh ta thay đổi đến vậy sao. Ngày ấy ở rừng, anh ta đâu đến nỗi...”. Oái oăm thay, chuyện ở đâu sau ngày họ thành vợ thành chồng trở thành chuyện không đơn giản. Nó đẩy chị vào bi kịch của sự chọn lựa. Chị buồn tủi bỏ về quê, rơi nước mắt nhìn cha già nằm co trong một góc khuất vì căn bệnh nan y. Mấy con bò từ lâu không có người chăm sóc ốm giơ xương. Trong vườn, cỏ cây khô xác, tiêu điều. Chị tất tả đi rửa cái xiêu sắc thuốc, lại tất tả ra đồng vun đám bắp, lại tất tả dựng lại chuồng heo... Thỉnh thoảng, người ấy miễn cưỡng từ Sài Gòn về Củ Chi thăm chị, căn nhắc chuyện chị không về bên chồng. Cho đến khi biết chị không thể sinh con, người ấy đưa ra điều kiện nghiệt ngã: “Hoặc là cô về quê tôi. Hoặc ly hôn”. Trải nghiệm những ngày làm vợ buồn tủi, chị ngẫm hiểu, “về quê tôi” có nghĩa là sự chấp nhận muốn làm một người vợ trên danh nghĩa thì phải chịu đựng, làm một con ở không công trong góc khuất quê chồng, còn nhà ở Sài Gòn thì đừng bao giờ đặt chân tới, đó là khoảng không gian riêng của ông. Nếu không chấp nhận góc khuất ấy thì chị phải ly hôn. “Ly hôn?”. Mắt chị cay sè, chột nhớ những ngày đẹp đẽ ở rừng. Chị lau nước mắt, nhìn xoáy vào mặt người ấy, chậm rãi nói: “Nếu ly hôn mang lại hạnh phúc cho anh, em bằng lòng”. Bất ngờ trước thái độ của chị, ông ta chống chế: “Nè, vậy là lỗi ở cô, không phải tôi. Làm gì mà cô mê ông già dữ vậy!”. Trên giường bệnh, cha chị uất ức đến nghẹn thở.

“Thứ cái đồ...”. Cha chị ôm ngực ho rũ rượi, máu trào ra, thấm ướt hàm râu trắng như cước. Chị hốt hoảng chạy vào buồng đỡ lấy cha. Đó cũng là ngày chồng chị bỏ đi mãi mãi...

7. Chị thề với lòng sẽ quên ông. “Đàn ông đã tệ bạc, đã đều thì giữ làm gì cho nặng lòng”. Chị cắn chặt môi, tự nhủ với lòng mình. Chị biết vì “tình bậu muốn thôi” mà ông đã làm khó chị, đã thốt ra những lời tệ bạc, trái với luân thường đạo lý. Khi “tình bậu muốn thôi”, đàn ông có nhiều lý lẽ lạ đời. Ông ta biết chị không thể rời mảnh đất máu thịt, nơi chị đã từng là người nữ du kích thời chống Pháp, nơi chị thờ cúng bà mẹ anh hùng có ba người con đã hy sinh cho Tổ quốc, nơi có người cha từng bám đất che giấu cán bộ, chặt chiu từng hạt lúa củ khoai cho chị đi thăm những người con trong rừng, để rồi chị gặp ông. Ông ta không thể về quê sống với chị nhưng ông ta không muốn chị đưa cha già về Sài Gòn sống với ông. Nếu người ta thật lòng thương yêu nhau thì như anh Hai của người ấy nói: “Lấy nhau rồi về đâu ở mà chẳng được”. Nếu có tình thương người ta sẽ điều chỉnh, sẽ làm được tất cả nhưng ông ta không muốn làm, đơn giản vì ông ta đã có người đàn bà khác. Ông muốn thôi chị nhưng vì sĩ diện, vì muốn dành phần phải về mình mà gieo tiếng dữ để bỏ đi. “Cái thằng đó biến chất rồi!”. Cậu em rể giờ là một vị tướng về thăm chị gầm lên phần nộ. Chị uất ức, nghẹn nghẹn nói: “Thì hồi đó dưỡng làm mai ổng cho tôi chớ ai”. Dưỡng út thở dài: “Hồi đó thằng chả cũng như tui này, trên răng dưới dãi, chỉ có cái đít không. Bây giờ có nhiều thứ nên so đo tính toán. Bỏ vợ già lấy gái trẻ thì cũng đành đi, đành này... Thằng chả mà lảng tránh về đây, tôi không để yên đâu”. Chị cúi mặt: “Thôi dưỡng à. Dù gì thì ổng cũng phải có con. Chỉ có điều nếu ổng đừng gieo tiếng dữ thì còn nhìn mặt sau này...”. Dưỡng út gầm lên: “Sau này cái con khi gì nữa. Chuyện không có con đâu phải là lỗi của chị. Thằng cha như vậy mà chị còn bình, thiệt không hiểu nổi”. Đúng là chị cũng không hiểu lòng mình. Yêu, hận, giận mình, giận người, ích kỷ, khoan dung trộn lẫn. Rồi vì tự ái, vì áp lực những người thân, chị cự tuyệt lời nhắn tin: “Thỉnh thoảng cho tôi về thăm bà, dù gì cũng tình cũ nghĩa xưa” của ông ấy. Chị đã trồng lên cây mít, đã chôn xuống đất nỗi đắng cay,

đã thề. Vậy mà cây mít vẫn ra trái nặng nằng, giấu trong lớp vỏ sần sùi những cái múi ướt rượt, thơm phức.

Chiều nay, chị cùng tốp thợ đi cắt cỏ cho đàn bò từ cánh đồng trở về. Mai - vợ Mẫn - bỗng cu Cồ từ trong nhà đi ra, đón chị, ngập ngừng nói: “Má Ba có nhớ chuyện con nói hôm trước không, về chuyện hiến đất làm trường mẫu giáo...”. Chị dừng bước, nghiêm trang nhìn cô cháu dâu: “Con không nghĩ số đất đó cũng là tài sản của con sao?!”. Mai nói: “Có được anh Mẫn là con đã quá lời rồi, còn hơn trúng số độc đắc, má Ba à!”. “Ừ, để má Ba suy nghĩ đã...”. Chị nghiêm trang, chậm rãi bước đi, lăm bắm một mình: “Ừ, mất một ít đất để có một trường mẫu giáo. Kể ra chẳng mất gì mà còn nảy nòi thêm. Đời mình khuyết một chút nhưng đất đẻ, bò đẻ, thằng cu Cồ đã được sinh ra chính trên mảnh đất này. Mai mốt có thêm nhiều đứa trẻ nữa... Con Mai nói đúng ý mình, còn tính gì nữa”. Chị bước đi. Bóng chị đổ về trước chỉ là một vệt ngắn, in trên cánh đồng cao xanh, lồng lộng.

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Người Ở Mom Sông - Trầm Hương

Hương chủ Tam đỏ mặt tía tai, vỗ bàn quát nạt Hương quán Mèo:

- Một năm chú mày hưởng mấy chục gạo lúa bông lộc để làm cái chuyện gì, hả? Tại sao cái bụng con Út Thiệt lùm lùm ra, hả? Nè, nói cho mà biết, chú mày không tém dẹp được chuyện đó thì có nước đội quần, mau mau làm lễ nộp phạt cho làng, liệu mà trả chức hương quán. Đầu trên xóm dưới ai chẳng biết con Út Thiệt là cháu gọi mày là bác ruột. Càng là con em hàng chức sắc, càng phải xử nghiêm để làm gương. Chú mày hiểu chưa, hả?

Hương quán Mèo mặt xanh như tàu lá, còm róm thanh minh:

- Bẩm ông, xưa nay Út Thiệt vốn hiền lành nết na. Đùng một cái... Thiệt, nhà có con gái như hủ mắm treo đầu giàn, chẳng biết lúc nào mùi thúi nó xì ra. Bẩm ông xét lại, nó làm cái chuyện đó lén lút, chỉ trời đất, giường chiếu, trăng sao biết. Con siêng năng khám điền thổ nhà khác, đầu dè nhà mình... Chừng đó

hồ ra...

- Thì cái chức hương quán của chú mày chắc gì còn. Coi cực khổ vậy chớ nhiều đứa thèm nhều nước miếng. Việc này đổ bể, chú mày còn mặt mũi nào nhận miếng thịt giữa làng. - Hương chủ Tam chặc lưỡi:

- Nhè lúc làng Phong Mỹ mình ganh đua với mấy làng khác lãnh cái "mề đay", cái bụng con Út Thiệt làm đổ bể hết...

Hương quản Mẹo rầu rĩ:

- Bẩm quan lớn, bây giờ con biết tính sao đây?

- Còn gì nữa mà tính. Lẽ ra chú mày phải lo tén dẹp chuyện cái bụng Út Thiệt lúc còn trứng nước. Không gả chồng được cho nó thì tống đi đâu cho khuất mắt, hiểu chưa!

*

* *

Út Thiệt mồ côi cha mẹ từ năm lên chín. Mấy mẫu ruộng sâu cùng một con trâu nái cha mẹ cô để lại mặc nhiên thuộc quyền quản lý của ông Mẹo, người anh ruột của cha cô. Nhờ có cửa ăn của để, từ một nông dân lam lũ vô danh tiểu tốt, ông Mẹo đã vươn lên chức Hương quản trong làng. Từ khi có chút tiếng tăm, quyền lực, Hương quản Mẹo trở nên trái tính trái nết. Ra đường ông được mọi người vì nể, xun xoe đã đành. Về nhà, ông càng tỏ ra mình quan trọng. Ông ăn cơm riêng mâm ở gian nhà trên. Khi ông cất tiếng gọi, mọi người dạ ran, luôn chực chờ làm thỏa mãn ý muốn của ông. Út Thiệt lui cui dưới bếp, đôi má hồng rục, lúc xào cho ông bác đĩa lòng gà, lúc nướng khô sặc, bằm xoài tượng làm đồ nhậu cho ông. Chân ngoài đồng tay trong nhà, hết mùa lúa này qua mùa lúa khác, cô bé Thiệt đen đúa, ốm nhom ngày nào đã trở thành một thiếu nữ với vòm ngực nảy căng. Cũng như bao cô gái khác trong làng, Thiệt làm lụng, ước mơ và khao khát. Nhưng cô không có ai để thổ lộ và chia sẻ. Người thím mặc nhiên xem cô là con ở. Ông bác thì quyền uy xa cách. Ông chỉ dành thời gian cho những việc lớn lao, trọng đại của làng nước. Út Thiệt cô đơn, lầm lũi trong núi công việc không tên của đồng ruộng, bếp núc. Người ta chỉ chú ý đến Thiệt khi cái bụng của cô không còn giấu được dưới làn áo bà ba thôn nữ. Hương quản Mẹo nổi trận lôi đình, trút xuống Thiệt những trận đòn thừa sống thiếu chết rồi đuổi cô ra khỏi nhà. Ông thị uy để phân bua trước làng:

- Nhà này danh giá, không chứa gái hư. Con gái hư thì không được hưởng thứ gì trong nhà này. Cửa cái cha mẹ nó để lại không đủ bù công tôi nuôi nó lớn.

Út Thiệt hiểu cô không còn có chỗ trong ngôi nhà mà cô đã gắn bó, nương tựa từ năm lên chín, cho dù đó chỉ là chái bếp với chiếc giường tre ọp ẹp. Đêm đêm, cô giật mình thức giấc vì những chú gà ngủ trên chái bếp ỉa xuống chỗ cô nằm. Vì danh dự của người bác làm đến chức hương quản, Út Thiệt ra đi ...

*

* *

Nhưng đi đâu? Chỉ có mom sông rìa làng là nơi cô có thể nương tựa, vì đó là phần đất đầu ghềnh cuối bãi còn nhão nhoét bùn sinh bị quên lãng. Thời còn bé đi chăn trâu cho bác, Út Thiệt đã từng lang thang ngoài mom sông này suốt ngày. Mom sông là phần đất bồi chưa hình thành, với những cây bần trụ lại nơi đầu bãi, vươn những chiếc rễ lên trời, mặc cho gió vùi sóng dập. Út Thiệt đã từng ngẩn ngơ nhìn những cánh bần trắng muốt rơi lả tả trên sông theo từng cơn gió bị thổi bạt. Không hiểu sao lúc ấy mắt cô rưng rưng. Cô khóc vì cảm cảnh mồ côi, bị bạc đãi, và vì một cái gì dâng lên từ sâu thẳm nỗi lòng, một nỗi buồn không gọi thành tên mà cô không giải thích được. Giờ đây bụng mang dạ chửa, đôi chân ỉ ộp dưới lớp phù sa ngập quá đầu gối, Út Thiệt khó nhọc tiến từng bước ra mom sông. Nỗi buồn tủi dâng lên khiến mắt cô cay xè. Cái quấy đạp của đứa bé trong bụng khiến cô cắn chặt răng, lau nước mắt. Cô không còn đủ thời gian để buồn. Út Thiệt ngấm thế đất. Cô tắt bật lạng lẽ dựng lên ngôi nhà sàn ở mom sông. Thật ra đó là một túp lều mọc trên chạc ba những góc bần. Cô lằm lũi hái những bông lúa ma, sàng sảy chặt lọc từng hạt gạo trắng ngần. Cô lằm lũi phát hoang cấy lúa, lằm lũi đặt những lười cuốc đầu tiên đắp bờ bao níu giữ lại những hạt phù sa. Một khu vườn sơ khai đang bắt đầu hình thành với những bờ mương đầy tôm cá. Cô trông so đũa trên những vạt đất đầy

cỏ. Lầm lũi từng ngày, mồ hôi trộn với nước mắt, Út Thiệt đã dựng cho mình một cơ ngơi trong lãng quên và cô độc. Cô chẻ tre đan nò, đó, bện những tấm đăng bắt cá. Cô cưu mang đứa con trong bụng bằng những bông so đũa, những đợt lục bình, những trái bầu chua, những đợt rau ngổ mọc lên xanh mướt quanh bờ mương, những hạt lúa ma hoang dại, tôm cá từ dòng sông mang tới... Và đêm đêm, dưới ngọn đèn dầu mù u vàng vọt, leo lét, cô may những chiếc áo sơ sinh, tả lót cho con. Cô nuốt lại những giọt nước mắt, thì thầm những lời hòa trong tiếng sóng của dòng sông mẹ đang thao thiết chảy. Sống! Tiếng gọi ấy vang lên mãnh liệt và thống thiết từ trái tim đau khổ của người mẹ...

*

* *

Út Thiệt chuyển bụng sinh con trong tiếng trống nô nức của làng đón Tết. Năm nay làng cô ăn Tết lớn vì được mùa, vì làng nhận được "mề đay" của quan trên. Không hiểu sao trong cơn đau quặn quại, Út Thiệt vẫn hình dung ra cảnh hương chủ Tam ngôi vĩnh râu cầm châu, đôi mắt ti hí hấp háy trước sắc đẹp lộng lầy của cô đào đóng vai chính trong vở "Hồ nguyệt cô hóa cáo". Kế đó là hương cả, hương quản... Hàng chức sắc tranh nhau giành miếng thịt giữa làng. Thật ra thì làng cô khá trù phú, tôm cá ê hề, gà vịt tràn đồng, heo trong chuồng mập ú. Nhưng miếng thịt giữa làng bằng một sàng xó bếp, là danh dự, ngôi thứ. Vì những thứ đó mà cô phải ra mom sông... Gió từ lòng sông hây hây thổi vào túp lều bé nhỏ, trống hoác của Út Thiệt. Cô vừa đau bụng vừa lạnh run. Lúc đầu, cô rên lên từng chập. Nhưng một lúc sau, cô cắn chặt răng cố chịu đựng cơn đau. Những cơn co ngắn dần, càng lúc càng mãnh liệt. Giây phút ấy, Út Thiệt thềm có người ở bên cạnh cô biết bao. Nhưng mom sông vẫn quanh vắng như thời thơ ấu cô biết. Chỉ có gió khua trên những cành bầu xào xạc là chia sẻ cùng cô cơn đau chuyển dạ. Trong làng giờ này sẽ thật đông vui với những hội hè. Người ta tụm lại, bù khú bên chiếu bạc, đám cá cược đá gà, đám hát, cùng

vỗ tay, reo hò ôm tôi. Đêm xuân vui vẻ này có ai thèm nghĩ đến một mom sông đầy cỏ dại và những hạt lúa ma hiu hắt. Một dòng nước vỡ ra từ người cô, không gì ngăn lại nổi, như nước chảy tràn bờ. Những cơn đau liên tục dồn xuống bụng dưới, lan rộng ra sau lưng cô. Út Thiệt có cảm giác như sống lưng cô sắp gãy làm đôi. Những cơn đau thúc giục. Cô dồn hết sinh lực cho một cơn rặn dài. Cơn rặn mà cô có cảm giác một phần của cơ thể bị bứt lìa khỏi thân...

Một cái gì bật ra, rời khỏi cô, nhẹ hẫng. Cô mệt lả, gục xuống sàn nhà. Tiếng khóc! Út Thiệt chờ đợi tiếng khóc chào đời của đứa con vang lên. Nhưng đáp lại sự mong đợi của cô chỉ có tiếng gió rú rít, thét gào trên những tán cây. Cô cố chống tay nhòe dấy. Đập vào mắt cô là chiếc bọc tròn màu xám. Cô khê kêu lên: "Trời, bọc điều!". Cái sinh linh bé bỏng cần sự trợ giúp ấy không cho phép cô gục xuống. "Cần phải xé cái bọc ra!". Nhưng chợt cô co rúm người vì sợ hãi. Nỗi sợ của con người trước khi đối diện trước một điều gì đó thật lớn lao, dữ dội mà ta chưa biết trước nó sẽ ra sao... Những câu chuyện của những bà thợ cấy về ái tình, sinh nở loáng thoáng trên cánh đồng trở về tâm trí Út Thiệt. Bàn tay tháo vát, mềm mại của cô cũng đã từng đỡ sanh cho những chú bê, chú nghé ra đời. Cô đã từng thò tay vào miệng lấy nhốt dài, lột móng chân cho chúng... Tất cả những chuyện "thấy ghê" ấy, kỳ lạ thay, giờ đây trở nên thật gần gũi. Chúng trôi dấy, mách bảo cô hành động, giúp cô thêm phần can đảm...

Cô xé cái bọc ra, nâng trên tay một bé trai tím tái vì ngộp. Cô thối vào miệng, vào mũi bé, hà hơi, tiếp sức. Lời kêu cứu khẩn thiết của cô vang lên trong túp lều: "Có ai đó không? Bà con cô bác ơi. Có ai không!". Chỉ có tiếng sóng vỗ rì rào của dòng sông mẹ và tiếng gió không nguôi đáp lại lời cô. Cô quỳnh lên, móc nhốt dài trong miệng bé, rồi lại mút, lại thối... Đứa bé cựa quậy, rồi một tiếng khóc yếu ớt vang lên. "Sống rồi!". Út Thiệt reo lên, ứa nước mắt vì mừng rỡ. Cô tự cắt rốn cho bé bằng một thanh tre mỏng rồi cẩn thận quấn bé trong chiếc chăn đã cũ. Đến lượt cô tự lấy nhau ra. Cô

cho bé bú những giọt sữa đầu tiên. Bé vụng về ngoạm lấy đầu vú mẹ. Khi bé nín khóc, ngủ say, cô mới tự cho phép mình gục xuống...

*

* *

"Thưa bà, những năm tháng ấy bà làm gì để nuôi con?".

Bà Thiệt giương đôi mắt kèm nhèm nhìn cô nhà báo đang lăm lăm cây bút trên tay, đôi mắt mở to, ngược nhìn bà, chờ đợi... Đột nhiên, bà đâm ra có cảm tình và thấy gần gũi với con người trông có vẻ lạnh lợi và sang trọng mà bà buộc phải tiếp. Cô ta là người thành phố. Chính quyền địa phương đã đưa cô ta đến đây gặp bà. Thoạt đầu, bà ác cảm với bộ đồ jean cô ta mặc trên người, cùng linh kính viết, bút, máy ảnh... Trông cô ta xa lạ với bà. Nhưng cô đã biết hỏi bà một điều vô cùng giản dị: Làm gì để nuôi con. Suốt mấy mươi năm, chưa ai chia sẻ với bà điều cốt lõi và gan ruột ấy, những người quan hệ máu mủ với bà, cả con người gọi là cha của con bà... Không một ai chia sẻ cùng bà những năm tháng đơn thân nuôi con, những đêm bà thức trắng canh giấc khi "cu Thà" sài đẹn, không ai giúp bà một hộp sữa, viên thuốc nuôi con. "Nhưng lớn lên, nó nói nó là con của Tổ quốc. Nó phải đi đánh giặc để giữ nước. Nó đã quyết chí, mình làm sao cản được. Chà, khi nó mặc đồ bộ đội, mang súng trên vai, trông nó cũng oách lắm. Nó lặn trong đoàn quân. Mình cố nhón chân cho thật cao kiểm nó. Nhưng đông người quá, mình chẳng thấy nó đâu... ". Đôi mắt cô nhà báo mở to đăm đăm nhìn bà chờ đợi câu trả lời khiến bà Thiệt trở về thực tại. Bà hấp háy đôi mắt già nua, cố nhớ lại. Túi lệ bà chợt vỡ ra những giọt nước mắt. Những giọt nước mắt lăn xuống, chảy tràn những rãnh ngang dọc chẳng chịt trên gương mặt bà. Nước mắt chảy xuôi. Bà xấn tay áo chùi nước mắt...

Những năm tháng ấy làm gì để nuôi con hả? Bà Thiệt thần người nhớ lại. Bà đã làm tất cả, ăn măm hút dòi, lặn ngòi oi nước để nuôi thân, nuôi

con. Cứ vào độ tháng mười âm với những ngày gió chướng thổi về, rừng so đũa mom sông trở đầy hoa trắng. Những giàn đậu rồng cũng hé mở những cánh bướm xinh xinh. Rồi những trái đậu rồng non nhú ra dần. Bà gượng nhẹ hái từng bông so đũa, những trái đậu rồng đem ra chợ bán. Tháng Chạp, trời lạnh cắt da, nửa đêm, bà bì bõm mom sông xúc tép. Những con tép tắm rượu làm mắm cong mình đỏ au dưới nắng. Mùa hạ, bà cắt những bông bí xếp từng nạm vào thúng. Bé Thà còn nhỏ quá, bà đành để chú lọt thỏm giữa thúng hoa, kiu kịt trên vai gánh hoa vàng đi chợ đường xa. Bà cắt cỏ cấy lúa, cuốc đất trồng bắp trồng khoai trên những bờ mầu hoang vắng. Tay chân bà bế bặt, chai sần, nứt nẻ. Bà chặt chiu từng hạt lúa, củ khoai, trái bắp, bông hoa... mua cho con manh quần tấm áo. Không ai thức cùng bà canh giấc ngủ con thơ, không ai chia sẻ cùng bà những ngày bầu vú cạn sữa. Xuân hạ thu đông tuần tự đi qua khiến đôi má người mẹ dần phai nhạt. Chú bé Thà dần lớn lên, cao vồng, chắc lẳn. Dần dà, chú đã đỡ dần cho mẹ những công việc nặng nhọc. Chú đã biết sửa lại giàn đậu rồng, lợp lại mái nhà, trồng thêm bờ so đũa, đắp bờ, phát cỏ... Sự cần cù, thương khó của mẹ con bà đã biến mom sông quanh vắng ngày nào thành mảnh vườn xanh ngắt. Có đồng ra đồng vào, cuộc sống mẹ con bà Thiệt cũng đỡ vất vả. Ở tuổi bốn mươi, màu hồng chưa mất hẳn trên đôi má bà Thiệt. Lòng bà vẫn còn xao động trước vầng trăng tròn đầy soi xuống dòng sông lấp lánh ánh bạc. Nỗi khao khát có lúc bùng lên, đốt cháy bà, khi chính bàn tay bà phôi giống cho bò, heo, gà, vịt. Bà mát tay đỡ những chú heo con tròn trặn, kháu khỉnh ra đời. Mom sông ngày thêm trù phú bởi sự giao hòa của hoa lá chim muông, gió trăng, trời nước... Chung quanh bà là bầu không khí của sinh phồn thực. Những con ong hút nhụy hoa bay vù vù. Mật ong sóng sánh trên những cành cây... Ấy cũng là lúc những ngải hương cả, hương chủ, hương... để mắt đến mom sông của người góa phụ. Cậu bé Thà ghét cay ghét đắng những ông "hương" trong làng. Họ bao giờ cũng quần áo bảnh chọe, vẻ hách dịch, oai quyền. Lấy cớ đi khám điền thổ, họ sục đến bất cứ ngõ ngách nào. Mom sông đầy lúa ma hoang dại của mẹ chú ngày nào cũng không thoát khỏi những đôi mắt cú vọ của chúng. Thường những bậc chức sắc đi "khám điền thổ" từ mom sông trở về đều gặp phải những sự

cổ như chìm xuống, bị ong chích, sa vào ổ kiến, sụp hầm... Chú bé ghét nhất là tên hương quản Ty để râu con kiến. Hăn luôn lấy cớ coi sóc việc an ninh của xã sục sạo vào mom sông của mẹ con chú vào bất cứ lúc nào. Một lần, hăn ôm gương mặt sưng vù vì tổ ong vò vẽ bay túa ra, đuổi theo hăn mà đốt. Hăn biết rõ thủ phạm gây ra mọi sự cố trục trặc, đáng ghét chính là chú bé Thà. Chú tuy còn bé nhưng quyết liệt bảo vệ mẹ. Không ăn được thì đập đổ, dần dà, chúng đâm ra ghét cay đắng mom sông. Vào một ngày cuối năm, bà Thiệt nhận được trát đòi trình làng. Tên hương bộ gí quyền sổ dày cộp vào mặt bà truy thu tiền thuế. Bà Thiệt há hốc mồm, ngơ ngác. "Trời đất, hồi mình bụng mang dạ chửa ra mom sông lập nghiệp tới giờ đã hơn chục năm. Hồi đó, đất ở đây còn ngập bùn nhão nhoét, chỉ có bần, lác, lúa ma... Mấy năm nay nhờ mình cần cù, bền chí đắp từng cái bờ bao, bồi mương, cuốc đất vất vả mới có được khu vườn này". Mẹ con bà đã lìa đất từ chỗ cao đắp xuống chỗ trũng cho khu vườn bằng phẳng, lành lặn. Những ngày đầu trốn ra đây, bà phải bắt ốc hái rau, lặn hụp mò cá tôm ngoài bãi sông đắp đổi qua ngày. Bao nhiêu là mồ hôi nước mắt, khó nhọc, họ chẳng cần biết tới. Bây giờ làng cho truy thu thuế, bà chẳng biết lấy gì mà nộp. Tên hương quản đặc chí vênh bộ râu con kiến: "Một tháng nữa mà Út không nộp đủ thuế là đất không nằm trong sổ bộ. Đất lậu. Người nào bỏ tiền ra đóng thuế thì thuộc quyền sở hữu của người đó, Út hiểu không?". Thân phận bà góa, thấp cổ bé miệng, chịu bao nhiêu nỗi o ép, Út Thiệt chỉ biết kêu trời, mặc cho những giọt nước mắt uất ức tuôn trên má...

Ấy cũng là lúc Nhật đảo chính Pháp. Rồi chính quyền thuộc về Cách mạng. Thà đã trở thành chàng trai vạm vỡ. Anh gia nhập Thanh niên tiên phong bằng cả bầu máu nóng của tuổi trẻ. Anh đẹp lạ lùng trong chiếc quần soóc, áo sơ mi, chiếc nón bàng tập võ thuật, diễn thuyết, hòa vào đoàn biểu tình mừng ngày độc lập. Anh nói với mẹ, điều mà bà Thiệt không bao giờ ngờ đến:

- Mẹ ơi, đất nước mình đã độc lập!

Bà run lập cập hỏi lại:

- Độc lập rồi hả, là sao hả con?

- Là 80 năm đô hộ của bọn thực dân đã bị đổ nhào. Đất nước mình có quốc kỳ rồi mẹ à!

- Quốc kỳ là gì hả con?

- Là... cờ Tổ quốc. Mẹ thiệt là...

Anh Thà gắt. Lá cờ Tổ quốc đỏ thắm có ngôi sao vàng năm cánh ở giữa bay phất phới trên nóc Nhà Việc, nơi bà đã từng bị đòi đến để truy thu thuế. Bà Thiệt nghe lòng bùng bên tai về lời giải thích của Thà. Bà không thể hiểu được biểu tượng của màu đỏ, màu vàng, ngôi sao là gì. Bà chỉ biết đó là lá cờ Tổ quốc. Và lá cờ ấy có một sức mạnh thiêng liêng, đến nỗi con trai bà sẵn sàng chết để bảo vệ nó. Bà ngơ ngác nhìn con trai. Bà không nghĩ mấy năm vất vả ra nước cho anh học hết lớp nhứt trường làng lại mang đến điều ích lợi không ngờ. Bà ngỡ ngàng nhìn con trai. Anh hiểu biết và chững chạc. Trước sự phấn khích của Thà, trước lá cờ Tổ quốc bay phất phới trong gió thu, nước mắt bà trào ra vì vui sướng. Độc lập rồi! Có nghĩa là những người phụ nữ từng đại đột, nhẹ dạ như bà không phải ra mom sông mà ở, không phải đóng thuế vô tội vạ, không còn những "ông hương" tìm mọi cách o ép đòi bà phải cho họ thứ này thứ khác. Một lần nữa, bà không ngăn được sự đa cảm, lấp bắp thốt lên:

- Độc lập, độc lập thiệt rồi hả con?

Từ trong sâu thẳm của ký ức, bà nghĩ đến một con người. Nhưng bà cố gạt đi. Con người ấy bây giờ xa xôi quá. Và chẳng, ông ta không còn mấy may cần thiết trong cuộc đời bà. Và chẳng, những tháng ngày gieo neo nhất bà đã vượt qua. Bụng mang dạ chứa phải cúi gằm mặt mà đi, bị đuổi ra mom sông, phải sinh con một mình. Bàn tay bé nhỏ của bà đã dựng nên túp lều, đã đơn thân độc mã nuôi con, cần cù khó nhọc... Con người ấy giờ đây

xuất hiện sẽ làm đảo lộn cuộc đời bà. Những năm tháng thanh xuân góa bụa bà cũng đã cam chịu, đã chặt lòng chặt dạ đi qua. "Bây giờ mình đã già. Lòng khát khao cũng đã tắt. Mình chỉ còn lại thằng Thà. Nó mà biết được mình nghĩ ngợi lung tung thì kỳ lắm !" Bà càng cố quên, con người ấy càng hiện rõ trong tâm trí bà, nhập vào hình dạng của Thà. "Thằng nhỏ giống ông quá, từ đầu mày cuối mắt, dáng đi. Nhưng ông ta đã bỏ rơi mình. Ông ta đã chết rồi!". Con người ấy đã chết trong tâm tưởng của bà, hay ít ra, trong những phút xao động này, bà đang cố chìm xuống, dẹp bỏ...

*

* *

Cô nhà báo lau nước mắt nhìn bà Thiệt, cái nhìn vừa chia sẻ vừa tò mò:

- Sao bà không muốn nhớ? Bà có dối lòng không?

Bà Thiệt lấy cục thuốc xia ra khỏi miệng, lau cổ trầu, nhìn lại cô nhà báo bằng đôi mắt kèm nhèm, đầy vết rạn chân chim. Bà buông từng tiếng thũng thỉnh:

- Ở đời, có nhiều điều sống để bụng, chết mang theo. Cô đã hỏi nhiều chuyện... tôi không tiện nói. Ái chà, tại tôi dễ tính, chớ người khác mà cô hỏi như vậy, chắc là họ đuổi cô ra khỏi nhà rồi đa!

Cô nhà báo cười chữa thẹn. Cô hiểu mình đã chạm đến điều cấm kỵ của người xưa. Phải, cũng đã hơn bảy thập kỷ trôi qua, thế hệ bà và cô có biết bao khoảng cách, bao điều cấm kỵ. Thời của bà, phụ nữ nói đến "yêu đương" là không đứng đắn, cũng không được quyền chọn lựa. Họ sống trong bốn bức tường khuê môn bất xuất. Nụ hôn dành cho nhau phải giấu trong bóng tối. Nhưng xét cho cùng, cuộc sống ngày ấy và bây giờ cũng chẳng có gì khác nhau, cũng ái tình, cũng khao khát, cũng tham vọng, hèn nhát, chia ly và gặp gỡ... Người phụ nữ ngày xưa và bây giờ cũng có chung

một nỗi đau, bởi họ quá yêu thương, cả tin, xả thân, vị tha và hy vọng... Cô hiểu mình đã đi quá xa mục đích chính của công việc cô đang làm. Cô đang cần có thực tế, cần tiếp cận với một Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng để viết bài cho số báo sắp tới với chủ đề "Bà mẹ". Cô lặn lội cả mấy trăm cây số, tìm đến mom sông này gặp bà chỉ có vậy thôi. Vậy mà với sự đa cảm, tò mò dẫn dắt, cô đã cố tìm hiểu bà mẹ ở những góc ngách sâu kín nhất. Trông thấy cô lúng túng, bà Thiệt cũng tỏ ra độ lượng chuyển hướng. Bà đón ý:

- Cô muốn hỏi thằng Thà nhà tôi hy sinh như thế nào hả?

Cô nhà báo thở phào nhẹ nhõm. "Chà, bà già này cũng đáo để thật, biết tổng cả ý nghĩ của mình!". Nhưng liền sau đó cô lặng đi vì đôi mắt dài dại, xa vắng, buồn thăm thăm của bà...

*

* *

"Ấy là lúc giặc Pháp quay trở lại. Thằng Thà nhà tôi gia nhập đoàn quân vệ quốc. Ấi chà, lúc ấy đâu còn "hương cả", "hương chủ" nữa mà nhớ tới chuyện nó là con vô danh hay có danh, nó là con vợ chánh hay vợ thứ, nó có cha hay bị bỏ rơi... Cái thời ấy, Tổ quốc lâm nguy - nó giải thích vội vàng vàng rồi sầm sập chạy đi cùng chúng bạn. Nó ra đi chỉ mang theo cái bông đưng có mấy bộ đồ, nóp với giáo trên lưng. Tôi xúc cho nó cái ruột tượng gạo. Nó rơm rớm nước mắt nhìn tôi, cất lời an ủi: "Mẹ ở nhà ráng giữ cái mom sông. Còn mấy bờ mương con chưa kịp bồi, mẹ cứ để đó, chờ đánh giặc xong con về... ". Vậy là nó đi. Tới chừng giáp trận - ấy là sau này tôi nghe kể lại - Tiểu đội nó bị bao vây. Cần mở đường máu cho đồng đội, nó... nghĩ cách cho giặc hướng mũi súng về phía nó. Cô ơi, vào cái giây phút đó... đâu có người chiến sĩ nào nghĩ mình là con vô danh hay có danh, khai họ cha hay họ mẹ. Đứng trước mũi súng quân thù, nó là một người lính. Nó không sợ chết để bảo vệ lá cờ Tổ quốc - cái mà nó đã giải thích cho tôi: "Là 80 năm đô hộ của bọn thực dân đã bị đổ nhào. Mình đã

có độc lập. Mình đã có quốc kỳ rồi mẹ à!". Tôi nhớ như in trong đầu những lời nó nói. Nó giỏi lắm, hiểu biết hơn tôi nhiều. Tôi nghiệp, nó chết còn trẻ măng, tôi chưa kịp cưới vợ cho nó. Nó là đứa con độc nhất của tôi. Tôi biết là nó ham sống lắm chứ. Sống để cưới vợ, để có con đàn cháu đống như người ta, để lợp lại mái nhà cho tôi, để bồi mấy nương vườn, để sửa lại mấy giàn đậu rồng, để uống rượu tràn cung mây mấy ngày giỗ tết với bè bạn... Nó ham sống lắm. Nhưng mà trong lúc thập tử nhất sinh, nó là chiến sĩ. Đã là chiến sĩ thì sẵn sàng hy sinh. Vậy là nó ngã xuống...".

*

* *

Để cứu sống đồng đội, anh Thà đã ngã xuống trong một trận đánh năm 1948...

Bà không muốn biết, không muốn tin đứa con trai duy nhất của mình đã hy sinh. Bà tin anh còn ở trên đời. Mỗi lần có đoàn quân đi qua là bà cố nhón chân tìm. Bà cứ nghĩ anh đang lẫn trong đoàn quân. Cứ mỗi chiều bà lại ra mom sông trông ngóng. Mấy bờ nương anh Thà hện về bồi cỏ đã mọc lên dày bịt. Bà cắt cỏ, bà bồi vườn, bà lợp lại mái nhà thay anh với niềm tin anh sẽ trở về. "Tôi làm thay nó mọi việc, để khi nó về nhà, chỉ còn việc đi cưới vợ!". Bà cười móm mém. Niềm tin vô biên ấy của bà gieo vào lòng người nỗi thương cảm. Chẳng ai dám nói với bà anh Thà đã chết thật rồi. Họ sợ bà tỉnh. Bà thui thủi một mình ở mom sông với những cơn mộng du trong niềm tin anh Thà sẽ trở về... Rồi cuộc chiến tranh mới lại tiếp diễn. Lần này bom đạn nhiều hơn. Người ta quên lãng mom sông vì bom đạn cày xới, vì chủ nhân nửa điên nửa dại, lạng lẽ như cái bóng. Bà cô độc và lẫn thẩn. Người ta nghĩ rằng bà chẳng có ích cho ai nhưng cũng vô hại. Không ai quan tâm và đề phòng một bà già lẫn thẩn. Chỉ có bà là biết được mình cần thiết cho ai. Bà cần phải trụ lại mom sông đầy bom đạn ấy để cấy lúa, trồng so đũa, hoa bí, bắp ngô, đậu rồng, để xúc từng con tép phơi khô gom góp lại... Chỉ cần có ai về lại mom sông, vạch bức vách túp lều thì

thầm bên tai bà: "Mẹ ơi, tụi con bị vây trong rừng mấy ngày nay rồi, đói lắm. Mẹ có gì cho tụi con ăn hay không?", là bà lật đặt ngồi dậy. Bà gom góp những thứ có được, giấu chúng trong thúng cỏ, trong bộ quần áo thùng thình, vá chằng vá đụp bạc phếch. Bóng bà ngã dài trong hoàng hôn tím ngắt in nơi chân trời phía bên kia sông. Trên mảnh đất ngày của bên này, đêm của bên kia, bà chặt chiu từng quả mít, gói cá khô, hủ mắm tép, nôi cơm nếp, chùm bánh la cà bắp, trái bắp, củ khoai để sẵn ngoài bìa rừng. Con người nửa mê nửa tỉnh mách bảo bà không nên dừng lại nơi đó lâu, sẽ có những cặp mắt cú vọ rình rập. Và như thế cũng có nghĩa là "đồng đội thằng Thà sẽ gặp nguy hiểm không lường... ". Bà lặng lẽ bỏ đi. Ngày hôm sau quay lại "điểm tiếp tế" đã ngấm quy ước với mớ bắp, khoai luộc. Những bờ khoai môn xòe những chiếc lá tròn rộng che chở cho bà. Bà biến vào màu xanh, vào đêm tối nhẹ nhàng... Bà nhìn vào hốc cây, nơi để thức ăn. Nếu như những thứ đó có "đồng đội thằng Thà" lấy đi rồi, bà thở phào nhẹ nhõm vì vui mừng: "Vậy là tụi nó đã có cái ăn!". Nhưng cũng không ít lần bà lặng người nhìn những gói thức ăn còn nguyên đó. Xa xa, có tiếng súng nổ, giặc bố ráp, ngăn chặn mọi con đường. Trên đầu bà, những "con quạ đen" quần đảo, những ngọn cây ngả nghiêng. "Sao bom đạn chừa cái bà già khùng điên này mà không tha cho tụi nhỏ?". Bà ngược nhìn theo hướng tiếng súng nổ, gan ruột bà thắt lại, nước mắt vòng quanh trên má. Cơm gạo đây rồi, khoai củ đây rồi mà "đồng đội thằng Thà" đành nhìn đói. Nhìn gói cơm mắm, khoai, bắp đã mốc meo lòng bà đau như cắt. Đàn kiến nối dài, đen đặc công kênh bu lấy phần thức ăn bị bỏ lại trong hốc cây có hiểu cho lòng bà. Tiếng súng, từng tràng súng chát chúa lại nổi lên. Bom đạn từ nơi đâu dội về làm rung rinh mặt đất nơi bà đứng. "Thà ơi, con ở đâu sao không về? Đồng đội của Thà ơi, các con ở đâu?". Bà ngồi thụp xuống gào khóc...

Rồi hòa bình...

Bà vẫn nửa điên nửa dại, thui thui ở mom sông. Mỗi hoàng hôn, mắt bà mờ dại nhìn ra khu vườn hoang vu. Đã lâu rồi, bà không còn sức cuốc

đất bồi mương nữa, không còn đủ sức lìa đất từ nơi cao đắp xuống chỗ thấp nữa. Cỏ dại mọc đầy trên những lối đi. Trên những cành cao chót vót đung đưa những trái chín dơi ăn phân nữa... Mom sông bây giờ có nhiều ngôi nhà mọc lên, không còn hoang sơ như trước nữa. Nhưng người xung quanh hầu như không ai nhớ

đến bà...

Cho đến mãi gần hai mươi năm sau ngày hòa bình...

Vào một buổi chiều nắng quái, ông chủ tịch huyện cùng chị chủ tịch Hội tìm đến mom sông. Họ phải vạch cỏ mà đi, bởi từ lâu, dường như bà chẳng rời khỏi túp lều. Bà đang ngồi ngoáy trầu trên bộ ván mỗi một ăn lỗ chỗ. Nhác trông thấy người lạ, bà co rúm người vì sợ hãi. "Trời, hương chủ, hương cả, hương quán, hương tuần, hương... tới đây làm chi. Chuyện tôi có thằng Thà đã qua lâu lắm rồi, xin các người hãy tha cho tôi!". Bà lùi dần vào bức vách, đôi mắt hoảng loạn. Ông chủ tịch huyện gật đầu chào bà đầy thương cảm, tôn kính. Chị chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ dịu dàng giải thích:

- Không, mẹ ơi, đã lâu rồi, lâu lắm rồi đâu còn các bậc chức sắc. Đã lâu rồi, những người phụ nữ lâm vào hoàn cảnh như mẹ không phải ra mom sông mà ở. Hơn nữa, Mẹ... Mẹ là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng...".

9. "Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng? Anh hùng? Mình là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng sao? Bà Thiệt ngẩn ngơ nhìn quốc kỳ đang được kéo lên, bay phất phới trong làn gió xuân trước lễ đài. Bà đang ngồi trên hàng ghế danh dự dành cho những Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng. Nhưng bà không tin vào mắt, vào tai mình nữa. Mọi việc đột ngột quá. Bà được Hội Phụ nữ tặng cho bộ quần áo dài đẹp để mặc nhân ngày lễ trọng đại. Gần hai mươi năm sau ngày hòa bình, Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng cho những bà mẹ có một con độc nhất là liệt sĩ, có hai con và chồng hy sinh, có ba con là liệt sĩ trở lên... Bà Thiệt len lét nhìn quanh. Bà nhận ra

có quá nhiều những Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng. Có những bà mẹ có đến chín, mười người con hy sinh. Bà chùi nước mắt, nhận ra không chỉ có anh Thà là không trở về, bắt bà chờ đợi, ngóng trông nơi mom sông lặng lẽ. Bà ngộp trong rừng cờ hoa. Bà bầu vào tay cho thật đau để biết mình đang ở đâu, mơ hay là thật. "Sao đột nhiên mình được tôn vinh một cách kỳ lạ như vậy? Mình - bà mẹ đã từng hoang thai, bị gia đình người bác trước sức ép của các bậc chức sắc đuổi ra khỏi nhà vì tội làm bại hoại gia phong. Mình phải ra mom sông mà ở. Mình đã cực khổ, gieo neo sinh thằng Thà một mình, âm thầm nuôi nó lớn khôn. Tháng Mười âm mình hái hoa so đũa đem bán, mùa hạ hái bông bí, tháng Chạp hái đậu rồng, tháng Giêng, Hai trồng khoai bắp, trồng đậu, trồng cà... Thằng Thà lớn lên từ những thứ ấy. Nó chắc nịch, đen trùi trùi. Nó khoe với mình lần đầu tiên đất nước có quốc kỳ. Rồi nó vào lính đánh Tây... Mình chờ nó, năm này qua năm khác, thương cả những đồng đội của nó, mình ở lại mom sông... Cái con út Thiệt ngày nào cúi gằm mặt xuống đất mà đi trở thành mẹ của anh lính vệ quốc, rồi giờ đây, gần đất xa trời mình lại được mặc bộ quần áo dài đẹp, đội khăn đẹp, được dìu ra chiếc xe đẹp, lớn ơ là lớn, chạy êm ru xuống huyện làm lễ phong tặng cho những Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng. Anh hùng, mình là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng?".

Từ nơi sâu thẳm của trí nhớ, bà Thiệt nhìn thấy lá cờ Tổ quốc trong một buổi sáng mùa thu năm nào. Bà nhẩm tính, cũng đã gần năm mươi năm ngày anh Thà ra đi. Bà đã chôn vùi cuộc đời góa bụa và cô độc của mình ở mom sông, đã bị lãng quên, đã tắt đi niềm hy vọng. Sao lại có ngày hôm nay... Hôm nay là ngày gì mà long trọng quá. Từng đoàn người xếp hàng ngay ngắn trước khoảng sân rộng. Bà được mời lên ngồi trang trọng trên lễ đài cùng những bà mẹ một thời chân đất khác. Bà nhận ra đuôi mắt của những bà mẹ ấy rất giống mình, thứ "đuôi mắt khóc con và trông đợi triền miên, đôi mắt giấu nỗi buồn đau sâu thẳm khi con mình ra đi không trở về". Ông Chủ tịch huyện đọc diễn văn khai mạc: "Dù nơi thủ đô phồn hoa hay xóm làng heo hút, dù chỉ một người con độc nhất hay có đến chín, mười người con hy sinh, giọt nước mắt khóc con của bà mẹ nào cũng đau đớn và

triu nặng. Chiến tranh đã qua đi, chỉ nỗi đau mất con của những bà mẹ là còn ở lại, âm thầm, dai dẳng... Đất nước hòa bình, thống nhất đã hai mươi năm, việc đền ơn đáp nghĩa những bà mẹ có con hy sinh cho ngày hòa bình đã trở thành một việc làm mang tính đạo lý... ". Cả hội trường vỗ tay rào rào sau lời tuyên dương hùng tráng. Vị chủ tịch gắn huy hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng lên ngực áo bà. Bà chợt nghe ngực mình triu nặng, nước mắt không ngăn được cứ trào ra. Bà chợt thấy lại ngày bụng mang dạ chửa cô cút ngoài mom sông. Mom sông nơi bà đến ngày càng bồi. Bên kia sông thì lở. Bà thở dài: "Sông có khúc người có lúc", chỉ lá cờ Tổ quốc là vẫn tươi thắm rực rỡ như ngày đầu tiên bà nhìn thấy trên nóc Nhà việc. Bà chợt nhìn thấy anh Thà trở về với gương mặt trẻ trung, đôi mắt sáng long lanh và nụ cười mở rộng khoe mấy chiếc răng khểnh, khi anh vui sướng thốt lên: "Mẹ ơi, độc lập rồi! Mẹ có nhìn thấy không, kìa, lá cờ Tổ quốc".

Sài Gòn, 1998

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Tháng Ba Hoa Xoan Nở - Châu La Việt

... Chỉ còn lại giấy lát nữa thôi, tôi sẽ được gặp cha tôi - người cha mà từ khi sinh ra trên cõi đời này tôi chưa một lần biết mặt. Người cha mà trong tiếng hát của mẹ tôi có cả tình yêu lẫn xen nỗi đớn đau. Người cha mà tôi đã âm thầm hướng về từ những bước chân đơn côi bời bời gió lạnh, từ những cung đường Trường Sơn đầy bom đạn. Những ngày đầu Sài Gòn mới giải phóng, người lính trẻ là tôi cứ chạy hun hút giữa những con hẻm nhỏ giăng mắc mà

kiếm tìm...

Bốn mươi năm khổ đau và chờ đợi...

Khi người xưởng ngôn viên trên sân bay Tân Sơn Nhất thông báo máy bay đã hạ cánh, trái tim tôi như sững lại. Một tay tôi phải vịn vào lan can để có thể đứng vững...

Bốn mươi năm chờ đợi. Từ cái thuở tôi còn là một bào thai nằm trong bụng mẹ nơi cánh rừng kháng chiến, mà lúc ấy cả mẹ và ba tôi đều là những nghệ sĩ kháng chiến. Rồi ba tôi bỗng nhiên đột ngột ra đi, bỏ lại sau lưng tất cả. Từ cái thuở dòng sông Hiền Lương cắt chia đôi miền, ngay giữa quê ba và mẹ tôi Quảng Trị, và bàn chân mồ côi của tôi chập chững những bước đi đầu tiên ngay nơi vết thương chia cắt. Cũng đôi chân ấy một ngày băng trên những triền núi Trường Sơn khi tôi là một chiến sĩ, và ba tôi lại thuộc về chiến tuyến bên kia. Bốn mươi năm, bao "can qua gió thổi", nhưng rồi cũng có lúc này đây hết như lời bài hát ru con mẹ tôi thường hát:

“Đến mùa xuân, trong cơn nắng ấm/ Cha con về, cha con về.../ Con nắm tay cha/ Hỡi chàng là chàng ơi, hỡi người là người ơi...”

... Dòng hành khách đã bắt đầu bước ra. Mắt tôi dán vào cửa ra vào. Rồi ba tôi xuất hiện. Chưa một lần gặp ông nhưng tôi biết ngay đấy chính là ba tôi, cái người đàn ông đang sững sờ nhìn bốn chung quanh, và lao đến bên tôi, ôm choàng lấy tôi. Tôi cũng ôm choàng lấy ba, nghe trên tóc mình, vai mình những dòng nước mắt nóng bỏng. Nước mắt của ba hay của tôi thế nhỉ? Hay nước mắt của bà con họ Hoàng đang bao kín xung quanh và ai cũng khóc khi chứng kiến cuộc gặp gỡ cha con này.

Không một lời nói. Không một âm thanh, kể cả nhịp tim đập. Chỉ nóng hổi những dòng nước mắt...

" Bốn mươi năm, ba ơi, đây là lần đầu tiên trong đời con có một người đàn ông để con gục đầu vào ngực. Đây là lúc dòng sông Hiền Lương không còn chảy qua giấc ngủ mờ côi của con nữa. Đây cũng là lúc không còn chiến tuyến bên này hay chiến tuyến bên kia của một thời dĩ vãng. Chỉ còn là cha con mình, cha con mình. Ba nhỉ.."

... Và đêm ấy, lần đầu tiên trong đời, hai cha con tôi được ở bên nhau.

Sau khi khép cửa phòng, ba quay lại nhìn thẳng vào mắt tôi, giọng đầy nghiêm trang và xúc động:

- Bốn mươi năm qua ba đã đẻ ra con mà không được nuôi con. Con hãy nói thật với ba, giờ đây con mong muốn gì nhất ở ba?

Một giọt nước mắt lăn ra trên má tôi. Suốt từ tấm bé đến nay cũng đã nửa đời người, đã có mấy người hỏi tôi trù mẩn như thế ?

Thấy tôi ngồi im lặng vì đang cắn môi cho nước mắt khỏi trào, ba tôi lại giục giã:

- Con hãy nói đi. Bây giờ con muốn nhất điều gì ở ba? Ba có thể chăm lo gì cho con? Ba đã chuẩn bị suốt bốn mươi năm nay rồi...

Lời của ba chân thành, cháy bỏng. Tôi hiểu để đáp lại tình ba, tôi cũng phải hết sức chân thành:

- Con chỉ muốn một điều thôi ba ạ. Và ba phải hết sức cảm thông con mới dám nói...

- Con hãy nói đi, bao giờ ba cũng yêu thương con, cảm thông với con...

Tôi cầm lấy tay ba:

- Ba ơi, dù trước đây hay bây giờ, chính kiến ba ra sao, hoàn cảnh ba thế nào, con cũng chỉ xin ba một điều, là ba hãy luôn đứng về phía nhân dân ba nhé!

- Hả? - Ba tôi giật mình.

Hình như ba đã không tin là những lời nói ấy là của tôi, không tin là tôi sẽ nói như vậy, không tin một cuộc đời đã quá nhiều thiếu thốn, bất hạnh, quá nhiều long đong của tôi lại chỉ đòi hỏi và mong muốn ba tôi chỉ một điều như thế.

- Đúng như thế ba ạ. Con chỉ mong muốn duy nhất một điều ấy thôi!

Bây giờ thì có lẽ ba tôi đã tin thật. Mặt ông nhăn lại, đôi bàn tay ông xò rộng:

- Con hãy hiểu rằng, ngay trước đây và bây giờ, những nhạc phẩm do ba sáng tác chỉ nhằm để ca ngợi quê hương, ca ngợi đất nước, chỉ nhằm để ca ngợi dân ta thôi con ạ...

- Con tin. - Tôi thành thật nói, vì tôi cũng đã thầm nghe nhiều bài hát của ông. - Nhưng dầu sao con cũng muốn tâm sự như thế với ba. Bởi đúng như lời ba nói, bốn mươi năm qua ba đã sinh con ra mà không được nuôi con... Con lớn lên được như hôm nay, là nhờ ở ông bà, ở mẹ con. Nhưng trước hết là nhờ ở nhân dân và bạn bè con ba ạ.

Tôi bỗng thấy cay cay sống mũi, ghìm giọng lại đôi chút rồi mới có thể nói tiếp:

- Ngay để có ngày con được gặp ba thế này, ít nhất cũng có hai người bạn lính của con đã chết thay cho con...

Nghe tôi nói thế, ba tôi thêm một lần nữa bàng hoàng, và giục tôi kể lại cho ông nghe những điều mà ông không thể ngờ tới...

Và rồi ngay trong đêm ấy, tôi đã kể cho ba tôi nghe chuyện một người bạn tôi tên là Hữu Chính, cùng là học sinh phổ thông, cùng nhập ngũ với tôi một ngày, và cùng lên đường vào mặt trận. Chúng tôi trấn giữ trên một trọng điểm mang tên "Cánh chim bay" - tiếng Lào là phunocok - nhưng ở đây chúng tôi nói thật chưa bao giờ thấy một cánh chim bay nào, vì ngày đêm bom đạn đánh phá tới bời, chẳng chim muông cỏ cây nào có thể sống nổi.

Có một đêm tôi trực chiến, lẽ ra đến phiên Chính được nghỉ, nhưng nó cứ nằng nặc đòi lên mặt đường thay tôi. Tôi từ chối thế nào cũng không được, cuối cùng nể quá nên đồng ý.

Đó là một đêm bom đạn chưa từng thấy, bắt đầu bằng một chiếc OV10 đến bắn pháo khói, rồi hàng đàn, hàng đàn phản lực lao đến thả bom đến kinh thiên động địa. Nằm trong hầm dưới chân đèo mà lòng tôi cứ rối bời như lửa. Cho đến lúc hàng loạt đạn cấp cứu của quân ta bắn lên, tôi biết có chuyện rồi nên lao ngay lên mặt đường. Thì quả như rằng, khi vừa lên tới nơi đã thấy Hữu Chính nằm đó, máu me đầy người, đôi mắt nhắm nghiền.

Tôi bàng hoàng lao tới, ôm chầm lấy Chính và khóc rống lên. Như đã nhận ra tôi, đôi mắt Chính bỗng khê mở, giọng nói thều thào: "Tao đi đây. Mày gắng sống để gặp ba mày. Tao biết đêm nay ác liệt lắm. Thằng nào lên mặt đường cũng chỉ có chết mà thôi... Mà tao suốt từ nhỏ đã được sống với cha tao rồi..."

Quả thật, mỗi lời nói của Chính lúc ấy như mỗi nhát dao đâm vào trái tim tôi. Thì ra là vậy, vốn là một thằng lính dạn dày và cực kỳ thông minh, thấy cái mùi không khí lằng lằng suốt từ chiều tới hoàng hôn đã làm Chính linh cảm đây là sự im lặng trước một cơn bão giông, đêm nay tất chúng nó sẽ đánh rất ác liệt, cho nên vì thân với tôi, vì hiểu tôi từng thiếu thốn tình cảm gia đình thế nào, khao khát một cuộc gặp gỡ người cha chưa một lần biết mặt ra sao, nó đã tình nguyện lên mặt đường thay tôi. Nếu còn sống thì sẽ tiếp tục chiến đấu, mà nếu có chết cũng là chết thay cho tôi để tôi có một ngày có thể được gặp cha mình, dù Chính thừa biết cha tôi đang ở phía bên kia. Nhưng tình bạn và lòng nhân ái của một người lính đã làm nó vượt lên tất cả, làm cái điều mà tôi đã không thể ngờ tới này. Như bao nhiêu người dân bình thường khác đã luôn sẵn lòng cứu mang, chăm sóc tôi bao năm qua cho tôi lớn lên, dù ai cũng biết cha tôi đang ở chiến tuyến bên kia...

Lúc tôi dứt câu chuyện, hình như ba tôi chỉ còn là một bức tượng. Gió bên ngoài thổi vào rất mạnh mà ông cũng không hay. Đôi tay ông cứ ôm chầm lấy mặt. Hình như ba tôi đã quá xúc động. Mà cũng có thể vì ông quá bất ngờ...

*

Sau cái đêm ấy, ít ngày sau bất chợt ba hỏi tôi:

- Quê hương của người lính hôm trước con kể cho ba nghe là ở đâu nhỉ? Bây giờ con biết nhà cậu ấy còn ai không?

Tôi thưa với ba:

- Ở ngoài Bắc ba ạ. Hình như bố Chính đã mất, chỉ còn người mẹ già...

Ba cầm lấy tay tôi:

- Ba muốn đến thăm nhà cậu ấy con ạ, ba muốn bày tỏ lòng biết ơn với bố mẹ cậu ấy... Con thu xếp đưa ba đi nhé.

Ngày hôm sau, trên một chuyến tàu đường dài, tôi đưa ba tôi ra Bắc để đến thăm nhà Chính. Con tàu cứ băng băng chạy trong đêm. Ba tôi ngồi, mắt trầm ngâm nhìn ra cửa tàu. Ông xa đất nước đã nhiều năm rồi. Và đây cũng là lần đầu đời ông đi ra phía Bắc. ..

Tháng Ba, cái lạnh se se, cái nắng hanh hao, làng quê nhỏ xứ Thanh như thên thang mãi ra bởi những chùm xoan nở hoa tím ngắt. Gần đây thôi là ngôi làng quê Chính, nơi có một ngôi nhà nhỏ mẹ Chính đang lặng lẽ sống những năm cuối đời, và cách nhà đó không xa, là nhà một người con gái tên Xoan xinh đẹp mà sau những trận đánh Chính hay tâm sự với tôi...

Cha chậm chậm đi bên tôi, có lẽ ông đang rất xúc cảm, xúc cảm về Chính, về bố mẹ Chính, và về những con đường hoa xoan tím rục trời cuối mùa đông, lặng lẽ một mùi hương mà đời ông chưa một lần bắt gặp...

Tôi muốn kể ba nghe nhiều hơn về Chính, từ cái ngày Chính xa quê hương tòng quân, vào một ngày tháng ba nắng trong như ngọc, mùi hoa xoan đậm sương đêm tỏa hương ngát ngái. Những chùm hoa ngạo nghễ bung ra, nụ hoa bé li ti nhuộm một màu tím dịu. Có người con gái tên là Xoan đứng ở mé sông, gió ào ào thổi tung mái tóc dài như còn vương những cánh hoa xoan. Họ đã chẳng hẹn ước điều gì, chỉ những đôi bờ vai rung lên. Rồi chiều ấy Chính đi, hoa xoan nở một vùng tím ngát. Những cánh hoa theo gió rơi như một cơn mưa, vương cả trên tóc Chính cho tới ngày vào tới trọng điểm Phunokcok xa xôi ...

Ba tôi cứ ngơ ngẩn nhìn những chùm hoa xoan giăng mắc trên cành cây cao. Nhưng có lẽ ba đang nghĩ nhiều hơn về giây lát nữa sẽ được gặp

mẹ Chính, được cầm tay bà nói những lời cảm ơn sâu sắc nhất từ trái tim ba. Và đây là lý do đã thúc ba tôi gác lại mọi việc trong chuyến đầu tiên về thăm đất nước lần đầu sau hai mươi năm xa cách, để đi tìm đến tận quê hương Chính, quê hương của người chiến sĩ cứ tháng ba hoa xoan lại nở, quê hương của những người cha người mẹ suốt đời áo rách vá vai và dâng hiến cho đất nước những đứa con thân yêu nhất...

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Bên Dòng Sông Hiếu - Đặng Nguyên Sơn

Ngày ấy, tại ngôi làng có thể nói “chó ăn đá, gà ăn sỏi” nơi tôi chào đời, cha đã bỏ mẹ con tôi ra đi theo một người phụ nữ khác. Lúc đó, tôi vừa tròn năm tuổi. Mặc cho mẹ tôi van xin, khóc lóc cha vẫn quay bước ra đi mà không một lần quay đầu trở lại. Từ đó, mẹ con tôi sống nương tựa vào nhau. Mẹ trở thành trụ cột chính của gia đình. Cuộc sống quá khó khăn, ruộng vườn thì có hạn khiến tôi ngày càng buồn tủi. Mẹ tôi sợ hết gạo để dùng trong một năm nên mẹ trộn lẫn thêm khoai để nấu mỗi bữa. Mẹ dành ăn hết phần khoai còn cơm để cho tôi. Tôi nhìn mẹ mà nước mắt rơm rớm:

- Con sẽ cố học thật giỏi và kiếm thật nhiều tiền để mẹ không phải khổ nữa.

- Ủ! Mẹ tin “hết cơn bão cực đến hồi thái lai”. Giá như ở làng ta có trường cấp ba thì đỡ biết nhường nào.

Mẹ tôi cố nén để không buông ra tiếng thở dài. Tôi cúi mặt xuống, nước mắt chan cơm, giọng nghẹn lại:

- Thôi, con không đi học nữa đâu mẹ ạ, đi học tốn kém lắm!

- Sao con lại nói thế. Con xem, ở cái làng này thi đậu vào trường huyện như con cả thầy được mấy người, tính lui tính tới cũng chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay mà thôi. Đậu vào trường huyện đâu phải dễ. Con ngoan, học giỏi, mẹ cũng nở mày nở mặt với thiên hạ. Con yên tâm, dù có bán cả căn nhà này dựng cái lán nhỏ đầu làng để ở, mẹ cũng xoay xở cho con ra trường huyện để học.

Hôm sau, tôi thu xếp hành trang để ra huyện nhập trường. Tôi nhớ buổi học đầu tiên, khi thầy chưa đến, các bạn cùng lớp cứ nhốn nháo, xin chuyển lớp, đổi thầy. Tôi nghe phong thanh thầy Nam dạy môn văn của mình rất nghiêm khắc. Nghe ra tôi có ác cảm với thầy mặc dù chưa bao giờ gặp mặt. Các bạn trong lớp vẫn tụ năm tụ ba bàn tán, bình luận.

Cộp... cộp... cộp... Cả lớp ngừng tranh luận, đứng lên im thin thít. Giang ghé vào tai tôi lí nhí:

- Thầy Nam đó!

Tôi thốt lên:

- Trời!

Thầy đang hăng hỏi:

- Có chuyện gì không?

Cả lớp im lặng không có một tiếng ồn, tôi tái mặt cúi gằm xuống.

- Tôi xin giới thiệu: Tôi là Nguyễn Văn Nam, giáo viên chủ nhiệm kiêm phụ trách bộ môn văn của các em.

Cả lớp trở mắt nhìn thầy, trên mặt ai cũng lộ vẻ thất vọng cả. Thầy còn tệ hơn cả trong trí tưởng tượng của chúng tôi. Trông thầy khắc khổ, nước da sạm đen, người thì ốm như da bọc xương, mái tóc đã điểm bạc, thầy mang chiếc áo bộ đội bạc màu nhưng những nếp là rất cẩn thận... Thấy thầy đứng trước lớp mà chỉ trụ có mỗi chân trái. Tôi quay sang hỏi Giang:

- Chân thầy bị làm sao thế?

Giang nói nhỏ vào tai tôi:

- Ngày xưa thầy đi đánh giặc, bị bom nổ cụt cả chân, bây giờ phải đi bằng chân giả đó, cậu không thấy thầy bước chầm phẩy, chầm phẩy... đấy à!

Hôm đó, tôi được thầy phân ngồi cùng bàn với Giang, Giang không xinh nhưng học văn rất giỏi, chẳng bù cho tôi, dù cố gắng đến mấy thì cũng không thể vượt qua khỏi điểm năm. Bài tập làm văn đầu tiên của tôi là một điểm không to tướng. Tôi khóc đến sưng cả mắt khi nhìn thấy bút màu đỏ của thầy gạch kín cả bài viết của mình và với rất nhiều lời nhận xét thậm tệ, đại loại như: “Chính tả còn sai be bét, hỏi ngã chưa phân biệt được do dùng nhiều từ địa phương, chấm phẩy vẫn chưa sạch mũi, quay về học lại lớp một đi...”.

Tự nhiên tôi thêm điểm chín trong bài viết của Giang. Lần đầu tiên trong đời tôi biết ganh tị và tôi quyết định không bỏ tiền vào heo đất mà dùng nó mời Giang đi ăn chè. Tôi gọi hai ly, mỗi ly hai ngàn đồng. Ly chè cứ cạn dần mà tôi vẫn không mở miệng hỏi Giang được, tôi sợ Giang ăn hết chè rồi bỏ về thì công toi. Bỗng nhiên từ cổ họng của tôi phát lên một câu trống không:

- Cậu dùng phương pháp nào thế?

Giang ngừng ăn quay sang hỏi tôi:

- Cậu bảo sao?

- Ý tớ là, làm sao để học giỏi văn như cậu?

- À, ngoài tự học tớ còn đọc sách tham khảo bố mẹ tớ mua cho.

- Trông nó thế nào? Cậu cho tớ mượn được không?

- Được, nhưng cậu nhớ là chỉ để tham khảo thôi đấy nhé.

- Ủ, tớ biết rồi!

Quyển sách có tựa đề: “Ba mươi bài văn hay nhất” với giá Ba mươi lăm ngàn đồng. Tôi đã đọc nó thâu đêm, những câu từ sắc sảo trong từng bài đến nằm mơ tôi cũng không thể nghĩ ra được. Thế là tôi tham lam bê nguyên cả bài văn mẫu vào bài viết của mình rồi đem nộp cho thầy.

Không như những bài trước, bài thi lần này thầy phê: “Bài viết của em quá xuất sắc, thầy không thể chấm điểm. Em về viết lại rồi nộp sớm cho thầy trong tuần này”. Tôi cứ giữ khư khư bài viết của mình không cho ai xem, kể cả Giang.

Sau khi trả bài xong, thầy không nhận xét trực tiếp từng bài mà nói bóng gió, chung chung với chúng tôi rằng:

- Ngày xưa bằng tuổi các em, thầy ước mơ trở thành giáo viên dạy văn, hồi đó học không sướng như bây giờ, dù bom đạn, sự sống cái chết chỉ trong gang tấc nhưng thầy vẫn chăm chỉ học bài, học để biết, nâng cao trình độ cho bản thân chứ không phải để đối phó.

Tự nhiên tôi thấy xấu hổ và buồn thối ruột. Tôi quyết tâm không dùng sách tham khảo nữa mà tự đặt ra cho mình những đề văn sau đó viết rồi nhờ thầy sửa. Có sự giúp đỡ của thầy bài viết của tôi hay lên đáng kể, thầy khen:

- Em càng viết càng lên tay đấy, đã xuất hiện những ý tưởng hay và mới trong văn chương.

Học sinh làng tôi đậu vào trường huyện cả hết là bốn người, chúng tôi đều con gái nên thuê chung một phòng trọ với giá mỗi tháng tám mươi ngàn. Cuối tuần được nghỉ về nhà là mẹ tôi làm cho một bó củi vuông vắn, gọn gàng; mười lon gạo và hai mươi ngàn đồng để mua thức ăn. Các bạn khác cũng như thế. Sáng sớm thứ hai chúng tôi quay lại trường bằng xe đạp.

Bây giờ nghĩ lại tôi vẫn thấy buồn cười. Tôi được các bạn bầu làm trưởng phòng. Cứ mỗi lần đi chợ mua đồ ăn về, cả phòng ngồi lại nghe tôi công khai:

- Hôm nay, tớ đi chợ mua hết hai ngàn rau ngót, hai ngàn mít cắt sẵn, sáu ngàn thịt, tổng cộng là mười ngàn. Một ngày các cậu góp cho tớ hai ngàn, một tuần mười ngàn, vậy là số tiền mỗi chúng ta còn lại là mười ngàn. Các cậu muốn mua gì thì mua, còn tớ sẽ nuôi heo đất, một hay hai tháng sau lấy ra may quần áo mới... he he... Thứ hai chúng ta đi chợ nấu ăn chung, những ngày còn lại mỗi người đảm nhiệm một ngày. Tớ đã nói xong.

Chúng tôi mỗi đứa một việc phụ nhau dọn dẹp nhà cửa rồi nấu một nồi canh và niêu cơm thật to, ăn uống cười đùa vui vẻ.

Ngày chuẩn bị thi học kỳ một, ai cũng lo học mà không chịu về nhà. Số gạo còn lại trong xô đúng gần hai lon và cứ thế chúng tôi nấu cháo cho thêm ít muối, tiêu, mì chính và xúm nhau lại để húp lấy húp để. Lúc vừa ăn xong thì no căng như con bét nhưng khoảng một tiếng sau lại thấy đói liền. Bụng chúng tôi cứ thi nhau sôi sùng sục:

- Phải tìm ra cái gì mà sống cho qua khỏi ngày mai thôi! Hay đến nhà thầy Nam nhỉ? Thầy chắc có nhiều đồ ăn lắm đó.

Tôi chỉ nói chơi thế mà được xem là ý kiến hay nhất, được các bạn đồng tình ủng hộ nhất.

Ngôi nhà của thầy nằm cạnh bên bờ sông Hiếu, chỉ cần lội qua sông chừng khoảng hai trăm mét là đến nơi. Để sang sông cũng có một chiếc cầu nhưng chúng tôi không đi đường đó vì xa lắm. Ở khúc sông này do bị bồi đắp nên nước chỉ ngang mắt cá chân, mùa hè nước trong vắt soi rõ những viên sỏi xinh xinh. Chúng tôi té nước vào nhau hò hét ầm ĩ cả một khúc sông. Thầy đứng cạnh hồ cá nhà thầy nghe thấy liền bảo:

- Các em không chịu ở nhà học bài mà lại ra đây nghịch nước à?

Tất cả đều ướt sũng, đùn đẩy nhau trả lời thầy. Cuối cùng, tôi lắp bắp:

- Chúng em muốn sang gặp thầy xin đồ ăn nhưng không vào nhà được...

Nghe thế, thầy đưa tay chỉ đường cho chúng tôi vào nhà. Ngôi nhà của thầy được thiết kế theo kiểu nhà sàn, phía dưới là bốn cái cột bê tông vững chắc còn phía trên là nhà rường. Quanh nhà, bao bọc cây trái xanh tươi, có cả hồ cá, chuồng gà. Bên trong nhà của thầy gọn gàng, sạch sẽ. Các bạn thấy tò mò nên khám phá cả phòng ngủ, bàn làm việc và phòng khách. Còn tôi thì thích ngửi mùi hương thơm ngát của những chậu lan treo ngoài hành lang. Đứng ở đây, tôi có thể nhìn thấy dãy Trường Sơn hùng vĩ chạy dọc theo dòng sông Hiếu.

- Các em thấy nhà thầy thế nào?

- Dạ, đẹp lắm thầy à nhưng mùa lũ nước có vào nhà không thầy?

- Không, nước chỉ dâng lên nửa cái cột bê tông kia thôi.

- Nhà thầy hay thiệt, mùa hè thì mát mà mùa đông lại ấm. Thầy giỏi thiệt.

- Thầy là thầy mà sao không giỏi được, nói thừa thầy nhỉ?

- Các em đừng cãi nhau nữa. Bây giờ thầy trò mình xuống dưới đi, thích ăn cái gì thầy sẽ kiếm cho.

- Dạ, thầy có cái gì ăn được cứ cho chúng em hết đi ạ, bao nhiêu cũng được, thưa thầy!

Thầy ra vườn cắt rau lang cho chúng tôi và tìm thêm mấy cái bao để đựng trứng gà và cá,... thức ăn thầy chế biến sẵn cũng trút hết cho chúng

tôi:

- Các em đem hết về ăn, có khỏe có sức còn học bài.

Có lẽ vì quá đói nên thầy cho gì chúng tôi cũng nhận và lấy rất nhiệt tình. Biết hoàn cảnh của chúng tôi như vậy, lâu lâu thầy ghé phòng trọ thăm và mang theo cả thức ăn để cho. Thầy đến, chúng tôi vui như mùa thu tỏa nắng.

Thế rồi bỗng đi mấy hôm không thấy bóng dáng thầy, môn văn của thầy cũng có người dạy thế. Tôi cảm thấy lo lắng vô cùng. Giang nói với tôi:

- Mùa này dịch cúm khiếp quá, chắc thầy bị ốm. Tội nghiệp thầy, một thân một mình không ai chăm sóc.

Tan học, tôi quyết định đến thăm thầy. Nhà thầy đẹp thật nhưng cô quạnh và lạnh lẽo quá. Tôi gọi thầy inh ỏi nhưng không thấy thầy trả lời. Cửa phòng ngủ hé mở, tôi mở hết cửa hòng kêu thêm một lần nữa. Một tiếng nói yếu ớt vang lên:

- Thầy đây!

Tôi đẩy cửa bước vào, thấy người thầy run cầm cập, toàn thân đổ mồ hôi hột, chắc hẳn là thầy bị cảm nặng rồi. Ngày xưa ở nhà, mỗi lần tôi bị ốm như vậy là mẹ ra vườn lấy gừng tươi giã nát ra để tôi uống cả xác lẫn nước nhưng hôm nay tôi sáng tạo hơn là bỏ thêm cả gừng vào trong cháo trắng để thầy ăn nữa. Tôi bưng ly nước đến bên giường và nói:

- Thầy uống xong rồi nằm nghỉ, em ra vườn lấy lá vào nấu nước thầy xông cho nhanh khỏe nhé!

Thầy gật đầu và cảm ơn tôi. Thứ bảy tuần đó, tôi nhờ các bạn nhắn với mẹ tôi là tôi muốn ở lại để chăm sóc cho thầy, không về nhà được... Buổi

tối ở nhà thầy thật buồn và rùng rợn. Tiếng ếch nhái kêu ộp oạp từ ngoài bờ sông Hiếu vọng vào, chốc chốc lại có con gì đó rú lên vài tiếng. Có thể là do ảo giác nhưng tôi nhìn thấy rất nhiều người mang áo trắng lượn lờ trên mặt sông

- Ôi ma!

Tôi hét lên và chạy tọt vào phòng thầy khiến thầy giật mình:

- Em cứ nói linh tinh, làm gì có ma!

Thế nhưng, tôi không dám bước ra bên ngoài cho đến khi Giang đến đón tôi về nhà của Giang ngủ lại. Nhìn thấy tôi, mẹ Giang liền hỏi:

- Cháu là Hương phải không? Dì nghe Giang nói về cháu nhiều lắm.

- Dạ, cháu học cùng lớp với Giang, hôm nay dì cho cháu ngủ nhờ một đêm vì thầy cháu bị ốm nên...

- Dì biết rồi, cháu cứ ở lại đây ngủ với Giang. Cháu còn nhỏ mà biết quan tâm đến người khác là rất tốt. Thầy cháu sống có tình có nghĩa, ở làng ai cũng quý mến. Thiệt tình, lúc khỏe mạnh thì không sao chứ ốm đau lại chỉ có một mình, gia đình thầy không còn ai nữa cháu à.

Mẹ Giang nói vậy khiến tôi không khỏi thắc mắc:

- Sao thầy của cháu không lấy vợ hả dì?

- Ngày trước thầy cháu có tham gia chiến đấu, sau một trận sốt rét kinh niên thầy cháu đã bị vô sinh. Cũng có rất nhiều phụ nữ tình nguyện thương yêu chăm sóc nhưng ông ấy đều từ chối. Chắc không muốn làm ai khổ nên quyết định sống vậy với đam mê dạy học đấy...

Sáng hôm sau lúc gà vừa gáy, tôi lại đến nhà thầy. Thầy đã khỏi bệnh và còn dậy sớm để nấu cơm. Đây là lần đầu tiên và cuối cùng tôi được ăn

cơm chung với thầy.

Ngày tôi chuẩn bị thi cuối cấp, dùng một cái mẹ tôi lâm bệnh nặng phải vào viện, vì không có tiền nên cái gì trong nhà bán được tôi đều bán hết. Lo xong cho mẹ, trong tay tôi không còn lấy một đồng, trong khi đó tôi phải nộp lệ phí thi tốt nghiệp và làm hồ sơ thi đại học. Bỏ học là quyết định duy nhất đối với tôi lúc này. Trong lúc suy sụp, tôi nghĩ đến thầy nhưng tôi không muốn làm cho thầy lo lắng.

Khi những giọt nắng cuối ngày bắt đầu tắt, tôi vẫn ngồi trên ghế đá giữa sân trường, một cảm giác trống trải thất vọng làm lòng tôi đau đớn. Nước mắt trào ra, tôi cố nín để không bật thành tiếng, tôi ôm lấy mặt gục xuống ghế đá. Đúng lúc đó, thầy và Giang đã đến bên tôi, Giang dúi vào tay tôi ba trăm ngàn.

- Sao cậu không nói cho lớp biết, đây là số tiền mà thầy và cả lớp góp lại giúp cậu vượt qua khó khăn lúc này.

Tôi quay sang nhìn thầy, muốn nói một câu gì đó nhưng thầy đã cắt lời:

- Em không cần phải nói gì cả, hãy cố gắng học cho thật giỏi, chỉ có học mới thoát khỏi cái nghèo.

Nước mắt rơm rớm:

- Em có làm được không hả thầy? - Tôi hỏi

- Được chứ! Tất nhiên là được rồi! - Thầy trả lời.

Hôm tôi thi đậu vào trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh tự nhiên lửa cười rất to. Mẹ tôi bảo là nhà có khách quý. Tôi không nghĩ như thế nhưng mẹ tôi đã đúng. Thầy là người đầu tiên tìm đến nhà tôi. Thầy tâm sự với mẹ tôi rằng, thầy hạnh diện về tôi.

Thời sinh viên, nhất là sinh viên nghèo như chúng tôi, nếu không đi dạy kèm, làm bồi bàn, rửa chén,... thì sẽ không có tiền để ăn, đóng học phí và thuê phòng. Những ngày lễ, tết hay nghỉ hè, tôi phải ở lại thành phố tranh thủ đi làm thêm kiếm tiền cho kỳ học tiếp theo. Không có điện thoại, thầy và tôi chỉ liên lạc với nhau qua những lá thư. Thầy thường động viên tinh thần, giúp tôi vượt qua những khó khăn, giành số điểm cao nhất trong các kỳ thi, đặc biệt là kỳ thi tốt nghiệp vừa qua. Vậy mà, đã mấy tuần trôi qua rồi tôi không nhận được một dòng thư hồi âm của thầy. Tôi bất an, lo lắng.

Chiếc tàu vẫn chạy và những hồi ức tốt đẹp về thầy vẫn mồn một hiện về. Sự thẳng gấp của đoàn tàu làm tôi giật mình trở lại với thực tại. Trong lúc chờ đợi đoàn tàu chuyển bánh, mọi người xúm nhau vào chiếc ti vi ở nhà ga để nghe tin dự báo thời tiết, chắc người ta cũng như tôi đang lo lắng cho người thân của mình. Nhìn gương mặt thất thần của mọi người mà lòng tôi co thắt lại. Nếu có một bà tiên xuất hiện và ban cho tôi một điều ước. Tôi sẽ ước, mỗi khi lũ về sẽ mang đến cho dân quê tôi thật nhiều sức khỏe, ấm no, hạnh phúc và phồn thịnh. Xìch xìch, xìch xìch... Mọi người quay trở lại vị trí của mình, con tàu lại vun vút lao trong màn đêm...

Về đến nhà, làng xóm trở nên tiêu điều, nhà cửa sụp đổ, không điện nước... Tôi hỏi qua loa vài điều, thấy tất cả đều bình yên. Tôi xin phép mẹ đi tìm thầy. Mẹ tôi đồng ý bảo: “Hãy đi nhanh lên, gặp thầy và kể cho thầy nghe thật nhiều về thành quả học tập của con nhé!”. Tôi tạm biệt mẹ yêu và lên đường.

Tôi khựng lại trước ngôi trường cũ, nước lũ rút để lại trên sân trường một lớp phù sa lầy lội. Những cây bàng, cây phượng bị gió đánh cho gãy cành, xơ xác. Tôi vội đến nhà thầy, một niềm vui nhen lên trong lòng khi thấy ngôi nhà vẫn còn nguyên, mọi thứ vẫn như xưa nhưng rồi chợt tắt vì gọi mãi không thấy thầy đáp lại.

- Này, cô kia tìm ai?

Tiếng của người đàn ông mang quân hàm đại tá quân đội, trạc tuổi của thầy khiến tôi giật mình quay lại:

- Dạ, cháu muốn gặp thầy Nam ạ!

Có một thoáng buồn hiện lên trên khuôn mặt của bác ấy, giọng nói có vẻ ân cần hơn:

- Thế cháu ở xa mới về phải không? Thầy Nam đã mất tích hai ngày nay rồi, mọi người vẫn đang tìm kiếm ở ngoài sông Hiếu đó.

Tôi nắm lấy tay người đàn ông lạ mặt:

-Bác bảo sao ạ? Thầy Nam làm sao hả bác?

Ông ta vỗ nhẹ vào vai tôi:

- Lũ năm nay về sớm, dòng nước ở đầu nguồn ào ào đổ xuống cuốn trôi cả hai cô bé tiểu học, thầy Nam ở trong nhà nghe thấy tiếng la hét, không quản ngại mưa gió, nguy hiểm, đã lao ra giữa dòng nước lũ để cứu. Sau khi đẩy được hai em học sinh lên bờ thì thầy đuối sức bị dòng nước lũ cuốn đi.

Nói đến đây nước mắt của bác ấy rơm rớm, giọng khản lại, quay mặt ra phía sau để giấu đi cảm xúc của mình. Tôi cảm thấy choáng váng, ngồi bệt xuống sàn như có một bàn tay ai đó đang bóp lấy tim tôi, tôi cố hết sức đứng dậy, lao đảo chạy ra phía bờ sông Hiếu... Hai bên dòng sông sục sạo, nước cuộn chảy đục ngầu, những rặng tre oằn mình theo dòng nước, củi rác lều bều trôi, bầu trời u ám nặng hơi nước. Tôi cảm thấy trống trải, trái tim như vỡ nát, nước mắt giàn giụa, những giọt nước mắt rơi xuống hoà vào dòng nước lũ. Tôi thảng thốt gọi: Thầy ơi!...

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Mẹ Chồng Tôi - Đặng Nguyên Sơn

Tôi sinh ra trong một gia đình nông dân, chồng chấp vợ nổi. Nghĩa là, trước khi ba mẹ tôi đến với nhau họ đã có một đời vợ và một đời chồng. Những hứa hẹn ngọt ngào với người vợ trước không làm được, ba tôi lại đặt lên vai mẹ tôi. Những kì vọng và thất vọng ở người chồng trước mẹ tôi bắt cha tôi gánh. Cứ thế họ níu vào đời nhau. Bất chấp dư luận, mẹ tôi về chung sống với ba tôi mà không cần lời chúc phúc của bất cứ ai. Khi mang bầu tôi thì ba tôi đã sáu mươi và mẹ tôi kém ông đến ba mươi tuổi. Tôi có hai người chị gái, một người cùng cha khác mẹ và một người cùng mẹ khác cha. Cả hai chị đều đã yên bề gia thất. Tôi là đứa con gái duy nhất có chung dòng máu của ba và mẹ.

Ba tôi cứng chiều tôi hết mực nhưng mẹ tôi thì cực kỳ nghiêm khắc. Có lẽ nằm vào hoàn cảnh thiếu hạnh phúc nhưng lại thừa đặng cay nên bà không muốn con gái bà lặp lại điệp khúc “rồ rá cạp lại” như đời mình. Bà cho rằng, con gái là con người ta, nuôi cho tử tế mới có người rước đi cho, nhưng để gia đình chồng chửi ba mẹ để không biết dạy con, quả là nở mày đẹp mặt lắm. Mẹ tôi bảo phụ nữ như chiếc chìa khóa ngôi nhà giữ cho gia đình hạnh phúc, nói năng phải ý tứ, đi đứng khoan thai, phải biết chi tiêu tiền bạc, phải biết vào bếp làm thức ăn...

Mười lăm tuổi mẹ bắt tôi đi chợ làm cơm. Những ngày đầu đi chợ mẹ dắt tôi theo, có mẹ chủ động mua thức ăn tôi chẳng thèm để ý mẹ nói những gì và mua những gì, tôi dán mắt vào những bộ áo quần hoặc giày dép, kẹp cài tóc dọc các hàng quán. Sau vài ngày mẹ tôi giao hết tiền cho tôi bảo tự đi chợ mua thức ăn cho khẩu phần ăn ba người trong một ngày. Tôi cầm năm mươi ngàn mẹ giao ra chợ. Tôi đi một vòng rồi đi thêm vòng

nữa, tôi chẳng biết mua gì nên lại cầm tiền về. Mẹ nhìn tôi lắc đầu ngao ngán, bà bắt đầu viết những món ăn cần mua ra giấy và bắt tôi quay lại chợ. Trong tờ giấy tất cả có năm món, tôi mua đến món thứ tư thì hết tiền. Tôi vừa về nhà chưa kịp nói gì, mẹ chạy đến và kiểm tra ngay sổ thức ăn và quát tháo ầm ĩ: “Rửa còn hai lon đậu xanh nữa mô, mi ham chơi bỏ quên hàng quán mô rồi phải không?” Tôi nói: “Dạ, tại hết sạch tiền.” Mẹ tôi trừng mắt tiếp tục quát: “Đầu óc ngu si tứ chi phát triển, ăn vào không chịu nuôi não lấy một chút, mà mi không có não a rằng, đã bao lần mẹ dặn đi chợ là phải trả giá. Trả giá biết chưa?” Mẹ tôi đưa thêm năm mươi ngàn bảo ra chỗ quán bà Liễu mua lấy hai lon đậu xanh, giá mỗi lon tám đến mười ngàn gì đó. May mà chợ cách nhà chỉ hai trăm mét chứ hai cây thì hai chân tôi có mà nát hết cơ. Ở quán bà Liễu hết đậu xanh bà ấy bảo tôi sang quán bà Huệ.

Bà Huệ tuổi trạc tứ tuần, mái tóc cắt ngắn đã điểm muối tiêu, khuôn mặt góc cạnh, đôi mắt sâu ra vẻ khắc khổ, đôi gò má cao, dáng người nhỏ bé gầy gò. Tôi tiến đến gần quán và hỏi:

- Mụ ơi, đậu xanh bán chừng mô tiền một lon?
- Mười ngàn cháu.
- Tám ngàn được không mụ?
- Không đủ vốn mô cháu à!
- Chín ngàn mụ nhé?
- Chín ngàn mụ mua trong vốn rồi.
- Vậy mụ bán cho cháu hai lon.

Tôi đưa năm mươi ngàn và bà thối lại cho tôi ba mươi ngàn. Nhưng, bà đã thối nhầm tờ hai mươi ngàn thành tờ năm trăm ngàn, tôi phát hiện ra

điều này khi trên đường trở về nhà. Như một phản xạ bản năng, tôi quay lại chợ. Tôi cầm tờ tiền năm trăm ngàn huơ huơ trước mặt bà Huệ: “Mụ thối lộn tiền cho cháu này.” Bà Huệ đứng khựng người nhìn trân trân vào tờ năm trăm ngàn. Chốc sau bà hét toáng lên: “Bà con lại mà xem này, con cái nhà ai khéo dạy quá, không muốn hối của, nó trả lại tôi tờ năm trăm ngàn lạng đó.” Rồi bà lấy từ trong túi tiền ra đưa cho tôi hai hai ngàn bảo bán vốn hai lon đậu xanh. Bà nói cảm ơn tôi rồi rít, trưa nay bà vui quá không cần ăn cơm cũng no. Những biểu cảm trên khuôn mặt hạnh phúc ấy nếu nằm vào cảnh quay một bộ phim hẳn là cảnh quay ấn tượng nhất với khán giả. Nếu tôi tham lam năm trăm ngàn thì tôi đã không nhìn thấy phút giây hạnh phúc ấy của bà Huệ rồi. Có ai trên đời này vui đến nỗi không ăn cũng thấy no chưa? Để mang đến niềm vui cho một người, tôi nghĩ chẳng có gì khiến tôi hối tiếc cả.

Mười tám tuổi, tôi rớt đại học, mẹ tôi bàn với ba cho lên phố học lấy cái nghề sau này nuôi thân và tôi chọn nghề thợ may. Ở phố tôi quen Danh, Danh là nhân viên ngân hàng. Ba mẹ Danh kinh doanh bất động sản. Danh có em trai làm ở Sở Cảnh sát giao thông và một cô chị gái là phát thanh viên ở Đài Truyền hình tỉnh. Quen chừng một tháng chúng tôi chính thức hẹn hò. Bạn bè học chung nghề may với tôi ai cũng ghen tị vì tôi quen được một người vừa đẹp trai, con nhà giàu, lại là người có nghề nghiệp ổn định. Danh sở hữu khuôn mặt thanh tú, làn da trắng hồng căng mẩy, lại biết cách ăn mặc nên càng tôn thêm nét đẹp thân thể. Đi làm Danh mang áo sơ mi quần tây đóng thùng, còn đi chơi thì bận áo thun quần bò. Các bạn tôi bảo, trông tôi và Danh rất xứng đôi, chắc Danh mê tôi vì tôi quá đẹp. Phụ nữ với nhau hiếm khi khen nhau lắm nhưng mà đã mở lời như vậy chắc tôi đẹp thật. Khuôn mặt tôi thon dài, đôi mi cong vút, đôi mày cân xứng, cái mũi cao và đôi môi không cần tô son cũng thắm như màu hoa mười giờ. Tôi sở hữu số đo ba vòng chín mươi, sáu mươi và chín mươi, cao một mét sáu hai và nặng năm mươi ký. Tôi được các bạn tôn vinh là hoa hậu của tiệm may.

Bà chủ quán biết chuyện tôi và Danh yêu nhau nên gọi điện cho ba mẹ tôi hay. Ba mẹ tôi nghe nói Danh làm ngân hàng nên mừng lắm, bắt tôi dẫn Danh về ra mắt gia đình càng sớm càng tốt.

Để tránh gây căng thẳng cho Danh, tôi chọn ngày giỗ của ông nội và mời Danh về thăm gia đình. Mẹ tôi gọi điện hỏi Danh thích ăn món gì nhất để mẹ chuẩn bị. Danh bảo thích ăn gà tần thuốc bắc hạt sen. Thú thực, tôi ngại nhất là những lúc nhà làm đám giỗ, bà con đến nhà rất đông. Có những cụ ông bảy mươi tuổi gọi tôi là chị, có những cụ bà năm mươi tuổi gọi tôi là cô, có những chàng trai cô gái hơn tôi đến vài ba tuổi gọi tôi là bà. Ba tôi giới thiệu một lèo, tôi không tài nào nhớ hết. Ai hỏi gì tôi cũng dạ thưa hoặc trả lời với thái độ gượng gạo.

Cuối cùng tôi cũng dẫn được Danh về ra mắt gia đình và họ hàng. Chỉ có điều khi tiễn Danh và bà con ra về, cả ba mẹ và hai chị gái tôi đều không hài lòng về Danh. Cha tôi bảo: “Thằng Danh không xứng đáng để con trao thân gửi phận đâu.” Hai chị gái thì bảo: “Danh đẹp trai con nhà giàu nhưng đôi mắt nhìn đời rất khinh bạc, người không thật.” Trong suốt bữa tiệc cha tôi không nói hay hỏi gì Danh một câu, chỉ lẳng lặng quan sát mọi cử chỉ của Danh, nét mặt đượm vẻ lo lắng.

Con em trai ba tôi năm nay sáu mươi tuổi nhưng lại gọi tôi bằng chị, lúc giới thiệu Danh con em trai ba tôi nói: “Nếu Danh là người yêu của chị Na thì tui đây gọi Danh là anh mới phải phép.” Danh nghe xong thì nhếch mép cười tỏ ra xem thường. Thấy tôi nhăn mặt chưa hài lòng về thái độ của Danh vừa rồi, Danh bảo không tài nào nhịn được cười trước cách xưng hô lộn xộn của gia đình nhà tôi.

Rồi lúc dọn đồ cúng xuống, nhà tôi chia làm hai mâm dài. Có điều chủ nhà và những vị lớn tuổi trong họ chưa ai ngồi nhưng Danh đã vào bàn ngồi chễm chệ ở giữa hai mâm. Lúc mọi người vừa ngồi vào mâm, chưa mời ai một câu, Danh đã lật con gà ngửa ra và lợm lặt hạt sen và những vị thuốc bắc ở bên dưới con gà ở cả hai mâm cho hết vào bát của mình.

Bây giờ không có mặt Danh ba tôi mới nói: “Danh xuất thân từ một gia đình không phải nghèo khó nhưng cách ăn uống thiếu nho nhã, không để ý đến cảm nhận của những người xung quanh. Dùng đũa hất tung món ăn mình yêu thích hết mâm bên này rồi đến mâm bên kia để gom thức ăn yêu thích về chén mình. Một người có ăn học, xuất thân giàu có mà ăn uống như vậy chứng tỏ anh ta vô cùng tham lam và ích kỷ. Nếu chọn Danh làm chồng cuộc đời sau này của con nhất định sẽ khổ. Ba chắc chắn một điều rằng nếu gặp được người con gái tốt hơn chắc chắn Danh sẽ bỏ rơi con đây.”

Tôi không đồng ý với cách cảm nhận của ba tôi về Danh. Có thể vì không thích tính cách của Danh trong ăn uống mà nhìn Danh với đôi mắt không thuận và thốt lên những điều như thế. Với tôi, Danh vẫn là người đàn ông tốt. Cần phải cho ba tôi một khoảng thời gian, biết đâu ba tôi sẽ nhìn thấy những điều tốt đẹp từ Danh. Từ trước đến giờ tôi chưa từng cãi lời ba, vấn đề bây giờ tôi nên tảng lờ đi tất cả những lời khuyên mà ông vừa nói và vờ dạ cho qua chuyện.

Tôi tin thời gian sẽ mang lại câu trả lời cho tất cả mọi người.

Thế rồi một thời gian sau chừng vài ba tháng, Danh đến tìm tôi và nói muốn chia tay tôi. Danh sẽ kết hôn với con ông Chủ tịch thị trấn hiện đang công tác ở Ủy ban tỉnh. Tôi chột giật mình, người ngẩn ra trong giây lát, cách nhìn người của ba tôi khiếp quá, đúng đến không ngờ. Nếu không có những lời cảnh báo của cha tôi ngày nào thì chắc giờ tôi sẽ đau khổ và buồn bã lắm. Tôi đón nhận và chấp nhận lời đề nghị chia tay của Danh một cách rất thản nhiên, không đòi hỏi cũng chẳng trách móc gì. Tôi cười thật nhẹ nhõm và nói với Danh, nếu tôi và anh chưa đủ duyên nợ để thành vợ chồng thì chúng ta vẫn là bạn bè chứ? Danh gật đầu, có chút gì đó nuối tiếc trong ánh mắt Danh khi nắm tay tôi lần cuối.

Hai năm sau tôi ra nghề, ba mẹ tôi dựng cho tôi cái quán riêng gần chợ. Cạnh quán tôi là quán cắt tóc của Khánh. Khánh hơn tôi một tuổi, vóc

dáng thấp, ăn mặc thì tùy tiện như thể túm được cái quần cái áo nào là mặc luôn vào người. Khánh có khuôn mặt chữ điền trông rất hiền hậu. Khánh biết chơi đàn ghi ta, có thể tự đệm đàn và hát. Khánh không đẹp trai như Danh nhưng tính cách của Khánh rất tuyệt vời. Khánh bằng lòng với những gì mình có. Cách nói chuyện và hành xử của Khánh ai cũng quý cũng thương.

Mỗi sáng ra quán, tôi đều nhận được một nụ cười thân thiện chào ngày mới của Khánh. Chừng nửa năm chống cửa thấy nhau, cho đến một hôm Khánh đã nắm lấy hai vai tôi và nói: “Này cô bé xinh đẹp, có muốn ghi tên em vào gia phả nhà anh không?” Tôi không biết phải trả lời sao, cảm thấy sửng sốt và ngượng ngùng vô cùng trước lời tỏ tình của Khánh.

Kể từ sau hôm đó, cứ sáng sớm, khoảng sáu giờ là Khánh có mặt tại cổng nhà tôi đón tôi đi làm. Những ngày lễ Khánh lại mua hoa tặng cho tôi. Cứ đơn giản thế, hai chúng tôi gặp nhau, ở bên nhau, tâm sự rất tâm đầu ý hợp. Không toan tính lo âu. Không băn khoăn khắc khoải. Đó là những ngày sống vui vẻ và hạnh phúc nhất của tôi và Khánh.

Nhà Khánh ở làng bên, mỗi lần về nhà lại đi ngang qua nhà tôi. Một hôm, Khánh chở tôi về gặp cha tôi ở cổng, Khánh nói với ba tôi: “Bác đồng ý cho cháu làm con rể của bác nghe?”. Ba tôi cười khà bảo: “Phải để xem mày có xứng đáng với con gái tao không đã.”

Một lần nữa đám giỗ ông nội chính là dịp để gia đình tôi kén rể cho tôi. Khánh với Danh cũng là người tôi yêu nhưng sao tính cách khác xa nhau như thế. Danh lúc mâm cao cỗ đầy chuẩn bị mang xuống ăn mới đến nhà. Còn Khánh thì có mặt ở nhà tôi từ lúc sáng tinh mơ. Khánh xắn cao ống quần cùng cha tôi chọc tiết heo, nhổ lông gà, lông vịt,... như là đám giỗ của nhà mình vậy. Gặp ai Khánh cũng cười mừng, chào hỏi. Lúc cúng quảy xong xuôi, thức ăn đã đặt xuống bàn, mọi người đã ngồi vào mâm thì Khánh vẫn đang còn rửa chân tay sau giếng. Ba tôi bảo, Khánh là người đàn ông tốt, tôi đã chọn đúng người để nương đời mình.

Điều khiến tôi không ngờ, mẹ chồng tương lai của tôi chính là người phụ nữ năm nào thối tiền lộn cho tôi. Thay vì một buổi ra mắt để Khánh giới thiệu người yêu thì đó như là một bữa cơm thân mật của người thân xa cách lâu ngày. Chúng tôi trò chuyện thật tự nhiên thoải mái, không phải dè chừng hay áp lực gì cả. Qua cuộc trò chuyện cởi mở ấy, tôi đã rõ hơn về gia cảnh của Khánh. Lúc Khánh được chín tuổi thì ba Khánh qua đời vì lũ cuốn, để lại mẹ Khánh trên đời với bao nỗi cô đơn đau khổ. Mẹ Khánh không đi thêm bước nữa mà một mình ở vậy nuôi con và quán xuyến hết mọi việc từ trong ra ngoài. Mẹ Khánh thắp hương lên bàn thờ rồi thốt lên những câu vừa tự hào xen lẫn xót xa: “Trước khi qua đời ba thằng Khánh là cán bộ văn hóa xã đấy cháu à. Nếu còn sống thì giờ ba thằng Khánh đã lên huyện rồi.” Nghe mẹ Khánh tâm sự tôi nghẹn ngào, cảm thấy thương Khánh quá chừng.

Sau hôm đó hai gia đình chúng tôi qua lại bàn chuyện cưới xin. Giàu thì đám cưới làm to, còn nghèo thì tổ chức đại khái thôi. Không muốn dây dưa tốn kém nên hai nhà thống nhất cưới hỏi làm luôn một lần.

Mẹ chồng tôi một đời lam lũ tiết kiệm ngay đến một bộ áo quần đắt tiền cũng không dám mua mà mặc. Ngôi nhà cấp bốn đang ở được xây bao che cũng nhờ những đồng tiền chắt chiu từng bữa chợ của bà. Mẹ chồng tôi tiết kiệm với bản thân nhưng lại hào phóng với con cái. Lúc chọn áo cưới cho tôi mẹ tôi chọn tiệm sang nhất và chiếc áo đẹp nhất, đắt tiền nhất. Bà bảo, đời một lần chứ mấy, không nên khắt khe với bản thân vào những giờ khắc quan trọng trong đời như việc mặc váy cô dâu. Rồi bà bắt Khánh may hẳn một bộ vét ở cửa tiệm có tiếng trên phố.

Sau đám cưới, Khánh đưa tôi đi siêu thị mới khai trương trên phố sắm một vài đồ dùng cần thiết cho hai vợ chồng. Tại siêu thị, tôi gặp cô bạn học chung nghề với tôi. Bạn tôi vẫn vô tư như ngày nào, vừa gặp mặt là nó huyên thuyên: “Biết chuyện về Danh chưa? Danh đã ly dị vợ vì cô ấy bị vô

sinh.” Tự dừng tôi thấy lạnh toàn thân. Tôi siết chặt tay Khánh hơn. Đường như một nỗi buồn khắc khoải đang xâm chiếm tâm hồn tôi.

Và rồi có một chuyện không may mắn đã xảy ra với cuộc đời tôi. Một hôm tôi đau bụng quằn quại phải đưa đến bệnh viện cấp cứu giữa đêm. Bác sĩ bảo tôi bị suy thận giai đoạn cuối. Nếu tôi được ghép thận thì cuộc sống sẽ tốt hơn, còn không sẽ phải chạy thận nhân tạo. Mẹ chồng tôi muốn hiến tặng cho tôi một quả thận, bà giấu mọi người theo bác sĩ vào phòng siêu âm. Nhưng khi bác sĩ kiểm tra thì phát hiện quả thận bên trái của bà bị teo và mất hẳn chức năng hoạt động. Chính bà cũng không biết từ khi nào bản thân bà sống chỉ bằng một quả thận. Không còn cách nào khác, tôi phải chữa trị bằng cách chạy thận nhân tạo. Bác sĩ nói, tuổi thọ của tôi sẽ kéo dài nếu tôi điều trị và tuân thủ tốt. Điều tôi lo lắng không phải là sức khỏe của mình mà là có thể sinh cho Khánh một đứa con hay không. Bác sĩ bảo, sau này tôi vẫn có thể có thai và sinh con bình thường. Ôi, cái chữ "bình thường" qua giọng nói của bác sĩ sao nghe mà xót xa.

Từ hôm ở bệnh viện trở về, tôi chỉ nằm trên giường chứ không làm gì được. Chồng tôi ban ngày làm ở tiệm cắt tóc, ban đêm về ra trấn chạy xe ôm. Còn mẹ chồng tôi, ban ngày buôn bán ở chợ còn đêm về thì nhận tre về bện rổ rá kiếm thêm tiền. Tôi thương chồng tôi bao nhiêu thương mẹ chồng tôi bấy nhiêu. Mặc dù đau ốm bệnh tật nhưng cái đức ăn ở của chồng và mẹ chồng dành cho tôi trước saunhư một.

Với tình cảnh ấy, tôi sống trong gia đình chẳng yên ổn tí nào. Tôi thấy mình thật vô dụng, tự dừng trở thành gánh nặng của mọi người. Tôi nhận ra chồng tôi cũng không thanh thản gì, thỉnh thoảng lại giật thót mình giữa đêm hôm khuya khoắt. Và sau đó, chồng tôi không ngủ lại được nữa. Chồng tôi thường ra sân ngồi châm thuốc hút đến sáng. Gương mặt anh ngày một hốc hác và thân thể tiêu tụy thấy rõ.

Những suy nghĩ bắt đầu đan cài xuất hiện trong đầu khiến tôi rối trí. Tôi muốn nói với chồng tôi hãy viết đơn li hôn đi tôi sẽ ký. Tôi sẽ nói với

mẹ chồng tôi rằng, hãy cho con về nhà mẹ đẻ để chồng con đi tìm hạnh phúc mới. Nhưng tôi chưa đủ can đảm thốt ra tất cả. Chồng tôi đoán được những điều này qua khuôn mặt lo lắng của tôi nên ngồi sát cạnh tôi trên giường nhỏ to thông thả: “Cho dù khó khăn thế nào hãy cố gắng sống tốt, chắc chắn cuộc đời sẽ không bỏ rơi những người biết cố gắng vươn lên. Đừng vì khó khăn trước mắt mà buông bỏ bản thân, ruộng rẫy tương lai. Còn có anh và mẹ ở bên cạnh em, tiếp thêm sức mạnh cho em.”

Một thời gian sau tôi đi lại được. Cứ chập choạng tối đóng xong cửa tiệm cắt tóc là chồng tôi ăn nhẹ gì đó ngoài chợ rồi lên phố chạy xe ôm. Còn mẹ chồng tôi lúc về đến nhà là bà đưa cho tôi một nắm thóc giống bảo đưa ra gieo ở ngã ba đường. Mẹ chồng tôi nói làm phép để cầu an cho cả nhà nên tôi không hỏi gì thêm mà lặng lẽ làm theo.

Có lần mẹ ruột tôi đến chơi, tôi đem chuyện gieo thóc giống ở ngã ba đường cho mẹ tôi nghe. Bỗng nhiên mẹ tôi bật khóc nói: “Mẹ chồng con đúng là người mẹ chồng có một không hai trên đời này. Người xưa có tục, nếu có người tình nguyện đưa thóc giống cho con bảo mang ra ngã ba đường gieo, người đó ở nhà thấp hương lên bàn thờ tổ tiên khấn vái van xin trong vòng một tháng thì tuổi thọ còn lại của đời họ sẽ nối vào đời con ”

Mẹ vừa dứt lời tôi sửng người, ghen ngào không nói được lời nào. Cảm thấy mình thật may mắn khi gặp được một người mẹ chồng như vậy.

Chiều hôm đó khi vừa nhận những hạt thóc giống từ tay mẹ chồng tôi ra nửa đường rồi quay lại đứng ngoài thềm nhìn trộm. Mẹ chồng tôi sau khi thấp hương lên bàn thờ khấn vái xong bà xuống bếp làm cơm. Tôi lén vào nhà lấy cái chén cho những hạt thóc giống vào rồi đặt lên bàn thờ. Mỗi lần làm việc gì lén lút là tôi run hết cả người, tay cũng run nên làm rơi chén xuống sàn. Mẹ chồng tôi nghe thấy tiếng chén vỡ bà học tốc chạy lên nhà. Nhìn thấy những hạt thóc giống vương vãi trên sàn mẹ chồng tôi hét lên: “Trời ơi, mẹ có dặn con là gieo thóc ở trước bàn thờ đâu, nhanh lên gom

hết số thóc lại và mang ra ngã ba đường cho mẹ.” Nói xong mẹ chồng tôi ngồi chồm hồm xuống nền nhà và nhặt những hạt thóc.

Hai hàng nước mắt trào ra, tôi quy xuống nắm lấy tay mẹ chồng: “Mẹ ơi, con đã biết hết mọi chuyện rồi. Mẹ như mẹ ruột của con, có mệnh hệ chi với mẹ con biết nói rằng với chồng con đây.” Tôi sà vào lòng mẹ chồng khóc nức nở, bà vuốt tóc tôi rồi ôn tồn nói: “Chúng ta đều là đàn bà, không thương nhau sao được. Ngày mai xuân về. Mùa xuân nhất định cây cối sẽ đâm chồi nảy lộc, ra hoa và kết trái.” Tôi ôm chặt mẹ chồng tôi hơn, có một dòng nước mắt ấm nóng thấm dần không dứt trên vai tôi.

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Nhà Phái Có Đàn Ông - Lê Ngọc Minh

Tôi tìm được ngôi nhà hơn bốn mươi năm trước không mấy khó khăn là nhờ cái giếng xây có bốn cây dừa trụ ở bốn góc sân giếng. Nhà bà cụ Sen ngày trước quay lưng phía giếng. Từ giếng vào nhà phải đi theo một cái ngõ nhỏ dài khoảng hai mươi mét vòng đến trước sân. Hai bên ngõ là hai hàng chuối, lá mọc ken dày, quanh năm luôn có thứ quả màu vàng to như hạt ngô răng ngựa, tỏa mùi hương thơm dịu dịu. Bây giờ, ngôi nhà tre nửa cũ đã được thay thế bằng ngôi nhà hai tầng và một cái nhà ngang lợp ngói tro hướng ra phía giếng.

Tôi vào nhà, đón tôi là hai người phụ nữ và một cậu thanh niên trẻ mới khoảng mười chín, hai mươi tuổi. Thoạt nhìn, tôi nhận ra ngay người đàn bà gần sáu mươi tuổi và người phụ nữ tuổi trung niên là hai mẹ con cô Hồng ngày trước. Hồi tôi ở nhà cụ Sen làm chiến sĩ liên lạc cho các thủ trưởng đại đội 4, cô Hồng mới sinh cháu bé được mười lăm ngày. Dù mái tóc đã bạc quá nửa, da dẻ đã có chỗ nổi mề, hai bàn tay đầy những nét vân xanh, bà Hồng vẫn còn nhiều nét khỏe đẹp, dáng người bà vững chãi cân đối, da mặt tuy có nốt mề nhưng vẫn còn căng, nét cười tươi hiền hậu. Còn người phụ nữ thì giống mẹ như lột, dáng người cao hơn mẹ một chút, eo co thắt đáy lưng ong thon gọn như eo co thiếu nữ. Người phụ nữ ấy khi tôi rời gia đình cụ Sen chuyển đi đơn vị mới là bé Na mới được hơn mười tháng tuổi. Đoán là bà Hồng vẫn còn nhớ tôi nhưng tôi vẫn tự giới thiệu, tôi là Vương, Đỗ Văn Vương, liên lạc của đại đội 4 thời của đại đội trưởng Hớn và chính trị viên Cư, năm 1973. Tự giới thiệu xong, tôi nhìn vào mắt bà Hồng và có ý hỏi xem bà còn nhớ tôi không nhưng bà lắc đầu bảo, nhà bà

từ năm 1965 đến 1975, lúc nào cũng có bộ đội đóng quân, bà không thể nhớ được tôi là ai cả.

Tôi nhắc lại đầy đủ cả họ và tên của thủ trưởng Hón, Nguyễn Văn Hón người Quảng Bình; thủ trưởng Cư, Hoàng Nghĩa Cư, người Bắc Ninh và tôi là đồng hương cùng huyện với bà nhưng bà vẫn một mực lắc đầu, đáp là không thể nhớ được. Cô Na nhắc mẹ:

- Bác Vuông nhớ kỹ thế mà mẹ không nhớ ra à?

Bà Hồng vẫn tiếp tục lắc đầu.

Tôi nhìn lên bàn thờ, thấy có ảnh cụ Sen và ảnh bác Hựu, con dâu của cụ, là mẹ đẻ của bà Hồng. Tôi xin phép đến bàn thờ thắp hương cho cụ Sen và bác Hựu. Bà Hồng đứng ở góc bàn thờ bên trái vái mấy vái tạ lại tôi, sau khi tôi làm xong việc hiếu. Rồi bà mời khách lại bàn, ngồi uống nước và kể vắn tắt:

- Bà nội tôi mất cách đây bảy năm, cụ đại thọ chín mươi tư tuổi; sau đó vài tháng thì mẹ tôi cũng mất. Mẹ tôi chỉ thọ được bảy mươi ba tuổi thôi. May quá, đời các cụ trước khi chết cũng thấy được trong nhà có người đàn ông làm trụ cột! - Nói đến đây, bà Hồng bảo cậu con trai. - Con đi tìm bố về, tiếp khách.

Cậu thanh niên trẻ chạy vụt ra sân, lấy xe máy phóng như bay ra ngoài đường. Khi còn lại tôi và hai mẹ con bà Hồng, cô con gái bà cứ nhìn tôi với vẻ dò hỏi. Bà Hồng tiếp khách không mấy mặn mà, tôi cố gắng gọi vài mốt lịch sử hồi tôi làm liên lạc như vụ tôi đánh mất quả lựu đạn, vụ thủ trưởng Hón chậm phép bị treo quân hàm và chuyển đi làm phụ trách trạm khách của trung đoàn... nhưng bà Hồng vẫn lắc đầu bảo không nhớ.

Khi cậu thanh niên chở một người đàn ông khoảng ngoài sáu mươi tuổi về, tôi thấy ở hai bên vai để trần trong cái áo ba lỗ bị rách nhóm một

bên của ông ta xăm trổ rằn ri toàn rồng với hổ. Bà Hồng hơi tái mặt và bà vội nói:

- Bố nó à! Đây là chú Vuông đóng quân ở nhà ta hồi xưa xưa. Chú ấy đi công tác đến thập hương cho các cụ.

Người đàn ông quét cái nhìn sắc ngọt, cặm cặm từng tấc vào phía tôi và ông hỏi cộc lốc:

- Anh đóng quân ở đây cụ thể là năm nào?

Tôi đáp luôn cũng rất cụ thể:

- Từ 15 tháng Giêng năm 1973 đến mùng 6 tháng 10 năm 1973, anh ạ.

Người đàn ông hỏi lại:

- Có thật thế không?

Hơi bị phật ý nhưng tôi vẫn cố tỏ ra bình thản vì nghĩ mình đang là khách. Tôi nói với ông ta:

- Đó là những ngày đầu tôi vào bộ đội nên nhớ rất kỹ. Vừa nãy tôi đã nhắc lại với chị Hồng về ông đại đội trưởng Nguyễn Văn Hớn rất tội nghiệp của tôi.

Người đàn ông sổ sàng “hực” lên một tiếng và chép miệng:

- Tin quái nào được.

Thấy mình rơi vào hoàn cảnh bất đắc dĩ, tôi nhìn người đàn ông nói rành rẽ:

- Anh ạ, ngày trước tôi đóng quân ở nhà ta gần mười tháng, bốn mươi năm rồi tôi mới có dịp trở lại. Rất tiếc cụ Sen và bác Hựu đã về với tổ tiên.

Tôi đã thắp hương cho hai cụ xong. Bây giờ tôi xin phép gia đình. Chào anh, chào chị Hồng, chào các cháu!

Tôi nói và nhìn từng người trước khi đi nhanh ra khỏi nhà. Không có ai tiễn tôi cả. Ra chỗ xe đỗ, tôi sức nhớ trong làng Cổ Lạc này, tôi còn có một nhà quen nữa. Đó là nhà bác Thố, một gia đình tôi đã tá túc mười lăm ngày đầu đời lính tân binh, trước khi được điều đi làm liên lạc cho chỉ huy đại đội. Nhà bác Thố ở cuối thôn. Tôi đến nơi, vợ chồng bác Thố cũng đã quy tiên cả. Tôi làm việc hiếu thắp hương giống như ở nhà cụ Sen và ngồi nói chuyện một hồi với anh Thất, con trai cả bác Thố. Tôi nhắc lại chuyện gì hồi lính tân binh ở nhà bác Thố, anh Thất đều nhớ cả.

Tạm biệt anh Thất, xe đưa ngược tôi về đường cũ. Khi vừa qua hết làng Cổ Lạc sang đầu làng khác thì thấy cô Na đã đứng đón sẵn, vẫy xe dừng lại. Xe tạt vào bên đường, tôi bước ra. Cô Na tươi cười mời tôi vào ngôi nhà ba tầng bên đường có cái cổng xây rất đẹp. Bên trong nhà còn có vườn cau, ao cá. Ao cá rộng xây kè xung quanh và có giàn mướp quả sai trĩu trĩu soi xuống mặt ao. Tôi khen:

- Nhà cháu có cơ ngơi vừa giàu, vừa đẹp!

Cô Na hồn nhiên nói cười khác hẳn với lúc ở nhà mẹ cô:

- Cháu may mắn lấy được anh chồng gỗ ra tiềnbác ạ.

Tôi cười:

- Cậu ấy gỗ thế nào mà huyền diệu thế?

Cô Na càng hồn nhiên tươi tắn hơn, kể:

- Anh chồng cháu làm thợ xây, khéo tay lắm, cứ cầm con dao bay đi gỗ công trình là có tiền ngay. Không ít thì nhiều, ngày nào cũng kiếm được bác ạ. Dinh của mẹ cháu, bác vừa vào chơi cũng do anh ấy xây đấy. Vợ

chồng cháu còn một dinh trên tỉnh nữa. Con trai đầu chúng cháu đang học đại học Hồng Đức, ra trường cháu sẽ cưới vợ thành phố cho nó.

Tôi khen:

- Vợ chồng cháu giỏi quá, các cháu đúng là con mẹ Hồng.

Cô Na mời tôi vào nhà, cô pha cà phê hòa tan mời tôi uống và tha thiết mời tôi ở lại ăn bữa cơm rau dưa với vợ chồng cô. Chồng cô đang chỉ huy đám thợ xây trụ sở uỷ ban trong xã. Cô bốc máy định gọi chồng về tiếp tôi nhưng tôi vội từ chối là đang rất bận, đang còn phải ghé thăm một vài nơi nữa. Cô Na xịu mặt đi, buồn buồn nói:

- Cháu biết cán bộ thủ trưởng có ô tô như bác thì bận rồi nhưng bác từ chối bữa cơm rau dưa của vợ chồng cháu, cháu tủi thân lắm. Bác Vuông...!
- Cô Na dừng và nhìn thẳng vào mắt tôi đột ngột hỏi: - Bác Vuông ạ, bác, bác có phải là bố cháu không?

Tôi sửng người ra, chối ngay:

- Không phải! Bác nói để cháu yên lòng. Bác nhập ngũ ngày 18 tháng Chạp năm 72, đúng cái đêm Mỹ bắt đầu đánh B52 Hà Nội và miền Bắc. Đêm ấy, bác hành quân từ tỉnh ta ra Kim Bảng làm lính của tiểu đoàn 31 đặc công quân khu 3. Tất cả đều hành quân bộ, đi vòng xuống Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Nga Sơn lượn lên Hà Trung, băng qua thị trấn Ghềnh, Nho Quan, Ninh Bình rồi đến điểm đóng quân ở Kim Bảng, Hà Nam. Năm ngày hành quân tá túc trong nhà dân, trong nhà kho hợp tác xã dọc đường nên bác bị mầy nốt ghẻ. Lính đặc công là lính chọn, họ khám lại sức khỏe, bốn anh chàng khác cũng bị mắc ghẻ như bác, bị loại trả về địa phương. Về đến huyện đội thì hết ghẻ, năm người bọn bác được nhập vào một đoàn tân binh khác làm lính đại đội 4, tiểu đoàn 7 đóng ở làng Cổ Lạc của cháu. Lúc bác gặp mẹ cháu, cháu đã ra đời được 15 ngày rồi. Cháu sinh ngày 1/1/1973 đúng không?

Cô Na:

- Vâng! Bác nhớ kỹ thế.

Tôi đáp:

- Bác phải nói dài một chút vậy để cháu tin, bác không phải là bố cháu. - Tôi cười và nhìn cô Na, nói tiếp - Nếu được cô con gái như cháu, bác phải làm một trăm mâm cỗ để ăn mừng.

Cô Na:

- Vậy thì cháu tin bác rồi! Chỉ khổ thân mẹ cháu!

Thốt lên xong, cô Na rầu rầu kể về người đàn ông, bố dưỡng cô, tôi vừa gặp.

Ông ta lấy mẹ cô năm bà Hồng đã ba mươi tám tuổi. Người đàn ông này trước làm người gánh thuê trên chợ tỉnh, sau đó bị dạt về chợ thị tứ cách làng Cổ Lạc bảy cây số, làm phụ tá cho người khán chợ. Nhà có vườn rau, tứ mùa đều có hoa lợi nên không phiên chợ thị tứ nào bà Hồng không gánh rau đến đó bán cho được giá. Ông phụ tá khán chợ hay giúp bà Hồng, khi bày hàng, khi vào xóm xin cho bà xô nước để bà làm tươi rau... Nên hai người nảy nở tình cảm. Khi bà Hồng dẫn ông ta đến nhà, đặt vấn đề với cụ Sen và bác Hựu, cụ Sen đồng ý ngay, còn bác Hựu thì thở dài về thân phận quét chợ của anh phụ tá. Riêng Na, lúc ấy mười chín tuổi, vừa mới cưới chồng, đã phản đối quyết liệt. Nhưng rồi khi mẹ cô nước mắt chứa chan mếu máo khóc nghẹn với cô: “Nhà phải có đàn ông con ạ. Nhà ta bốn người toàn phụ nữ, con đi lấy chồng, chồng con không ở rể. Nhà đã có hai bà già, sắp tới mẹ cũng già thì biết dựa vào đâu?”. Cô Na nói với mẹ, làng thiếu gì đàn ông. Bà Hồng bảo cô, không thiếu nhưng họ chỉ chờn vờn tán tỉnh lợi dụng thôi, bà đã cơ nhỡ, lỡ thì rồi, không lấy ông Húc thì mãi mãi nhà này không có đàn ông. Nghe mẹ nói bằng nước mắt như thế, cô Na không phản đối nữa.

Ông Húc về làm rể bác Hựu như chuột sa chĩnh gạo. Cụ Sen, bác Hựu đều là người hiền lành. Bà Hồng xinh đẹp, khỏe mạnh, tuổi gần bốn mươi rồi mà dáng người vẫn như thanh nữ. Bà lại chăm chỉ đảm đang, khéo cư xử nên đời ông Húc tươi lên phơn phớt từng ngày. Ba năm ông cho ra đời hai cậu con trai. Cậu lớn đang đi học nghề thợ xây với anh rể, cậu thứ hai cao lớn đẹp trai, chỉ tội học dốt, suốt ngày hết gêm lại chát, hai mươi tuổi rồi mà chưa qua được lớp 11.

Cô Na kể, ông Húc là người khỏe ghen. Hồi còn cụ nội, bà nội cô, ông ta ghen vợ ngấm ngấm. Từ ngày hai cụ khuất núi, ông ta cho mình được quyền chủ sự trong gia đình nên rất gia trưởng. Tuổi càng cao, ông ta lại càng ghen tợn mà lại ghen ngược. Cô Na đã có lần phải quát vào mặt ông ta khi ông ta truy bức mẹ cô, ai là bố của cô. Ông ta luôn căn nhắc nếu ông ta biết được người đó, ông ta sẽ tìm đến nơi và thịt. Gần đây, ông Húc lao vào đề đóm đỏ đen. Sự tha hoá của ông lây nhiễm rất nhanh sang cậu em út cùng mẹ khác cha của cô. Bà Hồng rất đau lòng. Cô Na, sau khi cùng chồng xây nhà cửa khang trang cho mẹ, muốn tổng khứ ông bố dưỡng thất phu ra khỏi nhà, nhưng bà Hồng một hai cứ cầu xin vợ chồng cô tha thứ cho ông Húc. Bà nói, nếu ông Húc bị đuổi đi, bà sẽ đi theo ông ấy. Ông Húc được nê, càng làm già, càng khỏe ghen hơn. Lúc này, khi về nhà trông thấy tôi, ông ta găm ghè nhìn, găm ghè cốc lốc hỏi bởi trong ông đang chứa đầy nghi kỵ và ghen tức. Kể đến đây, cô Na lại thốt lên câu lúc trước:

- Khổ thân mẹ cháu!

Biết mình cũng chả làm được gì lại đến lúc phải đi cho kịp một cuộc hẹn khác, tôi nói lời động viên cô Na, gửi cô lời chào sức khỏe đến mẹ cô và hẹn có

dịp tôi sẽ quay lại đây ăn bữa cơm rau dưa với vợ chồng cô.

*

* *

Hồi mới vào quân đội, đã có người bảo, tôi được điều từ tiểu đội lên C bộ (ban chỉ huy đại đội) để làm liên lạc cho các thủ trưởng là do gia đình tôi có mối quan hệ thân thiết với chính uỷ trung đoàn Hoàng Xuân Đáng. Bác Đáng có bốn năm đóng quân ở nhà tôi, khi bác còn là phó chính uỷ trung đoàn Sông Mã. Nhưng sự thật thì không phải thế. Tôi trở thành liên lạc đại đội là do một lần tôi đang làm báo tường dịp Tết của trung đội thì đại đội trưởng Hớn đi kiểm tra nội vụ nhận ra hoa tay của tôi và ngày hôm sau chính trị viên Cư gọi tôi lên để phúc tra tay nghề. Anh Cư giao tôi kẻ và viết nội dung một bản kế hoạch huấn luyện của đại đội trong tháng với công việc cụ thể từng ngày. Tôi làm trong nửa giờ thì xong lại còn vẽ ở góc bản kế hoạch hình một anh lính trẻ bông súng hiên ngang cùng nụ cười tươi tắn. Chính trị viên rất hài lòng và quyết định, sau bữa cơm chiều, tôi chính thức là liên lạc đại đội.

Được lên đại đội, thay vì vui, tôi lại chán ngán buồn. Vì hồi trước, nhà tôi thường được các bác chỉ huy đơn vị bộ đội đóng quân. Tôi đã hiểu thân phận và công việc của người liên lạc như thế nào rồi. Vả lại, đi bộ đội là để chiến đấu, chết xanh cỏ sống đỏ ngực chứ đi để làm thẳng loong toong hầu hạ thì đi làm gì? Nhưng kỷ luật quân đội là kỷ luật sắt, hai thủ trưởng đại đội đều tỏ ra thân tình với tôi nên tôi cũng được an ủi phần nào.

Chiều tối, ăn bữa cơm liên hoan với tiểu đội và gia đình bác Thổ xong, tôi khoác ba lô lên C bộ. Anh Cư chỉ cho tôi cái phản rộng, gỗ đã lên nước đen bóng như mun bảo đó là giường của tôi. Sắp tới có thêm một đại đội phó về, tôi và đại đội phó sẽ nằm chung cái phản này. Cái phản nằm giữa một bên là đầu hồi bàn thờ một bên là vách liếp nửa ngăn với buồng của gia chủ. Phía bên kia bàn thờ là hai tấm phản đơn bằng gỗ thùng ghép lại dành cho anh Cư và anh Hớn, thủ trưởng quân chính đại đội.

Tôi đang sắp xếp chỗ ở phản thì từ trong buồng vọng ra tiếng trẻ mới sinh khóc và tiếng ru giọng con gái trẻ măng:

À ơi... Mai sau dù có bao giờ

Đốt lò hương ấy so tơ phím này.

Ngay sau đó, tôi nghe giọng nói của một cụ bà:

- Nó đã biết gì mà cháu ru thế? Đưa con cho bà rồi ra ăn cơm đi!

Có tiếng cụ già nựng và không nghe tiếng trẻ khóc vọng ra nữa.

Chuông điện thoại reo. Thủ trưởng Hớn nhận điện xong, gọi tôi lại, nói nhỏ ra lệnh cho tôi, báo gấp các trung đội trưởng tập trung bộ đội đi làm nhiệm vụ đặc biệt. Chỉ mười lăm phút sau đại đội 4 đã nhập vào quân số của toàn tiểu đoàn, hành quân lên ga thị xã bốc vác hàng quân dụng từ tàu hỏa chuyển sang xe vận tải quân sự để chuyển vào chiến trường trong dịp Tết. Đợt công tác đặc biệt của chúng tôi diễn ra trong mười ngày. Chúng tôi ăn Tết ngay ở ga thị xã.

Trong thời gian này chính trị viên Cư cho tôi biết, cô cháu gái tên là Hồng của bà cụ Sen mới sinh con ở tuổi chưa đầy mười tám. Cô Hồng là con liệt sĩ, học rất giỏi và xinh gái. Chính trị viên Cư còn cho tôi biết thêm, bà cụ Sen góa chồng từ lúc chưa đầy hai mươi tuổi, cụ ở vậy nuôi bác Hựu. Năm 1954, bác Hựu đi bộ đội và hy sinh ở mặt trận Điện Biên khi bác Hựu gái đang mang thai cô bé Hồng. Bé Hồng lớn lên là cô gái thông minh, khỏe mạnh, xinh đẹp. Hai mẹ con bà cụ Sen rất hy vọng. Khi cô Hồng học lên lớp 10 thì trúng cái giải nhì thi Văn học sinh giỏi toàn tỉnh. Với năng khiếu sẵn có, với cái lý lịch sáng trong như gương ấy, ai cũng chắc mẩm cô Hồng không vào học khoa Văn, Đại học Tổng hợp thì cũng đi nước ngoài. Đùng một cái, cô Hồng bị hoang thai. Con cô sinh ra là một bé gái. Vậy là nhà cụ Sen lúc này có đến bốn người toàn là nữ.

Sau đợt công tác, trở về nhà cụ Sen, tôi mới được nhìn thấy rõ mặt cô Hồng. Cô còn quá trẻ. Thật tội nghiệp, ở tuổi này cô đã phải bỏ học, đã

phải nuôi con mọn. Thái độ của cô Hồng khá lạnh lẽ. Mỗi khi gặp các thủ trưởng và tôi, cô bao giờ cũng lí nhí chào trước rồi cúi đầu bước nhanh đi.

Tôi có được cuộc nói chuyện trực tiếp với cô Hồng sau đó ít ngày. Ấy là lần tôi đang rửa bát ở bể nước, cô đi đến và nói nhỏ:

- Anh Vuông cứ để đấy em rửa cho, con trai ai lại phải rửa bát?

Tôi đùa vui bằng hai câu vè:

- Làm trai rửa bát quét nhà/ Vợ kêu thì dạ, bầm bà
con đây!

Cô Hồng đỏ mặt, nói nhỏ:

- Bao giờ anh có vợ hăng hay. Bây giờ thì không nên. Để đấy em rửa cho.

Tôi nhường việc rửa bát cho cô Hồng. Nhân đây, tôi cũng nói thêm về nhiệm vụ không chính thức của người chiến sĩ liên lạc. Thường thì bộ đội ăn cơm tập trung nhưng vì do nhà ăn chưa kịp làm, thủ trưởng đại đội cho phép các tiểu đội mang cơm về nhà dân ăn. Tôi ít tuổi nhất C bộ lại là chiến sĩ liên lạc nên việc đi lấy cơm, ăn xong rửa bát và trả xoong đĩa quân dụng là việc hiển nhiên.

Để đổi lại việc cô Hồng rửa bát giúp tôi, tôi quản việc đi gánh nước đổ đầy cái bể đủ cho ba bộ đội, ba phụ nữ và một trẻ sơ sinh trong nhà sử dụng hàng ngày. Mỗi ngày, cả chủ và khách xài hết khoảng mười gánh nước. Giếng gần, sức trai nên tôi chỉ coi đó là tập thể dục.

Đứa trẻ thiếu bố được trời thương quý nhiều hơn chẳng nên cháu Na lớn nhanh hồng hào mập mạp. Nó thỉnh thoảng có khóc đêm nhưng bà mẹ trẻ bao giờ cũng dỗ con nín ngay bằng một câu ru buồn dịu dàng.

Tôi rất thích thú mỗi khi rồi việc được bế cháu Na đi loanh quanh trong xóm. Đám lính trẻ bắt đầu trêu tôi, cho tôi là làm bố cháu bé hơi bị chuẩn. Tất nhiên là tôi chỉ cười trừ và thỉnh thoảng còn pha trò thêm cho vui. Bà cụ Sen và bác Hựu thấy tôi quẩn quýt với cháu bé và có khoảng cách với mẹ cháu nên cũng không cảnh giác gì mà còn tỏ ra quý mến tôi, hay phần tôi quà bánh và hỏi han trò chuyện.

Rồi tôi yêu Hồng vì một quả lựu đạn và một bát cháo hành có quấy trứng thơm phức.

Số là trong đợt đại đội 4 hành quân đi bắn đạn thật ở trường tập bắn của trung đoàn cách làng Cổ Lạc hơn hai mươi cây số, tôi bị mất một quả lựu đạn.

Là lính đang trong giai đoạn làm tân binh mà đánh mất vũ khí thì nguy to rồi. Tôi đã vi phạm mười lời thề danh dự của quân đội, vi phạm quy chế bảo vệ và sử dụng vũ khí. Đợt phong quân hàm binh nhất trước mắt coi như tôi đã ao rồi. Không những thế, tôi có thể còn bị kỷ luật nặng nữa nếu như quả lựu đạn tôi bị mất rơi vào ổ nhóm phản động hoặc vào tay bọn cướp giết. Trĩu nặng lo âu sợ hãi, hành quân về đến nhà cụ Sen, tôi bỏ cơm, sốt li bì 40 độ. Y tá đơn vị đến cho thuốc uống, thuốc tiêm nhưng tôi vẫn không cắt được sốt.

Chính trị viên Cư đi công tác, đại đội trưởng Hớn rất lo lắng cho tôi, anh dùng bài thuốc đánh gió học được thời đi B, vắn tôi ra cạo. Tôi tỉnh dần lại và tôi đã không giấu anh Hớn kể về chuyện mất quả lựu đạn. Anh Hớn vừa nghe đã thất kinh. Anh vội dắt xe đạp rời nhà đi đâu đó một lúc lâu. Khi trở về, anh nhìn tôi lắc đầu. Anh kể, anh đã đi gặp trợ lý quân giới tiểu đoàn xin hướng giải quyết nhưng chỉ được trả lời là không có cách khắc phục nào cả ngoài việc phải tìm cho ra quả lựu đạn.

Đêm đó, tôi sốt và trần trọc cho mãi đến gần sáng mới thiếp đi được. Tiếng còi báo cho bộ đội dậy tập thể dục làm tôi thức giấc. Anh Hớn sờ

trán, động viên tôi vài câu rồi đi chỉ huy bộ đội tập thể dục. Sốt, buồn, lo và sợ làm tôi cứ nằm im, căn môi trào nước mắt khóc thầm.

Cô Hồng mang đến cho tôi một bát cháo hành thơm nức và một gói bọc báo nặng trĩu. Cô bảo nhỏ với tôi, cô đã biết hết sự tình. Cô giở gói bọc báo ra. Là một quả lựu đạn. Tôi suýt kêu lên như kẻ sắp chết đuối được vớt ra khỏi lùm nước xoáy. Tôi nhẹ bẫng đi như người lảnh. Tôi ôm lấy quả lựu đạn vào ngực rồi đưa ra trước mặt, trố mắt nhìn để khẳng định thêm nó có phải là quả lựu đạn không? Đúng là quả lựu đạn rồi! Cô Hồng mồm mỉm cười, nói nhỏ với tôi:

- Anh Vương ăn cháo đi! Cháo trứng cho nhiều hành hoa, ăn nóng là khỏi sốt đấy.

Có tiếng bé Na ọ ẹ. Cô Hồng vội đi ra sân vòng xuống bếp để vào buồng.

Hết lo, hết sợ lại đang đói mềm, tôi hút một hơi gọn cả bát cháo rồi “khà” lên một tiếng khoái trá, mặt lại tiếp tục ngây ra ngấm quả lựu đạn.

Cô Hồng vào để lấy bát đĩa đi rửa, tôi bất chấp ôm riết lấy cô. Hồng lắc người chối từ, hai tay cô rúm cả lại đấy nhưng tôi vẫn cứ ôm. Từ người cô thoang thoảng phả ra mùi sữa mẹ thơm lìm lịm. Tôi ôm cô mà không biết hôn thế nào nhưng chưa bao giờ tôi có cảm giác rung động mãnh liệt đến thế. (Sau này có yêu đương, biết hôn hít và biết hôn nhưng tôi không bao giờ có được cái cảm giác như khi ôm cô Hồng buổi sáng sớm đó. Dường như khoảnh khắc kỳ diệu ấy, tạo hóa chỉ cho con người có một lần trong đời?).

Tôi yêu Hồng từ buổi sáng đó. Còn Hồng phải đến hơn hai tháng sau mới dè dặt chấp nhận tình yêu của tôi. Hai người ở chung một nhà nhưng chúng tôi chỉ có thể yêu nhau bằng mắt và bằng những lá thư bí mật trao

vội cho nhau, bằng những ý nghĩ thao thiết mỗi đêm, khi hai người nằm cách xa nhau chỉ bằng một liếp nửa mỏng.

Chúng tôi giữ bí mật kín đến nỗi cụ Sen và bác Hựu hoàn toàn không biết.

Song anh Cư chính trị viên đã biết. Một lần anh rủ tôi đi bắt cua đồng về cải thiện. Nhưng ra đến chỗ đồng vắng, anh nói rõ, anh đã phát hiện ra tôi có dấu hiệu không bình thường với cô Hồng chủ nhà. Anh rất lo cho tôi vì chính uỷ Hoàng Xuân Đáng đã dặn dò anh Cư để ý rèn luyện tôi. Nếu tôi có chí tiến thủ, chính uỷ sẽ cho tôi đi học sĩ quan. Như vậy tiền đồ của tôi, tương lai của tôi rất xán lạn. Bây giờ tôi vấp vào chuyện trai gái với một phụ nữ trẻ hoang thai thì chả còn gì để phải bàn nữa. Tôi thành thật thú nhận hết với chính trị viên, tôi yêu Hồng bởi cô là người thông minh, nhân hậu và xinh đẹp. Việc cô nhớ nhàng chỉ là sự cố trong đời người con gái nhẹ dạ. Hồng lại là con liệt sĩ, phải thương lấy mẹ con cô ấy. Chính trị viên cảnh báo sự nông nổi của tôi, cảnh báo sự thương hại không cần thiết của tôi với mẹ con cô Hồng. Anh còn nghiêm khắc nói: “Nếu cậu lợi dụng hoàn cảnh của cô ấy để thỏa mãn sự tò mò ham muốn của kẻ mới lớn thì đừng có trách anh cạn nhẽ”. Tôi cãi: “Báo cáo thủ trưởng, em còn chưa biết hôn thế nào?”. Anh Cư bật cười: “Yêu vào rồi, cậu sẽ thành ma quỷ hết!”.

Biết tôi và đại đội trưởng hợp tính nhau, anh Cư giao cho anh Hớn ngăn chặn và quản lý tôi. Nhưng anh Cư đã tin nhầm. Anh Hớn không tra hỏi tôi điều gì mà anh Hớn bảo tình yêu nó phải thế. Anh còn bật mí, anh đã khảo cô Hồng, biết cô bán đi một bên đôi bông tai để lấy tiền nhờ mua quả lựu đạn chợ đen cho tôi, anh rất cảm động chuyện đó. Anh bảo tôi, thích thì cứ yêu nhưng dặn dò phải kín đáo và phải giữ gìn, không được làm hại đời cô ấy một lần nữa.

Tôi đem hết cả những điều anh Hớn nói, viết một lá thư dài cho Hồng. Hồng đã nhanh chóng gửi lại cho tôi một lá thư cũng rất dài và thăm loang

vết nước mắt. Thường thì nhận thư của Hồng, đọc xong, tôi đốt đi nhưng lá thư này tôi đã nhai nhuyển, chiêu nước, nuốt hết vào bụng.

Chúng tôi cầm cự thêm hai tháng trong mối tình qua những bức thư thì một cơ hội vàng tung cánh tự do bất ngờ đến.

Cái đồng hồ báo thức của chỉ huy hết đất bị hỏng. Quản lý đại đội đi mua mấy lần chưa được. Biết tôi có cô em họ làm ở cửa hàng bách hoá thị trấn gần làng tôi, anh Cư cho tôi mượn xe đạp về phép thăm nhà một ngày với điều kiện phải mua được chiếc đồng hồ báo thức. Tôi mừng quá, thư đàm với Hồng, rủ Hồng về quê tôi ra mắt... Hồng từ chối nhưng lúc năm giờ sáng, đạp xe ra đến núi Trinh Văn, tôi đã thấy Hồng chờ sẵn ở đó. Tôi đèo Hồng lao vút đi khỏi tọa độ nguy hiểm. Ra đến đường Một, Hồng mới kể, Hồng đấu tranh tư tưởng suốt đêm rồi liều đi với tôi. Cô đã nhờ cô Cúc, bạn cô bán hộ gánh rau. Hồng nói với tôi phải cố làm sao ba giờ chiều cho cô về. Tôi nói để Hồng yên lòng, chúng tôi có tất cả mười tiếng, đạp xe đi về chỉ mất sáu tiếng, còn những bốn tiếng để tôi và Hồng ở chơi nhà tôi.

Hồng rất vui, gần suốt chặng đường cô luôn chuyện trò riu rít nhưng lúc sắp về đến nhà tôi thì Hồng tỏ ra bồn chồn lo lắng, cô trở nên im lặng, lúc phải nói thì giọng ngập ngừng run run.

Mẹ tôi đón chúng tôi vui mừng quá đỗi. Các bà bác, các thím tôi đều đến để xem mặt cháu dâu. Ai cũng khen Hồng xinh gái, khỏe mạnh, tướng mạo hiền ngoan. Cái Hằng, em tôi, xung phong đi gặp cô em họ để lo việc mua chiếc đồng hồ báo thức và đi chợ mua thức ăn về đãi khách quý.

Lát sau nó về, một tay cầm cái đồng hồ báo thức mới cứng, một tay lái chiếc xe đạp, hai bên ghi đông treo nào là con cá chép vàng ươm, nào là rau quả với cặp bánh đa vừng. Dừng xe xong, nó vặn dây cót cái đồng hồ cho kêu toáng lên. Nó tranh phần mẹ đi làm các món để đãi chị dâu tương lai. Hồng ngồi chơi một lúc rồi xin phép xuống bếp phụ với em gái tôi.

Không có Hồng, các bác các thím lại tiếp tục khen và hỏi tôi về gia thế của Hồng. Tôi kể, Hồng là con liệt sĩ, đã học lớp 10, là con nhà gia giáo. Tôi giấu nhẹm chuyện Hồng đã có con. Mẹ tôi chỉ ngồi nhai trầu và luôn luôn cười gật đầu. Bà có hơi băn khoăn, sợ là gia đình Hồng không cho cô lấy chồng xa. Tính ra hai nơi đầu huyện cuối huyện đi đường tắt cũng đến hơn ba mươi cây số. Nhưng băn khoăn của mẹ tôi được các bác các thím gạt đi.

Khách khứa về rồi, bữa cơm thịnh soạn đãi khách quý được dọn lên. Mẹ tôi ngồi ngây người sung sướng tiếp miếng ngon nhất cho Hồng và cho tôi. Bà nhìn Hồng đầy yêu thương, tin cậy. Trong khi đó thì Hằng mặt cứ lầm lì, nó lặng lẽ ăn, thỉnh thoảng có tiếp thức ăn cho Hồng nhưng thái độ gượng gạo chứ không nhiệt thành như lúc tôi và Hồng vừa về.

Cơm xong, Hằng nhất định không cho Hồng cùng thu dọn rửa bát. Nó nháy tôi ra sân sau giếng. Nó đập hỏi :

- Anh Vuông! Chị Hồng có vấn đề phải không?

Tôi hỏi:

- Vấn đề gì?

Hằng bấu môi, nói luôn:

- Hình như chị ấy đã có con, em nghĩ thấy toàn mùi sữa từ người chị ấy.

Tôi đành kể nhanh với em gái hoàn cảnh của Hồng, tình yêu tôi mang ân Hồng. Mỗi tình đầu của tôi, mỗi tình xả thân nghĩa cử, đam mê và tôn trọng. Không để cho tôi nói hết, Hằng ngắt lời bằng câu: “Anh không được ấm đầu như thế!”.

Hồng đã đoán ra thái độ của Hằng. Trên đường về, tôi đã kể lại hết với Hồng. Cô rất buồn nhưng lại bảo với tôi, Hằng quyết liệt thế là đúng. Cô không xứng đáng với tôi. Cô không xứng đáng làm dâu gia đình tôi.

Tôi vẫn tiếp tục năn nỉ Hồng bộc bạch hết tình cảm của mình. Dần dần Hồng cũng vui lên. Nhưng khi về đến làng Cổ Lạc thì có chuyện động trời. Cô bạn Cúc của Hồng đã phản bội cô. Hồng đã trao nhầm cái lẩy nỏ thần tình yêu của chúng tôi vào cô Cúc. Cô Cúc đã rĩ tai với nhiều người chuyện Hồng bí mật về chơi quê tôi. Anh Cư cầm cái đồng hồ, vỗ nhẹ vai tôi nói: “Thế này thì công ít tội nhiều rồi!”.

Vài ngày sau, C4 chúng tôi xảy ra hai sự cố. Đại đội trưởng Hớn đi phép thăm vợ ở Quảng Bình về chậm một ngày bị dừng thẳng quân hàm và chuyển đi phụ trách trạm khách của trung đoàn, còn tôi thì được lệnh mang toàn bộ tư trang, giấy chứng nhận cắt chế độ quân nhu về trung đoàn bộ gấp. Đến nơi, tôi được gặp bác chính ủy Hoàng Xuân Đáng. Bác Đáng bảo, tôi sẽ làm cần vụ cho bác và ra đảo. Trên đường đi, bác Đáng nói rõ hơn, em gái tôi đã đến gặp bác, tha thiết đề nghị bác cứu tôi ra khỏi vòng mê muội. Đúng lúc bác Đáng được điều đi làm chính ủy lữ đoàn ngoài đảo, bác mang tôi đi luôn để cách ly và rèn luyện.

Ở đảo bốn tháng tôi viết cho Hồng mười tám lá thư nhưng không nhận được hồi âm một lá nào. Sau đó, đơn vị tôi được vào đất liền để đi B gấp. Từ đấy cho đến bốn mươi năm sau tôi mới trở lại làng Cổ Lạc...

*

* *

Chuông điện thoại reo làm ngắt mạch nghĩ của tôi. Nhìn thấy số của cô Na trong máy, tôi mừng mừng nói:

- Na, à cháu? Bác Vương đây!

Không có tiếng đáp. Tôi nhắc lại:

- Na đâu? Bác Vương, bác Vương đây! A lô!

Có tiếng nói nhưng là tiếng của bà Hồng. Giọng bà run run:

- Chào anh! Cảm ơn anh đã về thắp hương cho bà và mẹ em. Anh đi mạnh khỏe nhé. Thôi, anh đừng về làng Cổ Lạc nữa, anh Vương nhé. Chào anh!

Bà Hồng nói và tắt máy. Tôi vội bấm lại số của cháu Na mấy lần nhưng máy vẫn bị ngắt.

Tôi có buồn nhưng khi định thần lại, tôi đoán ra rằng, ngôi nhà của bà Hồng đã có người đàn ông trụ cột. Có lẽ sự có mặt của tôi, dù là một khoảnh khắc làm khách, cũng không tốt cho cuộc sống gia đình của bà Hồng, nên bà không muốn tôi trở lại làng Cổ Lạc lần nữa chăng? Có lẽ như thế lắm!

Hoa Thanh Quế, 7/2013

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Mùa Mắc Mật - Bùi Thị Như Lan

Năm nào cũng thế, tôi về nhà trúng lúc mắc mật đeo những chùm quả lúc lỉu, vàng ươm trên cành. Quả nào, quả ấy tròn vo to bằng đầu ngón tay mong nước chụm lại. Cây mắc mật cùng tuổi tôi mà cao to sừng sững, ngả bóng rợp góc sân. Vỏ nó xù xì mốc trắng, trên thân chẳng chịt những bụi cây tầm gửi, lá nhỏ tin hin như những vảy cá leo bám. Dưới gốc, rễ lớn, rễ nhỏ cuộn cuộn nổi lên giống con rắn lục gấp khúc chúi vào lòng đất. Mắc mật xanh mượt mát, nảy nụ chồi hoa khi xuân sang, trĩu trĩu quả lúc hè về. Tôi như con chim đủ lớn rời tổ đi xa, còn mắc mật tri kỷ với căn nhà sàn ba gian, cột ngỗm, dựa lưng vào vách núi Phạ Dú, ngọn nổi ngọn dất dứu nhau xuôi mãi về Tả Phìn. Từ trong bụng núi trào ra những mạch nước trong vắt, len lỏi qua khe đá, lần tìm đến nhau, nhập vào nhau, tuôn ầm ầm xuống sau nhà làm thành dòng Nậm Khuổi mềm mại, uốn mình dưới thung vắng.

Cây mắc mật ăn đất núi Phạ Dú, ngâm nước suối Nậm Khuổi cho trái ngon nhất bản Xín Chải. Chị Ngải thường đứng dưới gốc cây, đôi mắt mòng mòng nhìn hút đắm xuống con đường lúc khúc gấp như cái võng, lúc vòng lên như sống lưng con trâu gầy, chờ tôi trở về. Có lần, chị than vãn: “Nhìn cây, mong người, Páo à”. Tôi cúi đầu lặng thinh, mắc mật khẽ chao nghiêng nhành lá, tỏa hương thơm, phả vào từng nếp áo, thấm qua vành khăn chàm, rồi đọng lại trong hơi thở ấm nồng của chị.

*

* *

Nhà tôi có hai chị em. Chị Ngải nhìn thấy mặt trời trước tôi hơn mười con lữ về. Ngày bé tôi như dính chặt vào lưng chị. Mãi đến bây giờ, tôi mới kịp nhận thấy lưng chị hơi chồi lên trong dáng đi cắm cúi lao về phía trước. Ngực tôi chột dội lên, nhói buốt.

Sáng sáng, bầy chim Noộc Phầy lãnh lót cất tiếng gọi dân bản, đánh thức ông mặt trời ngủ quên trên núi Phạ Dú tỉnh dậy. Chị Ngải đeo gùi lên vai. Trong dáng đi tất tả, chị cầm cây sào trúc vàng óng lừa đàn bò lên núi. Tụi bò chen chúc, ào qua suối Nậm Khuổi. Dòng nước bực bội bắn tung tóe, sủi bọt ngẫu đỏ. Lúc ấy, tôi mắt nhắm, mắt mở vì ngái ngủ, ngồi bệt xuống cầu thang nhìn hút theo...

Chiều. Mặt trời kéo mây xuống núi, nắng nhọt nhạt, uế oải xiên ngang cây rừng. Trên lưng chị khi đeo gùi sắt, gùi ngô, lúc lại là bó củi to gấp mấy lần tôi. Gạt những giọt mồ hôi lăn tròn trên má, chị nhấc bổng tôi lên, dúi chiếc cằm thon nhỏ, trắng như bông nẹp vào bụng tôi. Hai chị em tôi cười nắc nẻ...

Mùa trăng về. Chị Ngải cõng tôi xuống bãi đá ven bờ suối chơi. Tay tôi túm mớ tóc đuôi gà đỏ hoe, khét nồng mùi nắng của chị giật giật, hét tướng lên: “Nhoong... nhoong... nhoong”. Tiếng tôi được lèn chặt trong tiếng kêu rỉ rả, ẩm ướt như sôi lên của cả cộng đồng ếch nhái. Điều làm chị em tôi ngạc nhiên là trăng ở bản tôi sáng lắm. Trăng ngoi lên từ lòng núi, cười mâm vàng, sà xuống mặt suối Nậm Khuổi. Trăng đi, trăng thở, trăng bơi lội trong dòng nước tuôn chảy... và tụi ếch nhái đua nhau kêu lên như phát cuồng. Những âm thanh “oồm... oộp” lúc hồi hả quẩn rít, lúc rời rạc rền rĩ, lúc say sưa khao khát, lúc đột nhiên ăng xuống... Chị Ngải vẫn nhẫn nại bò lổm ngổm để tôi hò, tôi hét, tôi nhảy chơi chơi trên lưng gầy, ướt dượt mồ hôi của chị. Đầu gối, bàn tay chị trầy trập, rớm máu, là lúc tiếng khèn lá, tiếng hát giao duyên gọi bạn từ bên kia bờ suối thông thả cất lên. Khuôn mặt chị tôi thoát ửng hồng, ngời ngời như được dệt bằng luồng sáng huyền ảo. Giây lát ấy, tôi ngỡ tưởng chị là nàng tiên núi vừa bước ra từ thế

giới cổ tích mà đêm đêm chị vẫn kể cho tôi nghe. Chị tôi kể nhiều chuyện lắm, giọng chị ấm áp vời vời. Nhưng, tôi thích nhất chị kể chuyện về bố, mẹ tôi.

... Ngày mẹ sinh tôi, bố từ đơn vị trở về, bộ quân phục bạc màu đỏ đất bụi đường. Bố với tay cuốn chiếc khăn chàm lên đầu, xách ống bương ào xuống suối, lội ra giữa dòng. Nước lú rú, xúm xít vỗ về chân bố. Bố lăm nhăm: “Ồi, dòng suối sinh ra từ núi lớn, người cho con sự tinh khôi của đất trời, người ban cho con giọt nước đọng đầy hồng phúc để con tắm rửa con muợn mần, cho nó vững chân, khỏe tay, mang vóc dáng uy nghi của núi, cái tâm trong bụng nó sáng như dòng nước đầu nguồn chảy mãi không gợn đục”. Bố nói thế rồi thong thả vục ống bương lấy đầy nước mang về. Chị Ngải đun nước vào chiếc nồi đồng. Nước chạy lòng vòng, nắm tay nhau nhảy múa, réo sôi lóc róc, dâng cao như muốn trào ra miệng nồi. Trong buồng, mẹ chồm dậy, búi chặt thắt lưng chàm. Từ trong tiếng nước đổ ào ào, xối xiết, có tiếng trẻ khóc “... oa... oa... oa...” chào đời. Chị Ngải nhảy từng từng reo to: “Em trai”. Sàn nhà lát bằng mai rung lên dưới chân chị, phát ra tiếng kêu: “Két... buum... phùm... phùm...” như tiếng trống ngày hội. Đứa trẻ đỏ hỏn, nhăn nheo, bé bằng bắp hoa chuối rừng ấy là tôi. Bố bế tôi trên tay, kỳ cọ trôi đi chín tháng, mười ngày bưng bít, rồi hoan hỉ cho núp nhau của tôi vào ống bương. Đôi tay to khỏe vòng lên, từng mảng đất núi đỏ sậm lật ra. Bố chôn chặt ống bương đưng núp nhau của tôi xuống góc sân, trồng cây mắc mật lên trên.

Cây mắc mật được chọn làm “cây vía” của tôi mập mạp cao hơn gang tay, có ba lá mầm bé xiu, xanh mướt như mắt chim cú mèo. Bố bảo: “Ngải à, cây mang hồn người, nó cần uống nhiều nước đấy”. Chị Ngải di di ngón chân xuống gốc cây ngập ngừng: “Pá à, cái cây của con đâu?”. Thoáng chút ngỡ ngàng, bố ôm chị vào lòng trả lời qua quýt: “Ờ... ờ... ngày ấy, pá không có nhà”. Chị bỗng òa khóc tức tưởi. Tiếng khóc như muốn xé da, bứt thịt. Bố nén tiếng thở dài trong ngực. Không khí ngột ngạt, bức bối. Như chợt nghĩ ra, bố quày quả đánh búi sả non tơi, tròn đầy trồng quây quanh cây

mắc mặt. Khẽ vuốt tóc chị, bố bảo: “Cây sả của con, mắc mặt của em Páo. Con lớn hơn ở ngoài”. Cho đến tận bây giờ, bố tôi là người duy nhất “phá” lệ bản, trồng hai cây như thế. Ở Xín Chải, tục lệ sinh con trai trồng cây bên trái nhà, sinh con gái trồng cây bên phải. Từ ngoài bờ rào đi vào, nhà nào đông con nhìn hàng cây thì biết, không cần phải hỏi chủ nhà. Mỗi cây là một núm nhau của đứa trẻ. Cái cây mang hồn người, đứa trẻ khỏe cái cây xanh tốt, đứa trẻ ốm yếu cây còi cọc, quặt quẹo, còi cọc. Cây cao sần sần bằng nhau là chủ nhà đẻ dày. Cây lớn vồng lên, đứng bên cây thấp lè tè là đẻ thưa.

Mế sinh tôi, bố ở nhà tranh thủ lụi hụi sửa chuồng bò, đóng lại cái cần cối giã gạo ngoài bờ suối. Những ngày bố đi vắng, cần cối gãy chổng chơ nằm đấy. Mế không muốn đi giã gạo nhờ, phiền lắm. Mế phải giã bằng tay cả buổi mới được cối gạo. Chị Ngải ăn cơm là nuốt cả vị mặn mòi mồ hôi của mế. Nhà vắng đàn ông khổ thế. Việc gì cũng đến tay mế. Trong họ, ngoài bản có đám, bố không ở nhà thì mế phải đến rồi. Có việc lớn không được nói, chỉ biết nghe. Đàn bà mà. Khổ nhất là lúc tôi còn ngồi trong bụng mế. Đám cưới làm dâu, làm rể không sao, nhưng đám khóc đưa người vào trong lũng mả phải kiêng. Cái ma người chết không cho đàn bà đeo bụng vào. Biết thế, không đi không được. Thường thì, mế dắt chị Ngải đến cổng nhà đám, nấp ngoài ngõ để chị Ngải vào cho người chết nhận mặt. Có người không biết thả lời nói ác: “Không biết ăn ở”. Lời nói khắc chạy vào tai mế. Đêm, nước mắt mế ướt đầm má chị Ngải. Mế nghĩ nhiều, người gầy như con ve “tua bua” qua mùa hè, đuôi mắt hằn cộm vết chân chim. Những chuyện ấy mế không nói mà bố tự biết. Bố chép miệng: “Mọi chuyện rồi cũng qua ngay thôi”.

*

* *

Chị tôi kể tiếp.

Ngày cúng đầy tháng tuổi của tôi, trai gái trong bản í ới gọi nhau kéo đến nhà đông lắm. Hộ đồ xôi đi làm bánh dày. Ở bản nhà nào có việc cũng thế cả. Khi cái chõ lớn đồ xôi được bắc lên trên bếp, là lúc những câu chuyện cháy theo ngọn lửa. Trai gái gần nhau, cái mắt đắm đuối, cái miệng rì rầm như nước chảy trong lòng suối.

Cứ như vậy, đến lúc mặt trời lừng chừng tầm bản nỏ, xuyên nắng qua đọt lá, rắc những vệt vàng xuống lưng áo chàm, người già mừng trên, bản dưới mới kéo đến đầy sàn, chật sân. Mọi người nói chuyện ồn ào như sóng nước vỗ bờ đá. Từ giữa sàn có tiếng ai đó thùng thảng cất lên: “Bộ đội Pính à, có con trai ở nhà lâu chăm nó, mà đi nó buồn không tốt đâu”. Bố tôi cười, mọi người cười theo hỉ hả. Tôi giật mình khóc ré lên: “Oa... oa... oa...”. Vừa lúc ấy, vượt lên tiếng khóc của tôi, ngoài sân vang lên nhịp chày đôi gõ vào máng gỗ: “Kum không! Kum không! Kum không!...” ngân dài, vọng vào núi, dội xuống cây rừng, lướt theo gió, thoát khỏi mọi sự gò bó, nổ tung thành làn điệu trong trẻo, báo tin: “Oĩ, dân bản gần, bản xa, một hình hài, một sinh linh bé bỏng, uống nước của núi, thở hơi của rừng được đầy tháng tuổi”. Trai gái dàn hàng ngang, mặt đối mặt, chày chen chày giã bánh. Tiếng chày nhịp nhàng xoắn xuýt rộn lên cuồng nhiệt. Những câu chuyện bén duyên đậm đà trong nhịp chày bay bổng. Trên ban thờ, bánh dày nhuyển mịn được bày lên, mâm trắng là mặt trăng, mâm đỏ tượng trưng cho mặt trời. Hai cặp bánh dày, nửa đỏ, nửa trắng, nằm trên mâm xôi hồng. Cạnh đấy cây hoa ngũ sắc tỏa hương. Mọi người hoan hỉ, đôi mắt đổ dồn hướng lên ban thờ như cùng thốt lên: “Hỡi những người đàn ông, đàn bà, con trai, con gái mừng trên, bản dưới, ời những mái đầu tóc ngả trắng như ngàn mây, đến thẳng bé con đỏ hỏn, miệng ngậm bầu sữa nằm trong vòng tay ôm ấp của lòng mẹ kia. Mặt trời đổ nắng cho cây lúa trĩu bông, đơm bông, kết hạt. Mặt trăng tỏa sáng cho đất lên hương, cho hơi sương thấm đượm, hội tụ trong hạt lúa. Ngày qua ngày, theo dòng mồ hôi mặn mòi mưa nắng, làm nên chất dẻo thơm trên mâm bánh dày. Đôi mắt bánh nửa đỏ, nửa trắng kia, là bầu vú căng sữa ngọt ngào của mẹ nuôi con lớn khôn. Con ngậm vào núm vú mẹ, uống những chất tinh khiết từ dòng máu

nóng trên tấm ngực hồng. Lớn lên, con đem trí tuệ mẹ cha chăm bẵm, dâng lên bản mường, ngọn núi, nở muôn vàn cỏ hoa. Con người, cuộc sống của con cắm rễ vào lòng đất, nơi giữ kín núp nhau mẹ dứt ruột nuôi con, nhắc tâm con luôn hướng về cội nguồn. Dòng nhựa tràn trề sinh lực đang chảy trong “cây vía” ngoài kia, theo bước chân con nổi niềm vui dòng tộc...”. Cùng lúc, bố đón tôi từ trong lòng mẹ, bước chắc nịch xuống cầu thang, ra bãi đá ven suối cho tôi được tắm nắng. Chị Ngải dâng dải lụa hồng, vắt qua người chị, quấn lên người tôi, quàng vào vai bố, như muốn nói: “Dòng máu trong chị, trong tôi là sự chặt chiu, hòa quyện của dòng máu pá, mẹ sinh thành”. Bố áp miệng vào má tôi thầm thì: “Con trai! Ngày mai con sẽ chập chững bước đi đầu tiên, ánh sáng mặt trời sẽ dẫn lối cho con”. Trên vòm mây màu sữa, mặt trời đỏ rực bỗng nhô ra nheo mắt như cười, những viên đá dưới lòng suối ngậm nắng vàng óng lên.

Đêm. Tiếng nước suối thủ thi, tiếng côn trùng da diết hòa cùng tiếng thảng thốt của con vạc đi ăn đêm gọi bầy, tạo thành giai điệu bí ẩn. Bố tôi cho thêm củi vào bếp. Ánh lửa bập bùng, nhảy nhót trên khuôn mặt khắc khổ, ưu tư. Bố bảo: “Mế cái Ngải à, ngày mai tôi đi”. Mế dân dân nước mắt: “Hết giặc rồi, pá Ngải bỏ súng về làm nương nuôi con thôi”. Mặt bố sầm lại, tiếng bố xót xa: “Giặc hết nhưng còn nhiều cái ác, bộ đội còn việc cần làm mà”. Mế nín lặng, hơi thở nóng ngọt ngạt, bụng mế chột dội lên cơn đau như có cối đá đè.

Từ lúc mế sinh tôi, cái miệng mế như đốt lửa, người xanh màu lá. Có con gì đấy lớn lắm, âm ỉ trườn trên bụng mế. Nó giãy, nó đập, nó cắn xé làm mế thi thoảng đau từng cơn dữ dội. Mế cắn chặt răng để không bật lên tiếng kêu, người khẽ gập lại. Mế cố giấu bố tôi. Đau trong người cất kín để bố đi xa cái bụng không lo. Giấu mãi, tránh mãi, ồm lay lắt mãi, đến lúc bố tôi đi được hơn một mùa lúa chín thì toàn thân mế nóng hầm hập như cái bếp đầy than. Những cơn đau cứ dày lên, quặn thắt. Mế tôi vật vã hai tuần trắng. Trên núi có lá thuốc gì cũng uống rồi, trong nhà có con lợn, con bò lần lượt đưa lên mâm cúng hết. Nhưng, đã quá muộn. Đôi mắt mế nhìn chị

em tôi như muốn nói điều gì đấy mà không kịp, cái miệng mẹ cứng lại. Một chiều giá rét, gió lạnh lồng lên rú rít, mẹ bỏ chị em tôi mà đi... Tôi ngẩn ngất khóc trên bầu vú lạnh cứng, loang lổ vết sữa khô của mẹ... Chị Ngải ôm mẹ, ôm tôi tức tưởi.

Đêm hoang vu. Thăm thẳm. Tiếng khóc của tôi xa xa như muốn xé rách màn đêm. Tiếng khóc lúc duềnh lên nhức nhối, lúc dệp xuống nỉ non. Chị Ngải vạch áo, chĩa đầu vú chỉ nhỉnh hơn chũm đào của đứa trẻ mới lớn nhét vào mồm tôi. Tôi chầm bập mút, nín được một lúc lại ra rả khóc. Người già trong bản nghe tiếng khóc, chép miệng: “Thằng bé nhớ mẹ. Rõ khổ!”.

Ngày nối ngày qua đi. Thấm thoát đã sáu mùa mắc mặt trôi qua, tôi phồng phao, lớn bồng lên trong muôn nỗi đắng cay, vất vả của chị Ngải.

Một buổi tối, chị đơm đầy bát cơm to giục tôi: “Páo à, em ăn cơm thôi, chị còn tắm”. Ăn xong, tôi nằm lăn bên bếp lửa ấm áp ngủ một giấc. Trẻ con là thế, dễ ăn, dễ ngủ. Bất chợt, tiếng chuột chí chóc cắn nhau trên mái nhà làm tôi giật mình thức dậy. Chị tôi đang trệu trạo ăn sẵn với canh rau bò khai. Thì ra, những năm tháng qua, chị ăn ngô, ăn sẵn, khi đói, lúc no, chắt chiu dành phần ngon cho tôi... Tôi nào có biết! Nước mắt tôi chợt trào ra mặn chát, tôi thầm gọi bố: “Pá ơi... pá về thôi!”. Trong đêm tối, tôi trần trọc không sao ngủ được. Lần đầu tiên, tôi biết đêm mông mênh, dài vô tận.

Tết Thanh minh năm ấy, trời rắc mưa nhỏ li ti như bụi phấn. Hai chị em tôi cùng đoàn người đi vào lũng mả. Tết Thanh minh là ngày tảo mộ. Ngày này cửa mả mở để cái ma người chết về sum vầy cùng con, cháu. Mỗi năm cửa mả mở có một lần. Dòng họ nào nhiều mộ phải đi từ sớm để người dưới âm lên lâu hơn, chơi nhiều hơn. Ngày tảo mộ, con cháu các dòng họ xa, gần đều biết đường mà về. Cây rưng về cội, ăn ở cốt cái tâm, cái đức, thế nên ngày tảo mộ đông vui hơn ngày hội.

Trong lũng mả, nhiều ngôi mộ mới mọc lên như nấm gập mưa, nhìn xót xa lắm. Dòng họ nhà tôi, mỗi năm thêm một vài mộ mới. Đến từng ngôi mộ, ké Sính trưởng họ kể lại cho hậu thế biết người ở dưới mộ đã sống như thế nào.

Nhiều chuyện lắm, năm nào cũng thế, nghe mãi không biết chán. Bao giờ câu chuyện cũng bắt đầu từ mộ cụ tam đại họ Liềng và kết ở mộ phần gia đình tôi.

Khi những đốm nhang cháy đỏ thơm mùi trầm, những lá cờ phướn bé xíu lật phật bay, hương rượu ngô thoang thoảng trên các ngôi mộ, ké Sính bắt đầu cất giọng trầm, buồn...

Có lẽ, chuyện không dài ra, nếu mẹ chưa vội bỏ chị em tôi để nằm ngủ dưới ngôi mộ đất chưa kịp lèn chặt lại kia. Mọi người lặng lẽ trước vòng hoa oan nghiệt. Nước mắt từ trong im lặng bật trào rưng rưng... Những tiếng thở dài sâu hút nhất loạt hắt ra. Ngột ngạt quá. Ké Sính phá tan nặng nề bằng tiếng héo hắt: “Ông “phạ” sinh mỗi người một phận, sao cái phận của vợ Pính ngăn thế? Khổ thế?”. Tưởng như những bí mật theo mẹ tôi đi vào cõi âm rồi, thế mà, trong phút chốc không kìm nén được, câu chuyện từ thời xa lắc bỗng nhất loạt cháy lên trong lời kể của ké Sính.

... Mẹ tôi về làm dâu họ Liềng chưa đầy tuần trăng mật thì bà nội mất. Đám cưới mẹ là đám cưới chạy tang. Rễ có một cội, cây có một cành, lấy dâu về bà nội mới yên lòng nhắm mắt. Làm ma cho bà xong, cái miệng nói lời còn ngại, bố tôi vội lên đường vào miền Nam đánh giặc. Ngày bố đi, ông trời đổ mưa to, cây cành nghiêng ngả, sông nước. Mẹ đưa tiễn bố đến ngang đèo Pí Tèn, nơi có ngôi chùa lặng lẽ ẩn mình dưới rừng cây dẻ cổ thụ thì dừng lại, ngậm ngùi: “Con sóc không quên hang cũ, anh đi nhớ lối về”. Đột nhiên, trong ùng oàng, chan chát của sấm chớp, vọng lên tiếng kêu khóc của trẻ thơ vang ra từ mái chùa hoang vắng, rêu phong, bốn bề trống trải, gió lùa. Tiếng khóc yếu ớt như quần lầy đôi vợ chồng trẻ mà níu gọi. Trên nền đá ẩm ướt, dưới chân bệ đá của Phật bà Quan âm đại từ, đại bi,

một bé gái nhỏ nhoi bọc trong mảnh vải chàm cũ đang run lên, tím tái. Đôi bàn tay con bé bị dị tật, bàn tay có sáu ngón. Đứa bé ấy là chị Ngải.

Người họ Liềng đổ dồn tội lỗi lên đầu chị tôi. Họ ồn lên, cho rằng, vì nuôi chị, cái người dòng họ khác, nên linh hồn mẹ tôi phải sớm già biệt nơi trần thế. Nỗi đau phồng rộp, bỏng rát cào xé chị tôi. Chị đã biết vì sao “cây vía” mang nóm nhau của chị không có trong vườn nhà. Run rẩy, khụy xuống, chị úp mặt vào vòng hoa đá cồn quặn, thốn thức... Rất lạ! Trên mộ mẹ, chân nhang bông bùng bùng phát hỏa, cháy rừng rực xua tan hơi đất âm u, lạnh lẽo.

Chiều, chiều. Mặt trời đội mây, nghiêng núi rơi về phía tây, chị Ngải lững thững dắt tôi lên chùa. Mặc cho tôi hò hét chơi trò tụt dốc, đuổi bắt cùng lũ trẻ trong bản, chị ngồi thần thờ dưới chân Phật bà Quan âm, nước mắt tràn ra, tràn ra mãi. Trong tay chị chùm hoa dẻ bị xé nát, tươi tắn... Cứ thế, đến lúc sập tối, trời như trùng xuống thấp, những ngôi sao rực cháy trong nền trời sũng ướt sương đêm, tụi trẻ đứa nào, đứa ấy tản về nhà, còn lại hai chị em tôi. Chị giục: “Về thôi!” mà chốc chốc còn ngoái đầu lại, chị mong bố về...

Một buổi tối, trong ánh đèn dầu hiu hắt, đột nhiên tôi hỏi chị: “Em có giống pá không?”. Chị thảng thốt: “Giống lắm! Em giống hệt pá mà”. Tôi cầm chiếc gương tròn bé xíu như chiếc nắm trăng trong vắt, xăm xoi như khuôn mặt mình, rồi ngắm tấm ảnh bố trên chiếc khung treo trên vách. Bố tôi mặc quân phục,

mắt ánh niềm vui, mỉm cười... tôi chợt thấy lòng mình ấm áp.

Cho đến một ngày, bố tôi không bao giờ trở về với chị em tôi được nữa. Hôm nhận giấy báo tử bố tôi, người trong bản đổ dồn về nhà tôi. Trời đất quay cuồng, vật vã... Bên tai tôi văng vẳng: “Đồng chí Pính đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ rà, phá bom mìn trên vùng đất Tây Nguyên”.

Không! Không! Pá tôi không chết! Pá tôi sẽ trở về... Chị tôi hét lên như thế rồi ngất lịm...

Trước ban thờ, người tôi rung lên như chim non gặp bão... Bố, mẹ tôi trong ảnh qua khói nhang khi tỏ, lúc mờ nhìn hai chị em tôi như muốn nói: “Nín đi các con!”. Gió ào ạt tràn về mang theo cái lạnh buốt. Lá mắc mật bứt khỏi cành, bay chấp chới, rồi khê khàng buông lơ, rơi kín mặt sân...

*

* *

Ngày tháng trôi nhanh như gió cuốn. Năm tôi mười ba tuổi, cây mắc mật đang độ sung sức cho quả sai trĩu trĩu. Bóng nó đủ để tụ trẻ trong bản tụ tập dưới gốc chơi trò “lày cỏ”. Những búi sả quanh mắc mật bén hơi người xanh mướt mát, trên ngọn bùng nở chùm hoa tím tím, cánh hoa mỏng mảnh, tròn như cúc áo bé xiu. Trong bản, nhà nào cũng trồng sả quanh bờ rào, không ai trồng dưới gốc cây. Trồng sả ngăn rắn rết vào nhà, lấy hương thơm lên tóc đàn bà, con gái. Búi sả to đến đâu cũng chưa bao giờ trổ hoa. Ké Sính lộc cộc đôi guốc tre, chống gậy sang nhà tôi, ké ve vuốt hồi lâu những cánh hoa mềm mại, nói với hai chị em tôi: “Hoa nở báo tin vui đấy”. Chị Ngải thướt dài, tiếng thở mỏng nhẹ như gió thoảng.

Lời ké Sính thật hiệu nghiệm. Tháng bảy, mắc mật chín vàng, xòe tròn như ngàn vạn con công vít cong cành nhảy múa. Trên Ban chỉ huy Quân sự huyện đưa giấy báo, tôi được tuyển thẳng vào học Trường Thiếu sinh quân Việt Bắc. Chị Ngải tôi trong bụng vui lắm. Dịp ấy trúng vào rằm tháng bảy, trong nhà có hột gạo nếp nào, chị đem hết ra gói bánh “coóc mò” (sừng bò), lấy hũ mật ong để dành trên gác bếp xuống, mời mọi người trong bản, mừng tôi được đi học. Chị tôi bảo: “Hai chị em mang bánh lên chùa thắp hương”. Trên chùa bây giờ có nhà sư mặc áo nâu sồng đến trụ trì, cầu phúc cho dân bản. Tiếng mõ, tiếng kinh đều đều xua tan cõi thâm u, cô tịch. Chị tôi dâng hương, lặng lẽ chấp tay trước cửa tam bảo, mắt ầng ậng nước...

Khuôn mặt phúc hậu của sư thầy thoáng nhợt nhạt, đôi mắt bà nhìn thật lâu vào bàn tay thon nhỏ, sáu ngón của chị tôi, miệng khe khẽ mấp máy: “Mô Phật! Ún... ún tiểu...”. Tôi chợt thấy vị sư và chị tôi sao giống nhau đến thế? Lòng tôi cồn lên nỗi khắc khoải.

Mới chớm thu, trời đã se lạnh. Gió hiu hiu lẫn trốn trong vòm lá, gió lùa hơi sương vào trong nhà, đẩy ngọn lửa liếm chân kiềng bập bùng. Chị tôi nước mắt rơi lã chã, ướt đầm vạt khăn, đeo túi chàm vào vai tôi, chị dặn: “Páo à, em đi “bộ đội bé” thì tốt rồi, học nhiều chữ, lấy khôn vào đầu rồi về dạy chị cách xem quẻ chữ...”. Tôi chợt mím chặt môi để không bật lên tiếng nấc. Đâu đó, xào xạc, bỗng bình trong hơi thở của đất trời có tiếng mõ đều đều, tiếng kinh cầu nhẹ êm, dịu dặt vọng ra từ ngôi chùa như khúc hát ru vọng về...

*

* *

... Một mùa mắc mật lại đến nhuộm vàng Xín Chải. Tôi về đến nhà trời vừa sẩm tối. Trăng nhô lên khỏi bụng núi rắc ngàn tia sáng mỏng mảnh lòa mặt suối, tụi ếch đồng thanh cất lên bản hoan ca “... oôm ộp... oôm ộp...”. Đã nghe tiếng hát trầm bổng, da diết vắt qua núi gọi bạn gái. Chị Ngải mừng rỡ: “Em Páo! Mong mãi đỏ cả con mắt”. Tôi cười: “Bây giờ em mới thi xong mà”. Chị ngấm tôi xuýt xoa: “Em mặc quân phục đẹp quá đi thôi”.

Đêm yên tĩnh, nghe tiếng một nghiêng gỗ trèo treo trên xà nhà. Sau tuần chè dây ướp lá mắc mật ngọt lịm, thứ chè chỉ có ở Xín Chải, ngoài bờ rào đá nhà tôi bỗng réo rắt vang lên tiếng hát gọi bạn gái. Tiếng hát ấy ở gần lắm, như thôi thúc, như mời gọi: “... Em ơi, yêu nhau cây mía rừng cũng ngọt. Em không chê anh nghèo, anh xấu, anh nhờ người đến đặt coi trầu...”. Tiếng hát giao duyên ngân nga bay lên không gian vời vợi, lay động cả vàng trắng bỗng bình.

Không biết từ bao giờ, chị Ngải tôi bỗng nhiên đẹp lạ kỳ. Cái đẹp thoát ra thẳm kín từ lời nói, bước đi, từ đôi mắt tròn đen thăm thăm mặn mà. Ánh mắt tui con trai xoáy mãi vào cái cổ ba ngón trắng ngần màu hoa bột bông mà mơ tưởng, đắm đuối. Nhưng, biết bao con trăng đi qua, bao mùa rẫy đã tàn, lâu lắm rồi chị tôi không hò hẹn, không trao khăn thêu cho người con trai nào.

Trăng lênh loang sáng. Bản chìm trong yên ả nghe rõ tiếng nước thở dưới lòng suối. Quanh nhà rộn lên tiếng hát réo rắt. Từ dưới gầm sàn, tiếng ầm ì, ù, ù... cất lên. Tiếng cối xay. Chị tôi vòng người xay ngô, chiếc cối nặng thế mà cứ xoay vù vù. Đêm nào cũng thế, hết quấy tấu ngô là quấy tấu lúa. Hết ngô, hết lúa cho lỗi ngô, cho đá sỏi vào xay. Tai chị bịt kín khăn. Chị tôi không muốn nghe lời hát. Chị sợ...

Trăng đêm dát bạc đổ tràn vào người chị. Đôi má chị chín đỏ, mồ hôi, nước mắt tong tả đầy vơi lòng cối. Tôi lôi chị ra, người chị nóng bỏng, hơi thở cũng nóng, chị nức nở: “Em... em còn nhỏ... chị... chị...”. Ký ức chợt ủa về, lúc rõ ràng khúc triết, lúc mờ ảo mộng lung. Vì tôi, chị lặn lội âm thầm nhường tất cả những tươi tắn cho tôi, nhận về mình sự héo úa...

Tôi nuốt sâu vào ngực hơi thở nóng hầm hập của chị, chạy ào ra rút then cổng. Người con trai ngưng hát từ bao giờ, áo quần, đầu tóc rối bù ướt sũng sương đêm, mặt anh bọt bọt trong ánh trăng. Tưởng ai xa lạ, thì ra anh Lầu, người cùng bản thôi. Tôi cầm tay anh: “Anh à, vào nhà chơi”. Chẳng biết đêm ấy, hai người nói gì mà sáng ra, chị tôi vui đấy mà thoát buồn đấy. Có điều lạ, lâu rồi chị mới mang vải ra thêu. Những sợi chỉ xanh đỏ nhảy nhót trên tay chị. Tôi biết chị thêu khăn, thêu gối... Chim rừng từng đôi đậu xuống mặt vải như muốn cất tiếng hót chia vui với người con gái...

*

* *

Cuối mùa mắc mật, sau mắt lá còn đôi chùm quả chín muộn đung đưa trên cành. Gió lạnh từ lưng núi tạt về kéo những bông hoa sả cánh tím nhè nhẹ bay. Tôi lại ra đi. Chị Ngải đứng dưới gốc cây cổ giầu đi tiếng thở dài. Chị ấn vào tay tôi chùm hoa sả tím tím tỏa hương nồng nàn: “Mùa sau em nhớ về...”. Mắt tôi cay nồng. Tiếng đá ràn rạt vạy mình như muốn nứt ra dưới bước chân trĩu nặng...

Thấp thoáng phía chân trời, bầy chim noộc phầy chao cánh riu rít gọi mặt trời lên.

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Dòng Sông Tuổi Thơ - Trần Đức Tĩnh

Về đến đầu làng, tôi tắt máy, dắt “con” Loncin đi theo lối nhỏ. Đêm đã khuya. Làng im lìm, chìm sâu vào giấc ngủ, một vài ánh đèn bảo vệ hiu hắt tỏa ánh sáng ra các lùm cây xung quanh. Tiếng chó sủa óc ách báo hiệu có người lạ...

- Bố ơi! Mở cửa cho con.

- Tấn đây hả? Sao về đêm hôm thế này?

- Có việc đột xuất ạ.

Độ này tính khí bố tôi thay đổi nhiều, ông cụ quan tâm săn sóc con cái hơi “bị” kỹ.

- Còn cái gì ăn nữa không hả bố?

- Chiều có cá kho.

- Ôi, tuyệt vời.

Tôi thích nhất món cá kho. Đi bộ đội suốt bao nhiêu năm, từng ăn nhiều nơi nhưng chẳng ở đâu tôi được ăn món cá kho ngon như mẹ tôi vẫn làm. Cá tươi rán qua, cho một số lá gia vị trong vườn, đun nhừ để ăn hai, ba bữa...

Tôi lừa một loáng sạch bách nồi cơm nguội.

- Về có việc gì? Sao không báo trước cho bố biết?

- Con đi xác minh lý lịch, tranh thủ ghé qua nhà, sáng mai lại đi.

- Thôi, ngủ đi kéo mệt.

Sau một ngày quăng quật trên quốc lộ 2 đang nâng cấp, đất đá lộn nhon, người tôi thấm mệt, quần áo bụi đỏ au, đầu tóc bơ phờ. Tôi thay quần áo, lên giường cố chợp mắt để lấy sức tiếp tục hành trình cho ngày mai. Trong nhà vẫn bộ bàn ghế cũ, vẫn cái giường dể quạt cũ từ ngày bố mẹ tôi cưới nhau. Tôi nhắm mắt nhưng không ngủ nổi. Ký ức tuổi thơ đánh thức tôi...

... Tôi có đệ tử trung thành là con chó Vện. Con chó Vện là giống chó vùng cao. Mẹ tôi đi chợ Chiêm Hóa mua nó về từ hồi còn bé tí. Trông nó vẫn vện như con hổ con, dáng đi lùn cùn, nhìn thấy người là ngoáy đuôi tít mù làm cả nhà ai cũng thích. Tôi đặt tên nó là Vện. Con Vện lớn nhanh như thổi, chẳng mấy chốc đã trở thành chú chó khôn ngoan, một trợ thủ đắc lực của tôi. Đôi tai nó vểnh cao như hai cánh ra đa bắt sóng, tư thế nằm phục kê hai lỗ mũi phập phồng lên hai chân trước, đôi mắt lim dim lúc nào cũng sẵn sàng đợi lệnh xuất kích. Tôi chỉ cần xách súng cao su là nó nhào dậy theo sau. Con Vện nghe chửi cũng biết ý, tôi đi một bước là nó theo một bước, tôi chỉ tay “suyt” là nó lao lên tấn công phía trước. Mỗi lần tôi hạ được chú chim sâu hay chào mào là nó được món mồi đánh chén ngon miệng...

Cũng may nhờ có con Vện mà tôi đã một lần thoát chết. Hôm ấy đi học về đến ngõ tôi thấy có bầy chim chào mào kêu rúc rích. Quăng cặp sách, tôi vợ vội súng cao su trong ngăn kéo bàn, chạy ra ngoài góc sân vốc nắm sỏi cuội bỏ vào túi, rón rén lần theo tiếng kêu của bầy chim chào mào đã đến góc vườn nhà cái Quỳnh. Bố cái Quỳnh là người khó tính nhất làng. Ông không có con trai nhưng cũng không thích những thằng nghịch ngợm như tôi. Đứa nào chẳng may bắn súng cao su làm đạn rơi lốc cốc lên mái ngói là ông truy tìm cho bằng được để thu súng cho bỏ tức. Biết thế nhưng

mấy chú chim chào mào đã khiến tôi liều lĩnh chui vào vườn nhà cái Quỳnh...

Tôi là một trong những tay súng cao su “thiện xạ” nhất của làng. Đối tượng tiêu diệt của tôi là những chú chim sâu vô tội nhảy nhót trong vườn, khi không có chim thì tay súng chuyển sang bắn lén những chú chim câu, gà con vô tư nhặt thóc trên đường làng, thậm chí là... mông những đứa con gái đạp xe qua đường.

Thường thường muốn bắn được nhiều chim phải ra khu bờ sông. Từ nhà tôi ra bờ sông đi bộ chừng năm trăm thước là đến bãi ngô. Gần bãi ngô là nhà bà Tư An. Nhà bà Tư An giàu có nhất trong làng, có cổng sắt, sân gạch, xe cub... Con Vện của tôi rất sợ mỗi khi đi ngang qua nhà bà Tư An vì nhà bà có con chó béc giê to như con nghé. Con béc giê là giống chó Đức, do con trai bà mang từ thành phố về. Nó rất hung dữ và cực kỳ trung thành với chủ. Con chó Vện của tôi nhìn thấy con béc giê là cúp đuôi chạy thật xa, không dám bén mảng đến gần. Tôi cũng mấy lần suýt bị con béc giê đớp toạc đùi vì bênh vực cho con Vện. Tôi căm tức con chó béc giê và chửi rủa nó là đồ chó còn sướng hơn cả người, mỗi ngày ăn hết hàng cân thịt, lại chẳng phải làm gì. “Đã thế tao sẽ cho mày biết tay”. Tôi nướng quả đu đủ nóng, cuốn giẻ đút trong túi. Khi đi ngang qua nhà bà Tư An (lúc bà đi vắng), đợi con chó béc giê lao tới, tôi tung quả đu đủ nóng trước mõm nó. Con béc giê lao vào đớp phập một cái rồi rên ư ử, cúp đuôi chạy thẳng vào nhà.

Kể từ khi con béc giê ăn phải đu đủ nóng rụng răng, nó không còn “vũ khí” để tấn công, trở nên dẹt dẹt, nhút nhát như loài chuột, thấy động là chui tọt vào gầm giường trốn. Con Vện của tôi được đà oai phong, hiên ngang đi qua nhà bà Tư An. Bà Tư An biết được chuyện chó nhà bà bị ăn phải đu đủ nướng, nhưng không biết đứa nào là “thủ phạm”, tức tối chửi đồng: “Tổ sư cha đứa nào, con cái nhà nào cho chó bà ăn mượp nướng làm nó rụng cả hàm răng, đồ ác ôn, đồ vô giáo dục. Ông bà, tổ tiên nhà nó chết không

nhằm được mắt”. Bà Tư An có tiếng ngoa ngắt từ xưa đến nay. Nhà bà có cửa là do con trai đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài gửi về. Từ ngày có cửa bà càng được đà vênh váo, khoác lác. Tụi trẻ bọn tôi rất ghét cái cung cách, điệu bộ cách ăn ở của bà. Buổi tối, khi nhà bà Tư An đóng cửa đi ngủ, tụi tôi rủ nhau mang cứt trâu bôi đầy lên cánh cổng sắt, trát kín xung quang ổ khóa. Sáng dậy, cô con dâu đi làm sớm thò tay vào ổ khóa mở cổng, bị cứt trâu dính vào, phải thay áo khiến muộn giờ làm việc mà không dám ca thán ai. Chúng tôi lấy điều đó làm vui.

... Tôi giương súng lên định bắn thì phát hiện ra gia đình nhà chào mào đang quây quần bên chiếc tổ rác xù xì, có tiếng chim non đang đòi mẹ mớm mồi kêu chíp! Chíp!... Tôi hạ súng đưa tay vỗ đầu con Vện, ý bảo: “Yên tâm đi, ở dưới này đừng chạy loăng quăng, sửa toáng lên mà lộ bí mật. Bỏ cái Quỳnh ra thu súng là toi công đấy”. Tôi mơ ước bắt được những con chim ngoài bãi trống ngô đem về nuôi trong lồng như những con chim khướu, họa mi mà người ta vẫn nuôi làm chim cảnh. Lần nào bắt được chim, nếu chúng còn sống tôi cũng mang về cho uống thuốc rồi nhốt vào lồng, bắt châu chấu cho chúng ăn nhưng giống chim không dễ gì khuất phục được, chúng tuyệt thực cho đến chết. Chỉ có chim non ngây thơ chưa biết thế nào là tự do mới dễ thuần hóa. Cho châu chấu chúng nuốt đến đầy cổ họng, lớn lên chúng bay theo người như bay theo mẹ của chúng. Bây giờ những con chim chào mào non đang ngay trên đỉnh đầu tôi, tim tôi đập thình thịch như trống dồn, tôi quên hết những sợ hãi, quăng súng cao su xuống đất, vút sỏi ra khỏi túi quần, thoát leo lên ngọn cây mít...

Bỗng “Vù... vù...”.

Con Vện sửa inh ỏi, mặt mũi tôi tối sầm, mắt hoa đom đóm, hai tay ôm lấy mặt. Tôi nghe tiếng chim kêu chín chít... Những cái miệng trống hoác, nghển cao cổ đòi mớm mồi, rồi cả bầy chim màu sặc sỡ bay theo tôi, con đậu lên vai, con đậu lên tay đòi chia khẩu phần ăn, tôi bắt châu chấu mệt nhoài trên bãi ngô,

vừa bắt đàn chim vừa bay theo hót líu lô vang cả một khúc sông...

Hóa ra đó chỉ là một giấc mơ. Lúc tỉnh dậy, tôi đang nằm trong nhà, mặt mũi sưng vù, hai mắt không mở được, khắp người toàn vôi trắng, thân thể đau ê ẩm. Tôi bị ong đốt ngã từ trên cây mít nhà cái Quỳnh rơi xuống.

Sau trận đòn ngã hú vía ấy làm mẹ tôi lo lắng, không thấy có con Vện ở nhà là mẹ tôi vác roi đi tìm. Cái cảm giác sờ sợ khiến tôi bết leo trèo, đâu có làm việc gì đi chẳng nữa trước khi vào cuộc tôi cũng luôn luôn thận trọng... Một hôm mẹ bảo tôi mặc quần áo mới và dắt tôi đi. Tôi hỏi mẹ đi đâu? Mẹ đưa tôi lên chùa. Ngôi chùa làng tôi nghe kể linh thiêng lắm, trước kia chùa lợp bằng ngói mũi mái uốn cong, nằm dưới gốc cây ngọc lan già, phía trước chùa có cây si cổ thụ. Những năm giặc Mỹ ném bom xuống chùa làm sập mái ngói, cây si bị cụt ngọn. Về sau chùa được tu sửa bằng ngói Hương Canh. Năm ngoái mấy bác thợ mộc lên sửa chùa, đun nước dưới gốc cây vô tình để lửa bén vào thân cây, đến nửa đêm cây si bốc cháy bùng bùng. Ba tháng sau bác thợ mộc tự dưng lăn đùng ra chết giữa ban ngày. Các cụ bảo bác thợ mộc đốt cháy cây si nên bị các thần bắt đi trị tội. Tôi là đứa trẻ vô thần nhưng nghe các cụ đồn thổi những chuyện li kỳ như vậy cũng rợn cả tóc gáy, không bao giờ một mình dám bén mảng lên chùa.

Mẹ bắt tôi ngồi khoanh chân trên chiếc chiếu phía dưới bàn thờ rồi bắt đầu khấn vái. Tôi không hiểu gì về thế giới thần linh, mở to mắt nhìn xung quanh. Bà cụ già ngồi trước mặt mẹ con tôi, một tay lần theo tràng hạt to đeo trên cổ, tay còn lại gõ mõ kêu “công, cốc”, miệng đọc kinh ê a. Hết tuần hương bà cụ quay xuống nói với mẹ tôi: “Đứa con nhà chị thông minh, sáng dạ, nhà chị có phúc lắm đấy, các thần đã nhận trông giữ cháu đến năm mười tám tuổi, nhưng được cái tội cháu hay nghịch ngợm, chị phải trông cẩn thận không được để cháu đi chơi một mình, mệnh này dễ bị bắt đi theo các thần. Vậy nhà chị phải làm hai cái lễ dâng lên, rồi đến năm cháu được mười tám tuổi lại làm một cái lễ chuộc cháu về”. Nói xong bà cụ đưa cho tôi một chén nước lã trộn lẫn chút tàn nhang bảo tôi uống...

Làng tôi chủ yếu dân khai hoang. Sàn sàn như tôi cả làng có tám đứa. Con trai có tôi và thằng Quyết. Chúng tôi cùng tuổi, học chung một lớp. Nhà Quyết về trước nhà tôi, đông anh em, họ hàng hơn. Ông ngoại Quyết làm nghề cất vó bè trên sông. Tôi rất thích được theo Quyết ra sông chơi. Vào những dịp được nghỉ hè hai thằng rủ nhau ra bè vó ngủ cùng ông. Chúng tôi giúp ông bằng cách đập tời cuộn dây thừng nâng chiếc vó lên nghe ông kể chuyện sông nước. Những lúc như thế, ông kể cho chúng tôi nghe về những chiến tích trên dòng sông. Đoạn sông này đã gắn bó với ông suốt thời trai trẻ, đội du kích của ông từng đánh đắm thuyền Pháp ở Hòn Lau. Ông hỏi tụi tôi có sợ ma không? Tôi bảo “có”, thằng Quyết bảo “Không”. Thế là ông kể những con ma nước chuyên đi bắt người để được ngồi lên bờ. Buổi tối trên đầu bè vó của ông thường có một con ma tóc rũ rượi, răng nanh dài. Ban ngày con ma lặn xuống nước biến thành dải ánh sáng trắng, chờ người chạy qua là cuốn lấy chân...

Đêm trên sông thơ mộng và hư ảo. Có tiếng gió thổi vi vu, tiếng sóng vỗ lao xao dưới gập bè. Dòng sông đang chuyển mình, có một cái gì đó rất gần gũi nhưng lại rất xa xăm. Chuyện của ông thằng Quyết làm tôi vừa sợ hãi vừa tò mò. Nửa đêm tôi mộng mị. Giấc mơ đưa tôi vào thế giới cổ tích: Một cô gái mặt tròn, tóc dài đen, bận áo trắng ngồi hát ngân nga trên đầu bè vó, cô gái gọi tôi ra ngoài và dắt tôi đi trên bờ cát trắng rồi bế tôi vào lòng bảo đừng sợ, tôi úp mặt vào bầu vú căng tròn của cô gái, người co dúm lại... Rồi tôi lại mơ thấy Hà bá dắt xuống thủy cung. Tôi sa vào tay bầy quỷ dữ, những con quỷ mặt mũi đầy nanh, vuốt, nhe răng ra định nuốt tôi vào bụng. Ghê sợ, trán tôi ứa mồ hôi, chân tôi đập thình thịch xuống sàn bè. Tỉnh giấc, tôi ngơ ngác...

Năm mười bốn tuổi tôi thi đậu trường Tân Trào. Trường nằm giữa trung tâm thị xã, cạnh chân núi Thổ Sơn, trong di tích Thành Nhà Mạc. Con sông quê tôi thường chảy quanh co, đoạn qua làng tôi thì uốn cong hình cánh cung ôm trọn cả thị xã vào lòng. Tôi sống nhiều cùng sông nước, tụi bạn thị xã thường rủ rê tôi trốn học ra bờ sông lội nước. Tôi hãnh diện

vì toàn được tụi con gái bám theo. Nhóm bạn gái tôi thân gồm bốn đứa: Cái Dung, cái Thúy, cái Thoa và cái Hà, toàn con nhà khá giả, da trắng như hòn cuội dưới sông, tóc đen nhánh, cài hoa lấp lánh... Tôi là dân quê nên thua kém bạn học đủ thứ. Nhưng tôi có nhiều ngô, nhiều khoai lang luộc - những thứ mà bọn con gái thị xã rất thích. Tôi rủ đám bạn về nhà chơi rồi đưa sang nhà thằng Quyết. Thằng Quyết ngại vì thi trượt phải học trường bán công nên rụt rè với đám bạn của tôi. Chúng tôi không học cùng trường với nhau nữa, nhưng tình bạn chúng tôi không thay đổi. Dân quê tôi có nghề phụ nuôi cá lồng trên sông. Tôi cùng thằng Quyết ra ngủ bè cá trông trộm. Ở trong lều không có điện, chúng tôi đốt đèn dầu học bài xong rồi rủ nhau bơi thuyền dạo mát trên sông. Đêm mùa hè trăng nước lung linh và hiền dịu, tụi nó hò nhau chơi tới khuya. Chị em nhà cái Quỳnh cũng thích đòi đi theo nhưng bị bố cấm. Bố cái Quỳnh bảo con gái không được nghịch ngợm như con trai. Tôi nhớ, có lần chúng tôi chơi đồ hàng, tôi làm chồng, cái Quỳnh làm vợ, em cái Quỳnh là con. Hai vợ chồng đi làm về nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa và quát nạt con cái. Tối đến lên giường ngủ cũng giả làm những chuyện như vợ chồng... Trò chơi của chúng tôi đang vui thì chẳng may bố cái Quỳnh xuất hiện. Ông bắt quả tang hai đứa đang cời trần, ôm nhau, đắp chăn trên giường. Kết quả mỗi đứa bị một trận đòn lằn cả móng đít... Mặc dù tôi bị bố cái Quỳnh đánh nhưng trong ý nghĩ của tôi ông không đáng giận, tôi biết trẻ con thường hay có những việc làm thiếu chín chắn, nếu người lớn không uốn nắn kịp thời sẽ ảnh hưởng đến tính cách sau này. Những hành động của tôi mang tính chất tự phát, ở trường cô giáo chủ nhiệm cũng bảo không được chơi súng cao su và cãi lại người lớn, tôi thấy mình gần giống tay ác ôn mà các cụ trong làng vẫn hay kể. Tôi hiểu những lời dạy của bố và cô giáo chủ nhiệm nhưng không thể thực hiện y nguyên theo ý họ được, tôi cũng là một con người có trái tim và dòng máu nóng hổi như bao con người khác. Tôi cần có sự hoạt động để tiêu tan sức nóng sôi sục trong cơ thể...

Thuyền mà tôi và thằng Quyết thường đi là thuyền nan trát xi măng, đi thuyền chỉ việc nằm ngửa người trên chiếc ghế dùng hai chân đạp chèo. Tụi

tôi bơi ngược dòng chán chê rồi thả thuyền trôi về bến cũ. Về đến bến mệt nhoài, ngủ thiếp đi đến sáng mới gọi nhau lục đục dậy về nhà, đánh răng, rửa mặt rồi đạp xe tới trường...

Tuổi thơ tôi cứ như vậy lớn lên. Năm mười bảy tuổi sắp sửa bước sang mười tám thì mẹ tôi đột ngột trúng cảm, qua đời. Năm đó tôi đang chuẩn bị bước vào kỳ thi đại học đành bỏ dở. Ước mơ tôi trở thành một sĩ quan quân đội không thực hiện được, lòng dạ tôi trống vắng mênh mang, tôi như con thuyền mất lái không biết theo phương nào? Bố tôi bảo: “Tao với mẹ mày đã nuôi dạy mày đủ lông đủ cánh rồi đấy, tự mày phải bay đi kiếm mồi mà ăn”. Tôi tiếp tục ôn thi. Sau một năm tôi thi đỗ vào trường sĩ quan Lục quân. Cứ thế tôi đi, mang trong lòng hình bóng xót xa của người mẹ, nghị lực tự kiếm sống của người cha. Tôi đi tìm chân lý cho đời mình.

Thằng Quyết và cái Quỳnh, mỗi đứa theo một ngành, thằng Quyết làm bảo vệ ở xí nghiệp chế biến lâm sản, đã lấy vợ. Cái Quỳnh học sư phạm.

Một năm sau, tôi được nghỉ phép về thăm nhà. Dự định của tôi là sẽ đến gặp Quỳnh để thổ lộ những điều tôi ấp ủ. Về đến nhà tôi mới được tin Quỳnh lên Hà Giang dạy học, nghe nói tận huyện Yên Minh xa xôi lắm. Ý định của tôi không nói cho bất cứ người nào biết.

Thấy tôi dắt “con” Loncin ra sân, bố tôi hỏi:

- Con đi đâu đấy?
- Con đi Hà Giang xác minh lý lịch.
- Bao giờ thì về?
- Con không biết, độ hai ba hôm gì đó.
- Vào nhà ăn bát cơm rồi hãy đi.

- Thôi! Tí nữa con ra ăn bánh cuốn cho dễ nuốt.

Tôi còn bốn ngày nữa là hết thời gian đi xác minh lý lịch. Thực chất chuyển đi công tác này là đơn vị cử xuống Hải Dương, nhưng xong xuôi công việc tôi tranh thủ thời gian lên thăm Quỳnh. Dù không được dài ngày nhưng đủ nói cho Quỳnh hiểu thì tôi cũng mãn nguyện lắm rồi. Vào mùa này đang có mưa, những cơn mưa miền núi thường bất ngờ, nước lũ ập đến như thác. Tôi đi qua Quán Bạ thì trời đất tối sầm, cơn dông ùn ùn kéo đến. Lên đến Yên Minh thì mưa như trút nước, các vách núi sạt lở ầm ầm. Người ta dặn đừng có lên vùng cao vào mùa mưa, có đi thì cũng không lên được tới nơi, có về thì bị tắc đường, không may gặp lũ quét trôi mất xác. Quỳnh ơi! Tôi đang tìm đến với em, nhưng ông trời bắt tội không cho tôi được gặp em. Một ngày trôi qua vô ích, hai ngày trời vẫn tiếp tục mưa, tôi nghe đài thông báo huyện Yên Minh có lũ quét làm chết hơn hai mươi người, trong đó có một cô giáo và một học sinh, mức thiệt hại về tài sản chưa tính được, các cơ quan vẫn ngừng hoạt động tập trung vào cứu nạn, tỉnh đang tiếp tục huy động lực lượng vào cứu hộ, nhưng chủ yếu phải sử dụng lực lượng tại chỗ vì đường bị ngập nước và một số đoạn bị sạt lở. Dự tính một tuần lễ nữa mới khắc phục xong. Trời ơi! Quỳnh! Tôi cầu cho em được bình an, cầu cho cô giáo đó không phải là em, nếu em chết tôi mang nợ em suốt đời. Tôi không thể ở lâu hơn. Thời gian của tôi sắp hết. Một ngày còn lại tôi phải về đơn vị. Mặt mũi tôi hốc hác.

Tôi có thói quen làm việc gì cũng ngấm ngấm không cho ai biết, chỉ có một người duy nhất biết tôi thất bại hay thành công thì đã không còn nữa. Nhà tôi có cây mít to ngoài đầu ngõ, tôi bắc cây ngáng qua các cành mít để làm nhà trên cây. Ngôi nhà bé xíu của tôi nằm chênh vênh giữa tán lá sum suê, như cái chuồng chim bồ câu có thang trèo lên bằng thân cây mít. Tôi thích thú thường mang sách lên nhà để học bài và đọc truyện. Đọc truyện ở trên cây tôi thấy mình được bay vào thế giới khác lạ, có những thiên thần cùng muôn điều kỳ thú. Tôi bay lên và chìm sâu vào giấc ngủ mê say... Bỗng bảo đốt nhà của tôi đi, nhờ may ngủ quên rơi xuống đất sẽ nguy

hiếm. Nhưng mẹ bảo cứ để yên, đừng làm ảnh hưởng đến tư duy khám phá của con trẻ. Và thế là ngôi nhà lý tưởng của tôi trở thành địa điểm thu hút sự tò mò của tụi trẻ trong làng, chúng đến quan sát rồi về nhà mình cũng bắt chước làm theo. Một lần, tôi đi học về mang cặp sách cất lên cây để vào nhà ăn cơm, vô tình sờ tay vào vật gì mềm mềm, nóng nóng làm tôi giật mình, suýt ngã xuống đất. Hóa ra cái Quỳnh leo lên nhà của tôi ngủ quên trong đó từ lúc nào. Kỷ niệm này chắc đến giờ Quỳnh vẫn nhớ?

Tôi đi thăm Quỳnh nhưng lại nói đi xác minh lý lịch, toàn bộ giấy giới thiệu, giấy công tác tôi để ở trong cặp, chiếc cặp đó tôi để ở nhà.

Thấy tôi trở về vẻ mặt hốc hác, bố hỏi:

- Mấy ngày vừa rồi con đi đâu?

- Con đã nói là đi xác minh lý lịch rồi còn gì.

- Thế cái gì ở trong cặp đây?

- Dạ... !

- Có phải con đi tìm cái Quỳnh không? Nói thật đi?

- Dạ... ! Sao bố biết?

- Cái Quỳnh cuối năm nay cưới chồng, bố mẹ nó lo nếu hai đứa mày lấy nhau sẽ không hợp, con suốt ngày đi biên biệt, nó lại đi dạy ở nơi xa, hai đứa mấy khi gặp được nhau?

Tôi hỏi:

- Nó lấy ai?

Bố tôi đáp:

- Nó lấy con ông trưởng phòng giáo dục. Ông ấy sẽ xin cho nó chuyển về thị xã này dạy học...

Thấy tôi thần thờ, bố tôi nói thêm:

- Thế cũng phải đạo thôi con ạ.

- Sao bố không nói cho con biết trước?

- Thì ai hỏi mà tao nói.

Tôi không muốn tin những lời bố tôi nói, nhưng đấy lại là sự thật. Sự thật thường hay phũ phàng. Tôi xót xa nghĩ ngợi miên man với bao kỷ ức tuổi thơ. Giá như dòng sông cứ quẩn quanh đừng chảy nữa thì tôi sẽ trẻ mãi. Tôi sẽ chẳng bao giờ mất Quỳnh và hai đứa chúng tôi sẽ cùng nhau cười rúc rích trong ngôi nhà nhỏ xúu... Nhưng làm sao tắm hai lần trên một dòng sông? Dòng sông hôm nay đã khác dòng sông hôm qua rồi. Tuổi thơ tôi cũng vậy...

Bố tôi bảo vào nhà ăn cơm, hôm nay có cá kho như hồi mẹ tôi còn sống. Tôi bưng bát cơm mà rưng rưng nhớ mẹ...

Tôi thu xếp hành lý rồi chào bố. Tôi đi. Đi theo phía dòng sông xuôi về biển. Phía trước tôi là biển cả. Biển cả rộng mênh mông. Biển chứa đựng tất cả những phiền muộn, day dứt của cuộc đời. Biển cũng sẽ xóa tan tất cả những khổ đau. Tôi đi theo dòng chảy. Con sông nào cũng sẽ chảy tới biển...

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Điểm Tựa Đau Thương - Bảo Thương

“Anh bạn ạ, anh sống bằng đấy năm, hãy kể cho tôi nghe, anh gặp điều gì trở trêu nhất trong cuộc đời?” Đó là câu Hàn hỏi tôi, cũng là bắt đầu một đề tài sau hơn mười năm gặp lại. Mười năm không đủ dài để quên được tính cách một con người. Tôi nhớ Hàn vào khoảng những năm chín mươi thế kỉ trước, khi những thằng sinh viên chúng tôi còn đói quay quắt, anh đã có những bài đăng trên một số tạp chí có tiếng. Sự hào phóng của anh làm chúng tôi được nhờ. Mỗi lần lĩnh nhuận bút, anh lại khao chúng tôi một bữa ra trò, và rất thích thú nhìn chúng tôi no nê.

*

* *

Một resort bên bờ biển đủ gió mát để không cần điều hòa, đủ trăng sao để không cần ánh điện, đủ tiếng sóng vỗ ì oạp để căn phòng không trở nên trống trải. Xa xa, ngọn núi in hình trên bầu trời đen sẫm, tôn thêm vẻ uy nghi huyền bí của biển đêm.

“Biển đêm, tôi gặp trong thơ Huy Gô, hay đọc trong nhiều tác phẩm rồi, anh Hàn ạ. Thú thật, tôi luôn cảm giác rùng mình với nó”. Hàn bảo: “Còn anh có biết, ngày đi Cát Bà, tôi và sáu người bạn từng thuê một chiếc thuyền nhỏ, dong cả mình và thuyền ra tận ngoài khơi xa. Biển đêm, sóng đánh mạnh lắm, có lúc trùm lên cả thuyền. Nói thật, cảm giác đó khiếp cả đời đấy anh ạ. Sau này khi bình tâm nhớ lại mới thấy mình liều. Sao mà có thể liều đến đánh cược với số phận mình kia chứ. Nhưng mà không có sự dám đánh cược như thế thì đời tôi cũng nhiều tẻ nhạt lắm. Tôi tự hào tôi

sống đến giờ là nhờ không tẻ nhạt anh ạ. Muốn không tẻ nhạt thì đừng cảm dám đối diện với tất cả. Cả hối hận. Vì sự hối hận cũng trong cơn sung sướng tẻ mề cho ta biết thế nào là hối hận. Đừng ngại, đừng ngại, chúng ta là người viết không cho phép chúng ta chết cứng trong từng suy nghĩ, đóng khung trong những mặc định, vờn vờn với những tình cảm nhạt phèo quấy loãng như thứ cháo lỏng của con mẹ hàng khoai, thêm vào nắm gạo, đun lên cùng mớ khoai ế trong tháng ngày không mấy dư dả. Không, nhất định không được như thế. Mở rộng lòng đón nhận những vang động anh ạ. Thú lắm, vui lắm, hân hoan lắm và thật đời. Mà này, anh sống bằng đấy năm, hãy kể cho tôi nghe, anh gặp điều gì trở trêu nhất trong cuộc đời. Mà anh cũng phải thành thật đấy nhé. Coi như hôm nay ta tự thú cùng biển đêm đi. Trước thiên nhiên ta mới thật là mình, và đừng bảo là anh ân hận đấy, kể cả ân hận cũng phải trong cái thú đau thương nhất”.

Trước sự say sưa như muốn vạch tìm mọi góc khuất trong con người hơn mười năm mới gặp lại, Hàn như khao khát muốn nhìn thấy cái góc khuất ấy ở tôi. Tôi chỉ bảo, có anh ạ, đó là lần tôi trót lấy của bà cụ bán hàng rong một bao diêm, đó là lần tôi không gửi thư cho người đàn bà dù chị ta nhờ, sau này mới biết, chị gửi thư về quê vay tiền đưa con đi viện.

Anh bảo, thế thì anh không bằng tôi, câu chuyện của tôi không lâm li nhưng để tôi nhớ đến cả đời.

“Sau lần rời giảng đường, tôi đi tuốt vào Nam. Phía đấy hợp với những thằng bất đắc chí như ta. Phương Nam chan hòa nắng gió, cũng chan hòa lòng bao dung và rộng lượng, luôn dung nạp và chở che cho tất thảy những lỡ lầm của tất cả những đứa con. Lăn lộn anh ạ, cũng gần mười năm, làm đủ nghề đấy. Đi bán hàng cơm. Rồi từ hàng cơm, nhận thấy nhu cầu ăn của công nhân lên cao, xoay qua nhận đặt cơm, rồi thành lập công ti cung cấp suất ăn công nghiệp. Phát triển mãi đến giờ, nhưng chẳng quên được nghề viết. Cái gì ăn vào máu, khó bỏ lắm anh ạ”.

Đường như thấy câu chuyện của mình đi quá xa, anh dừng lại: “Ấy chết, bảo kể cho anh nghe câu chuyện đau thương và hối hận nhất của đời mình mà lan man quá.

Hồi tôi còn làm chủ quán cơm ấy. Đời mình, kể không giàu thì vẫn sang anh ạ, tôi biết được điều đó là nhờ những năm tháng lăn lộn. Cái thằng tôi có lúc cũng nhếch nhác lắm. So với Sài Gòn muôn đời hoa lệ, thì thằng chủ một quán cơm kiêm trà đá có là gì nơi xứ sở phồn hoa này. Nhưng nhờ đó mà tôi biết mình vẫn sang. Là vì khách hàng của tôi nhiều ông bụng phệ, xe đẹp, nhà cao, công ty lớn, mà họ quý tôi lắm. Có người như tình thâm. Cái giống doanh nhân nhiều người đi lên từ nghèo khó, quan trọng để đạt đến doanh nhân người ta cũng chán vụn thứ học rồi. Mà trong muôn vàn thứ học thì học từ sách là đa phần đấy. Nên chẳng ai đơn giản đâu, không khôn lỏi đời thì cũng rất sâu sắc, hành xử nhân văn, đặc biệt có tâm hồn nghệ sĩ. Có thể vì thế mà họ quý tôi chẳng, vì họ nhìn thấy chất văn sĩ không tầm thường trong vỏ ngoài của anh chủ quán cơm bình dân tầm thường là tôi. Nói thật, nhiều tình thâm phết anh ạ. Nhưng trong đám tình thâm doanh nhân đó tôi đặc biệt chú ý đến Hân. Hân kém tôi hai tuổi mà đã rất thành đạt. Hân quê miền Tây, nhà nghèo, cậu ta lên thành phố từ năm mười lăm tuổi, làm đủ nghề kiếm sống, sau nhờ nhạy bén, biết khai thác những đặc sản địa phương phục vụ cho người dân thành phố mà thành ông chủ. Về ngoài cậu ấy có cái gì rất hiếm. Tưởng ít nói mà lại không phải, nếu được khơi nguồn cậu ta nói cả ngày, nhưng cũng phải tình thâm mới khơi nguồn được. Nhiệt tình mà có lúc lại rất hững hờ. Có thể cậu ta đến giúp anh cả ngày, nhưng có khi anh có việc trọng đại hơn thế mười lần, gọi mười ngày không thấy cậu ta. Khép kín, nhưng khi cần cởi mở lại không ai bằng. Tôi nhớ có lần cậu ấy mời tôi đi hát hò cùng đám công nhân, thật không thể tưởng tượng đó là con người vốn trầm mặc, lặng yên mà tôi vẫn biết. Hân vẫn là một ẩn số với tôi.

Nói chuyện với cậu ta cả ngày không chán; tất cả mọi chuyện, từ kinh tế, văn chương và đời sống. Nói thế để biết cậu ấy là một kho kiến thức

không lồ, nhưng có lần cậu ta lại hỏi tôi: “Điện thoại thông minh sản xuất ra để làm gì?”, với vẻ rất ngơ ngác.

Cái tôi không thích nhất ở Hân là tính kệt xỉ. Đến quán ăn, cậu ấy chỉ gọi vền vền một bát cơm, đĩa thịt rang, bát canh rau muống luộc. Tôi mời những món mới, cậu ấy đều từ chối. Lúc đầu cứ ngỡ cậu ấy đã ăn chán. Nhưng không phải, tuy làm giám đốc một công ty nhưng việc tiếp khách, thậm chí kí kết hợp đồng, cậu nhường hẳn cho tên phó, là em họ cậu. Tên phó đó bụng phệ, kính râm, xe ngon, nhìn cứ tưởng gã mới là giám đốc.

Để mời Hân một món mới mà hơn tiền ở nhà tôi quả là khó. Bữa nào đến cậu ta cũng có một câu: “Y cũ tiền, hôm nay tôi ăn trứng kho thịt anh Hàn ạ”. Thế là vợ tôi biết phải lấy gì cho cậu ta. Bằng đấy tiền như cũ, nhưng hôm nay cậu ta đổi thịt băm lấy thịt kho trứng. Mà anh biết thịt kho trứng thì việc kho cũng tốn nhiều nhiên liệu, chưa kể nguyên liệu cũng cần nhiều hơn. Nhưng nhất quyết cậu ấy chỉ ăn bằng ấy tiền mà vẫn phải đáp ứng đủ một bữa ăn cho cậu ta. Điều này làm vợ tôi không hài lòng. Nhưng tôi thì kệ, khách quen mà, nhưng lòng tôi kì thực cũng không vui anh ạ, phàm là con người, giống nhau cả thôi. Có lần tôi đã tức bực vì bỏ ra những mười lăm ngàn chỉ để mua một cốc nước mía. Mà nói thật với mười lăm ngàn ấy tôi mua được những hai cây mía, ép ra được sáu cốc, sáu cốc đấy anh tin không, nhưng mình vẫn phải uống cốc nước mía mười lăm ngàn.

Nhưng bảo tôi bán rẻ mọi thứ đi, tôi cũng không làm được. Kì thực bữa cơm Hân ăn, nếu hạch toán kĩ, tôi chỉ làm đến mười ngàn, nhưng tôi bán cho anh ta hai mươi lăm ngàn đấy, nhưng tôi vẫn ấm ức. Con người mà, lòng tham ai cũng có, mà nhiều là đẳng khác. Vẫn biết Hân ngày nào cũng ăn ở nhà tôi, nhưng tôi vẫn ấm ức, bởi Hân cứ đánh đồng tất cả các món vào một giá. Dù giá tiền đó của Hân tôi làm được gấp đôi số anh ta ăn. Nhưng con người mà... Vợ tôi thì nghe chừng hậm hực lắm. Tôi cũng không vừa lòng. Nhưng Hân có khả năng bàn luận văn chương rất ổn. Nên tôi bảo vợ, khách quen mà. Nhưng khách quen thực tình cũng chẳng làm

mình vui lắm đâu, đặc biệt ông khách quen đây có thói quen ăn xong bữa là ngồi uống đến hai cốc trà đá miễn phí, bởi ai lại lấy tiền của khách quen, lại là tình thâm bao giờ.

Thậm chí có hôm ăn món nào đó ngon, cậu ta còn tự nhiên vào gấp thêm, tuy không nhiều nhưng bà vợ tôi thì tức lắm. Đàn bà mà. Đôi khi thì chỉ cần gã bảo: “Chị cho tôi thêm một chút nhé!”, được lời cũng cời tấm lòng. Nhưng Hân vốn kiệm lời, vả lại người miền Nam họ không lấy lời nói chót lưỡi làm trọng đâu. Sự tự nhiên của Hân làm vợ tôi bực, đến tôi cũng bực. Nhưng tôi khác hơn vì tôi cần người phân tích thời sự, chính trị, văn chương, nên tôi không tức bằng mẹ vợ.

Sự kệt xỉ của Hân còn bộc lộ rõ qua việc ăn mặc. Đến nhà tôi mười lần thì đến mười một lần cậu ta mặc nguyên quả áo trắng đã ngả màu cháo lòng. Nhưng được cái là lượt cẩn thận, nên vẫn phẳng phiu, và có vẻ lịch sự. Lần thứ mười hai, có thêm cái áo kẻ ca rô màu mặn chín.

Khi vào hàng, bao giờ cậu ta cũng cẩn thận cời ra khoác ngay ngắn ở thành ghế trong nhà. Để đỡ bẩn, nhưng tôi nghĩ, cũng là cứ khi ăn xong, cậu ta vào đó làm cốc trà đá không mất tiền, có hôm thấy xoài vợ tôi bỏ chưa kịp ăn, tiện tay, cậu ta cũng xin luôn một miếng.

Nói thật với anh, một trong những thú vui quái gở của con người, là để biết xem, cái người trước mặt mình họ sẽ đau thương thế nào. Nếu họ kệt xỉ thì khi mất tiền họ sẽ ra sao. Tôi cá, ai cũng muốn biết và thích thú được biết điều đó. Tôi nhớ hồi nhỏ, gần nhà tôi có lão già nổi tiếng ác độc và lạnh lùng, không may cho lão, đứa con gái duy nhất của lão đột tử, cả xóm kéo đến, chia buồn thì ít mà xem thái độ của lão thì nhiều. Tôi cá, con người vẫn là giống ác độc hơn bất cứ loài vật nào, bởi loài vật khác ăn thịt đồng loại đã đành, ta còn xem đồng loại ăn thịt đồng loại để mà vui đấy. Và tôi cũng muốn xem lắm, cái gã giám đốc kia sẽ đau khổ ra sao nếu mất đi những thứ gã quý hơn vàng kia. Càng muốn biết hơn, khi vô tình tôi biết được, công ty của gã làm ăn phát đạt thôi rồi, tin này đến làm tôi bổ chẳng

đấy. Trước đấy, tôi cứ nghĩ, gọi là giám đốc, có tiền hơn thôi, nhưng không nghĩ, tiền của gã làm ra nhiều đến không tưởng. Anh có hình dung, cả dãy phố này bán đi, gã còn thừa khả năng mua đấy; thế mà gã, cái gã, vẫn đến nhà tôi, mang hai cái áo cũ, đặt vào nơi cẩn thận nhất. Lão sợ người ta làm bẩn áo gã đã dành, nhiều hơn, lợi dụng cốc trà đá sau bữa ăn là lẽ khác. Con vợ tôi, nó cũng độc lắm, có lần tức, nó bê canh, cố tình làm rơi vào áo gã, hôm đó không biết gã biết không.

Nhưng cái thú đau thương là muốn biết gã đau thương như thế nào khi bị mất đi tài sản quý giá đối với lão hà tiện này, tôi thật muốn biết lắm anh ạ.

Và cơ hội đến. Hôm đó, hàng đông khách, gã ngồi vào chỗ cũ, nhưng lần này không treo được áo trong nhà, gã đành treo ở ngoài xe của khách. Chiếc áo gã treo hờ hững thôi, nhưng là tôi trông thấy một mẫu sắt nhọn nhô lên từ cái giá hàng. Sự việc đáng cũng chả sao, là tôi muốn biết khuôn mặt của gã khi mất đi cái áo cũ quý hơn vàng đó, nên tôi táy máy ngồi móc lại cái áo vào đúng chỗ gờ sắt, tôi tin, khi giật cái áo ra, gã sẽ giật mạnh, nhưng hôm đó không phải gã giật mà gã chủ xe kia; trong cơn vội vàng, cái áo vướng ngay vào móc sắt, rách toạc. Biết làm sao được, ai bảo anh để ở đó, điều này thì chẳng ai có tội cả, bởi chẳng ai cố tình, chỉ có tôi là cố tình, nhưng ai biết được thâm ý của tôi. Và anh thử hình dung, mặt gã thế nào; từ đỏ của cốc bia, chuyển sang xám ngoét; anh cứ hình dung là bố anh mất số gạo thời bao cấp, hay vợ chồng anh com cóp được khoản tiền lớn để mua nhà mà trộm vào cuôm sạch, hốt hoảng ra sao, thì cái gã giám đốc tiền tỉ bạn tôi cũng đau khổ, hốt hoảng không kém.

Quả thật, chứng kiến sự đau khổ của gã không thú bằng việc mình đã gây đau khổ cho cái gã đáng đau khổ kia, mà gã không biết; ý nghĩ đó, còn thú hơn cả việc anh được mời nhậu một bữa ngon, trong ba ngày anh chẳng có cắc nào trong túi đấy, anh bạn thân quý của tôi ạ. Ha ha ha, tôi như mở cờ trong bụng, vì ít ra, trả thù được cái gã kệt xỉ nhất thế gian, Balzac mà

sống lại á, tôi nghĩ, lão hà tiện Grandet kia cũng còn phải lạy anh này ba lạy đấy.

Nhưng niềm vui đồn mạt của tôi không dừng lại ở đó, anh bạn thân quý ạ. Phàm là văn sĩ, tôi cũng xuất thân từ con buôn, mà phàm là văn sĩ, ai dám bảo đẹp cả, có người đẹp nhiều, người đẹp ít, có dạng không đẹp mà cứ ảo tưởng mình đẹp vì đã là văn sĩ. Tôi thuộc dạng nào tôi không biết, nhưng văn sĩ cũng là con người, phần xấu và tốt đều trội như nhau cả. Và tôi nghĩ, mình còn xấu hơn nhiều người thường ở từng hoàn cảnh, đặc biệt hoàn cảnh này.

Sau cú áo rách đó, tôi được gã tin tưởng chở đi chơi một chuyến. Gọi là đi chơi, nhưng đều có công việc cả, là gã muốn giới thiệu tôi với bạn gã, một người cũng am tường tất cả. Trên đường đi, gã bảo: “Tôi có hai cái áo thì hôm ở quán ông bị rách một, còn cái này thôi”. Anh ạ, trong hoàn cảnh đấy, đáng phải nhổ toẹt: “Ông là giám đốc mà ông ti tiện thế!”, nhưng trò chơi đen tối, tìm hiểu tâm địa đen tối của con người ở tôi chưa dừng lại, là tôi muốn vờn xem cái tâm hồn của gã trước mặt tôi kia còn góc tối nào nữa, nên tôi bảo: “Ừ, tôi cũng tiếc cái áo đó, nghe chừng nó rất bền”. Chỉ chờ thế, gã xỏ ra: “Sáng nào tôi cũng là lượt hai cái đó. Tôi quý chúng lắm”. Lúc đó, tôi ngờ ngợ, hay vì yêu thích hai cái đó mà gã chỉ mặc chúng? Nhưng niềm tin đó thực sự tắt lụi khi gã bảo, dừng lại ở chợ Bến Thành, gã vào chọn áo. Gã chọn đến cả tiếng, mặc cả đâu hai mươi lần, rồi lôi ra cái áo màu tro tàn, vải có vẻ cứng và bền hơn cái cũ. Lúc này tôi tin, “yêu thích” chỉ là từ hăn dùng để ngụy biện thôi.

Hôm đó, gã cũng đưa tôi vào chợ, đánh chén một bữa. Gã hỏi tôi ăn gì, tôi bảo tùy; gã bảo, thế thì cậu ăn y như tớ nhé; và cái y như đấy, là một quả trứng luộc, năm miếng đậu phụ kho củ cải, một bát cơm trắng và bát canh rau luộc không mất tiền. Gã ăn ngon lành lắm.

Nhưng anh ạ, trò chơi tâm hồn chỉ thực sự bắt đầu, sau khi ở nhà bạn gã ra, gã bảo: “Tiện thể anh đi cùng tôi, tôi hẹn người ta năm giờ chiều có

việc

ở đây”.

Việc gì, gặp đối tác ư, chắc là không, bởi chưa bao giờ tôi thấy gã đi gặp đối tác; gã chỉ làm khâu cuối cùng phê duyệt những giấy tờ, còn giao dịch đã có em họ gã.

Chúng tôi dừng tại một quán ăn trước cổng một bệnh viện, gã bảo: “Chúng ta ăn nhẹ chút gì đã, cũng đến lúc đói rồi”.

Tôi vào đó rồi đi vệ sinh. Khi tôi vẫn trong nhà vệ sinh, thấy gã gọi gấp gáp: “Ông Hàn ơi, xong chưa, tôi buồn quá!”. Là tôi biết gã buồn lắm, bụng dạ gã không tốt, có lần gã bảo tôi: “Tôi không dám ăn ở nhà ai, ngoài nhà ông, ăn chỗ lạ, là đau bụng ngay”. Phải rồi, bữa cơm Bến Thành đây, tôi nghĩ thầm. Lúc trưa, thật tình đã định rủ gã vào một nhà hàng sang sang, nhưng gã đâu có chịu. Cho chết. Ý nghĩ đó chạy xuyên qua óc tôi những hai lần cơ đấy. Rồi tôi đi ra chiếc ghế lúc trước gã ngồi. Lúc trước tôi ngồi dây bên kia, gã ngồi dây bên này. Khi chúng tôi đến, quán vắng tanh, nhưng khi gã vào nhà vệ sinh, thì ào ào, khách đến rất đông. Họ tràn vào chỗ hăn đã ngồi, chỉ chừa chỗ có cái túi ra. Hăn vào nhà vệ sinh vội đến mức quên cả cái túi. Cái túi, tôi chưa thấy bao giờ, bởi mỗi lần vào nhà tôi, gã chỉ mang đúng hai mươi lăm ngàn. Như thế với số tiền đấy, trà đá cũng đành miễn phí, vì không có để trả thêm, hoặc như thế sẽ không phải tiêu lạm đến ngoài hai mươi lăm ngàn đồng vậy.

Cái túi tôi thấy gã mang theo từ sáng, lúc đầu tôi nghĩ là giấy tờ, rồi tôi nghĩ là “đồ nghề”, gã rất ham đánh cờ. Khóa túi đã kéo hết xuống. Tôi tò mò lật ra. Anh biết là gì không, chao ôi, tiền; tiền nhiều vô kể, toàn tờ mệnh giá cao, có cả đồng đô la, sao nhiều tiền vậy hả trời?

Đã bao giờ anh có cảm giác nhìn một đồng tiền của ai đó chưa? Đặc biệt tiền của một gã giám đốc giàu sụ, trong khi nhà mình thì vất vả kiếm

ăn từng bữa.

Lúc đó, thực tình, tim tôi nóng ran lên ấy. Một thằng giám đốc giàu có kệt xỉ, tiền hẵn nhiều đến nỗi mua được cả dãy phố Sài Gòn sầm uất nhất, thì số này, đáng kể gì, nhưng nhiều vô cùng với chúng ta anh ạ. Lúc đấy, tôi có thể nhón tay lấy vài cục trong đó, rồi lẳng lặng bỏ vào túi xách. Gã ra, sao kiểm kê hết; gã ra, cùng lắm thấy cái túi của mình vẫn y nguyên là hên rồi; gã ra, lỡ biến mất thì chỉ nghĩ, thằng khách ngồi cạnh mình lấy thôi. Và tôi chỉ cần chuyển ngay về đúng nơi tôi đã ngồi là ô kê rồi anh bạn ạ. Tôi đấu tranh tư tưởng đến kiệt sức, mười phút với tôi nhưng dài bằng cả trăm năm. Túi tiền rất nhiều ở kia, con vợ tôi bây giờ vẫn bên chảo cơm rang nóng đến chảy cả mồ hôi lưng, thằng con tôi học về ra phụ mẹ, bụng réo cồn cào vẫn chưa được ăn, xòe tay ra nhận từng đồng tiền lẻ khách đưa; và cuối ngày hạch toán lỗ lãi, tiền nhà, tiền điện, tiền nước, tiền thực phẩm, trừ đi, chắc được chừng ba trăm ngàn đồng, cho cả bốn miệng ăn một ngày, hỏi được bao?

Anh có hình dung lúc đấy, tai tôi ù đi, tay tôi như thiếu như thừa, như không còn là tay tôi nữa, nó lóng ngóng, giơ lên như bắt chuồn chuồn, rồi lại hạ xuống, ai nói gì xung quanh tôi còn không biết, bà chủ quán đến bên tự lúc nào hỏi, anh dùng gì, tôi mới ớ ra, trả lời qua quýt rồi lại bận tâm nghĩ đến việc xử lí với đồng tiền này ra sao; tâm tôi bảo, chỉ một tích tắc, tích tắc thôi; bàn bên cạnh, tiếng chạm cốc rồn rảng, tiếng nói cười át đi mọi thứ xung quanh; họ còn bận ăn uống, hát hò, trêu nhau và cười sảng sặc, ai để ý đến một cái túi da mồi meo khóa đã kéo hết xuống kia, chỉ tôi biết trong đó có tiền. Phải rồi, chỉ cần nhón ba cục, dứt nhanh vào túi của mình, rồi lẳng lẽ sang bên kia ngồi. Mỗi cục tiền mệnh giá năm trăm, tôi cũng phải được tầm một trăm triệu, là gì so với tầm đôi tỉ trong cái túi kia. Lúc đó, cô phục vụ bàn lại mang đến cốc cà phê, cô hỏi tôi đến hai lần, anh đợi ai, mà tôi thề không nghe thấy, chỉ nghe tiếng bên trong con người mình hỏi, có nên lấy không, nên không thôi? Nó cứ hỏi đi hỏi lại, bởi tôi biết, tôi thừa cơ hội lấy, bởi tôi biết cái anh bạn giàu keo kiệt đấy, còn lâu

mới ra; anh ta mắc chứng kiết lị mỗi lần ăn phải đồ lạ; mà mỗi khi ở nhà vệ sinh ra, cả quán còn nghe thấy tiếng anh ta, đó là thói quen thường ngày, mỗi khi ở nhà tôi. Anh ta đóng cửa đến rầm một cái, có khi người ngoài còn phải giật mình; anh ta ho, “khạc, khạc, khạc” to như thế vừa nhìn thấy xú uế; anh ta xịt mũi đến mười lần cũng to không kém, rồi mới bước ra. Về khoản này, tôi yên chí là kịp thời gian lấy cả mười cục tiền chứ không nói gì ba cục nữa.

Con người tôi đấu tranh dữ dội lắm. Đã bao giờ anh đứng trước ranh giới sự xấu và tốt chưa, đã bao giờ anh phải đấu tranh với mình dữ dội chưa. Thực tình tôi không nghĩ về cái thiện nhiều lắm đâu, tôi đâu dằn vặt giữa cái ác và xấu, chỉ đơn giản có nên lấy hay không thôi, lấy thì được gì, không lấy thì sao. Quả thật mười phút bằng cả năm mười năm của tôi đấy anh ạ!

Lấy hay không, con người bên trong của tôi có lúc mâu thuẫn dữ dội; thời gian như ngưng lại ở trong đầu tôi lúc đó, gió ngoài kia như ngừng thổi, vạn vật như ngừng trôi, thời gian đâu là tuyến tính, biến thành tâm trạng, cứng đờ, cô đặc; mọi thứ đối với tôi nhòe mờ; bàn bên họ đang làm gì tôi không biết, bà chủ đã hai lần đến chỗ tôi rồi lại về, cô phục vụ bàn thì ngập ngừng mấy lần, chắc cô ấy định hỏi ăn gì thì gọi dần để cô ấy làm, sợ chút nữa khách đông, nhưng đối diện khuôn mặt thất thần như mất kho báu của tôi, niềm mong muốn biết tôi ăn gì, hay đến đây vì mục đích gì của họ cũng tan biến, bởi thời gian của tôi, tâm trí của tôi chỉ di từ chỗ cái túi da chứa tiền đến cái túi xách của tôi, và tiếng kẹt cửa mạnh sẽ phát ra cùng tiếng ho bên trong căn phòng vệ sinh kia.

Anh bạn ạ, tôi không biết người ta đánh giặc thì căng thẳng thế nào, chứ tôi đánh giặc với nỗi lòng cũng căng thẳng không kém. Nó làm mọi dây thần kinh của tôi căng ra, như tôi đang không hiện tồn, nó kéo tôi tuột về cõi nào thăm thẳm và muốn nổ tung; sự trì trệ của không gian, sự ngưng đọng của ý nghĩ, không lúc nào rõ ràng đến thế; có trăm ngàn câu hỏi, trăm

ngàn tình huống dồn nén lại một chỗ, căng ra, như da con trâu mộng bị cháy trong rừng vầu, đòi hỏi tôi phải có một lối thoát. Nhưng không đợi lâu, tiếng kẹt cửa phía ấy thật mạnh bung ra, tiếng ho, “khạc, khạc” như vỡ bung quán, và tôi chồm dậy như một phản xạ, sợ sệt, lúng túng, hốt hoảng, đến nỗi bà chủ quán nhìn tôi đầy ngỡ ngàng, tôi còn không hiểu.

“Anh đã ra à?”, thề với anh, tôi chưa hỏi một thằng đi ỉa nào lại lịch sự như thằng cha cút sắt này.

Tôi thở dài đến phụt một cái, sức thở căng đến nỗi, phì cả ra ngoài, làm bay cả tờ giấy ăn trên bàn, là tôi thấy mình trút được gánh nặng. Một gánh nặng mà ta cứ muốn mang. Thực ra ai bắt ta mang, nhưng con người ấy, họ tham lam lắm, tự mang gánh nặng, rồi tự đổ lỗi cho ta hoặc người khác. Nếu tôi không có ý nghĩ điên rồ kia, tôi đâu mất bao phút khổ sở với tâm mình thế; nhưng nếu tôi khổ sở mà lấy được rồi, tôi còn khổ hay không; điều này thì tôi không chắc anh ạ, nhưng có một điều tôi chắc là, có lúc tôi cũng ân hận vì không lấy được bọc tiền kia, ấy là khi ngồi cà phê với gã thêm chút nữa. Tôi ân hận, sao mình không mạnh mẽ lên, càng ân hận, khi gã tỏ rõ là thằng ki bo, hà tiện, chỉ gọi đúng hai cốc cà phê, không gọi thêm dù lấy một mẫu bánh mì. Nhưng đầu tôi lúc đấy, không dùng để tức gã, mà tôi đang tức mình anh ạ, tôi tức sao tôi không hành động quyết liệt lên, nếu thế, tôi đã ung dung có một bọc tiền rồi; ung dung vì có tiền đã thú, ung dung hơn vì trả thù được thằng cha ki kệt này, và tưởng tượng hẳn mất tiền thì sẽ đau khổ ra sao, thú đau thương và khốn nạn của con người đôi khi chỉ để thấy ai đau thì sẽ sướng làm sao; đơn giản mình ghét họ, đơn giản mình không ưa gì họ, mà họ chẳng làm gì mình, thế mà cũng muốn họ đau khổ, thậm chí, muốn lấy tài sản của họ. Tôi không phải đợi lâu anh ạ. Lúc đó quán lại trở lại vắng vẻ. Gã bảo: “Ngồi đây đợi tôi”, rồi lật đật chạy xe đi.

Lúc lật đật chạy xe, làm sao chiếc túi của gã lại rơi ra. Ngõ chúng tôi ngồi lúc đó thật thừa thớt, gã chạy xe nhanh quá, không để ý chiếc túi rơi

lăn lóc giữa đường. Tôi để gã chạy một lúc mới lạng lẽ ra lượm về, rồi lạng lẽ rời vị trí cũ đến ngồi ở vị trí mới, cách đó chừng một trăm mét, nhưng cũng trên trục đường này. Tôi cố chọn điểm nào mà khi gã quay lại, không cần nhìn lâu cũng nhận ra tôi, và tôi cũng nhận ra gã.

Tôi cất tiền kỹ vào cốp xe, kiểm tra khóa cốp lần nữa, rất yên chí, rồi ung dung ngồi đợi.

Lúc này, đầu óc tôi thanh thản lạ, không còn nổ tung như lúc trước, bởi tôi nghĩ cuối cùng nó cũng thuộc về mình một cách chính đáng nhất. Có ai gọi thẳng nhặt được tiền là ăn cắp đâu, dù thẳng nhặt đấy có không thật thà, nhưng ai bắt nó phải thật thà; hơn nữa thẳng bị rơi lại là thẳng chia ra cút sắt, nó giàu đến nỗi, mười đời nữa, bạn mơ chưa bằng nó, cộng với sự keo kiệt của nó, thì đáng đời lắm. Tôi ung dung gọi thêm hai cốc cà phê, một bao ba số, cộng với cái bánh mì ộp la, cũng nên tự thưởng cho mình. Một lúc sau, thấy gã lật đật chạy lại: “Tôi để rơi tiền rồi anh ạ.”, mặt gã hốt hoảng lắm, “Sao sao?”, tôi cố tình làm bộ mặt thật nghiêm nghị và thẳng thốt. “Tôi đi vội để rơi tiền ở đâu không biết”.

“Chết, sao ông bất cẩn thế!”, “Thế mới đen, mà việc này nghiêm trọng lắm ông ạ!”.

Nghiêm trọng gì, lại chuyện đối tác, tôi cố tình làm ra vẻ ngơ ngác, tiếc rẻ, dáo dác nhìn quanh tìm kiếm cho gã đỡ nghi, rồi gã buồn bã: “Lên đường về thôi, tôi cần tranh thủ từng phút”.

Cái gì mà cần tranh thủ từng phút chứ. Tôi lên xe của tôi, gã lên xe của gã, cả đoạn đường không ai nói với ai câu nào, đến chỗ rẽ vào nhà, gã cũng không chào tôi một tiếng. Chao ôi, lúc đó tôi thương gã hay ghét và sung sướng, không biết nữa. Trong tôi cũng gợn lên sự ân hận dữ dội lắm, không đánh được người mặt đỏ như vang, đánh người rồi mặt vàng như nghệ, y như tôi lúc này, dù tôi tự an ủi rằng, tôi không phải thẳng ăn cắp mà chỉ là người nhặt được thôi, có gì mà phải day dứt cơ chứ!

Tôi đếm được tí rưỡi ông ạ, nhiều thế đấy. Tôi cất kín, không cho vợ con biết. Sao tôi lại vậy, tôi cũng không biết, nhưng lương tâm tôi mách bảo, tôi cần kiểm điểm lại bản thân mình ở hành vi không thật. Năm hôm sau không thấy gã đến ăn như mọi bận. Thằng cha này tiếc tiền phát ốm đây.

Lần theo đường vào nhà gã, con hẻm dẫn tôi vào ngôi nhà nhỏ nằm ở cuối, một căn nhà bình dị như bao căn nhà khác, một dây phơi chìa ra cái áo mận chín và cái áo chợ Bến Thành. Trong căn nhà ngoài cái giường, cái tủ, cái ti vi, không còn gì có giá trị.

“Ở một mình sao?”.

“Ừ!”.

“Không buồn sao?”.

“Không!”.

“Tìm vui ở đâu?”.

“Việc tốt”.

“Việc gì tốt?”.

“Giúp người nghèo”.

Tôi ớ người ra: “Thế sao tôi vẫn thấy ông buồn?”.

“Hồng rồi ông Hàn ạ”. Gã nói rồi khóc. “Tôi không cứu được nó; đã hứa với mẹ nó cứu nó mà không cứu nổi, tại tôi ông ạ, tại tôi cả. Tôi để mất tiền, bọc tiền đấy, tôi đã gom rất cẩn thận, thế mà mất, đúng ngày phải đưa tiền cho bác sĩ mổ để cứu lấy nó. Tôi đã hứa với mẹ nó, tôi hứa với nó... nhưng tôi đã không cứu được nó, bằng sự bất cẩn của mình”.

Gã nói xong rồi khóc tu tu, nước mắt gã chảy tràn lên thành chiếc ghế gã đang tì cằm: “Hôm đấy, hôm đấy đấy ông... Đời tôi, cứu rất nhiều người, sao cậu bé con nuôi tôi, tôi lại không cứu được!”.

“Hôm đó ông mang tiền để từ thiện mõ?”.

“Ừ”.

“Nhưng sao bảo ông giàu lắm, chẳng lẽ vô phương?”.

“Thiên hạ đồn đấy thôi!”.

Tai tôi ù đi, gió ngoài sông thổi như tát thẳng vào mặt tôi, rất bỏng. Giờ thì tôi thấy tôi mới là kẻ khốn nạn, khốn nạn nhất trên đời. Giờ thì tôi biết, gã không dám bỏ tiền ra ăn một bữa ngon, gã không dám cả mua cho mình một cái áo đẹp là vì sao. Sau này, thân hơn, gã bảo:

“Mỗi lần tiêu gì quá đà, lại nghĩ đến bao con người khổ khác ông ạ. Tôi khổ rồi, nên tôi hiểu, giúp được ai để họ đỡ khổ hơn là vui rồi. Đích sống của tôi đấy. Thực tình, mẹ tôi chết là do đói. Bà bị người nhà xua đuổi, xa lánh vì dám mang bầu với bố tôi, một người tù tội. Bố tôi sau đó vào tù lần nữa, ông chết trong tù khi tôi mới bảy tuổi. Mẹ đưa tôi từ Vĩnh Long về Cà Mau làm nghề nuôi tôm thuê. Người ta cho mẹ con tôi ở nhờ một căn chòi giữa đồng. Năm đó tôm chết nhiều, mẹ mất việc liên miên, làm một ngày nghỉ đến năm ngày. Thấy tình hình không ổn, mẹ gửi tôi cho một bà góa sống một mình trong xóm, nói là nhờ cụ trông giúp để mẹ đi làm ăn xa, khi về sẽ gửi tiền ăn ở của tôi cho cụ, nhưng thực tình, mẹ muốn tôi có cái ăn hàng ngày. Còn mẹ một mình lẫn hồi nuôi thân. Nhưng rồi mẹ bị ốm nặng, lại một mình giữa đồng, không có gì ăn, nên khi người ta biết đến, mẹ đã chết được một tuần. Mẹ chết xong, tôi được người bác đón về Vĩnh Long cho ăn học tiếp, đến năm mười lăm tuổi, học xong trung học cơ sở, tôi quyết định lên trên này tìm việc. Vì vậy tôi ám ảnh về sự đói khổ lắm ông ạ”.

Đó, đôi khi cứ nhìn đời phiến diện, sao không khỏi thất bại, bài học từ gã dạy tôi thấm thía quá. Cũng nhờ gã, tôi quyết tâm nâng quán cơm lên thành công ty, quyết tâm làm ra bằng năm bằng mười để giúp cho những người nghèo đỡ cho gã. Tôi thề, số tiền của gã, tôi không động đến một đồng, tôi lạng lẽ làm từ thiện bằng hết. Nhưng cái nợ đó, với tôi vẫn lớn quá, tôi trả bao giờ hết. Nên nhờ bài học đó, tôi giờ làm ra rất nhiều tiền, tôi làm từ thiện hết ông ạ, như trả nợ đời cho tôi, như trả nợ đời cho gã. Con người ta, nợ tiền bạc dễ trả, nợ bài học về nhân nghĩa khó trả lắm ông ơi, lòng tôi phần nào thanh thản, nhưng tâm tôi thì đau nhói từng khi, tôi nợ tôi mới là điều đau đớn nhất ông ạ. Đây chuyện của tôi, không lâm li, mà làm lòng người đau đến cuối đời”.

Hàn kể xong, lặng nhìn về phía biển, rồi lại lạng lẽ quay mặt vào trong. Ngoài kia, biển động hơn, từng cột sóng đổ trùn vào bờ, trùn lên đến ngang chừng những núi đá, tiếng sóng dội vào ghềnh nghe âm ầm. Dường như trước mẹ thiên nhiên con người mới dám bày tỏ thật nỗi lòng; thiên nhiên cũng bao dung lắm, độ lượng và nhân từ, mở rộng lòng cho con người được thứ tha.

“Anh công nhận không, lòng người quả thăm thẳm khôn cùng, huyền bí hơn vũ trụ, đi hết vũ trụ có khi còn đến được, đi hết lòng người, hỏi bao xa?”.

Hỏi xong câu đó, Hàn lặng đi rồi chìm vào giấc ngủ...

BẾN ĐỢI

Nhiều Tác Giả

www.dtv-ebook.com

Hương Ổi - Trần Thanh Cảnh

Hùng về nhà mới, trong khu đô thị Hoàng Long.

Hường, phó của Hùng đến chơi, lảng xảng ngắm nghía một lượt, rồi nói: “Công nhận là ngôi nhà của sếp quá đẹp, hoàn hảo từ kiến trúc cho đến phong thủy. Nhưng mà còn thiếu một thứ, ngày mai em mang đến thì anh sẽ thấy hoàn chỉnh ngay”.

Thật ra thì Hùng cũng không quan tâm và có hiểu biết gì lắm về nhà cửa. Mọi việc là do ở Hằng, vợ Hùng lo liệu cả. Hồi mới cưới nhau, được cơ quan phân cho gian nhà tập thể hơn mười mét vuông. Rồi lần lần xoay xở thế nào đấy, mua được mấy chục mét vuông đất trong ngõ, xây cái nhà hai tầng, tưởng như đã là đỉnh cao của sự thỏa mãn rồi. Thế mà mười năm sau, Hằng lại bảo mua đất, xây nhà ở khu đô thị mới đẹp nhất tỉnh. Hùng lo lắng hỏi vợ: “Tiền ở đâu ra mà mua em?”. “Tiền ở cái ghế trưởng phòng sở của anh ra đấy”. Hùng biết vợ đùa, nàng là con gái Kinh Bắc, nổi tiếng đảm đang, tháo vát, buôn bán giỏi. Cái ghế trưởng phòng sở của Hùng, chẳng qua chỉ để nàng giải quyết khâu oai là chính, còn bổng lộc thì có đáng là bao để mà mua đất, làm nhà.

Sáng hôm sau, vừa mở cửa, Hùng đã thấy một cái xe tải có gắn theo cần cẩu đỗ trước nhà. Hướng oang oang: “Nhân dịp anh chị về nhà mới, thằng em biếu một cây cảnh của quê mình để anh luôn nhớ đến quê hương: cây ổi. Anh ạ, em không biếu anh sanh, si hay lộc vừng để trong nhà là có ý. Cây mà không ra hoa kết trái rất vô vị. Trồng cây là mong đến ngày hái quả. Cái cây ổi này là giống ổi găng trên sườn núi Thiên Thai quê mình, em đặt mua và thuê thợ chăm sóc, uốn tỉa đã lâu, nay đem biếu anh”.

Hùng cho trồng cây ổi ấy ngay góc trước cửa nhà. Quả thật là một cái cây đẹp hiếm có. Thân to xù xì lồi lõm nhưng láng bóng một màu nâu pha vàng. Cành lá đã được uốn tĩa công phu, tạo thành một cái dáng cây cổ kính khá đẹp. Đang là mùa xuân, những búp lá trở ra xanh mơn mát mắt. Hùng ngắt một chiếc lá non rồi vò nhẹ, đưa lên mũi ngửi. Một mùi thơm dịu dàng tỏa ra. Hùng bỗng thấy cái mùi thơm ấy rất quen, như từ trong ký ức dội về.

*

* *

Hùng nhập ngũ tháng 9 năm 1982.

Lúc nhập ngũ, Hùng đã hơn hai mươi. Là vì ở nhà ôn thi đại học hai năm liền không đỗ. Huấn luyện xong, về đại đội hai mươi năm, trung đoàn năm một, trên mạn Tân Sơn. Mới ngoài hai mươi, nhưng khuôn mặt Hùng nhàu nhĩ, nom rất cũ. Chắc là do mấy năm ở nhà ngày đi cà, tối đọc sách, quyết tâm thi đỗ đại học để đổi đời. Thế rồi chả nên công quả gì. Suy nghĩ nhiều. Buồn. Già trước tuổi.

Đại đội của Hùng đóng quân độc lập ở một quả đồi nhỏ. Trên ấy có rất nhiều loài cây mọc lúp xúp. Nhiều nhất là ổi. Mọc thành cả một rừng. Rừng ổi. Giống ổi ở trên đồi ấy gần như giống ổi găng ở dưới quê, nhưng nó ít cùi hơn, và rất thơm. Mùa ổi chín, cả quả đồi trắng xóa những quả tròn to bằng quả bóng bàn, treo trên những cành cây chỉ cách mặt đồi tầm hai mét trở xuống. Đặc biệt, hương thơm của giống ổi đồi này thật nồng nàn. Nhiều đêm, khi ổi chín rộ, Hùng chỉ cần hít một hơi sâu, là như cả người đã tràn ngập mùi ổi chín đến tận chân tơ kẽ tóc. Thế nhưng, dù chín nẫu, vị của những quả ổi rừng ấy vẫn rất dở, chát xít. Có lẽ là do mọc ở trên đồi, thiếu nước, nên dù chín chát chát vẫn không chuyển được hết thành chất ngọt. Lúc đói quá, thì lính tráng cũng chỉ dám bẻ đôi quả ổi chín, gặm lấy cái phần ruột ngọt ở giữa rồi thôi. Hồi mới chuyển quân lên vùng này, nhìn thấy đồi ổi chín trắng, lính tráng đang đói khát, nhảy lên đồi chén căng rốn.

Vài hôm sau, bụng thẳng nào thẳng nấy căng như cái trống, đau quặn mà không sao xả ra được. Đau quá, nhiều thẳng khóc rống lên ở nhà xí. Rốt cuộc, phải lôi nhau cả đám sang bên bệnh xá trung đoàn, tháo thắt mới giải quyết được. Từ đấy, lính đại đội Hùng rất sợ ăn ổi, chỉ ngủi.

Ở quả đồi bên cạnh là một đội công nhân lâm nghiệp chuyên trồng rừng. Đội này chắc đã ở đây lâu năm nên trông cơ ngơi khá chính quy. Có hẳn một tòa nhà khá to xây gạch, lợp ngói làm văn phòng trên đỉnh đồi. Dồn xuống phía dưới là những dãy nhà gỗ, lợp cỏ tranh, nhưng khá chắc chắn, nơi ở của công nhân và gia đình. Dân địa phương nói, họ ở từ lúc xung quanh toàn rừng già. Chặt hết cây rồi, núi hóa đồi trọc thì họ lại được giao đi trồng rừng. Hùng cứ thấy luẩn quẩn sao đấy, không hiểu nổi. Phá rừng rồi lại đi trồng rừng. Sự đời, phá bao giờ cũng nhanh hơn xây. Thế cho nên chị em công nhân ở đội lâm nghiệp bao năm nay, ngày nào cũng cần mẫn vác cuốc vác thuổng vào rừng, nhưng mãi chả thấy cây mọc lại. Mà công việc lính tráng của bọn Hùng cũng vậy, luẩn quẩn sao đấy. Hàng ngày vác những thanh bê tông nặng hai mươi ki lô gam lên chốt, để xây dựng phòng tuyến. Mà Hùng đọc báo quân đội lại thấy viết, tên lửa siêu thanh, có thể bắn một phát trúng ngay tổ chấy, cách mấy trăm mấy nghìn cây số. Thế thì xây dựng chốt để làm gì. Nhưng mà nhiệm vụ thì cứ phải làm thôi. Nước sông công lính mà lại. Ai tính toán gì.

Giữa đơn vị bộ đội và đội công nhân lâm nghiệp cách nhau một cái đập nước ngăn, nối giữa hai quả đồi. Cái đập này chặn một nhánh nhỏ tách ra của dòng suối khá lớn chảy phía sau, tạo thành một cái hồ để lấy nước sinh hoạt. Còn tắm giặt, thì cả công nhân và bộ đội đều ra con suối sau đồi. Một con suối khá rộng, nếu vào mùa lũ, gặp hôm mưa to, nước tràn lên hai bên, biến thành một con sông hung dữ. Chảy cuồn cuộn, sủi bọt, đục ngầu. Lúc ấy, đến cả voi xuống cũng bị cuốn phăng chứ đừng nói là người. Nhưng phần lớn thời gian, con suối không tên ấy là một thẳng cảnh đẹp mê hồn mà Hùng chưa từng gặp ở đâu. Một đoạn lòng suối rộng cỡ như sân bóng đá trung đoàn, dài khoảng gần cây số lổm ngổm, la liệt những tảng đá

gan gà khổng lồ, đủ mọi hình thù. Có tảng bị nước chảy lâu năm, bào mòn phẳng lì như cái phản. Rất nhiều hòn to như cái bồ thóc dưới xuôi nhưng mà lại tròn lông lốc. Nước chảy len dưới những tảng đá ấy thành rất nhiều dòng quần quýt. Dưới dòng nước là vô số những sỏi cuội đủ màu, tròn xoe, sáng bóng. Thỉnh thoảng, lại có một vụng nước sâu như một cái ao làng, chắc là do con nước lũ thúc mạnh vào lòng suối tạo nên. Trên bờ, rồi lan ra cả những gò đất đá cao trong lòng suối, những cây doi đại mọc xen với những đám trúc đào hoa đỏ hoa vàng rực rỡ. Vô tình tạo nên những góc khuất, như là những bức bình phong thiên nhiên, để chị em công nhân lâm trường, sau một ngày lội rừng, tha hồ tắm táp thư giãn. Bên lâm trường có rất nhiều nữ. Hơn năm mươi người có đúng ba mống đàn ông là tay đội trưởng, tay thủ kho và một tay công nhân bị tai nạn cụt chân, làm bảo vệ.

Đội lâm nghiệp có đến hơn năm mươi phụ nữ, nhưng đều không có chồng. Có lẽ là do họ bị đặt ở một khu vực hết sức hoang vắng thời ấy. Muốn về xuôi, chỉ có mỗi cách đi bộ ba mươi cây số đường rừng ra ga Đồng Mô. Xung quanh cũng có dân ở lúa thừa, nhưng toàn người dân tộc. Tiếng nói, phong tục tập quán khác hẳn, nên cũng khó mà bén duyên. Thực ra, mới đầu cũng có khá đông nam công nhân trong đội. Nhưng rồi, lớp thì đi bộ đội, lớp thì chặt hết cây rồi chuyển đi nơi khác. Thế nên cuối cùng chỉ còn lại chị em nữ và vài tay đàn ông là cán bộ khung. Khi đại đội của Hùng đổ quân, lập doanh trại ở đồi bên này, chị em bên lâm trường chứa chan hy vọng. Quả thật là chỉ vài ngày sau, hai bên đã thấm thiết như cá với nước. Chiều đến, hết giờ tập luyện hay lao động, từng tốp bộ đội la cà sang đội lâm trường mua rượu mua thuốc. Bên ấy, nhiều chị em tranh thủ cất hàng ngoài chợ về bán thêm. Mỗi năm hai kỳ, vào dịp được phát quân trang thì lính tráng lại sang đổi lấy gà chó để cải thiện. Một bộ quần áo dài, một con chó. Một cái chăn dạ, một con chó. Một đôi giày vải, một con gà... Cứ thế, lính ở đại đội Hùng có gì quy ra chó, ra gà, ra rượu hết. Nhưng mấy thằng lính trơn như Hùng thì cũng chả có gì nhiều mà đổi chác. Nhiều buổi tối cả bọn chỉ kéo nhau sang la cà các phòng tán gẫu, nhận đồng hương đồng khói vu vơ. Một lần đi chơi như thế, Hùng vào nhà mẹ con Lan chơi.

Năm ấy, Lan mới chỉ khoảng hăm hai hăm ba tuổi, tầm tuổi Hùng. Nhưng nàng đã có hai con trai. Nhìn hai đứa con, một đứa hai tuổi, một đứa bốn tuổi lăn lóc ôm nhau ngủ trên cái giường một, Hùng hỏi: “Bố chúng nó đi đâu?”. “Bố cháu đi bộ đội anh ạ”. Vừa nói, Lan vừa liếc mắt nhìn Hùng như có chút gì tinh nghịch. Lúc đó, Hùng cũng không nhận ra. mấy hôm sau, lúc ngồi uống nước chè với tay đội trưởng, Hùng mới biết là Lan không có chồng. Đứa con đầu tiên, là con của anh công nhân đồn gỗ cùng quê. Chưa ba tháng, chưa kịp về báo cáo hai nhà dưới xuôi thì anh ấy bị gỗ dè chết trên rừng. Lan phải nuôi con một mình. Nhưng chả hiểu ra làm sao mà mấy năm sau lại tòi ra đứa nữa. Ở đội lâm trường, có cả hàng mấy chục cô quá lứa nhỡ thì, tự kiếm đứa con để nuôi, lấy chỗ dựa dẫm lúc tuổi già. Nên việc Lan có thêm đứa con, mọi người chỉ bảo đẻ thêm làm gì cho khổ, một mình nuôi một đứa vẫn chưa đủ khốn nạn hay sao. Nhưng Lan bảo đã mang tiếng thì đẻ luôn hai đứa, sau này chúng nó có anh có em. Nhưng mà nuôi đôi trẻ ở cái thời ấy vất vả lắm. Chỉ chòng chọc mỗi đồng lương công nhân lâm nghiệp của mẹ và cái số gạo hai mươi mốt cân. Lan phải làm thêm đủ cách. Từ tranh thủ vào rừng bòn mót lâm sản. Nấu rượu sắn bằng men lá của người dân tộc. Rồi buôn bán đổi chác linh tinh. Lan tìm mọi cách để con có cơm ăn. Hàng xóm nói, nhiều hôm nghe mẹ con nhà nó cạo nôi sồn sột mà xót hết ruột. Thân với Lan, Hùng cũng chẳng có gì nhiều để mà đỡ đần ba mẹ con. Phụ cấp hạ sĩ có đáng gì đâu. Lan biết thế. Nhiều đêm, nằm trên mấy tấm gỗ kê làm giường, Lan rướn tấm thân gầy guộc thaothức mãi

Đêm nào đến giờ ngủ, đại đội trưởng cũng đi một vòng khắp đơn vị, ra lệnh: “Trật tự, tắt cả lên giường”. Rồi thành thói quen, thế là lính tráng buông màn, tắt đèn rồi leo lên sạp nằm. Mười phút sau, tất cả đã yên lặng. Mấy chú lính trẻ đã bắt đầu ngáy. Hùng và mấy tay có chỗ đi lại bên đội lâm trường nhẹ nhàng hé vách liếp chui ra, chạy vào đêm... Hùng vẫn cùng đám bạn vào nhà Lan mỗi tối. Cũng không hiểu sao mọi người lại thích đến nhà Lan. Hùng là trai chưa vợ. Còn Lan, một nách hai con, gầy tong teo... Hùng có cảm giác mỗi lần Lan vận động thân thể, tiếng xương trong người

kêu lạo xạo, răng rắc, như muốn gãy. Có lẽ, tại vì thế mà anh lính nào cũng... ngán. Mà quả thật, Hùng thấy xót xa cho Lan. Hoàn cảnh Lan như vậy! Làm sao chả gãy, mấy hôm cuối tháng, hết gạo, họ ngồi ăn cháo bí đỏ và khoai luộc... Một buổi trưa, nhân lúc đi huấn luyện về, rẽ qua chỗ thằng bạn đồng hương làm quản lý tiểu đoàn hai, thấy gói bột canh, Hùng xin được mang sang cho ba mẹ con Lan. Những ngày rảnh rỗi Hùng thường hay sang nhà Lan chơi, đỡ dần mẹ con cô ấy những việc nặng nhọc...

*

* *

Hùng rất ít về quê.

Khi xưa, sau gần bốn năm làm nghĩa vụ quân sự, Hùng ra quân và quyết ôn thi đại học lần nữa. Cộng cả điểm ưu tiên bộ đội xuất ngũ, Hùng đỗ vào trường Kinh tế. Đối với người nào đó, thì quê hương, làng xóm là những ký ức thân thương tươi đẹp. Nhưng với Hùng, nói đến làng Ngọc, chỉ gợi lên những ký ức buồn mà Hùng muốn quên đi. Những đói khát triền miên. Những buổi trưa hè nắng như cháy người, vẫn phải lang thang ngoài cánh đồng kiếm con cua con cá. Những đêm mưa, nhà dột, không còn có cả một chỗ khô mà ngồi học bài. Những ký ức ấy, Hùng chỉ muốn nó vĩnh viễn lãng quên. Thật sự, Hùng đã quá chán cảnh nghèo rồi. Đến khi ra trường, lập nghiệp trên thị xã, Hùng ít về quê. Rồi bố mẹ mất cả, Hùng lại càng ít về quê hơn. Hùng vẫn nói với bọn bạn rượu trên ấy là tôi chưa thấy cái làng nào xứ Kinh Bắc mà lại nhiều thủ tục nhiều khô như làng tôi. Chỉ tính riêng cái vụ cỗ bàn cưới xin, đã thấy ngán. Cỗ cưới làng Ngọc, có tiếng là sang nhất vùng. Cứ phải đủ lệ bộ bốn bát sáu đĩa. Thức tráng miệng phải là chè hạt sen, ăn với xôi vò hoa cau. Một mâm cỗ như thế, đóng bốn cụ ngồi uống rượu, bất kể cụ già hay cụ trẻ. Nhưng thường thì gia chủ sẽ phải tính ý mà bố trí cho khách đến ăn cỗ ngồi với nhau sao cho bằng vai phải lứa. Đã có vụ cụ chánh Lác, hất tung cả mâm cỗ nhà Thi, quát: “Nhà này láo. Tao mà lại ngồi ngang hàng với mấy thằng trẻ ranh à?” Còn rượu thì vô

tử, gia chủ luôn cử người túc trực tại rạp, cứ mâm nào cạn chai, lại thay ngay chai mới. Một trong những niềm tự hào của dân làng Ngọc là có nhiều người đến ăn cỗ. Trong những bàn trà, họ hay xuýt xoa thán phục, nhà ấy cỗ to, phải đến mấy trăm mâm. Thế cho nên, nhiều nhà cưới cho con xong thì sạt nghiệp. Không bao giờ ngóc đầu lên được nữa. Nhưng người làng, vẫn cứ đua nhau làm cỗ to, mời nhiều khách, giờ vẫn thế. Thật sự, thì Hùng rất chán cái cảnh cỗ bàn, cưới xin ở làng mình.

Nhưng kể từ hôm về nhà mới, buổi sáng, ra khoảng sân nhỏ trước nhà vượn vòi tưới cây ổi mới trồng, Hùng hay nghĩ về cái rừng ổi nơi đóng quân khi xưa. Kể từ khi ra quân, Hùng đã tự thề với lòng mình là sẽ đào sâu, chôn chặt cái quãng đời khốn khổ ấy. Thế mà thằng Hưởng, không hiểu sao lại đem biểu cây ổi núi ở quê. Nhưng mà Hằng, vợ Hùng lại rất thích, nàng lú lo phụ họa với Hưởng, cây là phải đơm hoa kết trái, quả hái phải đem mật ngọt cho đời, còn không, chỉ là thứ vô dụng.

Quê Hùng gần ngay chân núi Thiên Thai, cũng là quê Hưởng, phó của Hùng. Ở vùng chân núi Thiên Thai, có ba loại quả rất thơm và ngọt: mít, thị và ổi. Ngày bé, vào phiên chợ Núi, đúng mùa, thế nào mẹ Hùng khi tan chợ về, cũng mua cho anh em Hùng, khi thì miếng mít ngọt lừ, khi thì mấy quả thị vàng rộm, thơm nức. Nhưng Hùng thích nhất là những quả ổi găng, chín trắng, mềm sụn, thơm ngọt như thắm từng kẽ răng lúc cắn.

*

* *

Đêm hôm xưa, lúc khoảng hai giờ sáng.

Hùng mò từ bên lâm trường về doanh trại, nhẹ nhàng lên nhà đại đội, dõ liếp cửa chui vào phòng trực ban phía đầu hồi bên kia. Ở đấy, có một bao gạo ba mươi cân, tiêu chuẩn ăn sáng của cả đại đội. Đơn vị Hùng không bố trí nấu bếp chuyên nghiệp, mà quay vòng ba chiến sĩ một tuần.

Tối nào đến lượt trực ban nấu ăn thì lên ngủ tại nhà đại đội. Nhận lương thực, thực phẩm từ kho của quản lý rồi nấu ăn. Hôm ấy là kíp trực của Luân, một chiến sĩ trẻ nổi tiếng ngoan nhất đại đội. Tối, nhận gạo ăn sáng xong, hai thằng bạn thì thầm bảo Luân ngủ trông một mình rồi lén vào lâm trường. Sau đấy lại thành ra chứng cứ để chúng cãi bay trách nhiệm. Hùng vác bao gạo ba mươi cân, không đi lối đập nước, mà vòng sau đồi đến nhà mẹ con Lan. Trút gạo vào thùng xong, Hùng gói chặt cái bao tải gai vào hòn đá to rồi ra ném xuống chỗ hõm sâu của con suối. Tắm qua cho sạch sẽ rồi quay về đơn vị. Sáng sớm hôm sau, lúc đi huấn luyện Hùng gặp Lan ở dọc đường, Lan hỏi về nguồn gốc của chỗ gạo đấy, Hùng chỉ bảo: “Chỗ gạo ấy, anh xin được của thằng bạn làm quản lý ở tiểu đoàn hai. Em nấu cho bọn trẻ ăn. Đừng nói gì với ai nhé”.

Chuyện mất gạo ồn ào cả lên, bên lâm trường cũng biết. Luân bị đại đội bắt làm kiểm điểm, phải nhận trách nhiệm đền bù, nếu không sẽ giải lên cảnh vệ trung đoàn xử lý. Lúc ấy gạo là một thứ tài sản quan trọng. Nhưng cũng chả tìm được chứng cứ rõ ràng, và từ xưa đến nay, Luân vẫn có tiếng là thằng ngoan nhất đơn vị. Thế nên, lính cả đại đội dự họp kiểm điểm Luân tối ấy, đều biểu quyết yêu cầu không báo cáo trung đoàn, mà cả đại đội sẽ góp tiền vào trả với Luân. Mấy hôm sau Hùng đến, Lan cũng chả nói gì, cô chỉ lặng lẽ băm những nắm rau rừng, quấy cám cho lợn ở dưới bếp, một dòng nước ấm nóng từ mắt nàng âm thầm chảy xuống. Về sau, tuyệt nhiên Lan không bao giờ nhắc đến chuyện ấy, dù nàng thừa biết chỗ gạo ấy từ đâu ra. Nàng còn phải nuôi hai

đứa con.

Thật sự thì Hùng cũng chẳng nhớ chuyện ấy về sau diễn biến như thế nào nữa. Có lẽ là cái hôm đầu tháng, có phụ cấp, Hùng và Luân rủ nhau vào nhà Lan mua rượu uống với lạc rang. Ở đơn vị, Hùng và Luân khá thân, vì lẽ Hùng là lính già, sắp ra quân. Còn Luân, là lính mới trẻ măng vừa về đơn vị. Đại đội trưởng bảo, cho Luân về tiểu đội Hùng, giao cho

lính cũ kèm cặp lính mới. Hôm ấy, rượu quá đà, Hùng say, lăn luôn ra nhà Lan ngủ, còn Luân cố lần về doanh trại. Đêm, lúc tỉnh rượu, Hùng thấy mình đang cởi trần tròng trực, nằm trên giường, còn Lan đang ngồi phía dưới lấy khăn ẩm lau khắp thân thể... Giật mình... Không biết đã có chuyện gì xảy ra chưa? Hùng cảm thấy ngại... Mình quan hệ bất chính với phụ nữ, vi phạm Mười hai điều kỷ luật khi tiếp xúc với nhân dân, đơn vị sẽ cảnh cáo. Với lại mình là một gã trai chưa vợ. Còn Lan... Nhờ may bọn bạn biết thì mang tiếng. Nhưng mà, đã làm gì đâu khiến phải lo, trong lúc say Hùng ngủ như chết thì làm sao đủ tỉnh táo... Và từ hôm đấy trở đi, Hùng ngượng nên ít ra nhà Lan chơi. Bởi cả hai đều hiểu rằng giữa họ có một khoảng cách thật khó nói.

Đến lúc Hùng nhận quyết định ra quân, Lan cũng chả nói gì... Nàng đón nhận cái tin ấy như là một điều tất nhiên. Số gạo thanh toán chế độ dờ tháng, Hùng để lại góp trả đại đội với Luân. Tiền phụ cấp ra quân, rồi quần áo, tư trang, Hùng để lại hết chỗ Lan, bảo: “Cái gì em dùng được thì dùng để đi rừng. Cái gì không dùng thì đổi cho đồng bào dân tộc lấy gạo cho trẻ con. Anh về xuôi rồi sẽ có dịp quay trở lại”. Hùng chỉ giữ lại số tiền đủ để mua vé tàu xuôi và một cái ba lô, đựng giấy tờ. Đêm hôm ấy, Hùng đến nhà Lan. Đây là lần đầu tiên... Hùng không còn sợ tiếng còi tiếng keng báo động bên đơn vị có thể vang lên bất cứ lúc nào. Nhưng đêm ấy, họ cũng không làm tình. Chỉ nằm ôm nhau trong yên lặng. Thân thể gầy guộc của Lan cứ rung lên không dứt trong vòng tay của Hùng. Nước mắt nàng chảy cả đêm, ướt đầm vai áo lính. Lúc ngồi trên tàu về xuôi, Hùng cứ úp mặt vào bên tay áo mà cả đêm qua Lan gối, hít hà, rồi có lúc bật khóc khe khẽ. Sáng hôm sau, Hùng đi bộ ra ga sớm...

Về đến nhà, Hùng lao ngay vào ôn thi đại học. Hùng quyết quên hết để tập trung học hành. Bài học thi trượt ba lần và gần bốn năm quân ngũ gian lao, Hùng đã quá thấm. Thế rồi đỗ. Rồi đi học. Ra trường đi làm, lấy vợ, sinh con. Vợ Hùng là một cô gái xinh đẹp người thị xã, rất yêu và chiều

Hùng. Câu chuyện tình thuở lính tráng tự nhiên lùi vào dĩ vãng xa xăm. Hùng hầu như không còn nhớ gì nữa.

*

* *

Cây ổi mà tay phó của Hùng tặng, đang phải ở trên sườn núi đá ong khô cằn, nên từ ngày trồng dưới này, hình như hợp đất, rất xanh tốt. Đã lâu, Hùng cũng chẳng tưới tắm gì nữa, cây to, khi đã bén rễ thì tự nó sẽ lên thôi, mỗi năm chỉ cần bổ sung chất dinh dưỡng NPK một hai lần là đủ. Cây ổi đã ra tán rợp bóng trước hiên nhà.

Một buổi sớm ngày nghỉ, Hùng dậy mở cửa, định đi bộ vài vòng quanh khu đô thị mới cho sáng khoái. Ra đến sân, bỗng một mùi thơm sức nước, ngọt ngào của ổi chín tràn ngập không gian quanh nhà. Trên cây, những quả ổi chín như phủ tràn trề hết tán cây một màu trắng ngà mờ màng. Không khí buổi sớm thật trong lành, Hùng hít một hơi thật sâu vào phổi. Cái mùi ổi chín dịu ngọt từ từ thấm sâu vào tận tim óc. Chợt Hùng như lại nhìn thấy đôi mắt to, tròn, đen, và buồn thăm thẳm kinh niên của Lan. Rồi khuôn mặt bầu bĩnh gục xuống đầy cam chịu của Luân, thằng bạn đồng ngũ năm xưa ở buổi họp kiểm điểm hiện ra. Cứ như là đang ở một buổi sáng Tân Sơn năm nào, khi Hùng chạy qua rừng ổi, từ bên nhà Lan về đơn vị.

2-2014

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 04.37161518 - 04.37163409 * Fax: 04.38294781

Website: www.nxbvanhoc.com - www.nxbvanhoc.vn

Email: tonghopvanhoc@vnn.vn

* Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3 - Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.38469858 * Fax: 08.38483481

* Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng

344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0511.3888333

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. NGUYỄN ANH VŨ

Biên tập: HOÀNG THỊ DIỆP YẾN

Bìa: KIM DUẤN

Trình bày: VĨNH GIANG

Sửa bản in: DIỆP YẾN

BẾN ĐỢI - Nhiều tác giả

In 1.000 cuốn khổ 13,5x20,5cm

Tại Xưởng in Nhà xuất bản Nông nghiệp

Số 6 ngõ 167, Phương Mai, Hà Nội

Số ĐKXB: 84-2017/CXBIPH/02-04/VH cấp ngày 12-01-2017

Số QĐXB: 513/QĐ-VH ngày 28-03-2017

Mã ISBN: 978-604-69-9991-1

In xong và nộp lưu chiểu năm 2017

Table of Contents

Mục lục

Xanh Xanh Miền Nhớ - Võ Thu Hương

Ông Ba Rạch Đùng - Dương Đức Khánh

Thần Mặt Trời Của Rừng - Chu Việt Nga

Chuyện Nhỏ Trong Chiến Tranh - Trần Thanh Hà

Mùa Cá - Trần Thanh Hà

Người Đàn Ông Của Tôi - Lê Thị Bích Hồng

Những Buổi Chiều Tháng Bảy - Vũ Minh Nguyệt

Mảnh Vườn Xưa Yêu Dấu - Vũ Minh Nguyệt

Thuyền Nan - Trầm Hương

Hoa Mít Vườn Xưa - Trầm Hương

Người Ở Móm Sông - Trầm Hương

Tháng Ba Hoa Xoan Nở - Châu La Việt

Bên Dòng Sông Hiếu - Đặng Nguyên Sơn

Mẹ Chồng Tôi - Đặng Nguyên Sơn

Nhà Phải Có Đàn Ông - Lê Ngọc Minh

Mùa Mắc Mật - Bùi Thị Như Lan

Dòng Sông Tuổi Thơ - Trần Đức Tĩnh

Điểm Tựa Đau Thương - Bảo Thương

Hương Ổi - Trần Thanh Cảnh